

TỔ HỮU

NGỌN CỜ ĐẦU VẼ VANG
THƠ CA CÁCH MẠNG

PGS. TS. Đoàn Trọng Huy

 NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tổ Hữu – Ngọn cờ đầu về vang thơ ca cách mạng

PGS. TS. Đoàn Trọng Huy

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

ĐINH THỊ THANH THỦY

Biên tập: Lê Thị Hồng Lam

Trình bày: Hoàng Văn

Bìa Khôi Nguyễn

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM

ĐT: (028) 38225340 - 38296764 - 38247225 - Fax: 84.28.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Sách online: www.nxbhcm.com.vn / Ebook: www.sachweb.vn

XNĐKXB số: 4797-2020/CXBIPH/08-323/THTPHCM

QĐXB số: 43/QĐ-THTPHCM-EBOOK2020 ngày 20/11/2020

ISBN: 978-604-312-155-1. Lưu chiều năm 2020

ISBN: 978-604-312-155-1



PGS. TS. Đoàn Trọng Huy

TỔ HỮU

**NGỌN CỜ ĐẦU VỀ VANG
THƠ CA CÁCH MẠNG**

(Tuyển tập bài viết)



**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN
ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Đoàn Trọng Huy

Tổ Hữu - Ngon chữ đằm về vang thơ ca cách mạng / Đoàn Trọng Huy.
- T.P. Hồ Chí Minh - Nxb. Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2020

432tr. : tranh ảnh ; 24cm

ISBN 978-604-58-4566-0

1. Tổ Hữu, 1920-2002. 2. Nhà thơ Việt Nam -- Thế kỷ 20. 3. Văn học Việt Nam -- Thế kỷ 20. I. Ts.

1. Tổ Hữu, 1920-2002. 2. Poet, Vietnamese -- 20th century. 3. Vietnamese literature -- 20th century

895.922134 -- đdc 23

D631-H99



Đồng chí TỔ HỮU
(1920 - 2002)

Lời đầu sách

Từ năm học 1960, tôi được phân công giảng dạy phần Văn học Việt Nam hiện đại của Giáo trình Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Cũng từ đó, tôi nghiên cứu hoạt động sáng tác văn chương và rộng ra là văn hóa nghệ thuật của các tác gia. Đồng thời liên hệ, tiếp xúc tìm hiểu trực tiếp với các nhà văn, nhà thơ, kịch tác gia. Ưu tiên trước hết là các nhà văn, nhà thơ có tên tuổi được đề cập trong giáo trình như chương mục quan trọng.

Một trong số những lựa chọn liên hệ đầu tiên của tôi là Tố Hữu. Vì ông là nhà lãnh đạo văn nghệ cao cấp lại là một chính khách lớn nên việc liên hệ cũng có những trở ngại về thủ tục. Hơn nữa, nhà thơ thường rất bận nên để tổ chức được một cuộc gặp gỡ là rất công phu. Dù vậy tôi đã cố gắng vượt qua những khó khăn để thực hiện điều mong muốn chính đáng.

Vậy là, trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu lâu năm ở bậc Đại học, tôi đã tổ chức được một số buổi mời nhà thơ nói chuyện trao đổi với các sinh viên, giảng viên của Khoa và một số nhà nghiên cứu ở các trường đại học. Đặc biệt là một số lần được gặp gỡ thân tình ở nhà riêng của nhà thơ. Mỗi liên hệ giữa tôi với nhà thơ được duy trì lâu dài với tình cảm ngày càng thân thiết ngay cả khi nhà thơ đã “*Tạm biệt*” ra đi, tôi vẫn giữ được mối quan hệ chặt chẽ với gia đình nhà thơ và đã được giúp đỡ rất nhiều trong việc tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu về sự nghiệp văn thơ, kể cả tham gia một số sự kiện và ra sách về Tố Hữu.

Năm 2012, nhân dịp kỷ niệm 10 năm ngày mất nhà thơ Tố Hữu, tôi đã cho ra mắt độc giả cuốn *Tố Hữu - Nhà cách mạng, nhà thơ* do nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật ấn hành. Với độ dày gần 300 trang, cuốn sách tập trung miêu tả biên niên sự kiện và các tác phẩm của nhà thơ, giúp ích trực tiếp cho các công trình nghiên cứu về Tố Hữu.

Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh Tố Hữu (1920 - 2020), tôi cho ra mắt độc giả một công trình sách mới với nhiều công phu và tâm huyết mang nhan đề *Tố Hữu - Ngọn cờ đầu về vang thơ ca cách mạng*. Tác giả tuyển lựa trong số gần 50 bài viết hầu hết đã công bố trên các phương tiện truyền thông từ nhiều năm trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu ở bậc Đại học.

Sách nhằm tổng kết sự nghiệp văn học, văn hóa nghệ thuật, đồng thời với tư cách, vị thế và những đóng góp của tác giả trong sự nghiệp chung.

Cuốn sách bạn đang cầm trong tay là cuốn mang tựa đề tổng hợp giới thiệu tổng quan về Tố Hữu với kết cấu *Phần 1: Tố Hữu - Con đường thơ, Phần 2: Tố Hữu - Thế giới nghệ thuật thơ, Phần 3: Tố Hữu - Người thơ*.

Hy vọng sách sẽ góp phần tôn vinh xứng đáng sự nghiệp một nhà thơ, nhà cách mạng lớn có vị thế rất cao và sức mạnh vẫy gọi như lá cờ đầu về vang của thơ ca hiện đại Việt Nam trong thời đại mới.

Rất mong nhận được sự góp ý của đồng đạo bạn đọc xa gần, nhất là các học sinh, sinh viên, giới sáng tác, nghiên cứu từng đọc thơ, yêu thơ và mến mộ nhà thơ Tố Hữu.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3/2020

Tác giả

Phần 1
TỐ HỮU
CON ĐƯỜNG THƠ

TỔ HỮU - NGỌN CỜ ĐẦU Vẘ VANG CỦA THƠ CA CÁCH MẠNG^(*)

Tổ Hữu (1920 - 2002) là người đồng thời mang hai tư cách nên có một sự nghiệp kép. Ông vừa là một nhà cách mạng lão luyện tham gia công cuộc dựng nước, giữ nước với trọng trách ở hàng cao nhất; lại vừa là một nhà khai sáng, hướng đạo và kiến thiết nền thơ ca, văn nghệ mới cách mạng.

Là nhà thơ có vai trò rất quan trọng trong lịch sử văn học, ông chính là người mở đầu và dẫn đầu rất tiêu biểu của thơ ca cách mạng hiện đại. Trong suốt 65 năm sáng tác thơ ca, Tổ Hữu đã để lại một gia tài văn học lớn lao, quý giá.

Nhà thơ thực sự đã giành được sự mến mộ, say mê hết sức rộng rãi và bền chắc trong lòng nhiều thế hệ bạn đọc, và tìm được sự đồng tình, đồng ý, đồng điệu tuyệt vời của hồn người.

Trên thi đàn, Tổ Hữu chính là ngọn cờ đầu lộng lẫy, vể vang của thơ ca dân tộc một thời cho mãi mãi.

I. NHÀ TUYÊN NGÔN DÔNG DẠC VỀ LÝ TƯỞNG VÀ LỄ SỐNG

Ngay từ khi mới cầm bút, Tổ Hữu đã là một nhà thơ - chiến sĩ, một nhà thơ kiểu mới đương thời.

^(*) In trong: Cục Tuyên huấn - Tạp chí Văn nghệ Quân đội, Phòng, chống "diễn biến hòa bình" trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, Nxb. Chính trị quốc gia, 12/2015.

Trên báo *Mới*, số 1 (ngày 1/5/1939), K & T đã khẳng định: “*Thơ Tố Hữu là cả một nguồn sinh lực đem phụng sự cho lý tưởng*”. Đó là lý tưởng của tương lai cách mạng: “*Với Tố Hữu, chúng ta đã có một nhà thơ cách mạng có tài*”.

Từ ấy là tiếng hát tâm hồn của một thanh niên cộng sản. Ba phần *Máu lửa*, *Xiềng xích*, *Giải phóng* là thơ của ba giai đoạn trong một thời kỳ lịch sử với nhiệm vụ lịch sử cấp thiết: phải làm cách mạng với mục tiêu xác định cách mạng phải thành công.

Lúc này, *lý tưởng giải phóng* là lý tưởng cách mạng cụ thể lịch sử. *Đây lên thanh niên* có đề từ *Lời Tố quốc*:

Vang lừng mặt trận rung trăm trống
Cách mạng quân ta cướp chính quyền.

Bài *Quyết hy sinh* ghi: Kính tặng các đồng chí hy sinh trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ 1940: “*Quyết hy sinh phá tan hết gông xiềng/ Cho Tổ quốc muôn muôn năm độc lập!*”.

Tuy nhiên, niềm tin hy vọng còn cao cả vô hạn:

Xây thế giới cao quá trời xanh thẳm.

(*Hy vọng*)

Lẽ sống cách mạng được gửi trọn trong lời hối thúc: “*Đi bạn ơi, đi! Sống đủ đây/ Sống trào sinh lực bốc men say/ Sống tung sáng gió thanh cao môi/ Sống mạnh, dù trong một phút giây*” (*Đi*).

Sau cách mạng, với xã hội mới là *lý tưởng xây dựng* - *lý tưởng tập thể*: “*Những người lao động quang vinh/ Chúng ta là chủ của mình từ đây*”.

Tuy nhiên, đạo đức mới đòi hỏi những ứng xử vừa phù hợp với đạo đức cách mạng, vừa thuận theo đạo lý dân tộc. Đó là nghĩa tình với Đảng, với Bác và với những thế hệ tiền bối: “*Những hồn Trần Phú vô danh/ Sóng xanh biển cả, cây xanh núi ngàn*” (*Ba mươi năm đời ta có Đảng*).

Câu thơ như tuyên ngôn tuyệt vời và mang lý tưởng nhân văn cách mạng:

Có gì đẹp trên đời hơn thế
Người yêu người, sống để yêu nhau.

(*Bài ca mùa xuân 1961*)

Cuộc đối đầu lịch sử với các siêu cường đế quốc đã diễn ra quyết liệt trong ba mươi năm, ngay từ sau ngày cách mạng thành công (1945 - 1975). Nam Bộ nổ súng chống thực dân Pháp tái xâm lược từ ngày 23/9/1945 cho đến Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử kết thúc bằng Đại thắng mùa Xuân ngày 30/4/1975.

Giết giặc (13/10/1945) đến *Toàn thắng về ta* (1/5/1975) là biên niên sử bằng thơ trong thời đại, nêu cao *lý tưởng dựng nước và giữ nước*.

Thơ Tố Hữu là sự diễn dịch một cách tuyệt vời bằng lý trí và tình cảm về học thuyết Hồ Chí Minh như chân lý lịch sử:

... Thời đại lớn cho ta đôi cánh
Không có gì hơn Độc lập, Tự do!
Bốn mươi thế kỷ cùng ra trận
Có Đảng ta đây, có Bác Hồ
... Lẽ sống, niềm tin, mong ước lớn
Và tình thương, ơn nghĩa bao la.

(*Theo chân Bác*)

Đó là lý tưởng, là lẽ sống thời đại theo tư tưởng và tấm gương đạo đức tuyệt vời Hồ Chí Minh.

Sau chiến tranh: “*Người chiến thắng là người xây dựng mới*”. Mặc cho: “*Đào điền thiên hạ đổi màu tên/ “Bất biến” là ta vững chí bền*”.

Thời đổi mới, hội nhập là thời của *lý tưởng dựng xây sáng tạo* trong một cuộc trường chinh mới:

Mở rộng con đường huyền thoại Hồ Chí Minh

Cho Tổ quốc mai sau lên tuyến đầu nhân loại.

Đó là thông điệp cuối cùng qua *Cảm nghĩ đầu xuân 2002* của nhà thơ lớn Tố Hữu.

II. NGƯỜI LÍNH XƯƠNG BẮN HÙNG CA HÀO SÁNG - CHIẾN ĐẤU VÀ CHIẾN THẮNG

Nhân dân ta đã phải đóng chốt ở một “ngã ba máu” của thời cuộc, là giao điểm đung độ lịch sử của các thế lực đối kháng quyết liệt, của hai phe trên thế giới đối địch sinh tử.

Cuộc kháng chiến thần thánh 30 năm (1945 - 1975) để giành độc lập tự do, thống nhất đất nước, toàn vẹn lãnh thổ là cuộc chiến đấu, hy sinh gian khổ tột độ, cuối cùng đã đem lại thắng lợi vô cùng vẻ vang cho dân tộc.

Trước hết, đó là từ xuất phát điểm ý chí *quyết chiến, quyết thắng* mãnh liệt trong cuộc chiến tranh nhân dân để giữ vững nền độc lập dân tộc.

Tuyên ngôn độc lập (2/9/1945) như là một lời thể linh thiêng của toàn dân để giữ vững nền độc lập dân tộc. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, lời kêu gọi quyết chiến lại vang lên:

Lời Bác gọi, nửa đêm vang lệnh:

“Hãy xông lên chiến sĩ đồng bào”

Cả nước đáp một lời: Quyết thắng!

(Theo chân Bác)

Thời chống Mỹ, là khí thế “*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*”, “*Trường Sơn, xẻ dọc, rọc ngang/ Xẻng tay mà viết nên trang sử hồng*”.

Thơ xuân của Tố Hữu như truyền tải ý chí của vị lãnh tụ thiên tài - vị Đại tướng quân Hồ Chí Minh, đông đặc, đường hoàng như những lời lệnh đầy sức mạnh.

Chào xuân 67 trình bày: “*Cuộc điểu binh hùng vĩ/ Ba một triệu nhân dân/ Tất cả hành quân/ Tất cả thành chiến sĩ*”. *Bài ca xuân 68* là khí thế anh hùng náo động:

Hãy gắm lên như sấm sét bùng bùng

Tất cả pháo!

Và xông lên, dũng sĩ!

Như khí phách Trần, Lê.

Như oai vũ Quang Trung.

Sân xuất và chiến đấu. Công trường lớn và tiền tuyến lớn ở cả hai miền: “*Cả nước hành quân ra tuyến lửa*”. Lịch tiến quân dồn dập cho đến ngày *Toàn thắng về ta*.

Giàu dũng khí và sung mãn trí tuệ. Đó là sức mạnh toàn vẹn và vô địch của Việt Nam:

“Đường mòn Hồ Chí Minh” là con đường sáng tạo

Trường Sơn cao hay địa đạo âm thầm

Cũng là linh hồn ta, từ bốn nghìn năm

Tự xây đắp để ngang tầm thế kỷ.

(Tuổi 25)

Thời cuộc nằm trong bàn cờ quốc tế. Ta huy động được cả sức mạnh và khí thế của ba dòng thác cách mạng. Nhân dân ta làm trọn sứ mạng trước thế giới như một nghĩa vụ vẻ vang.

Nhân vật thần thoại hơn một lần được tôn vinh: “*Như Thạch Sanh của thế kỷ hai mươi*” là hình ảnh anh Giải phóng quân, cũng là dân tộc anh hùng - một dân tộc dám lấy máu mình tô thắm lịch sử quật cường cho nhân loại:

*Ta vì ta, ba chục triệu người
Cũng vì ba ngàn triệu trên đời!*

(Miễn Nam)

Ta thắng Mỹ là thắng lợi của chính nghĩa thắng phi nghĩa, của văn minh diệt bạo tàn, của anh hùng đối hèn mạt, của sự sống trên cái chết:

*Ta sinh ra là để làm người
Không sợ chết, bởi vì ta dám sống.*

(Trên đường thiên lý)

Không ảo tưởng, không gối đầu ngủ yên trên vinh quang. Lẽ sống mới là chiến thắng trong cuộc chiến đấu mới để xây dựng hạnh phúc.

Nhà thơ kêu gọi những chiến sĩ xây dựng: *"Lại hành quân như năm nào đánh Mỹ/ Những sư đoàn, không súng, lại xung phong/ Ta sẽ thắng, như những chàng dũng sĩ"* để *"Mặt trời soi hạnh phúc"* và soi sáng cả tâm hồn con người (*Một khúc ca xuân*).

Những chiến sĩ một thời hành quân theo tiếng hát: *"Ta đi theo ánh lửa từ trái tim mình"*. Con người chiến đấu huyền thoại nguyện: *"Ta sẵn sàng xé trái tim ta/ Cho Tổ quốc và cho Tất cả"* (*Việt Nam máu và hoa*). Trái tim ấy đã soi sáng con đường của sự nghiệp vì độc lập tự do *"Trong đêm tối, tìm ta làm ngọn lửa"* (*Chào xuân 67*). Đó chính là ngọn lửa của chân lý thời đại.

Tố Hữu là người thư ký trung thành của lịch sử, đã phản ánh một cách chân thật, hùng hồn về sự nghiệp chiến đấu chống kẻ thù xâm lược của quân dân Việt Nam. Nhà thơ đã là người truyền lửa lịch sử - ngọn lửa lịch sử mà không sức mạnh nào có thể làm lu mờ hay thậm chí là dập tắt nổi.

III. CA SĨ TÌNH CA SAY ĐÁM YÊU THƯƠNG, TỰ HÀO VỀ ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI

Thơ Tố Hữu là tiếng nói yêu thương lớn. Nguồn mạch tình cảm chính yếu là tình yêu quê hương Đất nước và Con người.

Từ khi mới hoạt động cách mạng, nhà thơ đã tuyên bố: *"Tôi buộc lòng tôi với mọi người/ Để tình trang trải khắp muôn nơi"*. Sau này, qua hoạt động một đời trải nghiệm, nhà thơ đưa ra triết lý: *"Ôi sống làm sao nếu chẳng yêu?"*.

Với đất nước sinh ra mình, ngay từ xưa kia đối với Tố Hữu đã là một tình yêu lớn. Hình ảnh *Mẹ - Tổ quốc* xuất hiện rất sớm trong thơ, thấm đượm bao xót xa đau đớn: *"Đã từng thấy Mẹ lặn trong máu/ Lệ đã cay chua ngấm nụ cười/ Mẹ đã vì con khổ vạn đời"* (*Dậy lên thanh niên* với đề từ *Lời Tổ quốc*).

Cũng như thế hệ các nhà thơ yêu nước thời ấy, Tố Hữu thể hiện được cái tình với quê hương đất nước.

Phải đến sau ngày cách mạng thành công, Tổ quốc mới hiện hình thật cụ thể, sinh động, tươi đẹp trong thơ Tố Hữu.

Những ngày kháng chiến chống Pháp, đến với nhân dân, đi theo bộ đội qua những nơi chốn, dặm đường, nhà thơ mới đem được bao cảnh tượng vào trong thơ. *Ta đi tới* phác họa:

*Rừng cọ đối chè, đồng xanh ngào ngạt
Nắng chói sông Lô, hò ô tiếng hát
Chuyển phà dào dạt bến nước Bình Ca...*

Trước đó, trong bài *Việt Bắc* đã có cả bộ tranh *tứ bình Xuân*, Hạ, Thu, Đông của cảnh rừng núi điệp trùng, cao cả.

Bài ca mùa xuân 1961 là cảnh tượng đẹp và vui của đất nước trong cuộc sống mới: *"Quê hương ta rộn rã cuộc vui chung"*. Cả miền Bắc như một bài thơ: *"Rất tự do nên tươi nhạc, tươi văn"*. Tố Hữu đã đưa chúng ta đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác.

Tiếng thốt: “*Đẹp vô cùng Tổ quốc ta ơi!*” như sự phát hiện liên tục một đời thơ. *Nước non ngàn dặm* là bức tranh hoành tráng, được dựng nên qua hành trình trải suốt chiều dài đi thị sát chiến trường. Tổ quốc đẹp tuyệt vời và rất đỗi hào hùng qua hình ảnh vừa hiện thực vừa kỳ ảo của Trường Sơn trong những ngày *Ra trận*:

*Đa trời xanh ngát thần tiên
Đỏ au đường lôn mang tên Bác Hồ
Trường Sơn mây núi lô xô
Quân đi, sóng lượn nhấp nhô, bụi hồng.*

Bao trùm tất cả là một cảm quan lịch sử trong cảnh tượng. Một khúc cầu con, một khe suối nhỏ như cũng đượm hồn quê bao đời. Có cái ngấn ngời hôm nay trong tường niệm ngày qua: “*Mỗi dòng kênh đỏ, bờ tre đỏ/ Máu đã rơi nhiều, đỏ ước mơ*”. Hiện tại kết hòa với truyền thống: “*Như nghìn năm đẹp nét xuân xưa/ Bồng tào gương trong, sạch bụi mờ*” (*Xuân sớm*).

Nổi bật một thời là vẻ đẹp bi tráng Việt Nam: “*Ở đâu? Mỗi ngọn núi, dòng sông/ Cũng hiển hách chiến công/ Lừng danh dũng sĩ*”. Hỏi để mà đáp, hỏi cũng là trả lời.

Đó là nơi mà: “*Một mũi chông, một ngọn tầm vông/ Cũng hiển ngang như trường thành, chiến lũy*”, để tạc nên một ấn tượng về Mẹ - Tổ quốc mang vẻ đẹp cao cả trong thời đại:

*Việt Nam, ôi Tổ quốc thương yêu!
Trong khổ đau, Người đẹp hơn nhiều.*

(*Chào xuân 67*)

Máu và hoa là tập thơ đã gọi ra hình tượng một Việt Nam từ trong biển máu: “*Người vươn lên, như một thiên thần*”. *Vui thế hôm nay* tràn ngập một màu xanh vô tận:

*Tổ quốc tôi. Chưa đẹp thế bao giờ!
Xanh núi, xanh sông, xanh đồng, xanh biển
Xanh trời, xanh của những giấc mơ.*

Và những ngày hòa bình xây dựng, đổi mới, bước đầu hội nhập, tô thắm mãi đất nước Vạn Xuân thời hiện đại: “*Đất nước này vạn đại tươi xanh/ Như rừng được, cháy rồi, mọc lại/ Trăm lại ra hoa cho ong mật du canh*” (*Với Đảng, mùa Xuân*).

Trong thơ Tố Hữu, Tổ quốc được phác họa bằng những cảnh tượng, hình ảnh khái quát, tượng trưng, nhưng nhiều khi lại cụ thể, sinh động như nét đặc sắc của vùng, miền. Có hình ảnh xứ Huế, xứ Thanh không thể trộn lẫn nét thân thương, đầm thắm với Trung du, Việt Bắc ân tình thủy chung. Cảnh và tình quấn quýt trong bức tranh toàn cảnh đa dạng và đặc sắc về quê hương, đất nước.

Tố Hữu đã để lại rất nhiều bức tranh quê hương tuyệt đẹp trong thơ.

Những vùng miền tiêu biểu - từng được nhà thơ sinh sống và hoạt động cũng trở thành các vùng thẩm mỹ của sáng tác thơ và mảnh đất tình yêu: *Xứ Huế*, *Việt Bắc* và *Xứ Thanh* vào những năm cuối đời. Lại có cả miền đất nước - miền tâm tưởng cũng nổi bật đặc sắc trong thơ - *Miền Nam*: “*Phía Mẹ - phía quê nhà*”.

Chủ nghĩa yêu nước anh hùng hun đúc trong hình tượng Tổ quốc đã tạo nên những vần thơ hào sảng bậc nhất trong lịch sử thi ca của dân tộc: “*Ôi Tổ quốc! Giang sơn hùng vĩ/ Đất anh hùng của thế kỷ hai mươi... Ôi quê ta rất anh hùng/ Bắc Nam đâu cũng trùng trùng tiến quân... Ôi Việt Nam xứ sở lạ lùng/ Đến em thơ cũng hóa thành những anh hùng*”.

Những câu thơ như vang vọng hồn nước trong hồn xưa lịch sử.

Con người Việt Nam là hình tượng, cũng là luận đề nổi bật đặc sắc trong thơ Tố Hữu.

Con người luôn luôn gắn liền với *đất nước*, cũng tượng trưng cho dân tộc khi nhịp bước cùng thời đại: “*Việt Nam ơi! Người là ai? Mà trở thành nhân loại*”.

Gương mặt con người Việt Nam được định hình và sáng đẹp dần lên là kết quả của một quá trình thể hiện và sáng tạo nghệ thuật của nhà thơ.

Từ một số gương mặt thân quen, gắn gũi cụ thể ban đầu trong *Từ ấy*, **Việt Bắc** đến bộ mặt tinh thần của con người như những mẫu hình tuyệt đẹp là cả công phu một đời phát hiện, tạo dựng, điểm tô nhuần sắc của tài nghệ điển hình hóa.

Rất nhiều những con người có thật ngoài đời đã trở thành những *hình tượng* nghệ thuật có sự khái quát lớn lao. Nguyễn Chí Diểu thành *Những người không chết*, Trần Thị Lý thành *Người con gái Việt Nam...* *Con người thành tượng đài*. Bà mẹ Anh hùng như được tạc vào đất trời, sông biển: “Ngẩng đầu mái tóc mẹ rung/ Gió lay như sóng biển tung trắng bờ” (*Mẹ Suốt*). Người công nhân thợ điện Nguyễn Văn Trỗi anh hùng là: “... *Con người như chân lý sinh ra*” (*Hãy nhớ lấy lời tôi*). Và kỳ ảo là nhân vật huyền thoại Hồ Chí Minh: “Ngôi sao ấy lặn, hóa bình minh” (*Theo chân Bác*).

Tổ Hữu đã hình tượng hóa nhân vật lý tưởng. Đó là thành công đặc sắc của nhà thơ bậc thầy trong sáng tạo thi ca.

Con người mới Việt Nam trưởng thành trong quá trình dựng nước và giữ nước qua những chặng đường thơ Tổ Hữu. Từ *con người giải phóng* đến *con người tự do* trước và sau cách mạng. Trong xã hội mới là từ *con người tập thể* đến con người sáng tạo trong sự nghiệp xây dựng. Và trong đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, nổi bật là *con người chiến đấu và chiến thắng* kiên cường, trí tuệ, quả cảm.

Tổ Hữu đặc biệt thành công trong việc đưa vào bảo tàng lịch sử văn học một số hình mẫu tiêu biểu nhất. Có chân dung cá nhân và có cả hình ảnh tập thể.

Bà má Hậu Giang, Mẹ Suốt,... có trong tập chân dung Bà mẹ Việt Nam; Anh Vệ quốc quân, Anh Giải phóng quân có trong bức tranh liên hoàn tổng thể về Người lính Cụ Hồ.

Hiện hiện công trình điêu khắc cá nhân bên nhóm tượng đài đồ sộ. Trong quần thể tượng đài những nhà cách mạng tên tuổi Nguyễn Chí Thanh (*Một con người*), Lê Duẩn (*Nhớ về Anh*), sừng sững tượng đài kỳ vĩ Hồ Chí Minh (*Sáng tháng Năm, Bác ơi, Theo chân Bác*).

Tổ Hữu là người có ý thức sớm nhất trong việc đưa những *con người bình thường* trong đời thường vào thơ. Đó là những người lao động nghèo khổ trong *Từ ấy*, những bà mẹ tần tảo, lam lũ trong *Việt Bắc* rồi đến quần chúng tầng tầng, lớp lớp của chiến tranh nhân dân trong Nam, ngoài Bắc. Chính họ làm nên trận địa nhân dân, cũng là trận địa lòng dân.

Hình ảnh *con người tập thể* thường mang tính tượng trưng, giàu sức khái quát. Đó là những con người đi tới với bước đi, dáng đứng hiên ngang, khoáng đạt: “*Hai cánh tay như hai cánh bay lên*” và đường hoàng, dũng cảm: “*Ngực dám đón những phong ba dũ dội/ Chân đạp bùn không sợ các loài sên*” (*Mùa thu mới*).

Những con người trồng hoa trên mảnh đất thẳm máu đi tìm chiến công hạnh phúc mới:

Từ chiến trường ra, ta xốc tới công trường

Người chiến thắng là người xây dựng mới.

(*Với Đảng, mùa xuân*)

Chân dung cụ thể là những bức truyền thần tài nghệ. Bà mẹ Việt Nam các vùng miền, mỗi người một ánh mắt, nụ cười nhân hậu, quả cảm. Anh chiến sĩ hiền lành “*tì tay trên mũi súng*” được phân biệt với Anh Giải phóng quân “*áo bà ba, súng nách, tay chèo*” nơi bưng biển Nam Bộ.

Con người Việt Nam trong thơ Tổ Hữu được hun đúc những nét *tâm hồn, tính cách* tiêu biểu nhất. Tuy nhiên, mỗi lớp người, mỗi loại người lại mang những biểu hiện đặc sắc riêng.

Bà mẹ Việt Nam đôn hậu, anh hùng một cách hồn nhiên: “*Tàu bay hần bần sớm trưa/ Thì tui cứ việc nâng mưa đưa dờ*”. Sự tin tưởng cũng thật hồn nhiên mà sắt đá: “*Tây kia mình đã thắng, Mỹ này ta chẳng thua*” (*Mẹ Suốt*). Tình nghĩa và nhân ái biết bao là bà mẹ trong *Tiếng ru*: “*Con người muốn sống, con ơi/ Phải yêu đồng chí, yêu người anh em*”. Tẩn tảo, nhẩn nại, hy sinh như nét đạo đức nổi bật tuyệt đẹp: “*Những trái tim như ngọc sáng ngời*”.

Người phụ nữ với tám chữ vàng - *Anh hùng, Bất khuất, Trung hậu, Đảm đang* hiện hình thật sinh động trên những trang thơ Tố Hữu. Chị em được khắc họa với nét đặc biệt đảm việc nhà, giỏi việc nước từ *Phá đường, Chiếc áo xanh* đến *Xuân sớm* thì đã là sự hài hòa tự nhiên tuyệt diệu trong một bản tình ca chiến đấu thiết tha và đậm thắm:

*Ôi những nàng xuân rất dịu dàng
Hát câu quan họ chuyển dò ngang
Nhẹ nhàng tay cấy bên sông ấy
Súng khoác trên lưng, chẳng ngỡ ngang.*

(*Xuân sớm*)

Anh bộ đội Cụ Hồ - con người đáng yêu nhất từ những “*chàng trai chân đất*” trở thành “*chiến sĩ anh hùng, đầu nung lửa sắt*” như hiện thân của chiến thắng lẫy lừng (*Hoan hô chiến sĩ Điện Biên*). Người lính cách mạng từ nhân dân mà ra, mang thứ vũ khí vô địch là “*lòng yêu thương mệnh mệnh*” và “*lửa căm hờn nóng bỏng*”.

Trong *Toàn thắng về ta*, nhà thơ Tố Hữu đã đúc kết hai tính cách tâm hồn tiêu biểu nhất trong người anh hùng trí dũng, nhân hậu toàn vẹn:

*Khí phách Anh là Trường Sơn thanh cao
Rất mãnh liệt và cũng rất dịu dàng, tâm hồn Anh là muôn trùng sóng bể!*

Anh Giải phóng quân là đại diện cho miền Nam - đứng sĩ, cũng là hiện thân của dân tộc trong nhiệm vụ cao cả tuyệt vời. Mang dáng dấp Thánh Gióng, Thạch Sanh. Anh là hiện thân của nhân vật cứu tinh nhân loại trong thời đại chống Mỹ cứu nước.

Tố Hữu là một trong số ít các nhà thơ một đời kỳ công xây đắp tượng đài Hồ Chí Minh. Tập thơ *Bác Hồ* như được tiếp nối mãi tới những ngày tháng sau này. Những bài thơ đỉnh cao như những dấu son đỏ chói trong sự nghiệp sáng tác về chủ đề lãnh tụ: *Hồ Chí Minh, Sáng tháng Năm, Cánh chim không mỏi, Bác ơi, Theo chân Bác*.

Tố Hữu được coi là nhà thơ viết sớm nhất, viết nhiều nhất và hay nhất về lãnh tụ.

Cùng với Chế Lan Viên, nhà thơ Tố Hữu đã tham gia sáng tạo một thể *tụng ca* mới cách mạng, với khuynh hướng kết hợp cái vĩ đại với cái bình thường. Bình thường mà kỳ vĩ là chiếc áo vải trong *Sáng tháng Năm*, nhưng vĩ đại mà bình dị lại là hình tượng cao đẹp: “*Mong manh áo vải, hồn muôn trượng/ Hơn tượng đồng phơi những lối mòn*” (*Bác ơi*).

Bác Hồ trong thơ Tố Hữu là một hình tượng toàn vẹn, toàn mỹ. Các bài thơ bổ sung cho nhau, để làm nên nét phong phú, đa dạng của một nhân cách vĩ đại. Đó là tiến trình tạo dựng một vị lãnh tụ kiểu mới - lãnh tụ cách mạng trong thời đại. *Hồ Chí Minh* mang đậm tính *dân tộc, Sáng tháng Năm* đậm đà chất *nhân dân*. Trong nhiều sáng tác sau này, Người đã được nâng lên tầm *nhân loại*, với vai trò quốc tế (*Cánh chim không mỏi*), với ảnh hưởng toàn cầu (*Bác ơi, Theo chân Bác,...*).

Trước hết, Hồ Chí Minh được thể hiện là một trí tuệ trác việt. Lãnh tụ thiên tài đã *tìm đường, mở đường* và luôn luôn *dẫn đường, chỉ hường* cho cách mạng. Người mang ánh sao trí tuệ của thời đại, là người lãnh đạo, vị chỉ huy tài ba nhất:

*Người trông gió bỏ buồm, chọn lúc
Nước cờ hay, xoay vạn kiêu binh.*

(Theo chân Bác)

Nhà chính trị đại tài, cũng là vị Đại tướng quân và Kiến trúc sư vĩ đại của cuộc đời mới: “*Đường lên hạnh phúc đỏ chân trời*”.

Dũng khí kiên cường Hồ Chí Minh đã nâng Người lên tầm anh hùng giải phóng dân tộc từ bài thơ đầu tiên: “*Bước trường chinh dẫu môi gổ khan hơi/ Tim gang thép vẫn bùng bùng lửa chiến*” (*Hồ Chí Minh*). Tinh thần quyết chiến quyết thắng qua những Lời kêu gọi như tiếng hịch truyền: “*Hãy xông lên, chiến sĩ đồng bào*” vang vọng tiếng cha ông từ lịch sử kêu gọi, huy động: “*Bốn mươi thế kỷ cùng ra trận*”.

Trái tim yêu thương Bác Hồ tượng trưng cho chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh: “*Bác ơi tim Bác mênh mông thế/ Ôm cả non sông, mọi kiếp người*”. Đó là trái tim tuyệt đẹp: “*Đỏ như sao Hỏa, sáng sao Kim*”. Vị tha, khoan dung, độ lượng, một đời sáng lên đức hy sinh cao cả. Hình ảnh “*dòng sông chảy nặng phù sa*” mãi miết đổ vào biển cả nhân tình thế thái, cũng chính là sự hòa hợp với biển nhân sinh của tấm lòng nhân ái Hồ Chí Minh.

Với Tố Hữu, vị lãnh tụ thiên tài đã trở thành con người Việt Nam nhất, cũng là nhân vật huyền thoại trong lòng dân tộc và nhân loại. Người mang một sức mạnh tinh thần, có khả năng cảm hóa, động viên và chinh phục kỳ diệu: “*Yêu Bác lòng ta trong sáng hơn*”.

Con người đã trở thành một luận đề lớn như bài thơ suy nghiệm đầy triết lý sau này. Tuy nhiên, Tố Hữu đã ra tuyên ngôn về tình yêu con người từ lâu, từ *Bài ca mùa xuân 1961*: “*... Người yêu người, sống để yêu nhau*”. Và sau này, qua bài *Ngày và đêm*: “*... Trái tim dành trọn tình yêu cho người*”.

Tố Hữu là nhà cách mạng làm thơ, cũng là nhà cách mạng thơ, là ngọn cờ đổi mới của thi ca hiện đại Việt Nam.

Chịu ảnh hưởng của *Thơ mới* một thời, nhưng Tố Hữu đã tiếp thu nhiều tinh hoa của thơ dân gian và thơ cổ điển dân tộc, những tri thức văn thơ Đông, Tây... hiện đại để làm nên mình. Ngay từ đầu, Tố Hữu đã có nhiều nhân tố của một nhà thơ kiểu mới. Trong một bình luận trên báo công khai, đã có một sự tiên tri hoàn toàn chính xác: “*Tố Hữu - nhà thơ của tương lai*” - tương lai cách mạng và tương lai nghệ thuật cách mạng.

Một đời thơ Tố Hữu đã dũng cảm nhận trách nhiệm - sứ mệnh về vang như người giương cao ngọn cờ thi ca dân tộc - thời đại.

Một số đặc điểm nổi bật là những đóng góp về sáng tạo nghệ thuật thi ca của Tố Hữu.

Trước hết, về *phương pháp sáng tác*, Tố Hữu là nhà thơ trước sau nêu tấm gương sáng đẹp sử dụng một phương pháp sáng tác mới tiến bộ, có hiệu quả nghệ thuật tối đa là *phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa*. Cho tới nay, đây là quan niệm đã được xác định của khoa *Lý luận văn học*.

Tố Hữu là người mở đầu và thực hiện xuất sắc *thể tài trữ tình chính trị* - thể tài giữ vai trò chủ yếu trong sáng tác thơ ca cách mạng.

Khuynh hướng sử thi như khuynh hướng chủ đạo của thơ ca trong suốt 30 năm (1945 - 1975) của sự nghiệp dựng nước và giữ nước, được khơi nguồn và phát huy bởi nhà thơ lớn Tố Hữu. Khuynh hướng sáng tác này mang đậm dấu ấn của *thời đại thi ca mới cách mạng*.

Tuy nhiên, ta có thể nhấn mạnh một phẩm chất như giá trị thẩm mỹ quan trọng là *tính chất dân tộc hiện đại* nổi bật của thơ Tố Hữu.

Như nhà thơ từng tự bạch, về mặt nội dung, toàn bộ thơ Tố Hữu là *thơ vì và về cách mạng*. Đó là thơ thể hiện sự nghiệp cách

mạng dân tộc trong kỷ nguyên mới - độc lập, tự do, là thơ về chủ nghĩa yêu nước anh hùng của con người dân tộc trong thời đại. Về nghệ thuật, là toàn bộ thi pháp - thi pháp thể loại, hình ảnh và ngôn ngữ thể hiện rõ bản sắc dân tộc hiện đại.

Thơ Tố Hữu mang đậm phong vị ca dao, dân ca cùng với cổ điển. Từ hình ảnh người chiến sĩ mang dáng dấp chàng trai làng Gióng, Thạch Sanh như cứu tinh của thời đại chống đế quốc, đến giọng điệu ngôn ngữ mang âm hưởng của điệu ngâm, lời ca trong thể đại tự sự.

Thơ Tố Hữu động ở thể 7 - 8 chữ hiện đại và đậm sâu ở thể 6/8 truyền thống. Các mô thức tu từ như *Thệ, Hịch, Ca, Cáo* truyền thống được biến hóa thành *Ca thi mới* - thơ tụng ca mới: ca ngợi lãnh tụ, ca ngợi Đảng, ca ngợi cách mạng, hoặc *Hịch, Cáo mới* - Lời kêu gọi, hô hào, tuyên ngôn, tuyên cáo đầy quyền uy nhân danh con người dân tộc, con người cách mạng...

Sau cùng, cần khẳng định Tố Hữu là nhà thơ có một bản lĩnh nghệ thuật rất vững vàng, là một cá tính sáng tạo mạnh mẽ. Nhà thơ tạo dựng và phát huy được một *phong cách nghệ thuật độc đáo* với nét đặc sắc như phẩm chất nổi bật là *trữ tình sử thi dân tộc*. Đây là một phong cách lớn, có giá trị thẩm mỹ cao và có ảnh hưởng quan trọng trên thi đàn hiện đại.

Thơ Tố Hữu không phải tất cả đều là tuyệt tác. Chính trị đôi khi chưa thật nhuần nhuyễn và hài hòa trong tình cảm. Hình ảnh ước lệ có lúc thiếu cái sinh động, tươi xanh của cuộc đời... Tránh sao có những bông non lép trong vụ mùa màng tăng sản, bội thu.

Tố Hữu là nhà thơ chính khách lớn. Hoạt động chính trị khó tránh khỏi thăng trầm, ngay cả với những nhà chính trị lỗi lạc. Bởi chính trị cụ thể (như đường lối, chính sách) là cái có thể và cần thay đổi, biến hóa. Tố Hữu từng tự nghiệm điều này và có sự tự

điều chỉnh: "*Có thể đôi lần, mắt ta lạc lối/ Đường ta, ta cứ đi*" (*Anh cùng em*). Tuy nhiên, chính trị trong thơ nhìn đại thể đã là chính trị lớn, bao trùm, chính trị cao siêu - lý tưởng như chân lý cách mạng của dân tộc trong thời đại.

Với ý nghĩa ấy, thơ Tố Hữu thuộc loại thơ vượt trội, thơ "chuyên chú ở con người", thơ "đáng thờ" như ý tưởng của Thần Siêu (Nguyễn Văn Siêu).

Vượt lên mọi thiên kiến xã hội, kể cả nhân tình thế thái thông thường nhất thời, Tố Hữu vẫn là ngọn cờ đầu lộng lẫy, về vang của thơ ca mới cách mạng. Trên bầu trời văn học Việt Nam hiện đại, Tố Hữu là ngôi sao ngời sáng có sức lan tỏa mạnh mẽ.

Thơ ông đã chiếm lĩnh những đỉnh cao chói trong suốt các thời kỳ sáng tác, là phần tinh hoa của di sản văn học, văn hóa dân tộc. Thế hệ nối tiếp thế hệ sẽ còn đọc và yêu quý thơ ông.

TỔ HỮU ĐƯỜNG ĐỜI, ĐƯỜNG THƠ^(*)

Tổ Hữu ra đi đã tròn 10 năm (9/12/2002 - 9/12/2012). Nhà cách mạng - nhà thơ lớn vẫn nêu một tấm gương sáng lóng “*Sống là cho. Chết cũng là cho*” (*Tạm biệt*).

Một đời Tổ Hữu đã tận hiến cho hoạt động cách mạng và thơ ca, nghệ thuật.

Trước hết, *Đường đời* Tổ Hữu là sự **hòa nhập** *Đường cách mạng* và *Đường thơ*.

Đầu đời, tìm đường đến với cách mạng cũng là mở lối cho văn thơ. Hoạt động trong *Đoàn Thanh niên Dân chủ*, tuyên truyền cách mạng trong quần chúng, xuống đường biểu tình cùng hàng vạn người, Tổ Hữu, được sự dìu dắt của lớp chiến sĩ đàn anh như Lê Duẩn, Nguyễn Chí Diểu... đã dần bước vào con đường cách mạng. Rồi bị bắt, bị tù đầy, tra tấn vẫn giữ khí tiết cách mạng. Vượt ngục, hoạt động bí mật, lãnh đạo cướp chính quyền Tổng khởi nghĩa và trở thành Bí thư Tỉnh ủy đầu tiên của Thanh Hóa. Từ đây, chiến sĩ cách mạng Tổ Hữu trở nên nhà lãnh đạo cách mạng.

Từ ấy, tập thơ đầu của Tổ Hữu, đã là một tiến trình vượt qua *Máu lửa* (27 bài), *Xiềng xích* (30 bài) đến *Giải phóng* (14 bài). Ấy là tập thơ đầu tranh cho cách mạng cũng là đầu tranh cho văn thơ

(*) Báo Sài Gòn giải phóng, 9/12/2012.

chân chính. Qua luận chiến bằng thơ (với Chế Lan Viên, Nam Trân, Khái Hưng...), Tổ Hữu nêu luận điểm của văn học cách mạng như tư tưởng Hồ Chí Minh từ rất sớm. Đương thời, nhà thơ trẻ đã được tôn vinh: *Tổ Hữu - nhà thơ của tương lai* (Môi, số 1/1939).

Ba mươi năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945 - 1975) vẫn là sự dũng tiến trên con đường đã lựa chọn chính xác. Tổ Hữu thăng tiến như một chính khách lớn, người học trò ưu tú của Chủ tịch Hồ Chí Minh, có vị trí trên cương vị lãnh đạo cao cấp. Thơ ca thực sự là một mẫu mực của hoạt động cách mạng. *Từ ấy*, *Việt Bắc* cũng qua hai cuộc “thử lửa” trong dư luận (tranh luận văn học 1956, 1959) và được khẳng định qua *Giải thưởng văn học*. Từ một chiến sĩ trên mặt trận văn nghệ, Tổ Hữu trở thành một Tư lệnh chỉ đạo chiến đấu kiên cường.

Những năm sau 1975, nhà thơ vẫn kiên trì trên con đường hoạt động cách mạng và thơ ca theo quá trình đổi mới, hội nhập của đất nước. Vẫn một lòng trung trinh, niềm tin mãnh liệt vào *Đường của ta đi*. Thơ mang màu sắc mới *thế sự* mà vẫn giữ âm hưởng hào hùng, *sử thi* - *sử thi* mới. Quá khứ: “*Đâu phải đường xanh. Đường qua máu chảy*”, hiện tại: “*Đường Hồ Chí Minh rộng mở thành thành*” (*Với Đảng, mùa xuân*). Đó là con đường của cách mạng và cũng là của thơ ca. Cho đến những ngày cuối đời, ta vẫn thấy những vần thơ chiêm nghiệm sâu xa của Tổ Hữu: “*Tám mươi càng quý bạn hiền/ Tình thơ càng nặng tơ duyên với đời*”. Ta nhớ câu thơ gan ruột, nghĩa tình của Tổ Hữu: “*Trăm năm duyên kiếp Đảng và Thơ*” đã từ lâu.

Vào tuổi “cuối thu”, rời chính sự, với tư cách Phái viên Trung ương, Tổ Hữu cảm nhận “*Bối hồi sao, cuộc hành hương*” (*Phồn Xương*). Hành hương mới vào đời và vào thơ. Sáng tác đời hơn và cũng thơ hơn: màu sắc lãng mạn mới, chiều sâu triết lý nhân sinh mới. Bộc lộ rõ hơn lúc nào hết *cái tôi thi sĩ*. Thơ nhiều hơn: *Một*

tiếng đồn (71 bài), *Ta với ta* (48 bài) nhiều hơn cả thời chống Pháp và chống Mỹ cộng lại!

Tình nhiều hơn, đủ cung bậc, nhất là thấm thía cái cô đơn *thế sự* và chạm đến cả cái cô đơn *bản thể* (*Một tiếng đồn*) qua trải nghiệm cuộc đời.

Tuy nhiên, điều cần nhấn mạnh là sự *kết hòa* - kết hợp và tương tác hai con đường cách mạng và thơ.

Sự *kết hợp* thật *đặc biệt và hiếm có*: làm cách mạng, làm thơ, hoạt động cách mạng bằng thơ, làm thơ là hoạt động cách mạng sinh động, tươi đẹp, làm thơ trong mọi hoàn cảnh, vượt lên mọi khó khăn, trở ngại, hiểm nguy (tuyệt thực trong tù, trên đường đi đây, tranh thủ thời gian chữa bệnh hiểm nghèo, bế bồng giữa trăm công nghìn việc sự vụ...).

Sự *tương tác* cũng thật *hiệu quả*. Hoạt động cách mạng làm thơ nâng cao hơn tầm tư tưởng nghệ thuật, hoạt động thơ ca nghệ thuật (sáng tác, lý luận) hỗ trợ hoạt động cách mạng sinh động, mạnh mẽ hơn, khí thế hơn.

Mười năm nhìn lại để thấy những trăm năm tới.

Tố Hữu đã được định vị chắc chắn trong lịch sử cách mạng và lịch sử văn học dân tộc.

Các thế hệ bạn đọc hôm qua, hôm nay và ngày mai *đã, đang và sẽ* đọc Tố Hữu. Bởi một chân lý, một lẽ đời hiển nhiên: nhà thơ lớn của nhân dân đã mở được *Con đường Tố Hữu* trong lòng người - con đường của *thiên lương, văn hóa* sáng láng mãi.

Ý CHÍ, TÂM TƯ MỘT THỜI ĐỂ LẠI^(*)

(Đọc lại thơ Tố Hữu những năm sau 1975)

Khép lại sự nghiệp chiến đấu và chiến thắng 30 năm với *Máu và hoa*, Tố Hữu lại tiếp tục sáng tác hai tập thơ: *Một tiếng đồn*, *Ta với ta*. Đó vẫn là khúc ca của cuộc đời cần tạo sự đồng cảm, đồng ý, đồng tình, sự chiêm nghiệm, đồng thuận của bạn đọc nhiều thế hệ, trước hết là của ngày hôm nay.

Khối lượng sáng tác lớn, trong thời gian dài (25 - 27 năm) vào cuối đời, chứng tỏ một sự bền bỉ, dẻo dai của sức sáng tạo. Hơn thế, như có sự hồi xuân của một hồn thơ, trong khi tuổi đời càng cao, sự lão hóa trí não như một thách thức ghê gớm.

Đây là thời kỳ đầy vinh quang, nhưng cũng đầy nhọc nhằn của Tố Hữu trong tình hình đất nước gặp nhiều khó khăn ghê gớm, nguy cơ khủng hoảng kinh tế, xã hội đe dọa nghiêm trọng.

Đây cũng là lúc thế giới có những đảo lộn kinh hoàng. Khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội dẫn đến sự sụp đổ của Liên Xô và các nước Đông Âu. Chiến tranh lạnh kết thúc. Đối thoại thay cho đối đầu.

Thơ Tố Hữu giờ đây có hai mạch cơ bản: *thời cuộc* và *thế sự* như đan lồng và song hành, xuyên suốt một thời kỳ, mỗi dòng chảy mang âm hưởng với sắc thái, giọng điệu khác nhau nhưng vẫn cùng phong cách hào hùng - trữ tình đậm thắm.

(*) Báo Nhân dân, 6/10/2010.

Tố Hữu vẫn bám chắc những sự kiện lịch sử lớn lao, tiếng thơ *thời sự, thời đại* theo quán tính vẫn còn thể mạnh. Nhà thơ diễn biến của tình hình, những thăng trầm của phong trào, Tố Hữu phê phán sự “thay hướng, đổi lòng”, sự trá trở “phản bội” lý tưởng như những hiện tượng kinh hoàng thế kỷ với những lời tố cáo, lên án, gay gắt, dữ dội: “*Mặt nạ người che lòng dạ quỷ*” (*Chào xuân 99*), “*Cả đàn sói chồm lên, cắn vào lịch sử/ Cào chiến công, xé cả xác anh hùng*” (*Chân lý vẫn xanh tươi*), Hồ Chí Minh như thêm đau “*nỗi năm châu*” trong thảm kịch “*Cờ đỏ thiêng liêng quăng xuống đất*” (*Thăm Bác, chiều đông*).

Mặt khác, nhà thơ từ lâu đã khẳng định rõ rệt con đường lý tưởng cách mạng: “*Đường ta, ta cứ đi*”, “*Đường của ta đi đến mọi người*”. Giữa bão tố cuồng phong ngày nay vẫn là sự kiên trì “*Con thuyền ta với cờ hồng, cứ đi*”, thể hiện một quyết tâm không gì lay chuyển nổi: “*Không bao giờ hạnh phúc phải cầu xin/ Tự do lại cúi đầu, quỳ gối*” (*Anh cùng em*). Những vần thơ đầy cảnh tỉnh, cảnh báo có giá trị biết bao trong tình huống “... *Mặt đất mù sương/ Thiên hạ băng khuâng. Rồi rầm những con đường*”, “*Cạm bẫy mạ vàng, hây cảnh giác người ơi*”.

Tóm lại, trên tầm thời đại, Tố Hữu vẫn thể hiện ý chí, khí phách Việt Nam, niềm tự hào dân tộc cao độ theo một giọng điệu hào sảng không thua kém xưa kia!

Do có điều kiện đi nhiều, đi khắp, đi sâu vào đời thường, Tố Hữu đã nhận ra nhiều điều mới lạ về thời sự đất nước đổi mới.

Nhà thơ khám phá được trí tuệ lớn của nhân dân, như một tiềm năng quý giá, nét mới của lao động sáng tạo trên mảnh viết về chuyện “*làm ăn*” ngày nay: “*Làm ăn hai tiếng quen mà lạ*”. *Nuôi trần, Tầm tơ Bảo Lộc, Xưởng nhà, Chì bí thư nhà máy, Hát trên giàn khoan dầu, Chuyện vui xí nghiệp*... chỉ kể qua nhan đề thơ đã thấy hiện thực sinh động của bài ca xây dựng mới. Không ca

ngợi dễ dãi mà là cảm nhận nghiêm túc những khả năng thực tế cần tôn vinh. Đây là sự phản ánh ở tầm cao “*những con người thật mới*” có “*hai bàn tay sắt*”, “*Đang dựng xây vững chắc cho đời/ Và xây dựng cả những con người*” (*Những bàn tay xây dựng*). Đồng thời, là sự phát hiện lý tưởng cụ thể trong hoàn cảnh mới - lý tưởng được nâng lên như một lẽ sống cao đẹp “*Đẹp thế người ơi/ Lòng ta chung thủy/ Dâng hiến cho đời/ Ta yêu ta quý*” (*Hát trên giàn khoan dầu*). Nhân sinh quan mới nhiều lần được đúc kết như một chân lý - triết lý “*Sống cho mình. Và sống cũng là cho*” (*Chào năm 2000*). Bình dị và cao cả là ước vọng “*Được làm cây lúa thơm vàng hạt/ Làm tiếng chim thánh thót sớm chiều*” (*Tiếng còi xa*). Những bài thơ tự vịnh về tuổi già nhất là bài thơ di chúc *Tạm biệt* thể hiện rất rõ quan niệm tận hiến của nhà thơ “*Sống cũng là cho. Chết cũng là cho*”.

Tố Hữu lại bắt nhịp cho “*bản tình ca cuộc sống*”. Thơ ông là một khúc hát lên đường mới còn vang vọng, hối thúc ta hôm nay.

Một mạch lớn nữa nổi lên là *thế sự nhân tình* trong và qua những dòng thơ.

Tố Hữu đã bộc lộ rõ cái tôi trữ tình trải nghiệm hết sức chân thật. Nhà thơ không ngại ngừng khi phơi bày những tâm sự, nỗi niềm trần trụi, bức xúc sâu kín. Qua tự bạch thơ, ta thấy rõ tâm trạng buồn đau, tình huống cô đơn kể cả những thoáng băng khuâng, bối rối... Điều đó có thể cắt nghĩa được. Vì sự “*đảo điên thiên hạ*” (như đã nói trên) vì sự đảo lộn giá trị, xuống cấp đạo đức xã hội, nghịch cảnh, nghịch lý (thậm chí thảm cảnh, phi lý), biết bao bất công, bất lương, phi nghĩa, vô đạo hiển hiện trước mắt. Mặt trái của cơ chế thị trường đã sớm được lên án và cảnh báo cho những lương tri và lương tâm: “*thật, giả*” lẫn lộn đến mức “*lòng giả thành chân*”, “*phải trái*” không phân biệt, “*thủy chung, đen bạc*” trá trở... Nhất là những tệ nạn xã hội mới: “*Ngạo nghề quyền uy, hám bạc tiền*!” (*Mùa xuân mới*)... “*Gian tà dám bán rao đạo lý/ Tham những leo*

thang bậc của quyền” (*Chào xuân 99*). Xét kỹ tâm sự Tố Hữu cũng là những nỗi riêng - chung, không chỉ của mình ông.

Nổi lên trên hết vẫn là tiếng thơ chủ đạo nhất quán một đời, vẫn là tuyên ngôn cho “tình thương và lẽ phải” (*Ta lại đi*), cho “thủy chung, nghĩa nhân” (*Người đứng đó, Lenin*). Vì một định nghĩa như một lời thể thiêng liêng: “Tôi giữ trọn lương tâm và lẽ phải/ Bởi Việt Nam là Hồ Chí Minh” (*Hiên ngang Cuba*).

Và một thông điệp lớn như tắc lòng muốn ký gửi bạn đường: “lẽ sống, niềm tin, mơ ước lớn” đã hấp thụ tinh thần *Di chúc* của Bác Hồ. Cũng với tinh thần ấy, những dòng thơ tâm tình giờ đây mang đậm chất *tâm niệm*. Tố Hữu thể hiện nghiêm túc và sâu sắc những suy nghiệm triết lý nhân sinh qua trải nghiệm một đời. Ông đã nhìn nhận *Con Người* trong tầm vóc vĩ đại của kiếp sống, đời người, trong dòng chảy của thời gian vô hạn (*Con Người* mở đầu tập *Ta với ta*), với thể thái nhân tình đa đoan qua trải nghiệm một đời, để tự hoàn thiện nhân cách. Bàn luận những chủ đề vĩnh cửu: chuyện đại - khôn, phải trái, tình yêu, hạnh phúc... cũng là để bộc lộ lòng nhân ái, bao dung, nhu cầu giao cảm và mong muốn giải tỏa tinh thần bằng khát vọng thanh thân, thanh bạch, thanh lọc tâm hồn với phép *Dưỡng sinh* màu nhiệm: “Lòng không bợn chút bùn dơ/ Biết đâu trăm tuổi còn thơ với đời”. Chìa khóa giải mã hay bí quyết khai phóng là một *Chữ Nhân* sáng láng. Từ trong sâu thẳm tâm linh là sự hòa điệu “Ngân tiếng chuông đồng, vọng tiếng Tâm...” (*Chùa Hương*).

Từ khi nhà thơ qua đời, trong vòng tám năm, số tác phẩm các loại của Tố Hữu, về Tố Hữu được in lại, in mới đã lên tới con số 50. Có tác phẩm quy mô ngót 1.000 trang như *Tố Hữu - Về tác gia, tác phẩm* được in tới lần thứ 9 (2008). Ấy là nói về biểu hiện bên ngoài cũng đủ chứng tỏ cái “quyền uy” vô hình của một nhà thơ lớn!

Thơ Tố Hữu thanh đậm, dịu ngọt có sức ngấm vào sâu thẳm tâm hồn mọi thế hệ, từ người “đã ngã xuống cánh rừng trai trẻ”

hay “người đến với thơ ông suốt thời thơ ấu” (Nguyễn Khoa Điềm), được lưu giữ và phát huy như một sức mạnh tinh thần, một giá trị văn hóa tiềm ẩn trong con người thời đại Hồ Chí Minh.

Nếu thơ để nói chí thì gọn một câu cho Tố Hữu “*Chí ta sáng mãi một niềm tin*” (*Ta vẫn là xuân*, 1997). Một niềm tin trọn đời và bùng sáng cuối đời, cho cả “*Hôm qua, hôm nay và ngày mai*”¹⁾.

1. Tố Hữu, *Toàn tập*, tập II, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2009, tr. 684.
Tố Hữu, *Hôm qua, hôm nay và ngày mai*, tạp chí *Văn học*, số 2, 1978.

ĐỌC TỔ HỮU THỜI KỲ SAU MÁU VÀ HOA: TÂM SỰ, NỖI NIỀM... (*)

Đã có mấy bài viết về các tập thơ *Một tiếng đồn* và *Ta với ta* (Hà Minh Đức, Lê Quang Trang)^(*). Cả hai tập thơ trên như còn chứa đựng nhiều ý tứ tiềm ẩn chưa được khai thác hết. Cho dù là “*tiếng nói thơ da diết*” nhưng có lẽ Tổ Hữu “*không dễ tạo ngay được sự đồng cảm như một khúc ca ở giữa đời*” (Hà Minh Đức, *Tổ Hữu, cách mạng và thơ*, Nxb. Văn học, 2004).

I. THỜI KỲ SÁNG TÁC MỚI VÀO TUỔI “CUỐI THU” CUỘC ĐỜI

Thực chất, đây là thời kỳ sau chiến tranh, đất nước thống nhất và đang đi vào quá trình xây dựng và phát triển trong hòa bình, đổi mới.

Thời gian tương đối dài (25 - 27 năm, gần bằng hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ xâm lược) trong cuộc đời hoạt động cách mạng và thơ ca của Tổ Hữu. Số lượng bài thơ lớn: nhiều hơn cả 4 tập *Việt Bắc*, *Gió lộng*, *Ra trận*, *Máu và hoa* cộng lại (115 bài so với 95 bài). Đó là chưa kể tính thêm trên 400 trang hồi ký của tác giả. Tuổi tác đã lên đến mức thượng thọ, suy nghĩ, tình cảm

(*) Báo Văn Nghệ, số 41-42, 16/10/2010.

1. Lê Quang Trang, *Nhất quán về chuyển động trong “Một tiếng đồn”* in trong *Đọc đường văn học*, Nxb. Văn học, 1996.

đã đảm chắc mà hồn thơ như hồi xuân, trẻ lại và sung sức. Người sáng tạo không có tuổi. Tổ Hữu vẫn nhập thể, nhập cuộc, lại hăm hở “*Ta lại đi như từ ấy ra đi*” (*Ta lại đi*).

Trước hết, đây là lúc Tổ Hữu *đi nhiều* (vì đi nhiều thì mới viết nhiều). Nhiều chuyến đi xa và đi khắp tới các miền, các vùng của đất nước với tư cách nhà thơ - “*người hát rong*” của mọi nhà. Đó là những chuyến đi thực tế mới: nhà thơ vừa thăm thú cảnh vật, vừa thị sát con người và cuộc sống thường ngày. Khi thì ở đồng bằng trung du Bắc Bộ, lúc lại ở vùng tứ giác Long Xuyên hay đồng bằng sông Cửu Long và có lúc lại ở tận xa tấp vịnh Hạ Long menh mông biển cả. Ông có những cuộc hành hương *Về chiến khu xưa* Việt Bắc với bến nước Bình Ca, “*mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào*” thời kháng chiến. Rồi nhà thơ lại tới cả những vùng rừng núi, bờ tre rậm rạp với “*voi đầy*” ngôi Thia, sông Đáy. Tổ Hữu cũng trở lại những nơi tràn đầy những kỷ niệm thời tuổi trẻ: bậc đá Nà Nưa gợi nhớ vó ngựa đèo De gập ghềnh bóng Bác, những nẻo đường “*văn nghệ*” thời trai trẻ Gia Viễn, Yên Giã... Nhà thơ trở lại nơi cảnh xưa, người cũ một dải Hà - Nam - Ninh, Thanh Hóa thời bí mật đánh Pháp, đuổi Nhật và làm chuyến đi dài miền Trung - nơi vẫn còn in dấu oai hùng thời chống Mỹ nhằm tiếp cận, tìm hiểu chuyện sinh sống, làm ăn thời đổi mới và kết hợp thăm các di tích lịch sử, văn hóa, các trung tâm sản xuất, trường học. Những chuyến đi thoải mái, giản dị, thân mật trong tình bè bạn, đồng bào, đồng chí, nhất là ở miền quê xứ Huế, xứ Thanh như “*Đường ra phía trước, đường về tuổi xuân*” đã giúp tác giả chan hòa hồi ức quá khứ với hiện tại.

Tóm lại, chuyến viễn du *Nước non ngàn dặm* mới thực chất là chuyến đi vào đời sống, đến với nhân dân, *thâm nhập đời thường* để nhận ra bao điều mới lạ, khám phá thêm trí tuệ, sáng tạo cũng như để cảm nhận cụ thể, trực tiếp, sinh động những cảnh đời, những nỗi niềm.

Hướng ngoại, vào giữa lòng đời nhưng trong sáng tạo nghệ thuật, Tố Hữu lại đi sâu vào nội tâm hơn bao giờ hết. Đó là hai quá trình tưởng như trái ngược nhưng lại đồng hành và thống nhất với nhau: thấy người lại thấy mình, “trông người lại ngắm đến ta”, hiểu đời để biết rõ bản thân và ngược lại. Nói cách khác, đây chính là hành trình tìm lại mình của người nghệ sĩ.

Tố Hữu từng ca hát cho cuộc đời thì bây giờ lại lắng nghe kỹ hơn trái tim mình thì thầm hát ca. Ông đã hòa sức hòa vào bản tráng ca của nhân dân một thời và nhiều khi còn đóng vai trò người lĩnh xướng thì giờ đây vẫn còn đủ sức hát thêm cho số phận riêng tư. Đầu đời, thơ của ông là tiếng hát của một tâm hồn cộng sản khí phách, kiên cường thì cuối đời, thơ của người nghệ sĩ lại nổi lên như một giọng đơn ca. Trước sau thì đó vẫn là “*tiếng đàn*” “*dầm dìm*” của bản nhạc nghĩa tình được cất lên từ một tâm hồn lão thực, trải nghiệm muốn hòa điệu với bài ca cuộc sống.

Đó cũng không hẳn là một vòng khép kín. Tố Hữu vẫn là một tâm hồn mở và luôn hướng đến những chân trời hy vọng, hướng đến ngày mai hát ca. Nhà thơ ngày càng hướng nội hơn là để thơ dễ hòa nhập vào cuộc đời ngày một rộng hơn, lan tỏa hơn. Đọc thơ cũng nhằm để đối thoại.

Thầy chung vẫn là khúc riêng - chung nhưng giờ đây cái riêng của nhà thơ đã đậm đà hơn và nó dường như đã đạt đến một tầm cao mới. Cái tôi trữ tình vẫn chân thật nhưng đã trở nên *đời* hơn và có những chuyện rất riêng tư được bộc lộ: tình yêu, tình gia đình với nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau nhưng đều để được hòa vào nỗi vui buồn, yêu thương của nhân tình thế thái.

Là một nhà thơ, Tố Hữu không thể đứng ra ngoài dòng chảy lớn của văn chương nghệ thuật hôm nay. Sau chiến tranh, có khuynh hướng nhận thức lại: lý giải vinh quang, cân lại giá máu, rà soát lại nhân phẩm... cũng có thể gọi là sự thức tỉnh và khát vọng mới của *cái tôi* - bản ngã nghệ sĩ. Nhất là sau “đổi mới”, với phong trào “tự

cời trời”, giới văn nghệ tìm kiếm tự do sáng tác chân chính thích ứng thời cuộc để phát huy cá tính sáng tạo theo tiến bộ nghệ thuật. Đó cũng là một xu thế khách quan mà người nghệ sĩ có lương tâm nào cũng phải dẫn bước.

Lại nữa, đây cũng chính là một thời kỳ đặc biệt trong cả cuộc sống chung lẫn riêng của Tố Hữu: có không ít thay đổi, biến động lớn lao, nghiêm trọng xảy ra.

Về công việc, sau khoảng mười năm thăng tiến mạnh trên đỉnh cao quyền lực, Tố Hữu thôi mọi chức vụ để về vừa nghỉ, vừa làm nhiệm vụ nghiên cứu như một phái viên cao cấp. Nhà thơ vẫn còn sự ràng buộc trách nhiệm nhất định nhưng thoải mái hơn nhiều cơ chế sự vụ. Đất nước lâm vào thời điểm hết sức khó khăn nhưng đã vượt qua được và nhanh chóng đi lên. Tố Hữu trải qua những ngày nhọc nhằn nhất rồi cũng nhanh chóng tiến lên, vững bước trong cộng đồng. Dĩ nhiên, thơ là sản phẩm của chủ thể trữ tình cũng phải trải qua thời đoạn ấy. Đối với Tố Hữu - *Một tiếng đàn, Ta với ta* tuy còn không ít âm hưởng hào hùng của phong cách sử thi nhưng trong đó cũng dễ dàng bắt gặp sự phẫn nộ của trái tim mới về hiện trạng cuộc đời đa đoan, phức tạp, lắm đảo điên, nhiều mâu thuẫn, đầy đối nghịch (chân - ngụy, thiện - ác...) đến mức: “*Nỗi căm giận hãy tung lên gió lốc*” (*Cho mùa xuân hạnh phúc đến muôn người*).

II. THƠ TỐ HỮU - TIẾNG NÓI TÂM TÌNH MỚI

Về cơ bản và tổng thể, thơ Tố Hữu vẫn nhất quán theo một mạch cảm xúc: ca ngợi cuộc sống mới, con người mới trong hòa bình, xây dựng với biết bao sự kiện, cảnh tượng mới, đặc biệt nhấn mạnh đến sự “cất cánh” của thời đổi mới biết bao hy vọng và niềm tin lớn lao. Qua thơ, một lần nữa ta thêm yêu, thêm quý đất nước giàu đẹp với nhiều dáng hình, sắc màu sinh động mới khi nhà thơ đã “ôm” “trộn vụn” Bà mẹ Tổ quốc. Nhờ đó, ta thêm tin tưởng sức mạnh thần kỳ của dân tộc, vươn lên “*từ trong biển máu*” bằng chủ

nghĩa anh hùng truyền thống. Qua đó, càng hiện rõ thêm đường đi và những bước đi mới vô cùng mạnh mẽ của dân tộc để vượt lên “*tuyến đầu nhân loại*” trong tương lai.

Tóm lại, tình yêu đất nước, ca ngợi cuộc sống và khẳng định lý tưởng đã trở thành dòng chảy xuyên suốt cảm xúc và suy nghĩ của Tố Hữu.

Tuy nhiên, trên một khía cạnh khác, ta cũng thấy rõ một cái tôi trữ tình trọn vẹn, một sự trải lòng chân thật hiếm thấy của nhà thơ trong hoàn cảnh mới.

Có thể nói, trước hết ta thấy *sự giải bày chân tình những nỗi niềm cá nhân tha thiết nhất*.

Với bút pháp như hướng mạnh vào nội tâm - tiến hành đấu tranh nội tâm để vượt lên chính mình, Tố Hữu không giấu giếm những băn khoăn, bức xúc lớn lao, da diết về thời cuộc và thế sự.

Là một chứng nhân lịch sử, hơn ai hết, với tư cách một đồng chí lão thành cách mạng, đã nếm trải biết bao thử thách cay cực, hiểm nguy bậc nhất, đã có lúc ở vào tình thế ngàn cân treo sợi tóc với những va đập quyết liệt của thời cuộc - nhà thơ ghi nhận sâu sắc khía cạnh *đau thương* của thế kỷ XX. Cả một “thế giới hồng” như tan vỡ trước mắt. Đông bào dữ dội như muốn vùi dập tất cả những cảnh đời hạnh phúc và những ước vọng chân chính. Cái ác muôn đời như đang lên ngôi và phủ bóng đen lên tương lai của loài người. Máu vẫn chảy ở nhiều nơi trên trái đất vì mâu thuẫn chính trị, xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố... Trong hoàn cảnh đó, hy vọng và thất vọng tranh chấp với nhau, tin tưởng và hoài nghi chao đảo. Đó là cái nhìn bao quát toàn cục.

Trong xã hội, song song với sự phát triển là mặt trái của cơ chế thị trường: đầy rẫy những tiêu cực, thật giả, trắng đen lẫn lộn phơi bày.

Thực ra, tâm trạng Tố Hữu là buồn, vui xen kẽ: *Buồn vui bao nỗi trong tim*. Tuy nhiên dễ nhận ra cái *buồn* khá đậm trên những trang thơ *Một tiếng đồn* và *Ta với ta*: *Xen mỗi niềm vui mấy nỗi đau*. Quả đúng như vậy, nhà thơ buồn hơn cả buồn, phải nói là *đau*:

Có khổ đau nào đau khổ hơn

Trái tim tự xót muối cô đơn.

(*Một tiếng đồn*)

Nhà thơ đau khổ đến mức “*rất đau*”, “*đau thắt lòng ta*” vì bất công xã hội, vì cái xấu, cái vô lương, bất nghĩa vẫn còn hiện diện, hoành hành. Đó chính là nỗi đau lớn về thời cuộc, thế sự, “*thiên hạ đảo điên*”, vì vỡ mộng với những cái lớn lao, đẹp đẽ, lý tưởng mơ ước một đời. Chưa nói nhiều đấy thôi, chỉ mới hé lộ nhưng ta thấy cả những giọt nước mắt đời không dễ thấy, những xót xa của “*trái tim*” “*xát muối*...”. Lại có cả nỗi đau gia đình rất riêng tư (Ly hôn - 1990) có lúc muốn khuấy đảo tâm hồn nhà thơ. “*Nhớ cháu trái tim ông muốn khóc/ Không có gì đau bằng nỗi ly hôn/ Lưỡi dao của vào hồn thơ đại*”.

Nỗi buồn phiền khổ đau này trước hết âm ỉ thiêu đốt cõi lòng ưu tư riêng: “*trái tim*” “*cô đơn*”, tâm hồn đầy trăn trở, bức xúc “*chuyện đời*”, tấm lòng “*khắc khoải mãi lo âu*”.

Nhìn chung đây là nỗi đau nhân tình thế thái. Cái đau chung lẫn với nỗi xót xa riêng trong một hoàn cảnh mới.

Tố Hữu đã nói lên trạng thái *cô đơn* của bản thân. Có cái gì đó còn lớn hơn nhiều cái “*cô đơn thi sĩ*” muôn đời.

Là người của công việc, do đó ông cũng là người của quan hệ. Sự hụt hẫng nào đó xảy ra trong cuộc sống là một sự thật có pha mùi vị chua xót và ta có thể hiểu được. Bớt đi nhiều những công việc sự vụ thúc bách, cùng nhiều quan hệ mà trong đó không ít là nhờ cậy. Đỡ đi những phiền hà nhưng lại xui khiến mặc cảm về quyền uy hoặc cảm khái về địa vị, trạng thái tâm lý thường tình

của các quan chức cấp cao. “*Tướng về hưu*” là mất “*thiên*”, lời nói tự nhiên như giảm sút trọng lượng. Hơn nữa còn có tâm trạng cô đơn của tuổi già như một chuyện phổ biến trên đời. Tổ Hữu vừa có cái cô đơn “*xã hội*”, vừa có cái cô đơn “*nhân sinh*” đến mức có lúc xiết bao da diết: “*Trái tim tự xát muối cô đơn...*”. Nhà thơ tự bạch: “*Đó là cái cơ để tôi gào lên giữa cuộc đời và phá bỏ sự cô đơn*”⁽¹⁾.

Trong thơ còn xuất hiện những độc thoại nội tâm, những dòng thơ *tâm niệm*. Có khi chỉ như thoáng qua. Chữ nghĩa nhẹ mà thâm thúy, ý tứ gọi mở đầy ám ảnh.

Ta thấy hơn một lần Tổ Hữu bàn chuyện *dại khôn*. Thời “*Từ ấy*” đó là triết lý về đấu tranh, cho đấu tranh “*Ai nên khôn mà chẳng dại đôi lần?*”. Ý tưởng ấy nhất quán với sự phê phán “*Và dại khờ là những lũ người câm*”. Sau này tâm sự về thơ, nhà thơ cũng thường nói, đại ý: thơ cũng như người, bé dại nhiều, “*lớn có thể dại ít hơn nhưng cũng khó lòng mà hết dại*”. Đến lúc tuổi cao, không còn trực tiếp tham gia chính sự, trong lần gặp vợ chồng Phùng Quán đến chúc tết, khi chia tay ông thân tình chê Quán là “*dại*” và tiếp tục dòng suy nghĩ, ít phút sau cũng tự nhận mình là “*dại*”. Tất nhiên đây là sự chiêm nghiệm chuyện một đời (Phùng Quán, *Xông đất nhà thơ Tổ Hữu*, tạp chí *Cửa Việt*, số xuân 1991).

Cũng như về *sai, đúng, phải, trái*, Tổ Hữu từng viết chuyện *Lạc đường* (1989) từ chuyện trẻ con, cụ già tóc bạc rối loạn tâm thần đến chuyện thiên hạ “*Biết mấy người đi lạc bước đây/ Say tình, tình say, nào thấy hương*”. Lạc bước đường đời cũng là chệch hướng lý tưởng. Vào tuổi xưa nay hiếm, thêm một lần nhà thơ vẫn phải đối mặt với sự đời đầy rối rắm “*Phải, trái, dại, khôn*” (*Bảy mươi*).

Về chuyện thăm quê Huế 1992, bài *Anh cùng em* có một nút thơ bật sáng trong tâm hồn. “*Có thể đôi lần, mắt ta lạc lối*”. “*Ta*” đây là ai? Có cá nhân, có tập thể. “*Ta*” - cá nhân nhà thơ, nhà cách mạng với cương vị cao. “*Ta*” - tập thể - tức chúng ta, có thể là đồng

chí, đồng đội, đồng bào, thậm chí cả lãnh đạo các cấp. Điều này thực ra cũng dễ hiểu và minh bạch qua chuyện những vấp vấp có tính lịch sử. Chính “*ta*” đã có tâm lý nồn nóng, đốt cháy giai đoạn, tả khuynh. Chính “*ta*” cũng đã nhận ra bệnh chủ quan, duy ý chí kéo dài gây ra những hệ lụy kinh tế, xã hội trầm trọng một thời mà nếu không sớm tỉnh ngộ đổi mới có thể dẫn đến những nguy cơ ghê gớm khôn lường. Về đối ngoại có thời ta “*đóng cửa*” quá lâu và có những ấu trĩ, bất cập trong quan hệ cộng đồng thế giới. Như vậy, dù trường hợp nào - riêng, chung hay cả hai - thì câu thơ có tính chất “*tự kiểm*” ấy cũng mang tầm chiến lược. Còn “*ta*” là “*phe ta*” thì đã quá rõ, đã là chuyện thời sự quốc tế. Từ chỗ “*Trái tim lắm chỗ để trên đầu*” (*Tâm sự* - 1967) đến chỗ “*Mấy tên mặt “đỏ” tự bôi đen...*” (*Đào điền, thiên hạ đổi màu, tên*) (*Thăm Bác, chiều đông* - 1996) thì có lẽ nhà thơ đã vạch ra một hằn ranh giới rõ rệt để phân đôi “*chúng - ta*”. Tóm lại câu thơ “*Có thể đôi lần mắt ta lạc lối*”, vừa phê phán, vừa tự phê phán nhưng giàu ý nghĩa tự ngọ. Quan chức cao cấp ở ta chưa quen văn hóa “*xin lỗi*”. Có thể thông cảm, Tổ Hữu đã hé lộ một cách tế nhị nét văn hóa đó chăng? Từng viết những câu thơ về sức cảm hóa tâm hồn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà thơ đã rất thành thật tự nhủ “*Yêu Bác lòng ta trong sáng hơn*”. Chắc rằng ông đã thấy tác giả *Sửa đổi lối làm việc* là tấm gương tuyệt vời về phê bình và tự phê bình suốt đời.

Trở lại chuyện *khôn, dại*. Đã nhiều lần nhà thơ tự dặn lòng, khi thì trong chiến đấu, khi thì trong xây dựng. Chuyện “*làm ăn*” kinh tế rất mới “*Dở hay, khôn dại những chê khen*” (*Đêm cuối năm* - 1981). Ấy là lúc nhà thơ là nhà quản lý ở tầm vĩ mô, đang ra sức tháo gỡ cơ chế cũ “*Gỡ lối “bao” xưa...*” để “*Được*” mùa “*khoản mới...*”. Nhiều nhà lãnh đạo xác nhận Tổ Hữu do tầm tư tưởng lớn, đã có cái nhìn của nhà chiến lược kinh tế. Tuy nhiên bao điều mới mẻ, lạ lẫm đã mờ ra, đã trở thành thách thức quyết liệt với cái cũ. Sự đời còn bao phức tạp, bao vướng mắc, ràng buộc, níu kéo, nhất là sự cầm tù của tư duy trì trệ. Rất nhiều điều “*lực bất tòng tâm*”.

1. Hà Minh Đức, *Tổ Hữu, cách mạng và thơ*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008, tr. 49.

Trong một lần trò chuyện với Nguyễn Bùi Vợi, chính nhà thơ Tố Hữu đã tự nhận có sự đuối tay, bất cập trong chỉ đạo; phải chăng đó cũng là cái “Gót Asin” tẻ hại, cái nhược điểm về tài cán. Không ai có thể vạn năng, nắm chắc cây đu đưa thần cho mọi biến hóa khôn lường. Đã xa rồi cái thời “hồng” lẫn át “chuyên”, thời Bộ trưởng “đa năng”. Chẳng phải chính Tố Hữu đã viết: *“Cái ghế không thể thay cái đầu”* đó sao? (*Cái ghế và cái đầu* - 1993). Đã đến thời kinh tế trí thức - thời đại lên ngôi của trí tuệ.

Tố Hữu đã trải nghiệm để đúc kết một đời *“Dở hay khôn dại, khóc hay cười”* (*Thăm Bác, chiều đông* - 1996), *“Ôi chuyện đời khôn dại/ Còn bao nỗi phiền lo”* (*Viếng bác Tú Xương* - 2001).

Những suy nghiệm triết lý ấy xét cho kỹ bao giờ cũng có tôi - ta, cái riêng - cái chung, đó cũng là tâm niệm của nhà thơ, nói với mình cũng là để nói với người. Điều quan trọng là *biết mình, biết người*. Có thể chưa biết hết mình, cũng như chưa biết hết người, hiểu hết nhân dân và đất nước: *“Việt Nam!/ Người là ta, mà ta chưa bao giờ hiểu hết”* (*Với Đảng, mùa xuân*). Câu thơ từ nửa thế kỷ trước *“Trời không có thiên thần/ Đất không có thánh nhân”* là tuyên ngôn như châm ngôn để tự hoàn thiện nhân cách. Cũng như cái nhìn tinh táo *“Lỗi lầm âu cũng bóng mây qua”* tiếp thu trực tiếp từ tư tưởng Hồ Chí Minh (*Tâm sự* - 1967, *Thăm Bác, chiều đông* - 1996), là cái nhìn vừa nghiêm khắc, vừa bao dung, có lý, có tình với mình và với người.

Là người kín đáo, tế nhị, nhà thơ rất ít khi bộc lộ những trần trối, bức xúc, day dứt, thậm chí những uẩn ức cá nhân. Bạn bè, đồng chí đã nhận ra Tố Hữu có chuyện không hài lòng, buồn bực về những dư luận thiếu chính xác hoặc có ác ý nhưng trước sau ông chỉ giữ sự im lặng. Không ai có thể lấy tay che *“mặt trời chân lý”*. Lịch sử là quan tòa công minh nhất sẽ có phán xét cuối cùng. Có những chuyện không xuôi chèo, mát mái là trách nhiệm của cả đoàn thủy thủ, mặc dù ý chí lớn cổ chống chèo trong cảnh *“biển*

sâu, ngược gió”. Qua *Chùa Hương* viết câu thơ về tuổi *Giải oan* mà thấy rợn cả người! Ấy là tâm trạng thật khi tâm tình với bạn văn. Đó cũng chính là lòng khoan dung nhân hậu cao cả.

Tố Hữu tìm cách giải tỏa tâm hồn bằng sự *thanh thân* và coi đó là một phương châm ứng xử đẹp trong cuộc sống. Chính vì vậy thơ trĩu nặng ưu tư nhưng vẫn thanh thoát nhờ phép *“Đường sinh”* tâm hồn cho *“Lòng không bợn chút bùn dơ”*. Khát vọng thanh thân gạt bỏ mọi tục lụy là cầu mong lớn nhất.

Ước gì đời mãi xanh tươi lá

Thanh thân Chùa Hương cả thể gian.

(Chùa Hương)

Nhà thơ tu dưỡng theo cốt cách *“Thanh bạch hồn thơ, nết nết hoa”* (*Bảy mươi*). Hơn thế, ta đọc được khát vọng thanh lọc tâm hồn khi nhà thơ mơ màng *“sạch bụi trần”, “ngát bụi trần”, “cõi tiên”*... như một nghệ sĩ có thoáng “siêu thực”.

Cũng qua hai tập thơ thời cuối đời ta còn thấy một yêu cầu cũng là khát vọng khác của Tố Hữu: *giao lưu, giao cảm*. Để tìm kiếm thêm bè bạn, những tri âm, tri kỷ trên đời. Trường tình cảm như mở rộng, thân tình hơn, đặc biệt là tình bạn, đó cũng là một nhu cầu chính đáng của người cao tuổi. Nhà thơ từng gọi bạn, mời mọc *“bạn già”, “bạn thân”, “bạn đường”, “bạn hữu”, “bạn vàng”*... với tình cảm đầm ấm, thâm thiết. Đặc biệt là sự kết nối linh diệu diệu tâm hồn nghệ sĩ. Ấy là những vần thơ mừng thọ, vĩnh biệt nhau: *“Trăm năm đẹp mãi tình người”* với Nguyễn Phan Chánh, Tô Ngọc Vân, Xuân Diệu, Chế Lan Viên... Trong những cuộc hành hương về đất thánh - chiến khu xưa Việt Bắc, đi thăm di tích lịch sử, văn hóa hai miền Nam, Bắc còn thêm tình nghĩa thủy chung với dân, lòng ngưỡng mộ danh nhân, hiền tài, anh hùng, liệt sĩ...

Thơ Tố Hữu những năm sau này đầy suy nghiệm triết lý nhân sinh, là sự vắt kiệt tâm huyết một đời, là sự chất lọc tinh túy của một

trí tuệ mẫn cảm và trái tim nhân ái. Nhà thơ qua tâm sự, nỗi niềm lớn riêng - chung đã gửi lại những thông điệp như tác lòng chân thật nhất: niềm tin chung thủy và khát vọng hạnh phúc. Nhiều lần ông nhắc đến kiếp sống, kiếp người đặc biệt là con người, lòng người sáng láng ước mơ. Da diết khổ đau hay tràn ngập vui sướng cũng một chữ **Nhân**.

Cần thấy thêm *tiếng nói thơ* của Tố Hữu đã đổi khác từ **Một tiếng đồn**.

Văn phong thái thân thương, chân tình, tâm sự nhưng đậm sâu và nghiêm nghị hơn. Có hiện tượng phổ biến là ở các chi bộ hưu trí, người ta mạnh mẽ, mạnh miệng nhất, đặc biệt là các cựu quan chức cao cấp: họ không còn gì để “mất”, chỉ muốn cái “được” cho dân, cho nước. Có lẽ cũng nhờ làn gió “đổi mới” đã giúp thổi bùng ngọn lửa lương tâm cách mạng mà giọng thơ Tố Hữu nhiều khi gân guốc, mạnh mẽ, đanh chắc, thậm chí quyết liệt hẳn lên. Chế Lan Viên trong *Di cảo* đã sớm cảnh báo mặt trái của cơ chế thị trường. Tố Hữu may mắn hơn, sống trong cuộc, đã không ít lần tố cáo những “mặt nạ”, những “nước sơn”, suy thoái đạo đức: “*Lại những phường gian, giả triết nhân*” (*Thăm Bác, chiều đông*), “*Sao lắm kẻ gian tà, giấu mặt*” (*Cho xuân hạnh phúc đến muôn đời*), “*Mặt nạ người che lòng dạ quý*” (*Chào xuân 99*), quốc nạn tham nhũng: “*Tham nhũng leo thang bậc cửa quyền*” (*Chào xuân 99*), “*Ngạo nghễ quyền uy, hám bạc tiền*” (*Mùa xuân mới*), chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa cơ hội mới cùng với cảnh báo những “*đảo điên thiên hạ*”. Riêng giọng với “*thiên hạ*” nhiều ẩn ý, ẩn dụ, ám chỉ có vẻ giọng diết, đả đố đầy “*Cả đàn sói chồm lên, cắn vào lịch sử/ Cào chiến công, xé cả xác anh hùng*” (*Chân lý vẫn xanh tươi*), “*Cờ đỏ thiêng liêng quăng xuống đất/ Tham vàng, phân bạn, kẻ thù khen*” (*Thăm Bác, chiều đông*) nhưng khôn ngoan hơn xưa.

Tố Hữu đã hoàn thành cuộc “*khám phá cả chính mình*” (*Chào xuân 2002*) tự khám phá cái thế giới mệnh mông đầy bí ẩn - tâm hồn con người - và trái lòng chân thật. Vẫn nói thời sự, thời cuộc, thời đại nhưng qua đó nổi lên tâm sự cá nhân, ông rất coi trọng tiếng nói của trái tim. Trữ lượng tiềm ẩn tâm hồn thơ còn rất dồi dào cho khai thác. Có những giá trị thơ Tố Hữu còn đang lắng đọng với thời gian, đang cần sự đồng cảm, suy nghiệm, không chỉ của người đọc hôm nay.

CẢM NGHĨ VỀ ĐƯỜNG THƠ TỔ HỮU(*)

Tổ Hữu nhiều lần tự bạch về “duyên” thơ cũng là “nghiệp” thơ của mình. Những năm 60 đã đồng tác: *“Rằng thơ với Đảng nặng duyên tơ”*. Năm 1982, khẳng định *“Trăm năm tâm sự vẫn ngời ý thơ”*. Tròn 50 tuổi thơ (1937 - 1987), nhà thơ có câu thơ như tuyên ngôn, đặt thơ vào đời - đời cách mạng, đời người: *“Tròn năm mươi tuổi Đảng và thơ... Trăm năm duyên kiếp Đảng và thơ”*.

Nhà thơ đi xa chưa lâu, trong tình hình dư luận nói chung có những ý kiến đa chiều, tưởng cũng nên cùng nhau suy nghiệm lại về *đường thơ* Tổ Hữu như việc làm cần thiết với không chỉ cho người ra đi.

I. ĐƯỜNG THƠ VÀ ĐƯỜNG ĐỜI

1. Có một sự thật hiển nhiên mà xét kỹ hình như chưa thật rõ: xác định Tổ Hữu là nhà cách mạng hay nhà thơ?

Tổ Hữu luôn tự nhận mình là nhà cách mạng (nhà cách mạng làm thơ). Hoàn toàn chính xác. Bởi do công lao và thành tích với cách mạng, ông được thưởng Huân chương Sao Vàng - huân chương cao quý bậc nhất. Tuy nhiên, trong lời Diếu ngày tang lễ có xác định: *“Đồng chí Tổ Hữu là một nhà hoạt động chính trị, đồng thời là một nhà thơ lớn”*. Tổ Hữu là nhà thơ, có sự nghiệp thơ đồ sộ,

(*) Tạp chí *Thơ*, số 12/2012.

đó cũng là một sự thật quá hiển nhiên. Vấn đề tưởng như đã rõ, ở chỗ *đồng thời* - là “hai nhà” trong “một người”.

Đặng Thai Mai đã nói từ lâu về sự “nhất trí” trong thân thể sự nghiệp Tổ Hữu. Đúng là Tổ Hữu làm thơ là hoạt động cách mạng nhưng không chỉ hoạt động cách mạng bằng thơ, mặc dầu đó là sở trường. Bởi ông đã từng ở trong Bộ Tham mưu tối cao - tham gia hoạch định những chiến lược cách mạng.

Vấn đề ở đây phải chăng là *sự kết hợp* và *cách kết hợp* cũng như *tính chất* của các *hoạt động*.

Trước hết cần thấy rõ Tổ Hữu là nhà cách mạng lão thành, là *nhà cách mạng chuyên nghiệp*. Hoạt động bí mật, vào Đảng năm 17 tuổi, qua tù đầy khổ ải cùng cực “phút chết đã kề bên”. Rồi lãnh đạo khởi nghĩa, cướp chính quyền, làm Bí thư Tỉnh ủy khi mới chưa đủ tuổi 25. Kháng chiến, vào tuổi 30 đã vào Trung ương Đảng và từ đó thăng tiến liên tục từ Bí thư Trung ương đến Ủy viên Bộ Chính trị, làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Ủy viên Hội đồng Quốc phòng. Đến năm 1991, khi thôi công tác quản lý Nhà nước, ông nhận được sự phân công của Bộ Chính trị làm phái viên Trung ương Đảng, công tác nghiên cứu, tổng kết soạn thảo chiến lược về kinh tế, xã hội. Nhìn chung, có lúc “lên bổng, xuống trầm” nhưng Tổ Hữu đã có một “bài ca cuộc đời” tuyệt đẹp; *“Nhân dân ta sẽ mãi mãi công bằng, sáng suốt để đánh giá Tổ Hữu, ghi nhận những cống hiến to lớn của anh đối với sự nghiệp cách mạng”* như lời Giáo sư - Anh hùng Lao động Vũ Khiêu đã phát biểu⁽¹⁾.

Còn về thơ, sự nghiệp sáng tác 65 năm thơ ca, đưa Tổ Hữu lên hàng nhà thơ lớn của thời đại. Phải nói, ông là *nhà thơ rất có nghề*, rất điều luyện với tất cả tài năng và tâm huyết; nói cách khác, cũng rất *“chuyên nghiệp”*. Hơn cả nghề - còn là *nghiệp*; đúng vậy, còn là *duyên kiếp* (*Đã mang lấy nghiệp vào thân* - Nguyễn Du).

1. Vũ Khiêu, *Cách mạng, nghệ thuật, tình yêu, một cuộc đời trọn vẹn* in trong *Tổ Hữu - người cộng sản kiên trung, nhà văn hóa tài năng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 240.

Nói như trên đã phân biệt Tố Hữu là *nhà thơ - nhà cách mạng* hoặc *nhà cách mạng - nhà thơ* khác với nhà cách mạng có làm thơ (như một số lãnh tụ, chính khách quốc gia) hoặc nhà thơ làm cách mạng (tham gia hoạt động cách mạng, trong đội ngũ chiến sĩ cách mạng). Nghĩa là cả hai tiêu chí đều ở *đỉnh cao*: cách mạng và thơ - nói rộng ra - cách mạng và nghệ thuật. Xin nhắc lại, đó là *một cuộc đời trọn vẹn* cách mạng - nghệ thuật, đường đời - đường thơ. Ấy là nói về *quan hệ*.

2. Phải nói thêm sự kết hợp hai con đường đó là cực kỳ gian khổ, nhọc nhằn. Bản thân đi trên mỗi con đường đã phải trải qua muôn gian nghìn khó.

Tuổi trẻ Tố Hữu đã dấn thân vào con đường đấu tranh đầy hiểm nguy cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, tranh đấu “*là thân sống chỉ coi còn một nửa*” như lời *Trăng trôi* trong những ngày tuyệt thực ở nhà tù Lao Bảo. Cách mạng thành công với bốn bề trăm nghìn công việc. Rồi lao vào kháng chiến cùng đồng bào, đồng chí “*ba ngàn ngày không nghỉ*”. Hai mươi năm chống Mỹ, trên cương vị thành viên Bộ Chỉ huy tối cao, tham gia lèo lái con thuyền đất nước qua những thác ghềnh dữ dội nhất của thời cuộc để cập bến vinh quang. Đến thời “*Gai lửa nở mùa hoa*” lại biết bao thử thách gian nan mới. Kêu gọi nhưng trước hết là tự nhủ: “*Ta sẽ đi, như lao vào trận đánh*”: trận đánh mới ở công trường và cả thị trường - nhất là thị trường nhân phẩm trên thế giới đang “*nhốn nháo chợ trời*”. Mười năm thăng tiến nhất của Tố Hữu (1976 - 1986) xét ở một mặt nào đó - là quãng đời của chặng đường nhọc nhằn nhất. Nhà thơ tự bạch: Không đêm nào ngủ trước 12 giờ vì phải thường trực Bộ Chính trị. Nhiều năm nhưng là buổi giao thời, quá độ cụ thể, khó khăn chồng chất, nguy cơ hiểm họa rình rập trong tình trạng chung đầy âu lo, đe dọa. Kinh tế thời bao cấp sau chiến tranh đang bộc lộ những yếu kém, sa sút, nếu không kịp thời vực dậy sẽ gây khủng hoảng. *Đêm cuối năm* - 1981 nói

rất rõ tâm trạng nhà quản lý đất nước trước tình cảnh chung. Băn khoăn, trần trụi tìm đường tháo gỡ, xoay chuyển thế cờ để vượt thoát. Tiếp theo, từ năm 1991 với vai trò phái viên, ông lại nhập cuộc đi sâu vào đời sống nhằm giúp Trung ương soạn thảo chiến lược kinh tế - xã hội trong tình hình còn rất nhiều rối rắm, đảo lộn của thời cuộc trước thiên niên kỷ mới.

Nhìn chung lại, *đường đời* Tố Hữu có thể thấu tóm trong mấy chữ *vinh quang - nhọc nhằn - dưng cam*. Không có con đường trải thảm đỏ dẫn đến thành công, hạnh phúc.

Sự khai phá, xây dựng *đường thơ* không kém khó khăn, gian nan.

Thời trước cách mạng là sự phủ định thơ công khai (qua những bài thơ có tính luận chiến) tuy có vận dụng quy luật tiếp biến, nhưng chủ yếu là tiếp thu tinh hoa của nguồn mạch thơ ca dân tộc, trực tiếp nhất là dòng thơ cách mạng bí mật và công khai để mở ra một *con đường mới* cho thơ ca thời cách mạng. Rồi cùng đồng đội, các thế hệ nhà thơ, nỗ lực góp phần khẳng định một *thời đại mới* cho thơ ca và văn học nói chung. Riêng thơ Tố Hữu, hai lần “*chịu trận*”, được soi xét và thẩm định giá trị kỹ lưỡng qua các cuộc tranh luận cũng là sinh hoạt học thuật về *Việt Bắc* và *Tử Ấy*. Rất mừng là những giải thưởng văn học cao quý như là sự đến công vinh quang cho Tố Hữu.

Sự *kết hợp* đường thơ, đường đời của Tố Hữu cũng đặc biệt, và hiếm có. Làm thơ trong tù, trên đường đi đày, trong những ngày tuyệt thực, làm thơ trong lửa đạn kháng chiến, làm thơ khi đi thị sát chiến trường và làm thơ cả trong bệnh viện. Nhất là trong những hoàn cảnh rất ngặt nghèo, kể cả kể bên cỏi chết (*Con cá, chột nứa*) hoặc đấu tranh giành giật cái sống với cái chết (*Theo chân Bác*). Tố Hữu thường tranh thủ làm thơ vào lúc đêm khuya - nhất là sau này, tức là sau khi đã giải quyết xong công vụ - tự nhốt mình trong phòng với chén nước chè, cây bút. Ngày Bác mất,

Tổ Hữu từ bệnh viện chạy về, đứng khóc dưới chân cầu thang nhà sàn và ngay đêm đó viết xong bài *Bác ơi!*. Nhiều bài thơ đã ra đời rất nhanh, qua một buổi, qua một đêm, trong cảm xúc dâng trào mãnh liệt của căm thù hoặc yêu thương... (*Quê mẹ, Hãy nhớ lấy lời tôi...*). Thực ra đó chỉ là những giây phút thăng hoa của những tình cảm dồn tụ, chất chứa thường trực hồn thơ.

II. ĐƯỜNG THƠ VÀ ĐƯỜNG SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT

Ở đây có hai nội hàm *con đường sáng tạo* nghệ thuật trong thơ và *con đường thơ* trên đường sáng tạo nghệ thuật nói chung. Xét một cách nghiêm ngặt, con đường thơ Tố Hữu cũng trải qua những thăng trầm và sự tự điều chỉnh để đi vào đại lộ của nghệ thuật tiên tiến của dân tộc và thời đại.

1. Tìm đường và xây dựng đường thơ cách mạng, mở ra một thời đại mới của thơ ca cách mạng là một công lao lớn.

Như đã nói ở trên, thơ Tố Hữu tiếp thu những yếu tố tích cực của *Thơ mới* lãng mạn, những tinh hoa thơ châu Âu hiện đại chủ yếu qua thơ Pháp, thơ cổ điển phương Đông để khai phá tạo lập một con đường thơ mới cách mạng. Tất nhiên phải dẹp bỏ những trở ngại là quan niệm sai trái thiếu chính xác như “nghệ thuật vì nghệ thuật” để tiếp thu phát triển quan niệm cách mạng như của Hồ Chí Minh, Sóng Hồng. Cùng thể hệ thi sĩ cách mạng, Tố Hữu một chiến sĩ tiên phong có công lớn góp phần mở đột phá khẩu, “*Đặt nền móng cho văn thơ cách mạng Việt Nam*” (Võ Nguyên Giáp)⁽¹⁾, “*Có công khai sáng và dẫn dắt nền văn học cách mạng Việt Nam*” (Phan Văn Khải)⁽²⁾.

Nói theo cách nói văn chương: Tố Hữu làm mới thêm một lần *Thơ mới*, mở ra một thời đại trong thơ ca Việt Nam.

1, 2. *Tố Hữu sống mãi trong lòng Nhân dân và Đất nước*, Nxb. Văn học, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 2003, tr. 47, 30.

2. Tuy nhiên, cái vất vả công phu hơn là xây dựng và phát huy được một bản lĩnh nghệ thuật.

Trước hết là sự nuôi dưỡng những ý tưởng cách mạng, sáng tạo nghệ thuật thường xuyên. Đó là cái gốc của mọi đổi mới.

Cùng với khuynh hướng tiến bộ nghệ thuật nhà thơ tìm những cái mới chưa từng có mà chỉ có thể chiếm lĩnh được qua đấu tranh cách mạng. Đó là những quan điểm văn nghệ mới nói chung và quan niệm thơ nói riêng.

Dưới ánh sáng đường lối văn nghệ của Đảng, từ cương lĩnh cơ bản *Để cường văn hóa 1943*, Tố Hữu đã biết phát hiện và xây dựng những luận điểm như kim chỉ nam cho hoạt động sáng tạo: *Xây dựng một nền văn nghệ nhân dân* (1949), *Xây dựng văn nghệ nhân dân Việt Nam* (1951) và nhất là *Xây dựng một nền văn nghệ lớn, xứng đáng với nhân dân ta, thời đại ta* (1973)⁽¹⁾. Đó là công lao lớn mang tầm chiến lược, với tư cách là Tham mưu trưởng của mặt trận văn hóa cho các văn nghệ sĩ.

Thực ra Tố Hữu không lập ngôn nhiều về quan niệm thơ, cũng không nói toàn diện các phạm trù (thơ, nhà thơ, nghệ thơ) và ráo riết như Chế Lan Viên. Có hàng trăm định nghĩa chuẩn xác và sâu sắc về thơ. Nếu có cái hay, cái đặc sắc chỉ là sự *kết hợp hài hòa* nhiều mặt trong quan niệm thơ của Tố Hữu, chỉ xin lấy ra đây vài nét⁽²⁾.

- Thơ là cái “nhụy của cuộc sống”.
- Thơ hay thường mộc mạc chất phác, không cần trang sức.
- Thơ là tiếng nói hồn nhiên nhất của tâm hồn con người trước cuộc đời, trước tất cả cái gì diễn ra xung quanh mình, là tiếng nói của tâm hồn con người trước con người và trời đất.
- Thơ là chuyện đồng điệu.
- Thơ là tiếng nói đồng ý, đồng tình, tiếng nói đồng chí.

1. *Tố Hữu, Toàn tập*, tập II, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2009.
2. *Tố Hữu, Toàn tập*, tập II, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2009.

- Bài thơ hay làm cho người ta không còn thấy câu chữ, chỉ còn cảm thấy tình người.

- Thơ là tiếng nói tri âm.

- Thơ ta cần "say" mới thích.

- Thơ phải chăng là điều ấy: mơ ở trong thực, cái vô hình trong cái hữu hình, nhiều màu trong không sáng cũng không tối, là mờ nhưng lại rõ, cái chính xác của sự mơ hồ, cái băng lạnh. Có thể nói như vậy khi người ta là thi sĩ.

- Thơ cũng là sự tìm kiếm mình và cuộc đời xung quanh.

- Thơ là sự khái quát ý, tình, nhạc...

Tất nhiên, Tố Hữu chỉ nói về thơ cách mạng. Do đó khó tránh khỏi thiếu tính phổ quát nhân loại của thơ ca. Công lao lớn nhất và duy nhất của Tố Hữu phải chăng là sự *định hướng* (bao gồm cả *định tính*: chức năng, phẩm chất...) cho văn nghệ (trong đó có thơ ca) nói rộng ra là cho sáng tạo nghệ thuật.

Tố Hữu còn là một mẫu mực, một tấm gương sáng về xây dựng, phát huy, gìn giữ *bản lĩnh nghệ thuật, cá tính sáng tạo nghệ sĩ*. "Qua những chặng đường dài của thơ, tôi vẫn giữ bản sắc riêng của mình"⁽¹⁾.

Đó là sự tìm tòi và mở ra một *hệ thống thi pháp* mới có những bao quát toàn diện cả về thể tài, thể loại, ngôn ngữ, giọng điệu... Sự đóng góp này mang tầm thời đại là tiến bộ nghệ thuật tiêu biểu.

Thơ Tố Hữu mang *một phong cách lớn*, có giá trị thẩm mỹ cao, trong đó nổi bật nét chủ đạo *sử thi - trữ tình - dân tộc*. Tất nhiên, không có phong cách nào là độc tôn mà chỉ có ảnh hưởng lớn, cũng như thơ Tố Hữu chưa phải là sự đáp ứng đầy đủ nhất mọi yêu cầu, thị hiếu thẩm mỹ hôm nay.

1. Tố Hữu, *Toàn tập*, tập II, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2009.

3. Sự thể nghiệm, trải nghiệm và chiêm nghiệm về sáng tạo nghệ thuật được thực hiện suốt một đời thơ.

Có một khó khăn, thách thức thường xuyên đặt ra với Tố Hữu là sự thống nhất giữa "nói" và "làm", giữa lý thuyết đúc kết, công bố và sự thực hành, thể nghiệm ở bản thân sáng tác của mình. Vậy mà ông đã thành công một cách xuất sắc. Vừa là lính chiến thực sự cầm súng lại vừa làm Đại tướng cầm quân, vừa là người hô hào lại phải là người dẫn thân tiên phong. Ấy là tư thế, tư cách một đời của Tố Hữu. Không ít người đã không vượt qua được mâu thuẫn quản lý và sáng tác, quan chức thường quay lưng thậm chí giã từ nghệ thuật, nhất là quan chức lớn. Có người "chân thành" khuyên ông bỏ chính trường để về làm thơ, lại có người cũng "thật bụng" tiếc nuôi cho rằng mất một vị quản lý nhà nước không bằng mất một nhà thơ! Tố Hữu đã tỉnh táo để xử lý một cách thông minh cái nghịch cảnh đó. Mặc dầu có lúc ông cũng khó vượt qua: "*Tưởng đâu quên mất thơ rồi*", "*Bài thơ đang viết... Biết chưa xong*"...

Điều đáng quý là trong chừng mức nhất định, Tố Hữu đã tiến hành sự *tự điều chỉnh* tối đa, nhất là mười lăm năm ở chặng đường thơ cuối cùng. Nhà thơ kịp thời với *Đổi mới*, thiên hơn về thể sự, cân bằng hơn về quan hệ, mức độ ca ngợi và phê phán, nhất là tăng cường những suy nghiệm triết lý nhân sinh (về khôn dại, phải-trái, thật-giả, thiện-ác...), nâng cao cảm hứng lịch sử và cảm hứng nhân văn đời thường. Nhưng lời thơ cuối đời như đã là nỗi niềm tâm sự nhả gửi trong đó nổi bật là niềm tin, hy vọng lớn lao, mạnh mẽ vượt lên tất cả những bức xúc, trăn trở về "chuyện đời" chung - riêng, về nhân tình thế thái.

Nhìn lại *đường thơ* và *đường đời* trong đường lớn cách mạng - cũng là con đường lý tưởng của dân tộc, ta có thêm sự cảm thông, trân trọng một tâm hồn, một tài năng lớn.

Vai trò của Tố Hữu đã được khẳng định. Trong quá trình tìm đường ở ngã ba, ngã bảy thời cuộc trước cách mạng, ông là người

chỉ đường chính xác. Trên đường hành quân kháng chiến, cùng đồng đội, đồng chí, ông là người dẫn đường qua cảm... Và tới lúc mở đường tới tương lai, ta thấy ông vẫn là người định hướng mãi mãi. Những lời thơ như còn đang vang vọng:

*"Đường mòn Hồ Chí Minh" là con đường sáng tạo
Trường Sơn cao hay địa đạo âm thầm
Cũng là linh hồn ta, từ bốn nghìn năm
Tự xây đắp để ngang tầm thế kỷ.*

(Tuổi 25)

*Mở rộng con đường huyền thoại Hồ Chí Minh
Cho Tổ quốc mai sau lên tuyến đầu nhân loại.*

(Cảm nghĩ đầu xuân 2002)

Đường đời, đường thơ Tố Hữu đã đi vào đại lộ Cách mạng, chạy đúng vào "con đường sáng tạo", "con đường huyền thoại" Hồ Chí Minh. Lời hô hào hướng đạo cũng là lời mời gọi chân tình cho ngày nay và cho ngày mai: "Anh em ơi/ Tất cả lên đường!" (Với Đảng, mùa xuân).

ĐỌC TỔ HỮU - ĐỌC LỊCH SỬ TÂM HỒN NGHỆ THUẬT(*)

Tố Hữu đi xa đã tròn mười năm. Mười năm là một khoảng thời gian thật ngắn ngủi so với một thế kỷ, nhưng cũng tạo ra một độ lùi cần thiết và tạm đủ cho việc bao quát giá trị thơ và vị thế nhà thơ với cái nhìn khách quan khoa học mang tính lịch sử.

Vào dịp hội thảo *Tố Hữu thân thế và sự nghiệp* (2010) đã có nhiều công trình mang ý nghĩa tổng kết có giá trị, tập hợp trong *Kỷ yếu*. Một vài ý kiến ngoài luồng (phi chính thống) thể hiện sự không hoàn toàn đồng thuận. Điều đó cũng bình thường trong trao đổi bè bạn, xem như những phản biện có tính chất gợi ý.

Tố Hữu là nhà thơ lớn của nhân dân, đã được định vị chắc chắn trong lịch sử văn học dân tộc. Đó là điều không thể phủ nhận.

Đọc Tố Hữu là đọc một gương mặt văn học sử sáng giá, một nhà thơ tiêu biểu của thời đại cách mạng mới.

Chính vì vậy, trước hết cần nhìn nhận Tố Hữu với *quan điểm lịch sử - cụ thể* để thấy lịch sử qua một con người.

Tố Hữu xuất hiện trên thi đàn như một hiện tượng kỳ lạ của văn chương. Không "kinh dị" như ngọn tháp lẻ loi, cô độc Chế Lan Viên. Bình dị, hồn nhiên mà quyết liệt, với một tầm vóc, vị

(*) Tạp chí Đại học Sài Gòn, số 2/2013.

thể khác thường: “*Tổ Hữu nhà thơ của tương lai*” (Môi, số 1 - 1/6/1939). Giữa thịnh thời *Thơ mới*, lời dự báo ấy thật có ý nghĩa như tiên tri: nhà thơ của tương lai cách mạng, tương lai thơ.

1.

Đọc Tổ Hữu là đọc lịch sử một hồn thơ, những bước tiến sự nghiệp trước hết về *tâm tư tưởng chính trị* gắn với *tư tưởng nghệ thuật*.

Tổ Hữu là người mang lý tưởng và phát ngôn hùng hồn lý tưởng cách mạng. Từ thời trai trẻ đến lúc đứng trên đỉnh cao của quyền lực vẫn là người đại diện ưu tú, xuất sắc mang “*đôi mắt thần chủ nghĩa*”.

*Ta bước tới, chỉ một đường: Cách mạng
Vững lòng tin sẽ nắm chắc thành công.*

(*Như những con tàu*)

Một thời, giữa đấu tranh quyết liệt, cái sống kề bên cái chết, nhà thơ tự dặn lòng: “*Dâng tất cả để tôn thờ chủ nghĩa*”.

Sau này, trên đường chiến đấu cho sự nghiệp dân tộc, lúc thời thế có những chao đảo, vẫn là tự nhủ và nhắc nhở đồng đội “*Dù ai nói ngả nói nghiêng/ Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân*”... vẫn là sáng láng trung trinh.

*Dù ai quay hương đổi lòng
Con thuyền ta, với cờ hồng cử đi.*

(*Phút giây*)

Một đời thơ Tổ Hữu đã minh chứng cho niềm tin tưởng kiên cường vào chiến đấu và chiến thắng: “*Biết đi tới và làm nên thắng trận!*” (*Bài ca xuân 68*).

Chỉ ta sáng mãi một niềm tin.

(*Ta vẫn là xuân*)

Xưa kia trong tâm tôi đã nhận rõ: *Chân trời lùi mãi lan lan rộng/ Hy vọng tràn lên đồng mênh mông (Dưới trưa)*. Giờ đây, “*thêm một cuộc trường chinh/ cho ánh sáng văn minh xóa bóng đêm lạc hậu*”... nhà thơ vẫn đồng dạ “*Cảm ơn Đời đã cho ta, tám mươi hai tuổi bạc đầu/ Được vui sống một đời đáng sống dài lâu/ Với đồng chí, anh em, bè bạn/ Với chân lý sáng ngời và niềm tin ở chân trời xán lạn!*”. Ấy là những dòng *Cảm nghĩ đầu xuân* - bài thơ cuối cùng trước khi *Tạm biệt* cuộc đời nhà thơ “*yêu quý nhất*”, như bùng sáng tâm hồn *Một người cộng sản kiên trung, một nhà văn hóa tài năng* như vinh danh của Đảng (*Lời Điếu* trong lễ tang).

Dễ nhận ra một giọng quyền uy như tuyên ngôn của chân lý cách mạng trong thơ Tổ Hữu vì ông là một nhà tư tưởng xuất sắc ngày càng nâng mình lên với tầm vóc Đoàn thể, Nhân dân và vị thế của Dân tộc. *Cái tôi* của Tổ Hữu nhanh chóng trở thành *Cái ta* rồi sau là *Ta - Tôi* (hay *Tôi - Ta*). Tuy nhiên khi phát ngôn thơ bao giờ *Cái ta* cũng phải thông qua lăng kính cá nhân. Như vậy tư tưởng thơ không hẳn là hoàn toàn đồng nhất với tư tưởng Đảng, mặc dầu sự gắn bó ấy là duyên tơ, duyên kiếp. “*Rằng thơ với Đảng nặng duyên tơ*”.

Đôi lúc, sự không ăn khớp, hòa nhập *Tôi - Ta* là có thật. Đó là những lý giải chưa hài hòa giữa chung và riêng, giữa cách mạng và cuộc đời.

Ở *Từ ấy*, dấu hiệu này bộc lộ rõ qua một số bài “*Hai mươi tuổi mới qua vòng thơ bế*”, “*Phải hy sinh, phải nhất thiết hy sinh*” nhưng đâu phải “*Gạt phăng hết những tình riêng nhỏ nhặt*”? Có những trạng thái tình cảm thái quá mặc dầu có thể thông cảm. Như cái uất ức người “*Như một con chó dại bỗng lên cơn/ Tôi lồng lên, tôi cố thét to hơn*” (*Tranh đấu*) hoặc cái vui say như mê đi ngày giải phóng “*Ta hét huyền thuyền, ta chạy khắp nhà/ Ta ngã vật trong dòng người cuộn thác*” (*Vui bất tuyệt* bản in cũ).

Hoặc như lãng mạn có màu sắc ảo tưởng (*Tiếng hát sông Hương*) mà sau này nhà thơ đã tự nhận ra.

Ca ngợi lãnh tụ thoáng có nét thần thánh hóa cũng đã được điều chỉnh (trong tập *Việt Bắc*). Đó là sự hưng phấn quá đà vượt lên tầm kiểm soát của lý trí tỉnh táo. Cũng như nhiệm vụ tuyên truyền đôi khi lấn át tình người chân thật qua đôi bài tâm tình (cũng trong tập *Việt Bắc*). Sự kìm nén tình cảm cá nhân nhất là tình yêu thật “tội nghiệp” một thời, đã được bổ sung ở *Toàn tập* sau này (*Sợ, Mưa rơi*).

Nhìn chung trên bước đường thăng tiến, nhà chính trị trưởng thành, vũng vàng dầu đã trở thành ca sĩ hào hùng của một thời. Nhà thơ Tố Hữu đã *nâng sự nghiệp dân tộc lên đỉnh cao thời đại*: “*Ta hóa vàng nhân phẩm lương tâm*”.

Tuy nhiên, lịch sử có những bước gấp khúc, ngoắt ngoéo, không chiếu theo hy vọng chân chính. Trong niềm vui rất tuyệt mới, những tưởng “*Độc lập, tự do từ nay vĩnh viễn*” nào ngờ “*Dập dồn gió bắc, gió tây/ Sóng to biển cả, một tay chống chèo*”. Ấu đó cũng là cái gây thơ chính trị của một thời mà Tố Hữu chỉ là người nói lên bằng thơ!

Những năm nhà thơ làm công tác quản lý nhà nước đã gặp bao tình huống khó khăn, phức tạp chống chọi. Mặc dầu gắng sức hết mình nhưng cá nhân không đủ sức vẫy vùng, tháo gỡ: “*Làm ăn, hai chữ quen mà lạ*”. Ngổn ngang bao tâm sự, nỗi niềm trong công việc không xuôi chèo, mát mái, cảm nhận nỗi buồn thấm thía cô đơn.

Có thể đôi lần mắt ta lạc lối.

Đó là lời tự nghiệm cũng là tự kiểm nghiệm khắc của một nhà lãnh đạo cao cấp - xét cho cùng đó không phải chỉ là trách nhiệm cá nhân mà do hạn chế lịch sử của tầm nhìn một thời đất nước chậm đổi mới. Ở đây chữ *Ta* lớn hơn chữ *Tôi*!

Tư duy ý chí, tự hào có phần quá đáng cũng là một căn bệnh cũ có tính xã hội (“*Chân dếp lóp/ Mà lên tàu vũ trụ*” (*Một nhánh xuân*)) đã được nhận ra để làm công cuộc *Đổi mới* lớn lao của sự nghiệp cách mạng.

Chính do biết tự điều chỉnh mà chiều sâu tư tưởng triết lý trong thơ Tố Hữu đã tăng tiến. Trước đây *triết lý cách mạng* thường đậm đặc và đôi khi còn được phát ngôn khô cứng như khẩu hiệu, thì sau này nhanh chóng chuyển thành *triết lý nhân sinh cách mạng* nhuần nhị hơn, hồn nhiên, bình dị mà sâu lắng hơn. Như về tình yêu: “*Có gì đẹp trên đời hơn thế/ Người yêu người, sống để yêu nhau*” (*Bài ca mùa xuân 1961*), “*Con người muốn sống con ơi/ Phải yêu đồng chí, yêu người anh em*” (*Tiếng ru*), về tình bạn: “*Cuộc đời không chỉ thiết miếng ngon/ Cần vui có tâm hồn bè bạn*” (*Gặp anh Hồ Giáo*).

Tâm sự đời hơn, chân thành hơn, nhất là sự trải lòng cuối đời. Đó chính là tầm cao mới của tư tưởng, tình cảm cũng là tâm hồn thơ của một nhà chính trị lão thực.

2.

Bước tiến nghệ thuật trong thơ Tố Hữu là sự quan tâm của giới nghiên cứu từ rất sớm. Các tác giả nổi tiếng như Trần Huy Liệu, Đặng Thai Mai, Hoài Thanh... đã từng có nhận xét thơ Tố Hữu từ buổi xuất hiện ban đầu sau Cách mạng. Nhiều thập kỉ sau, xuất hiện những công trình quy mô lớn của một số nhà phê bình có trình độ cao, chủ yếu là phái “Tây học” mới từ Liên Xô (cũ) về (Nguyễn Văn Hạnh, Trần Đình Sử...). Trường ảnh hưởng của Tố Hữu còn được mở rộng tới nhà trường từ cấp dưới đến bậc trên đại học - xuất hiện các dạng sách nhà trường thật phong phú cho cả học sinh và giáo viên. Từ khi công nghệ thông tin phát huy hiệu lực, trang mạng Internet về Tố Hữu phát triển đến mức khó kiểm soát nổi.

Nghệ thuật thơ Tố Hữu được chú tâm từ khi có các cuộc tranh luận về *Việt Bắc* qua tiến trình khá dài (11/3/1955 - 7/8/1955) và sau đó là *Từ ấy* khi tác phẩm chính thức được in năm 1959, lần 3 (Nxb. Văn học, Hà Nội). Như Phong mở đầu (4/1959), Xuân Diệu kết thúc (3/1960).

Đánh giá nói chung là nhất trí, có một vài ý kiến trái chiều. Dù sao cũng đã có một không khí dân chủ bước đầu. Và sau đó cho đến nay, là những tranh luận “ngầm” khi đối chiếu sáng tác của Tố Hữu với cách tân táo bạo của một số nhà thơ hiện đại kể cả hậu hiện đại.

Nhìn chung lại có thể thấy những chặng đường sáng tác lớn và những đóng góp quý giá trong sáng tạo nghệ thuật thơ của Tố Hữu.

Bước tiến của nghệ thuật thơ Tố Hữu là theo sơ đồ đường thẳng vút lên cao với mốc là những tập thơ trong chặng đường thơ tiêu biểu. Định hướng là tiến bộ nghệ thuật của thơ ca hiện đại.

Điều cần chú ý là những bước tiến không có trời, sục nhưng nhanh, chậm có khác nhau, tiếng thơ có những trầm bổng, căng chùng cũng khác nhau.

Xét về mặt tác gia, Tố Hữu đến nay vẫn là một nhà vô địch, chưa ai vượt nổi. Số tác phẩm thơ không thật đồ sộ nhưng được in lại nhiều lần và được dịch ra ngoại ngữ và xuất bản ở nước ngoài - kể cả ở Mỹ - là trên 100 bài. Tiểu luận văn xuôi khoảng trên 50 bài. Số phê bình, tiểu luận kể cả sách báo là khoảng trên 650 bài - tính đến hết năm 2010⁽¹⁾.

Không có tham vọng *tổng duyệt* số mục tư liệu đồ sộ và có thể có phần nhiều tập nếu tham khảo trang mạng, cũng không có ý định *tổng kết* đời thơ Tố Hữu, sau đây chỉ xin phác thảo vài cảm nhận hết sức khái quát.

1. Đoàn Trọng Huy, *Tố Hữu, nhà cách mạng nhà thơ*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2012.

Ở chặng đầu đời, với *Từ ấy*, Tố Hữu đã *mở một đợt phá khẩu* để tiến vào trận chiến văn chương thời đại. Các hội thảo về *80 năm Thơ mới - nhìn lại* quy mô vừa qua đều khẳng định lại số phận, vai trò của một phong trào tuy đã chấm dứt nhưng đã mở ra một thời đại thơ ca mới mang tính hiện đại hóa. Đó là công lao chủ yếu về hiện đại hóa để chấm hết với thi pháp thơ Trung đại Việt Nam và qua đó là bài học lớn về hội nhập thơ ca thế giới.

Đóng góp xuất sắc của Tố Hữu đã được khẳng định: *làm mới lại một lần Thơ mới, làm mạnh thêm một chất mới cách mạng*.

Nói cách khác, Tố Hữu *đưa thơ vào một quỹ đạo mới*: quỹ đạo thơ cách mạng - quỹ đạo của tiến bộ nghệ thuật mới.

Rất có lý khi ta xác định là *một thời đại mới thi ca đã bắt đầu*. Cùng với *kỷ nguyên độc lập, tự do*, thơ bước vào thời kỳ phát triển lịch sử mới. Nói chính xác hơn - *Từ ấy* và *Việt Bắc* đã làm nhiệm vụ xung kích *mở đường đúng cảm*. Nói đúng cảm là chính xác bởi phải qua luận chiến với *Thơ mới* như nhà thơ tự bạch qua cuốn hồi ký sau này và cũng đương đầu với loại ý kiến phản bác từ hai tranh luận 1959, 1960.

Kể từ đây, Tố Hữu cũng dần dần từng bước khẳng định *một thi pháp nghệ thuật mới*.

Chủ yếu nhất là để xướng một *quan niệm nghệ thuật mới về con người* với những nhân vật quần chúng - chủ nhân mới của đất nước. Đặc biệt là sự phát hiện một lãnh tụ kiểu mới (*Sáng tháng Năm*) và người anh hùng mới qua hàng loạt bài viết về anh bộ đội Cụ Hồ, bà mẹ kháng chiến mà nổi bật là *Bầm ơi*. Từ đó tạo dựng được *nhân vật trữ tình mới*.

Một *không gian nghệ thuật mới* mở ra: không gian công cộng và *thời gian nghệ thuật mới* cũng xuất hiện: thời gian sự kiện lịch sử. *Giọng điệu, ngôn ngữ* đời thường gần như lần đầu tiên được bác học hóa nhuần nhị trong thơ.

Tuy nhiên công bằng mà xét, *Từ ấy* còn ảnh hưởng khá nhiều của hơi thơ, điệu thơ thời *Thơ mới* mà thi sĩ ngưỡng mộ hàng đầu của Tố Hữu là các ngôi sao Thế Lữ, Xuân Diệu... kể cả ảnh hưởng Võ Liêm Sơn (*Cô lầu mộng*), Huy Thông (*Tiếng địch sông Ô*).

Giác ngộ giai cấp nhưng cũng vì vậy ý thức hệ giai cấp còn chi phối mạnh việc xây dựng hình ảnh thơ buổi đầu. Phải đến *Việt Bắc* và sau này nữa, hình ảnh “nhân dân - thần thánh” mới đích thực được khắc họa và có tính chất bao trùm thơ. Ngay cả miêu tả *Hồ Chí Minh* và *Sáng tháng Năm* cũng thể hiện sự bất cập ban đầu. Bác Hồ trong bài thơ sau là lãnh tụ đã mang tính nhân dân - là lãnh tụ nhân dân. Tất nhiên so với kiệt tác *Bác ơi, Theo chân Bác* với những hình tượng toàn vẹn thì có khoảng cách lịch sử khá xa.

Nếu *Từ ấy* có hơi thơ chủ yếu vẫn là trong quỹ đạo *Thơ mới* (thơ 7, 8 chữ) thì *Việt Bắc* mang giọng điệu mới qua hệ thống ngôn ngữ, hình ảnh thơ khai thác chủ yếu ở nguồn dân gian, do đó phong vị ca dao, dân ca nổi bật.

Sự đổi mới rõ rệt trong nghệ thuật Tố Hữu có thể thấy ở thời kỳ từ *Gió lộng*. Nhà thơ mạnh dạn bước vào quỹ đạo nghệ thuật mới với các *khuyên hướng thẩm mỹ* đã mở rộng Không ra tuyên ngôn cách tân một cách “ồn ào” mà âm thầm lặng lẽ, tự trải nghiệm và muốn nêu gương khiêm tốn từ mô hình sáng tạo bản thân.

Phải nói là hình thức biểu hiện đa dạng hơn, hình ảnh lung linh, biến báo thực, ảo. *Người con gái Việt Nam* mở đầu thật kỳ diệu: “Em là ai? Cô gái hay nàng tiên/ Em có tuổi hay không có tuổi”. Mộng và tình, hiện tại và quá khứ còn đan lồng nhuần nhuyễn qua cảm hứng lịch sử mạnh mẽ (*Xuân sớm, Tiếng hát sang xuân, Kính gửi cụ Nguyễn Du...*).

Hiện thực cách mạng và lãng mạn cách mạng cùng đậm sắc từ *Ra trận*. Thơ bay cùng với sự cất cánh mới của chiến thắng và niềm tin tất thắng. Ấy là nhờ chất men mới của thời cuộc đã tạo

ra chất say “*Thơ ta cần “say” mới thích... tôi rất thèm trong thơ một chất lãng mạn mới, một chất mê mới*”¹).

Một *thi pháp nghệ thuật hoàn chỉnh* được khẳng định cùng với một *phong cách nghệ thuật sáng tạo* đã định hình khá rõ để ngày càng bộc lộ vẻ đẹp nhiều sắc màu.

Cho đến năm 1975, một *không gian nghệ thuật mới mang đặc sắc vĩ mô và thời gian nghệ thuật tương tự - thời gian sự kiện - lịch sử* hiện rõ trong thơ. Cùng với nhân vật mang tính hào hùng hiếm có “*Như Thạch Sanh của thế kỷ hai mươi*”, con người mang phong cách huyền thoại của thời đại mới “*Ta sẵn sàng xé trái tim ta/ Cho Tổ quốc và cho tất cả*” cũng hiện diện trong thơ. Tất cả tạo nên *khuyên hướng sử thi* một thời mà Tố Hữu là đại biểu ưu tú nhất.

Tuy nhiên trong cái mạnh, cái hùng cũng bộc lộ “gót Asin” mà nhà thơ thể hiện một cách “nửa ý thức”.

Tình yêu - đúng hơn là thơ tình yêu - thiếu vắng trong thơ. E ấp trong *Bài ca mùa xuân 1961*, thấp thoáng trong *Chiếc áo xanh*. Tố Hữu có nói đến tình yêu lớn là tình tập thể (*Bài ca mùa xuân 1961*) nhưng sao lại không quan niệm tình yêu đôi lứa cũng có cái lớn, thậm chí mang tính nhân loại? Tình yêu nào hết mình, triệt để cũng đều đáng tôn vinh. Tố Hữu đã tự nhận nhược điểm này và chỉ có thể khắc phục sau này.

Ấy là sau năm 1975 nhất là sau năm 1986, khi bước vào *Đổi mới*. Đổi mới kinh tế, xã hội, nghệ thuật trước hết là từ trong chuyển động của con tim, khối óc.

Từ đây, thơ Tố Hữu có *sự hài hòa mới trong tư duy nghệ thuật* truyền thống - hiện đại, dân tộc - nhân loại, thời sự - thể sự, tình - mộng, hiện thực - tượng trưng...

1. Hà Minh Đức, *Tố Hữu, cách mạng và thơ*, Nxb. Văn học, 2008, tr. 346.

Về cơ bản, theo khuynh hướng chung là *sử thi chuyển thể sự*, nhưng đan lồng vào nhau, xen kẽ với nhau. Tố Hữu vẫn giữ âm hưởng hào hùng trong mạch thời sự tuy có giảm cường độ. Không gian vĩ mô vẫn còn nhưng hiện thực hơn qua khung cảnh vùng, miền qua loạt thơ “du ký” miền Nam, nhất là miền Trung. Vẫn có sự đan lồng không gian hiện thực và không gian tâm tưởng, hồi ức được mở ra rõ rệt từ *Nước non ngàn dặm* và trước đó là *Quê mẹ*. Xuất hiện không gian vi mô (*Vườn nhà, Ly hôn*) tuy không nhiều. Cùng xu hướng ấy là ngày, giờ, tháng, năm... cụ thể như thời gian biểu, như tờ lịch tâm hồn được mở ra đã khác xưa (*Đêm cuối năm, Sáng đầu năm, Ngày và đêm, Đêm xuân 85, Đêm thu quan họ, Đêm trăng Năm Căn*). Thời gian lịch sử - sự kiện được thay thế dần với sự có mặt nhiều hơn của thời gian tâm hồn, tâm tưởng. Thiên nhiên sinh động cũng xuất hiện với tầm khoáng đạt triết lý bộc lộ rõ con người thiên nhiên Tố Hữu⁽¹⁾. Giọng điệu hào hùng còn dư âm nhưng đã xuất hiện giọng tâm tình giàu trải nghiệm, triết luận và có màu sắc cá nhân rõ rệt. Bài thơ, tập thơ *Một tiếng đồn* là minh chứng. Nhịp điệu thơ trước đây là “tốc độ”, là “thôi thúc” (Tố Hữu: “*Thơ phải mang được nhịp điệu của thời đại mình*”⁽²⁾) nay khoan hòa hơn như tâm thế ung dung tự tại của nhà thơ. Cũng chính vì ở trạng thái đang muốn tìm sự thanh thản tâm hồn trên những nỗi niềm, ngổn ngang vui buồn nên nhà thơ ít quan tâm hơn đến chăm sóc *câu chữ, hình ảnh*. Không còn những đột phá táo bạo kiểu *Tiếng chổi tre, Êmily, con...* và thơ xuân một thời tung hoành, phóng khoáng. Xét kỹ, mặt bằng ngôn ngữ không có những xao động mới. Có cái “*mênh mông sông biển... nước xuống, triều lên*” mà thiếu đi ngọn gió lay động làm “*sóng biển tung trắng bờ*” (lời thơ trong *Mẹ Suốt*). Chùng nào đó sự trùng lặp trong tư duy, sự sáo mòn trong ngôn ngữ hình ảnh ở vài thời đoạn sáng tác trước lại trở về. Căn bệnh cũ tái phát tuy chưa đến mức

1. Đoàn Trọng Huy, *Hình tượng thiên nhiên đất nước qua nghệ thuật thơ Tố Hữu* in trong *Tố Hữu - thân thể và sự nghiệp*, Nxb. Hội Nhà văn, 2011.
2. Hà Minh Đức, *Tố Hữu, cách mạng và thơ*, Nxb. Văn học, 2008, tr. 347.

trầm trọng. Cũng không hẳn “*lão lai, tài tạn*”, có một *biến thể, biến hình* mới. Tố Hữu cuối đời tập trung vào dịch thơ, dồn sức vào mảng thơ hấp dẫn mới: vừa hiệu chỉnh, vừa dịch mới thơ cổ kim, Đông Tây của các nhà thơ cổ điển cũ và mới: Baudelaire, Verlaine, Hugo, Musset, Petőfi, Vartsarov, József, Mickiewicz, Mayakovsky, Simonov, Chichipatchev, Karim, Hikmet, Aragon, Brecht, Neruda, Tagore, Guillén, Nezval, Pritam... rồi Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị, Nguyễn Du, Cao Bá Quát (33 bài). Tài năng dồn tụ vào đây để được vinh danh: *Tố Hữu một tài năng dịch thơ lỗi lạc*⁽¹⁾.

Thơ Tố Hữu đã từ lâu có một trường độc giả và một trường ảnh hưởng hết sức rộng rãi. Từ lúc “*văn bản*” được truyền khẩu bạn tù hoặc được ghi trên lá trao tay qua song sắt, đến lúc được in ấn hàng trăm lần qua các nhà xuất bản trong và ngoài nước. Thế giới người đọc hết sức đa tạp, hoành tráng trải dài mọi không gian và thời gian. Theo những tháng năm dần dần có thêm những cách tiếp cận khách quan khoa học - lịch sử. Xưa kia, người ta đọc để tìm một liều thuốc tinh thần tiếp sức và bổ dưỡng, nhất là bạn đọc tù nhân. Trong đó có các độc giả bình thường và có “*siêu độc giả*” như Trương Tấn Sang. Khi thăm Tố Hữu lâm trọng bệnh, ông nói: “*Tôi đến thăm thấy tôi, thơ của thấy đã nâng đỡ tinh thần tôi rất nhiều khi tôi còn ở nhà tù Phú Lợi*”⁽²⁾. Nhà trường có người đọc nhiều nhất. Anh sinh viên ưu tú Nguyễn Phú Trọng từ rất sớm đã chọn để tài luận văn: *Phong vị ca dao, dân ca trong thơ Tố Hữu*. Nay với tư cách Tổng Bí thư Đảng đồng ý cho đăng bài trên *Kỷ yếu hội thảo* thân thể và sự nghiệp Tố Hữu⁽³⁾.

Nhiều thế hệ đã đọc thơ Tố Hữu để tìm *lịch sử, tiếng nói lịch sử* và *bài học lịch sử* cũng tìm *lịch sử tâm hồn* Tố Hữu và của chính mình. Cuộc đời Tố Hữu cũng là *Bài thơ lớn* trao tặng cuộc đời.

1. Mai Quốc Liên, *Giới thiệu Dị anh về*, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học - Nxb. Văn học, 2010, tr. 8.
2. Theo Vũ Thị Thanh, *Kỷ ức người ở lại*, Nxb. Văn học, 2012, tr. 290.
3. Nhiều tác giả, *Tố Hữu - thân thể và sự nghiệp thơ*, Nxb. Hội Nhà văn, 2011.

Phải đọc thơ như tìm một tiếng thơ còn nhiều tiềm ẩn để khai thác, hiện thực tâm hồn cá nhân và cộng đồng, những tiên tri dự báo và cảnh báo đầy bổ ích về cuộc đời.

Thơ Tố Hữu *đã được đọc, đang được đọc và sẽ được đọc mãi* chừng nào con người còn nhân cách, lương tri cao đẹp và tồn tại trên đất nước Việt Nam *Vạn xuân* và trên thế giới của lẽ phải, tình yêu và hy vọng.

Phần 2

TỐ HỮU - THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT THƠ



TỔ HỮU VÀ SỰ ĐỔI MỚI THƠ CA HIỆN ĐẠI VIỆT NAM^(*)

Ngày 1/5/1939, trên những trang báo của tờ *Mới* số 1 có bài viết ca ngợi “*Tổ Hữu, nhà thơ của tương lai*” với mấy kết luận hùng hồn: “*Với Tổ Hữu, chúng ta đã có một nhà thơ cách mệnh có tài. Lần đầu tiên trong lịch sử ta đó*”. Lời tiên đoán hết sức chính xác, táo bạo ấy vang lên trên văn đàn công khai của chế độ thực dân ngay lúc Tổ Hữu vừa sáng tác những bài thơ đầu tay. Tổ Hữu - nhà thơ của tương lai cách mạng, nhà thơ của tương lai nghệ thuật cách mạng.

Tháng 7/1975, Pierre Emmanuel có chân trong Viện Hàn lâm Pháp là một thi sĩ công giáo nổi tiếng đã tìm hiểu một thi sĩ cộng sản Việt Nam, viết bài tựa cho *Máu và hoa, con đường của nhà thơ Tổ Hữu*; “*Nhà thi sĩ ấy tự muốn mình là tiếng nói của dân tộc mình... Tổ Hữu, đắm mình trong dân tộc của mình cũng đồng thời là một thi sĩ độc đáo, một nhà sáng tạo các hình thể*”.

Chúng tôi dẫn ra ở đây hai ý kiến khác thường ở hai thời điểm rất xa nhau trong hai hoàn cảnh đặc biệt mà không dẫn ra những ý kiến của những nhà phê bình, nghiên cứu có tên tuổi quen thuộc ở trong nước từ sau Cách mạng Tháng Tám đến nay chính vì muốn khẳng định một cách thật khách quan cái kết luận lớn đã rất xác định “*Tổ Hữu, người mở đường và dẫn đường của thơ ca hiện đại*”

^(*) Tham luận Hội nghị Khoa học, trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 3/1980.

Việt Nam” và sự nhấn mạnh: “Tố Hữu - nhà sáng tạo lớn của thơ ca cách mạng Việt Nam”.

Không phải không có lý do khi người ta đặt vấn đề nghiên cứu *con đường thơ từ Tố Như (Nguyễn Du) đến Tố Hữu*. Cũng có ý kiến khi đi sâu phân tích thơ 6/8 đã chia ra ba thế hệ: thơ 6/8 trước Nguyễn Du, thơ 6/8 sau Nguyễn Du và thơ 6/8 từ Tố Hữu. Như vậy là có nhiều ý kiến, cùng với việc xác định vai trò mở đường của thơ Tố Hữu, đã khẳng định thơ Tố Hữu như là bước phát triển mới của nền thơ dân tộc trong lịch sử, là một biểu hiện sáng tạo nghệ thuật mới của thơ Việt Nam hiện đại.

Thơ Tố Hữu là sản phẩm trực tiếp của cách mạng vô sản, của thơ ca cách mạng, đồng thời cũng là sản phẩm của cách mạng thơ ca.

Tố Hữu tiếp thu được ở *Thơ mới* nhiều yếu tố tích cực “... những sinh lực mới, những hình thức để biểu hiện, những hình thức diễn đạt mới, một ngôn ngữ trực tiếp hơn, nhiều tính thơ hơn”⁽¹⁾. Theo Tố Hữu thì: “... Trước đó, từ lâu rồi... nhìn một cách nào đó thì thơ không tồn tại nữa”⁽²⁾.

Tố Hữu là nhà thơ cách mạng và cũng rất có ý thức, ông là *nhà cách mạng thơ*. Những sáng tác nghệ thuật của Tố Hữu là lớn lao, phong phú, sâu sắc và toàn diện.

Đã có khá nhiều phê bình, tiểu luận và công trình thơ có bàn trực tiếp đến thơ Tố Hữu và một số chuyên luận đã đề cập khá toàn diện về thơ Tố Hữu⁽³⁾. Ở đây, chúng tôi muốn đặt vấn đề đánh giá vai trò của Tố Hữu trước hết với ý nghĩa như *người mở đầu một thời đại thơ ca* như cách suy nghĩ về vai trò của nhà cách tân thơ lớn lao Mai-a-cốp-xki (Mayakovsky) đối với nền thơ ca Xô viết.

1. *Máu và hoa - con đường của nhà thơ Tố Hữu*, Nxb. Tác phẩm mới - 57 - 1/1976.
2. *Máu và hoa - con đường của nhà thơ Tố Hữu*, Nxb. Tác phẩm mới - 57 - 1/1976.
3. Xem các chuyên luận: Lê Đình Kỳ - *Thơ Tố Hữu* - Đại học Trung học chuyên nghiệp - Hà Nội, 1979; Nguyễn Văn Hạnh - *Thơ Tố Hữu, tiếng nói đồng ý, đồng tình, đồng chí*, Hội Văn học nghệ thuật Bình Trị Thiên, 1980.

Có thể xác định những vấn đề cơ bản về sáng tạo nghệ thuật thơ Tố Hữu trên các bình diện chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, sự xác định và phát huy một bản lĩnh nghệ thuật lớn, vững vàng, kiên định.

Thứ hai, sự tìm kiếm cái hài hòa cao độ về nhiều mặt trong thơ.

Thứ ba, sự đổi mới và kết hợp truyền thống hay sự xác định tính dân tộc hiện đại trong thơ.

Thứ tư, sự đóng góp tích cực có hiệu quả về thi pháp thơ trữ tình hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Cụ thể:

1. Sự sáng tạo quan trọng bậc nhất đối với nghệ sĩ thuộc về những vấn đề đường lối, phương hướng và phương pháp sáng tác. Tố Hữu đã khẳng định và phát triển một bản lĩnh nghệ thuật lớn trên ba mặt: quan niệm sáng tác thơ, phương pháp sáng tác (chung và riêng) và phong cách nghệ thuật thơ.

Quan niệm thơ Tố Hữu có nhiều nét tương đồng với quan niệm của các nhà thơ cách mạng vô sản, đồng thời cũng nêu rõ nét độc đáo mang cá tính sáng tạo của Tố Hữu. Quan niệm thơ Tố Hữu đặc biệt lưu ý trên một số vấn đề trọng yếu. Đó là *điều tâm hồn cảm xúc* - tấm lòng thơ “*càng thấu nhân tình nên vẫn thơ*”, là sự thống nhất hết sức hữu cơ lý tưởng chính trị và lý tưởng thẩm mỹ, giữa lý trí và tình cảm “*thơ là tiếng nói đồng ý, đồng tình, đồng chí*”, là sự xác định tính chiến đấu của thơ ca, tính Đảng Cộng sản sâu sắc “*Rằng thơ với Đảng nặng duyên tơ*”. Đồng thời còn là sự nhấn mạnh về *chủ nghĩa nhân đạo cộng sản* trong thơ. “*Thơ phải thật*”, “*người làm thơ trước hết phải chân thật với mình, với đồng chí mình, với Đảng mình, với nhân dân mình, với thời đại mình*”. Tố Hữu đề cao tính chân thật và cốt cách trung thực của nhà thơ. Khi đề cập “*thơ phải đâu là mấy điệu nhảm*”, Tố Hữu đã nhấn mạnh tính sáng tạo của sáng tác thơ: thơ là tư tưởng và nghệ thuật hài hòa, nhuần nhuyễn.

Tố Hữu đã thể hiện quan niệm bằng thực tiễn sáng tác sinh động của bản thân mà không bao giờ tư biện về nghệ thuật. Nhà thơ đã nêu cao ý thức chiến đấu thường trực trên lĩnh vực thơ kể từ những bài thơ tuyên ngôn chống lại quan niệm sai trái của các nhà *Thơ mới* đến những đề từ thơ *tuyên ngôn thơ* thời kỳ sáng tác sau này nhằm đề cao quan điểm văn nghệ của Đảng.

Sáng tạo phải có khuynh hướng, có nguyên tắc tính đảng. Chúng ta phê phán những chủ trương sáng tạo trái với quan điểm mỹ học mác xít kiểu phiêu lưu mạo hiểm của Apollinaire, kiểu tuyệt đối hóa vai trò sáng tạo thơ ca của Théodore de Banville hoặc những kiểu hiện đại chủ nghĩa kỳ quái khác. Chúng ta cần lưu ý một tuyên ngôn thơ rất giàu tính thời sự của Tố Hữu. Đó là bài *Chuyện thơ*, Tố Hữu không chỉ nói với chúng ta mà còn nói với nhiều người khác, nói đúng ra là tuyên chiến với thứ thơ phi chính trị kỳ quái trên thế giới trong thời đại chống Mỹ.

Về *phương pháp sáng tác*, Tố Hữu đã góp phần hình thành và phát triển thơ hiện thực xã hội chủ nghĩa dân tộc ở Việt Nam. Ở đây cần lưu ý một luận điểm của Braginxki trong bài viết “*Bàn tới vấn đề sự phát triển chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa trong các nền văn học phương Đông*”. “Nhà văn phương Đông đã được cổ vũ bởi những nguyên tắc nghệ thuật của Gorki, đã được nâng lên đến đỉnh cao của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁾. Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa dân tộc chính là sự tổng hợp văn học độc đáo, kết hợp nguyên tắc đề xướng của Gorki với truyền thống nghệ thuật nhân đạo dân tộc”. M. B. Khrapchenko cũng nhấn mạnh tính nhân dân, tính Đảng Cộng sản của văn học xã hội chủ nghĩa và nêu đó là “*nguyên tắc nghệ thuật có ý thức*” của nghệ sĩ “*Những tác phẩm mang âm hưởng nhân dân thực sự được tạo ra bởi các nhà văn có tài năng lớn và có cá tính sáng tạo đậm nét. Chính những tác phẩm ấy đã làm phong phú nền văn học xã hội chủ nghĩa bằng*

1. Braginxki, *Những vấn đề phương Đông học* - Khoa học, Matxcova, 1974 chuyển dẫn theo *Thông tin khoa học xã hội*.

những giá trị nghệ thuật có ý nghĩa thế giới”⁽¹⁾. Đây là những luận điểm chính xác căn cứ vào học thuyết của Lênin về văn hóa dân tộc xã hội chủ nghĩa. Tố Hữu, chính là một mẫu mực về sự tiếp thu sáng tạo độc đáo nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt nét trữ tình lãng mạn, cái “*cần phải có, nên có*” chất lý tưởng đậm đà trong sáng của Tố Hữu đối với sáng tác văn học.

Ở Tố Hữu đã sớm hình thành *phương pháp riêng* hay *phương pháp mang phong cách nghệ thuật rõ nét*. Đây là vấn đề riêng, chung hay tính đặc thù và tính cộng đồng của phương pháp sáng tác của Tố Hữu.

Ở đây cần lưu ý phân biệt để tránh nhầm lẫn về phương pháp và phong cách sáng tác. Cần khẳng định và phát huy phương pháp cá biệt của nhà văn vì như vậy phù hợp với việc làm phong phú cho nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa, không hề vi phạm tính quy phạm của phương pháp chung và lại càng không thể phá hoại sự thống nhất của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Tố Hữu đã góp phần xác định thơ trữ tình cách mạng bằng thực tiễn sáng tác sinh động của bản thân. Nổi bật là các đặc điểm cụ thể:

- Thơ đảm bảo tính chân thực thông qua cảm xúc điển hình.
- Thơ mang tính Đảng sâu sắc.
- Thơ đạt tiêu chuẩn cao về lý tưởng thẩm mỹ; nhuần nhuyễn hài hòa nội dung và hình thức.
- Thơ là tổng thể hài hòa trữ tình và sử thi, hiện thực và lãng mạn, mang âm hưởng chủ đạo lạc quan cách mạng.

Đặc điểm này thể hiện rõ nét đóng góp sáng tạo của Tố Hữu, đây là đặc điểm đạt được ở những nghệ sĩ tài năng của nghệ thuật

1. M. B. Khrapchenko, *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển văn học*, Nxb. Tác phẩm mới, Hà Nội, 1978.

hiện thực xã hội chủ nghĩa trong thơ như Mai-a-cốp-xki ở nền văn học Xô viết.

Vận dụng phương pháp nghiên cứu văn học theo loại hình cần quan tâm đầy đủ tới những mặt riêng biệt - đặc trưng của loại thể. Cần xem xét những đặc điểm, tính chất riêng tức là những phẩm chất đặc thù của nó từ phương thức phản ánh hiện thực đến nguyên tắc điển hình hóa nghệ thuật, nhất là các yêu cầu hài hòa nhiều mặt của yếu tố trữ tình cách mạng, yếu tố lãng mạn trong thơ.

Về sáng tác, Tố Hữu là một *phong cách nghệ thuật lớn*, giàu cá tính sáng tạo, phong cách của nhiều phong cách. Cần đấu tranh chống mọi quan niệm còn sơ sài, đơn giản hiện nay về khái niệm phong cách như sự hiểu biết phong cách chỉ là “bút pháp”, là “giọng điệu”, là “phong vị” hoặc chỉ hiểu phong cách ngôn ngữ mà không hiểu phong cách văn học. Phong cách là phạm trù giá trị thẩm mỹ, cần phải tu dưỡng phong cách nghệ thuật. Muốn vậy cần đi sâu phân tích quá trình hình thành, phát triển phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu.

2. Khi khẳng định thơ Tố Hữu đạt *sự hài hòa cao độ về nhiều mặt*, chúng tôi không chỉ coi đây là một nét *đặc điểm phong cách* bao trùm, một dấu hiệu đặc trưng khái quát mà còn là phạm trù đóng góp sáng tạo nghệ thuật trong quỹ đạo hiện đại hóa thơ ca của Tố Hữu. Nói cách khác, Tố Hữu đã tìm tòi và đã thành công trên một phương hướng chủ yếu: tìm một vẻ đẹp lý tưởng mới cho thơ cách mạng, một sự hòa điệu lớn trong thơ, giữa nội dung và hình thức, giữa tư tưởng và nghệ thuật.

Có thể nêu ra ở đây sự thống nhất giữa những cặp phạm trù chính và sự hài hòa của các cặp phạm trù ấy hiểu theo nghĩa triết học:

- Sử thi và trữ tình
- Miêu tả và biểu hiện

- Khái quát và cụ thể
- Hiện thực và lý tưởng
- Suy tưởng và cảm xúc
- Truyền thống và hiện đại hay dân tộc và cách mạng.

Về vấn đề hài hòa này, thực ra đã có nhiều nhận xét xác đáng như ý kiến của Chế Lan Viên, Hà Minh Đức, qua các tiểu luận về thơ của các tác giả.

Cần nhấn mạnh ở đây những nguyên nhân chủ quan và khách quan, sự hòa hợp chung, riêng của hồn thơ Tố Hữu.

“*Khi dân tộc nhích bước cùng thời đại*” (Tố Hữu) thì vấn đề chủ quan và khách quan gần bó. Hiện thực cách mạng khẩn trương, sôi động đã và đang ulla vào trong thơ, đòi hỏi phải kết hợp hữu cơ hiện thực và nghệ thuật theo hướng đúng đắn nhất. Tố Hữu “*lắng nghe cuộc sống gọi từng giờ*” giải quyết thấu đáo cái duyên “*Thơ với Đảng*” đã tạo cho sự đáp ứng cao nhất yêu cầu hòa hợp lớn ấy. Nhiều ý kiến cho rằng thời đại của cách mạng khoa học kỹ thuật diễn ra trên phạm vi thế giới hiện nay, thì sự xâm nhập lẫn nhau của các khoa học, giữa khoa học tự nhiên và khoa học xã hội là một hiện thực và cũng là một yêu cầu tất yếu. Đó là nguyên nhân sâu xa của yêu cầu tăng thêm chất văn xuôi trong thơ, đưa vào thơ những yếu tố tích cực của thể loại khác và điều đó đã tìm thấy chứng minh hùng hồn trong thơ Tố Hữu. Những yêu cầu khách quan lớn lao ấy bắt gặp sự đòi hỏi của một tâm hồn thơ nhạy cảm, giàu xúc động, dễ âm vang với cuộc đời dù là những xao động nhỏ bé đã tạo nên sự hòa hợp tự nhiên các yếu tố trong thơ Tố Hữu.

Về nguyên tắc quy định sự hài hòa, Tố Hữu sử dụng cả hai biện pháp thống nhất mặt đối lập và hài hòa mặt đồng dạng. Cả hai biện pháp này lại được phối hợp tinh khéo để tăng sức biểu đạt câu thơ, tập trung vào sức mạnh của hình tượng thơ.

Có khi là một sự khái quát cao như trong bài *Người con gái Việt Nam*. Có sự đối lập hình thức của hàng loạt phạm trù:

Cô gái	VÀ	Nàng tiên
Trần thế	MÀ	Thần thánh
Có tuổi		Không có tuổi
Có hạn		Vô hạn
Mái tóc		Mây sợi
Đôi mắt		Chớp lửa
Thịt da		Sắt, đồng
Con người		Tự nhiên
Cụ thể		Trừu tượng

Tóm lại tạo sự đối lập giữa bình thường và phi thường để nhằm đạt hiệu quả biểu đạt cao nhất (bình thường mà phi thường, tức đạt sự hài hòa cao nhất!).

Đây là kiểu thống nhất mặt đối lập như trong hàng loạt bài nhất là khi nêu sự hài hòa những nét tính cách trong hình tượng thơ: người phụ nữ trong *Tấm ảnh*, người chiến sĩ giải phóng quân trong *Tiếng hát sang xuân*, *Toàn thắng về ta*.

Sự hài hòa trong đoạn thơ sau đây còn được phát triển ở một dạng khác:

Ôi những nàng xuân rất dịu dàng
Hát câu quan họ chuyển dò ngang
Nhẹ nhàng tay cấy bên sông ấy
Súng khoác trên lưng chẳng gõ ngang.

(Xuân sớm)

Tuy nhiên, cần thấy ngay ở đây sự thành công chủ yếu của Tố Hữu chính là sự phát hiện ra cái hài hòa tuyệt đẹp của tâm hồn

con người dân tộc. Đó là cái gốc quyết định phương thức biểu hiện với nhiều thủ pháp nghệ thuật linh hoạt sáng tạo. Thơ Tố Hữu biểu hiện rất tế nhị, tinh vi yếu tố “sắt thép”, và “tơ bông” của con người cách mạng nhất là ở lớp người tiên tiến nhất, cái chiều cao vời vỏi và chiều sâu thẳm của những phẩm chất tính cách: tình yêu thương nhân dân và lòng quả cảm, vị tha tuyệt vời, cái khí phách “*Trường Sơn thanh cao*” và tâm hồn “*muôn trùng sóng bể*”.

Cần đánh giá cao tính chất hài hòa nhiều mặt trong thơ Tố Hữu như một sáng tạo mới về phẩm chất thơ ca chính, vì nền thơ dân tộc hiện đại đòi hỏi phải đáp ứng một sự hòa hợp cao về nhiều mặt quan hệ giữa hiện thực và đời sống nghệ thuật như Chế Lan Viên đã từng mơ ước trong lời tựa tập *Thơ chống Mỹ cứu nước* “*Một nền thơ Việt Nam, mang lý tưởng xã hội chủ nghĩa mà lại rất dân tộc, thừa hưởng truyền thống của cha ông nhưng táo bạo đi tìm cái mới hiện đại ngày nay, mang hoài bão chung của một nước, một thời, nhưng bao dung, trân trọng phong cách của trăm nhà chiến đấu trên những đỉnh cao nhưng không coi thường cuộc sống thường tình, kết hợp tính Đảng, tính nhân dân Việt Nam mà nhân loại, hiện thực mà rất đời thường, đi tìm cái thiện, cái chân “nhưng phải biểu hiện ra bằng hình thức đẹp”*”.

Thơ Tố Hữu chính là một mẫu mực hài hòa tuyệt đẹp của các tính chất, các chức năng văn học, giữa thơ ca và đời sống cách mạng, là một bằng chứng hùng hồn của sự phát triển thơ ca cách mạng.

3. Kết hợp nhuần nhuyễn đời mới và truyền thống, xác định tính dân tộc - hiện đại của thơ ngày nay là một sáng tạo có ý nghĩa lớn của Tố Hữu. Nhà thơ đã nêu một mẫu mực về hai mặt cơ bản:

- Sự tiếp thu có chọn lọc truyền thống thơ ca; tiếp thu chất ngọt ngào của ca dao, chất sâu sắc, trí tuệ của tục ngữ trong văn học dân gian; tiếp thu chất hàm súc, uyên bác của văn học cổ điển (*Truyện Kiều*, *Chinh phụ ngâm*...).

- Sự tiếp thu có chọn lọc văn học thế giới, tính chất tinh hoa của văn hóa, văn học nói chung và của thơ ca phương Tây và phương Đông nói riêng.

Cái đáng quý ở nhà thơ là bên cạnh lòng say mê và cảm nhận, nhạy bén truyền thống và ý thức công phá thường xuyên cái cũ, xông xáo đi tìm cái mới, thái độ không thỏa mãn với mình, không muốn lặp lại mình, luôn luôn tự vượt lên chính mình.

4. Tố Hữu đóng góp có hiệu quả vào toàn bộ *hệ thống thi pháp thơ trữ tình hiện thực* xã hội chủ nghĩa. Ở đây có thể tập trung khảo sát trên bốn bình diện - bốn bình diện này ứng với bốn thành phần của thơ theo lý luận hiện đại về câu thơ.

- Xây dựng và phát triển những chủ đề thơ phong phú và sâu sắc.
- Xây dựng hệ thống hình ảnh, hình tượng thơ linh hoạt bình dị và kỳ vĩ.
- Đổi mới thể loại và kết cấu truyền thống.
- Ngôn ngữ câu thơ dân tộc - hiện đại.

Về mặt *chủ đề*, thơ Tố Hữu ngày càng có được cái đa dạng phong phú, sinh động như của cuộc đời cách mạng ngày càng mở rộng. Điều đáng lưu ý ở đây là sự xuất hiện hàng loạt chủ đề mới mẻ, những chủ đề lớn với cảm hứng lịch sử sâu sắc, mang tầm vóc thời sự - thời đại rõ rệt. Tố Hữu đã tạo những cảm xúc lớn náo nức, tha thiết về lịch sử, về cách mạng, về tổ quốc, về nhân dân, dân tộc. Thường khi là qua những đề tài bình dị. Sự phong phú, sâu sắc nằm ngay trong một bài thơ.

Cần đề cập khái niệm *hệ thống chủ đề* trong mỗi sáng tác của Tố Hữu. Xin dẫn ra ở đây hai thí dụ tiêu biểu: bài *Tiếng chổi tre* và *Tấm ảnh* là hai bài rất giản dị về kết cấu, rất sáng rõ về chủ đề, rất ngắn gọn về câu thơ.

Ở bài *Tiếng chổi tre*, Lê Đình Kỵ phát hiện chủ đề người lao động bình thường và thái độ ca ngợi người lao động bình dị, quả

cảm trong cái vất vả thầm lặng. Hoài Thanh phát hiện thêm chủ đề ca ngợi người đêm trước dọn đường hoa, tượng trưng cho người cách mạng tiến bối. Hai chủ đề này gắn gũi nhau trong mối tương quan cụ thể và khái quát, mở rộng, tượng trưng cùng đề cập *lòng biết ơn, trân trọng* (người lao động, người cách mạng). Thực ra bài thơ còn có thể được khai thác hai chủ đề nữa. Đó là chủ đề xây và chống về đạo đức cách mạng: phải “quét rác” và “giữ sạch lối”.

Bài *Tấm ảnh* có chủ đề lớn là ca ngợi người phụ nữ anh hùng trong chiến đấu với tư thế dũng cảm tiến công như tư thế đứng trên đầu thù của dân tộc trong chống Mỹ, cứu nước. Tuy vậy bốn câu lại mang bốn chủ đề độc lập. Rồi bốn câu lại xâu chuỗi trong một sợi chỉ đỏ: chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Bằng thủ thuật bồi thẩn, Tố Hữu nâng dần người phụ nữ anh hùng lên cao: tư thế cao đồng nghĩa với phẩm chất cao đẹp. Từ đó gợi ra nhiều liên tưởng. “Tấm ảnh” đã trở thành có hình khối, thành bức tượng đài biểu trưng cho con người dân tộc trong thời chống Mỹ. Bài thơ vì vậy mang tính thời sự - thời đại tiêu biểu. Tứ tuyệt giản dị, hàm súc có cái dồn nén lại trong chiều sâu của mạch thơ.

Ở sáng tác của Tố Hữu, chủ đề truyền thống được đổi mới cách mạng. Những cái mới, cái cách mạng lại thường nằm trong những chủ đề có tính chất vĩnh cửu (như *sống, chết, tình yêu, hạnh phúc...*).

Nhà thơ có biệt tài trở đi trở lại một chủ đề quen thuộc mà không hề lặp lại, luôn luôn có sự đổi mới qua những chủ đề cũ.

Hệ thống hình ảnh, hình tượng thơ Tố Hữu thường mang tính chất đặc điểm rõ rệt: bình dị mà kỳ vĩ. Tố Hữu tạo ra được những *hình ảnh tình cảm* giản dị, hàm súc mang cái tân kỳ “vừa lạ, vừa quen”, có cốt cách truyền thống mà lại táo bạo, kỳ thú.

Những hình ảnh ấy đều được xây dựng trên những *cảm quan nhạy bén*. Xin dẫn ra ở đây một thí dụ: cảm quan *non - nước*, một cảm quan giàu tính truyền thống, gắn bó hiện thực lịch sử dân tộc và cũng đậm đà trong lịch sử văn học dân tộc.

Căn cứ vào một vài chỉ số bước đầu có thể đưa ra những nhận xét về cảm thụ thơ Tố Hữu.

- Cảm quan *non - nước* của tác giả hiện đại Tố Hữu hơn hẳn các tác giả cổ điển. Tỷ lệ trong các tác phẩm xấp xỉ 40% (tỷ lệ trong *Nhật ký trong tù* cũng khoảng 40%). Riêng trong hai tập *Ra trận - Máu và hoa*, tỷ lệ rất cao, xấp xỉ 100% (khoảng 20% câu thơ có yếu tố *non - nước* để chỉ Tổ quốc, khoảng 80% có dạng *non - nước* để chỉ hiện tượng tự nhiên, địa danh).

Nguyên nhân chính tạo nên cảm quan *non - nước* phải tìm ở tư tưởng và tình cảm của nhà thơ. Do thẩm nhuần chủ nghĩa yêu nước chân chính, Tố Hữu có cảm quan *non - nước* mạnh hơn và rõ hơn. Tần Đà, nhà thơ lãng mạn chỉ có chủ nghĩa yêu nước mơ hồ nên cảm quan không mạnh bằng và bị đẩy sang địa hạt tình yêu (*Thế non nước*).

Xét về khái niệm thì cảm quan *non - nước* hiện nay cụ thể đối với Tố Hữu có phần hẹp hơn so với cách hiểu trước kia. *Non - nước* có khi đã từng được hiểu là quan hệ trai gái, là tình yêu (ca dao, *Thế non nước*...) ⁽¹⁾, khi được hiểu là sắc đẹp, tài hoa “Làn thu thủy, nét xuân sơn”, là thủy chung hiếu đễ, là cơ nghiệp, là tài ba, khí phách “*Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo*” (*Truyện Kiều*)... ⁽²⁾.

Nhưng chính vì nay hiểu hẹp như thế nên khái niệm *non - nước* được minh định hơn, chính xác hơn.

1. ... Nay là nước lại xa non
Để năm canh tư tưởng héo hon ruột tâm
... Bao giờ lở núi Tần Viên
Cạn sông Tô Lịch chẳng quên nghĩa chàng.
2. ... Còn non, còn nước, còn dài
Còn về còn nhớ tới người hôm nay.

... Ôi quê ta rất anh hùng
Nước non đâu cũng trùng trùng tiến quân
... Còn trời đất đó, nước non đây
... Tái hợp huy hoàng, cả nước non
... Đường đi... hay giấc mơ dài
Nước non nghìn dặm nên bài thơ quê
... Xưa quê cha; mà tôi nào được biết
Có Trường Sơn cao, có biển Đông sâu.

Nhiều ý kiến cho rằng nghệ thuật thơ của Tố Hữu cũng là nghệ thuật xây dựng hình ảnh, có loại ý kiến nhận xét Tố Hữu nghiêng về một loại hình ảnh tĩnh hoặc động.

Đúng ra, do nét phong cách hài hòa, Tố Hữu thường kết hợp cả hai loại hình ảnh *tĩnh* và *động* tạo ra những bức tranh đẹp, trong sáng, giàu gợi cảm. *Xe lên đường 9 cheo leo/ Hố bom đỏ mắt, trắng đèo bông lau/ Cây khô, chết chẳng nghiêng đầu/ Nghìn tay than cháy, rạch màu trời xanh/ ...Trưa nóng, gà gáy Khe Sanh/ Tà Cơn dứa mật, hoa chanh ngắt đôi/ ...Cỏ vàng lác bước hươu nai/ Sóc buồn thấp thoáng bóng xoài đu đưa/ Vườn ai, cháy trụi ngọn dừa/ Mái chùa cong, gãy nét xưa điệu huyền/ Voi đi lững thững bình yên/ Bồng ngơ ngác đứng. Bom rền xa xa...*

Cái quan trọng ở đây là sự phối hợp ý - cảnh sinh động, sáng tạo để tạo cảm giác sống, ấn tượng về một sự *tồn tại, có thực*, sinh động, Tố Hữu đã dùng hệ thống hình ảnh trong đoạn thơ, dựng hình ảnh những người chết nhưng linh hồn bất tử ở trại giam Phú Lợi.

Chúng đã giết, nhưng làm sao giết được/ Hồn chúng tôi quần quanh cùng đất nước/ Như bóng dừa ôm những xóm làng yêu/ Như bóng cò bay sớm sớm chiều chiều/ Như sông lạch vẫn tắm đồng xanh mát/ Như sóng biển vẫn dập dềnh ca hát.

Một đoạn thơ có cả không gian ba chiều và thời gian vô tận. Mỗi câu thơ mà có cả hình ảnh, màu sắc, âm thanh hòa quyện. Đó là nét tạo hình tổng hợp của thơ Tố Hữu.

Tố Hữu có nhiều *đổi mới thể loại và kết cấu truyền thống*. Thể loại, kết cấu có sự vận động biến hóa linh hoạt dưới ngòi bút thơ Tố Hữu nhằm phục vụ chặt chẽ cho nội dung để đạt hiệu quả biểu đạt và thể hiện cao nhất.

Về *thể loại* có thể rút ra một số kết luận qua quá trình khảo sát như sau:

- Các thể loại trong thơ đều có con đường đi riêng phù hợp với sự phát triển của thơ Tố Hữu nói chung, khuynh hướng rõ nhất là phát triển gần bó với nội dung cần thể hiện (tức gần với sự phát triển của đề tài, chủ đề thơ, cảm xúc thơ).

Hãy nhận xét qua cách so sánh phát triển thơ 6/8 của Tố Hữu:

Từ ấy - Việt Bắc - Gió lộng - Ra trận - Máu và hoa Tỷ lệ chung
45% 32% 15% 16% 30% = 28%

Tỷ lệ 6/8 nói chung là *cao hơn* nhiều nhà thơ cùng thời. Riêng ở **Từ ấy**, tỷ lệ ấy vượt xa các nhà thơ lãng mạn thời kỳ 1930 - 1945. Điều đó chứng tỏ ngay từ đầu và mãi sau này Tố Hữu vẫn gần bó với thơ truyền thống.

Thời kỳ **Từ ấy**, **Việt Bắc**, tỷ lệ 6/8 cao vì lúc này nhà thơ đang tập trung biểu hiện cái tôi trữ tình cá nhân và sau đó là cái tôi trữ tình công dân cách mạng - cái tâm tình quần chúng.

Thời kỳ sáng tác **Gió lộng**, **Ra trận** tỷ lệ 7/8 lấn át. Tố Hữu tìm cách tăng sức biểu hiện thơ phù hợp với hiện thực cuộc sống mới mẻ, khẩn trương, bế bộn, tràn đầy những sự tích anh hùng.

- Mỗi thể loại đều có sự đổi mới mạnh mẽ. Kết quả là thơ 6/8 hiện đại của Tố Hữu linh hoạt hơn, uyển chuyển hơn, hài hòa cân

đối hơn, tăng sức biểu cảm mạnh mẽ. Thơ 7/8 được “tháo tung” sinh động hơn, khỏe chắc hơn; thơ tự do vừa phóng túng, thoải mái mở những khả năng rất rộng rãi để phản ánh hiện thực lại vừa cách luật hơn, ổn định hơn và tạo được âm hưởng nhất quán.

- Các thể loại đều vươn lên khuynh hướng sử thi cùng với thiên hướng khái quát xã hội. Có thể dẫn ra ở đây nhiều bài thơ xuất sắc đã đi sâu vào tâm hồn thế hệ ngày nay. Như 6/8 sử thi: **Việt Bắc**, **Nước non ngàn dặm**... 7/8 sử thi: **Bác ơi**, **Theo chân Bác**...

- Sự đổi mới của Tố Hữu mạnh mẽ nhưng bám rất chắc vào truyền thống, tạo những đỉnh cao mới trên cái nền vững chãi của truyền thống. Cái táo bạo, kỳ lạ lại vốn là nảy sinh từ cái gì rất quen thuộc xa xưa. Chẳng hạn **Tiếng chổi tre** là thơ tự do rất phóng khoáng nhưng chính là có cái cốt cách rất rõ rệt của thơ 7 chữ. Rất nhiều sự tách rời, cắt xé, phá vỡ câu thơ nhưng khổ thơ truyền thống lại có thể liên kết, ăn nhập với nhau cân đối, hài hòa trong một chỉnh thể tác phẩm thống nhất nhờ vai trò cấu trúc kỳ diệu của âm vận, tiết tấu và nhịp điệu thơ.

Hiệu quả biểu cảm bao giờ cũng là mục đích cao nhất của đổi mới thể loại thơ Tố Hữu. **Lại về** mà một hợp thể nhằm biểu đạt nhiều sắc thái của tình cảm, **Bài ca mùa xuân 1961** kết cấu tầng lớp sôi nổi, phong phú. **Theo chân Bác** trang nghiêm lịch sử, **Tấm ảnh** là thơ để vịnh hàm súc, **Mẹ Suốt** phù hợp lối kể chuyện bình dị mà cao thượng...

Có thể khảo sát những đặc điểm của *ngôn ngữ thơ* dân tộc hiện đại trong sáng tác của Tố Hữu.

Về *từ ngữ* có sự chuyển hóa linh hoạt *nghĩa của từ* trong thơ. Một ví dụ nhỏ có ý nghĩa tiêu biểu lớn: những sắc thái biểu cảm đa dạng của từ *ngẩn ngơ*:

... Tôi đứng vậy ngẩn ngơ mà ngẫm mãi¹
(*Trên đường thiên lý* - 1964)

Từ thống kê có thể rút ra nhận xét:

- Rất giàu vần (trong số tổng số dòng thơ, trong một câu thơ).
- Giàu vần *chính*, vần *thông* - vần *chân*, vần *liền*.
- Vần *bằng* nhiều hơn vần *trắc*.

Qua khảo sát cụ thể, tổng hợp lại cần nêu ra những kết luận quan trọng:

- Vần thường rơi vào từ *chốt* của câu thơ, đoạn thơ.
- Vần thơ tạo nên sự giàu có của nhạc điệu.
- Vần tạo nét phong cách: tạo câu thơ liền mạch, gắn bó hữu cơ với nhau. Vần gắn nhịp điệu tạo nhiều đối mới linh hoạt tăng sức biểu cảm cho câu thơ.

Về *nhịp điệu*, có thể thấy mấy đặc điểm nổi bật:

- Sự cắt nhịp dựa vào hệ thống dấu chấm phong phú ngày càng được nâng lên tỷ lệ cao, biểu hiện nét đổi mới.
- Nhịp điệu rất linh hoạt nhằm tăng sức biểu cảm câu thơ.
- Nhịp điệu bảo đảm nghiêm ngặt quy luật ngôn ngữ dân tộc, tính cách luật của ngôn ngữ thơ.
- Nhịp điệu bảo đảm sự luân phiên hài hòa bằng, trắc và thiên về bằng.

Nhìn chung lại vần và điệu trong thơ Tố Hữu có sự đóng góp tích cực cho *sự thể hiện phong cách thơ Tố Hữu*: đó là tính chất dịu ngọt, thiết tha, hài hòa cao độ trong khuynh hướng sử thi - trữ tình cách mạng, một trong những nét phong cách chủ yếu của Tố Hữu.

VỀ PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT THƠ TỐ HỮU^(*)

I. GIỚI HẠN VẤN ĐỀ XÁC ĐỊNH PHONG CÁCH THƠ TỐ HỮU

Như đã giới thiệu, bài viết của chúng tôi nhằm trọng tâm là đề xuất một số lý luận cơ bản cụ thể về phong cách nghệ thuật và phong cách thơ làm cơ sở cho việc phân tích phong cách nói chung và phong cách thơ nói riêng.

Phân tích phong cách thơ Tố Hữu là phần thử vận dụng chỉ có tính chất phác thảo.

Chính vì vậy bài viết này cũng không nhằm lý giải toàn bộ vấn đề phong cách thơ Tố Hữu và cũng chưa đứng chắc ở góc độ văn học để làm nhiệm vụ minh họa cho lý luận. Chúng tôi chỉ đặt một nhiệm vụ khiêm tốn là *phác thảo một gợi ý về phương hướng xác định nội dung, đặc điểm phong cách thơ Tố Hữu*. Nói cách khác phần này chỉ có ý nghĩa về phương pháp luận mà chưa là một giải đáp hoàn chỉnh.

Tất nhiên chúng tôi sẽ giải quyết trong một công trình khác hoặc mở rộng nhiệm vụ của chính công trình sau này.

(*) Chuyên đề *Tố Hữu* sau đại học, Đại học Sư phạm Hà Nội, 1976 - 2005. (Chính lý 2005).

II. PHÂN TÍCH VỀ MẶT LOẠI HÌNH SÁNG TÁC THƠ TỔ HỮU

Sáng tác thơ của Tố Hữu có một khối lượng đáng kể.

Tuy nhiên, các bộ phận sáng tác không phân chia thật rạch ròi, tính chất loại hình ở một số bài thơ không được định rõ. Vì vậy việc tìm tòi sự biểu hiện phong cách quá tỉ mỉ ở những bộ phận sáng tác nhất định là điều không thật cần thiết (So sánh với thơ Hồ Chủ tịch có hai bộ phận rõ rệt: thơ tuyên truyền, cổ động cách mạng và thơ cảm hứng trữ tình).

Thơ Tố Hữu tuyệt đại bộ phận là thơ cảm hứng trữ tình.

Tuy nhiên đứng ở góc độ phân tích loại hình, chúng ta cũng có thể phân định ra hai loại chính, trong mỗi loại có thể chia ra nhỏ hơn:

+ *Thơ cảm hứng trữ tình:*

- Cảm hứng trữ tình thuần túy (tuyệt đại bộ phận).

- Trữ tình - tự sự (loại thơ kể chuyện - tâm tình: *Mẹ Suốt, Chuyện em...*).

+ *Trường ca:*

- Trường ca sử thi (có màu sắc trữ tình: *Theo chân Bác*).

- Thơ trường thiên trữ tình (*Việt Bắc - Nước non nghìn dặm*).

Có thể có loại trung gian ở đây: *Ba mươi năm đời ta có Đảng*. Thơ Tố Hữu trong *Từ ấy* có nhiều bài có tác dụng tuyên truyền, động viên cách mạng rõ rệt nhưng không nên và khó có thể xếp vào loại thơ tuyên truyền, cổ động (như thơ Phan Bội Châu, Hồ Chủ tịch), xưa nay chưa ai chia như vậy là có lý do khoa học. Trường hợp bài *Thưa các ông Nghị* giàu tính chất hiện thực và có nét trào phúng nhưng đó là hiện tượng cá biệt gần như ngoại lệ trong sáng tác của Tố Hữu (có tính chất tự trào còn có *Con cá, chột nửa*).

Khi nói về thơ Tố Hữu, Chế Lan Viên có nhận xét “*Khó mà định rõ phong cách anh trong những thể nhất định*”⁽¹⁾. Chỉ xin nói thêm: tuy khó nhưng có thể và cần thiết phải xác định cho được phong cách ở những thể loại nhất định.

III. PHƯƠNG HƯỚNG XÁC ĐỊNH KHUYNH HƯỚNG - DÒNG PHONG CÁCH, XÁC ĐỊNH ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN PHONG CÁCH

1. Thơ Tố Hữu là tiếng thơ của dân tộc trong thời đại ngày nay, góp phần tích cực vào văn hóa nhân loại, có vị trí xứng đáng của nó.

Sáng tạo nghệ thuật của Tố Hữu phải được xếp vào *những dòng phong cách lớn của văn học, của thơ ca hiện đại...*

Thời đại chúng ta ngày nay là thời đại thật sự anh hùng, thời đại những kỳ tích của sự nghiệp cách mạng. Thời đại ấy đòi hỏi nghệ thuật anh hùng. “*Thời đại anh hùng đòi hỏi những lời lẽ anh hùng*” (Gorki). Chính vì vậy *chủ nghĩa lịch sử* thấm nhuần sâu sắc trong văn học, trong thơ ca và trong thơ Tố Hữu nói riêng. Anh hùng ca trong thơ thực chất là anh hùng ca trữ tình. Nó trở thành tiếng nói lớn lao, vang động, tiếng nói chính diện của thời đại và cũng là của thời đại thơ ca.

Anh hùng ca trữ tình chính là dòng trữ tình xã hội lớn - thường xuất hiện ở những thời kỳ có biến động cách mạng lớn lao.

Những nhà thơ cách mạng và đi theo cách mạng đều vươn lên khuynh hướng đó. Tố Hữu, người ca sĩ lớn của cách mạng vô sản đã tâm mình trong dòng lớn đó của thời đại thơ.

Với quan điểm phân tích trên cần phải đặt sáng tác của Tố Hữu vào dòng phong cách, khuynh hướng phong cách lớn của văn học hiện đại Việt Nam trên phạm vi thể giới: *sử thi - trữ tình* hoặc *trữ tình - sử thi*.

1. Chế Lan Viên, *Tựa Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1974.

Sắp xếp như vậy là phù hợp với vị trí sáng tạo nghệ thuật của nhà thơ cả trong phạm vi dân tộc và phạm vi toàn thế giới.

Một mặt là lá cờ đầu trong thơ ca cách mạng Việt Nam hiện đại, lá cờ đầu trong thơ ca chống Mỹ, Tố Hữu không thể không đứng cạnh Pablo Nêruda (Pablo Neruda) - Nadim Hich Mết (Nazim Hikmet)... cả về mặt vị trí chính trị và vị trí thơ ca.

Mặt khác Tố Hữu là một phong cách lớn tiêu biểu cho dòng thơ trữ tình xã hội, là nhà thơ sử thi luôn mở đường và dẫn đường cho thơ ca hiện đại phải có vị trí xứng đáng nhất trong dòng phong cách lớn của thơ thế giới và cũng là thơ dân tộc.

2. Tuy nhiên, trước khi là tiếng thơ của thời đại, Tố Hữu là tiếng nói tiêu biểu của dân tộc. Cái chất phương Đông, cái chất Việt Nam thấm đượm trong thơ hầu hết như là sự kết tinh cao độ. Chính vì vậy, để tăng cường tính xác định cho phong cách thơ giàu truyền thống, chúng tôi quan niệm *đặc trưng cơ bản của phong cách thơ Tố Hữu là trữ tình - sử thi dân tộc* hoặc *sử thi - trữ tình dân tộc*.

Sự xác định đặc trưng cơ bản này bao quát cả nét chung và riêng của cá tính sáng tạo Tố Hữu. Nhất là thể hiện rõ màu sắc riêng đóng góp vào cái đa dạng của phong cách trữ tình xã hội chung.

Mặt khác trong mối quan hệ đồng đại và lịch đại với các thế hệ nhà thơ, đặc trưng trữ tình của Tố Hữu không thể lẫn lộn. Đó là một đặc trưng “kép” có ý nghĩa như chứa đựng một hệ thống đặc trưng: *Trữ tình - sử thi - dân tộc*. Các đặc trưng ấy tổng hòa thành một đặc trưng lớn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG XÁC ĐỊNH TÍNH CHẤT, ĐẶC ĐIỂM PHONG CÁCH THƠ TỐ HỮU

Phong cách thơ Tố Hữu là *một phong cách lớn* một phong cách của những phong cách. *Tính phong phú đa dạng là tính chất nổi bật* như là một phẩm chất của phong cách thơ Tố Hữu.

Rất nhiều ý kiến phát biểu dưới những dạng khác nhau đã nhất trí về cơ bản tính đa dạng, phong phú của phong cách thơ Tố Hữu. Có điều là những khái niệm đó chưa thật xác định về nội dung và vì vậy xét cho kỹ cũng chưa hẳn là thật nhất trí⁽¹⁾:

“Một phong cách không đơn điệu”.

(Chế Lan Viên)

“Một phong cách dân tộc và quần chúng rất đa dạng”.

(Hoài Thanh)⁽²⁾

“Sự đa dạng trong thơ Tố Hữu còn được biểu hiện ở sự hài hòa trong phong cách sáng tạo”.

(Hà Minh Đức)⁽³⁾

Thực ra việc sáng tạo ra những phong cách lớn đa dạng, phong phú cũng là quy luật sáng tạo của nghệ thuật trong đó có phong cách. Lịch sử văn học thế giới với những thiên tài văn học, thơ ca đã chứng minh hùng hồn điều đó.

Đứng về mặt chuyển hóa triết học, *đặc điểm* của phong cách có thể hiểu là bản chất phong cách. Ở đây chúng tôi chỉ nêu *hai đặc điểm có tính chất bao trùm, quán xuyên những nét phong cách chủ yếu*, những phương diện, những yếu tố phong cách chủ yếu.

- *Đặc điểm giản dị, hàm súc.*

Đặc điểm này có thể hiểu là giản dị và hàm súc hoặc chính xác hơn: giản dị mà hàm súc.

Về mức độ giản dị cần hiểu là hết sức hồn nhiên tự nhiên, hàm súc đạt mức cổ điển.

1. Như khái niệm “Phong cách đa dạng” và “Bút pháp đa âm sắc” (xem thêm *Văn học Việt Nam chống Mỹ cứu nước* - sách đã dẫn).

2, 3. Các sách:

- Chế Lan Viên, *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, 1979. In lại trong *Tố Hữu - Về tác gia và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr. 207.
- Hoài Thanh, *Giới thiệu thơ Tố Hữu*, Nxb. Giáo dục, 1996.
- Hà Minh Đức, *Tố Hữu, cách mạng và thơ*, Nxb. Văn học, 2008, tr. 230.

“Tổ Hữu rèn luyện để có được những câu thơ thật đơn giản mà tràn đầy tình cảm. Nhiều câu thơ Tổ Hữu đã đạt được cái trong sáng của những câu thơ cổ điển.” (Xuân Diệu)⁽¹⁾.

- Đặc điểm hài hòa, tinh tế.

Thực ra hài hòa là một tiêu chuẩn, một thước đo chung phổ biến trong nghệ thuật phù hợp quy luật thẩm mỹ. Tổ Hữu độc đáo ở chỗ đạt được sự hài hòa cao độ về rất nhiều phương diện cơ bản cốt yếu nhất.

Hài hòa và tinh tế xuyên thấm vào nhau và thẩm nhuần thơ Tổ Hữu, nhất là trong giọng điệu thể hiện. Tổ Hữu là người hơn ai hết rất ý thức được điều này trong sáng tạo phong cách:

“Thơ là cái đó: sự im lặng giữa các từ. Nếu người ta lắng nghe cái im lặng đó thì có những tiếng dội rất đa dạng và rất tinh tế.

... Thơ phải chăng là điệu ấy: mơ ở trong thực, cái vô hình trong cái hữu hình. Những màu sắc ở trong màu trắng. Đó là điệu mà người ta gọi là sự tinh diệu của ngôn ngữ và tâm hồn.”⁽²⁾

V. PHƯƠNG HƯỚNG XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BẢN CHẤT ĐẶC ĐIỂM, TÍNH CHẤT PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT

Xác định những nét đặc trưng của phong cách trên cơ sở đặc trưng cơ bản

- Sử thi lãng mạn
- Trữ tình đậm thấm
- Dân tộc đậm đà

Phân tích đặc điểm, tính chất phong phú.

- Giản dị, hàm súc

1, 2. Tổ Hữu với chúng tôi, Lời nói đầu tập *Sang et fleurs Le chemin du poète Tô Hữu* EFR - Paris, 1975 của Mireille Gansel (*Máu và hoa - Con đường của Tổ Hữu*) ghi lại lời phát biểu, trò chuyện của Tổ Hữu. In lại trong *Tổ Hữu - Về tác giả và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr. 118.

- Hài hòa, tinh diệu

- Phong phú, đa dạng

Phân tích các yếu tố phong cách theo đặc trưng thể loại và cấu trúc thành phần thơ:

- Cảm hứng chủ đạo và hệ thống các cảm hứng

Bao quát:

- Đối tượng cảm hứng: con người xã hội

- Chủ đề cảm hứng: vấn đề xã hội, nhân sinh (kể cả mô típ chủ đề)

- Hình ảnh, hình tượng thơ: Phân loại, xác định tính chất (kể cả các mô típ hình ảnh đặc trưng)

- Thể loại và ngôn ngữ thơ

- Giọng điệu thơ, âm hưởng thơ

Phân tích đại lược về nhân tố tạo thành phong cách - sự hình thành phong cách

Xét cho cùng phong cách thơ Tổ Hữu cũng được hình thành theo quy luật chung nhưng được cụ thể hóa trong trường hợp cá biệt.

Nhân tố chủ quan:

1. Cá tính dồi dào giàu yêu thương lớn. Tâm hồn đa dạng, hồn thơ nhạy cảm mãnh liệt.

2. Lý tưởng cao đẹp. Tầm tư tưởng cao vời. Tầm nhìn rộng lớn.

3. Vốn sống giàu có, kinh nghiệm sống phong phú, tay nghề điêu luyện.

- Cá tính sáng tạo mạnh mẽ.

Nhân tố khách quan:

4. Yêu cầu cao của cách mạng. Tiếng nói lý tưởng độc đáo bằng thơ.

5. Yêu cầu cao của nghệ thuật cách mạng: tiếng nói chiến đấu nhân đạo cộng sản thời đại anh hùng đầy sức mạnh - bản chất sáng tạo của nghệ thuật.

6. Sự ảnh hưởng lẫn nhau của các phong cách thơ.

7. Truyền thống văn hóa dân tộc: truyền thống anh hùng và trữ tình của thơ ca Việt Nam.

8. Truyền thống văn hóa thế giới.

Chế Lan Viên phát biểu cô đọng về phong cách Tố Hữu:

“Tài năng và phong cách của một nhà thơ là nằm ở nơi sức chói sáng của lý tưởng, ở vốn hiểu biết thực tế phong phú, và ở nơi tâm hồn xúc cảm mãnh liệt của anh ta vậy”¹⁾.

VI. NHÌN QUA SỰ PHÁT TRIỂN PHONG CÁCH THƠ CỦA TỐ HỮU

Nhà văn không thể một lần và vĩnh viễn tạo ra phong cách. Đó là nhận định nhất trí của nhiều nhà nghiên cứu về quy luật sáng tạo phong cách.

Sau đây là một số phác thảo về khuynh hướng phát triển phong cách thơ của Tố Hữu:

1. *Phát triển qua từng thời kì lớn, từng giai đoạn nhỏ trong quá trình sáng tác*, thậm chí có khi thể hiện những dấu hiệu biến đổi qua từng tác phẩm (bài thơ, tập thơ) với từng mức độ khác nhau. Phát triển do nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan.

2. *Biến đổi theo hướng tích cực*: bổ sung cái phong phú đa dạng, củng cố ổn định cái xác định, gạt bỏ loại trừ cái tiêu cực, cái không phù hợp theo phương hướng chung phát huy cá tính sáng tạo thơ, luôn tìm tòi đổi mới, tự vượt lên chính mình.

3. *Phong cách sớm hình thành và sớm ổn định bền vững* chứng tỏ bản lĩnh nghệ thuật vững vàng.

1. Chế Lan Viên, *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, 1979. In lại trong *Tố Hữu - Về tác giả và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, 1999, tr. 213.

4. *Phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu có giá trị thẩm mỹ cao và có ảnh hưởng tích cực* lớn lao đến việc xây dựng nền thơ hiện đại Việt Nam đặc biệt trong thế kỷ XX.

- Nêu gương tốt về một số mặt: ảnh hưởng gián tiếp, trực tiếp đến nhiều thế hệ thơ.

- Làm giàu tiếng thơ về mặt cá tính sáng tạo.

- Góp phần sáng tỏ nguyên lý “một hướng trăm dòng” của phương pháp mang nhiều phong cách sáng tạo.

VII. ẢNH HƯỞNG CỦA MỘT PHONG CÁCH LỚN

Chúng ta nhất trí với nhau về khái niệm ảnh hưởng là tác động tương quan giữa các đối tượng trong môi trường quan hệ. Tố Hữu có chịu ảnh hưởng của nhiều nhà thơ khác trong đó có ảnh hưởng phong cách. Sự ảnh hưởng ấy là gián tiếp.

Tuy nhiên phải công nhận rằng theo quy luật của ảnh hưởng thì cái mạnh thường tác động vào cái không mạnh bằng, tức phần nào cũng có thể lấn át. Tố Hữu ảnh hưởng đến người làm thơ khác chủ yếu là gián tiếp về phong cách. Cách này là phổ biến và thường đạt hiệu quả sâu sắc. Sự mô phỏng, bắt chước bao giờ cũng không thể chấp nhận vì trái với quy luật phổ biến trong nghệ thuật (trường hợp Thanh Hải nhận ảnh hưởng trực tiếp phong cách của Tố Hữu đã thất bại trong một số bài thơ cụ thể).

Câu phát biểu của Biêlinxki (Belinsky) rất phù hợp với trường hợp của Tố Hữu: *“Ảnh hưởng của nhà thơ lớn không phải biểu hiện ở chỗ là thơ của anh ta được phản ánh rõ trong thơ của người khác mà ở chỗ, anh ta đã đánh thức trong họ những năng lực cá nhân, giống như tia sáng mặt trời không truyền cho đất năng lực của mình mà chỉ thức tỉnh năng lực vốn có của nó”¹⁾.*

1. Biêlinxki, *Toàn tập*. Chuyển dẫn trong cuốn *Văn học Việt Nam chống Mỹ cứu nước*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1979.

PHỤ LỤC VỀ SƠ ĐỒ

Quan điểm xây dựng sơ đồ phải thấu đáo nội dung, đặc điểm, tính chất của phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu.

- Căn cứ **lý luận** của sơ đồ phong cách nghệ thuật là căn cứ cơ bản về phong cách nghệ thuật nói chung.

- Căn cứ **thực tiễn** là sự phân tích, phát hiện của bản thân và thành tựu của giới nghiên cứu, lý luận, cần tổng hợp những phát hiện từng mặt để có cái nhìn toàn cục.

- Sơ đồ phải **lý giải** được tương đối sáng tỏ những vấn đề lý luận.

Sau đây là một số gợi ý chính để tham khảo.

Sơ đồ I:

Về đặc trưng phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu

A	I. PHÁC THẢO LƯỢC ĐỒ
DẠNG TỔNG QUÁT	TRỮ TÌNH - SỬ THI DÂN TỘC
(ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN)	(SỬ THI - TRỮ TÌNH DÂN TỘC)
B	
NÉT CHỦ YẾU	(YẾU TỐ PHONG CÁCH)

SỬ THI LĂNG MẠN (1)	TRỮ TÌNH ĐẦM THẨM (2)	DÂN TỘC ĐẬM ĐÀ (3)
- Thiên hướng khái quát - Anh hùng ca hiện đại - Chủ đề xã hội	- Sức mạnh tình cảm - Yêu thương chân thành - Hơi thơ liến mạch - Giọng tâm tình	- Dân tộc truyền thống - Dân tộc hiện đại - Đại chúng

LƯỢC GIẢI SƠ ĐỒ

1. Sử thi lăng mạn

+ Cảm hứng xã hội.

+ Thể tài: trữ tình chính trị.

+ Đề tài, chủ đề: Phong phú, khái quát, tổng hợp xã hội rộng lớn, thời sự - thời đại, trí tuệ, lý tưởng.

+ Hình ảnh hình tượng: Khái quát giàu tính công cộng, xã hội nhiều "tầng" nhiều "lớp", kỳ vĩ, ước lệ mới.

+ Loại hình: Trữ tình sử thi (anh hùng ca), chính luận hùng tráng.

+ Ngôn ngữ: Ví von, so sánh sử thi, trang nghiêm, ước lệ mới.

- Âm hưởng: Anh hùng ca - lãng mạn cách mạng; khuynh hướng sử thi hóa.

+ Thể loại: Sử thi mới, trường ca hiện đại.

+ Kết cấu: Sinh động, tầng lớp, tổng hợp; khuynh hướng giao hưởng thơ; mạch thơ rộng dài phóng khoáng.

+ Giọng điệu: Hào hùng, vang động.

2. Trữ tình đậm thẩm

+ Cảm xúc chủ đạo: Trữ tình cách mạng, yêu thương tha thiết, mạnh mẽ, truyền cảm trực tiếp.

+ Hình ảnh: Gợi cảm, "hình - tình".

+ Âm hưởng: Lôi cuốn, hơi thơ liến mạch.

+ Tiết tấu: Nhịp độ, hài hòa.

+ Giọng điệu: Tâm sự, đối thoại, thâm thi, nhấn nhá; tâm tình, chân tình, điệu tâm hồn thiết tha, hiền dịu.

+ Âm vận: Giàu vần: vần lưng, vần liến, vần chính; nhạc tính phong phú, thiên về Đường luật.

- + Thể loại: Cách luật truyền thống (6/8).
- + Ngôn ngữ: Hài hòa (đối thanh, đối âm...) gợi cảm, từ cảm thán, hư từ...

3. Dân tộc đậm đà:

- + Tầm hồn tính cách tâm lý Việt Nam: sâu sắc, lý tưởng cách mạng; dân tộc, thời đại cao cả.
- + Hình ảnh: Cảnh sắc sinh hoạt dân tộc đặc sắc, đậm đà hình ảnh truyền thống.
- + Thể loại: Phong phú, linh hoạt, đổi mới và truyền thống: dân gian, cổ điển và cách luật dân tộc (5, 6/8, 7 và hợp thể, biến thể).
- + Âm điệu: Hơi thơ dân tộc. Nhịp điệu tiết tấu dân tộc và đổi mới, nhạc điệu dân tộc, thơ gần điệu ru, lời hát, tiếng hò, câu ca.
- + Ngôn ngữ: Truyền thống và đổi mới - phong vị dân gian thành ngữ, tục ngữ - cổ điển và trong sáng hiện đại, hệ thống từ gợi âm hưởng dân tộc - biện pháp tu từ phong phú, đổi mới (điệp, láy, đối...) thanh điệu ngôn từ dân tộc.

Sơ đồ II:

Về đặc điểm, tính chất phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu

1. Giản dị, hàm súc:

- Chủ đề: Trong sáng, lý tưởng, sâu sắc, chân lý tình cảm.
- Hình ảnh: Bình dị, sinh động, gợi cảm.
- Ngôn ngữ: Trong sáng, hàm súc.
- Thể loại: Thiên về cách luật gần chặt chủ đề.
- Kết cấu: Sinh động, tự nhiên gắn chặt tình cảm.

2. Hài hòa, tinh diệu:

- Hữu cơ chỉnh thể: nội dung và hình thức.

- Thống nhất đa dạng - hài hòa nhiều mặt (đồng loại, dị loại), nhiều phạm trù.

- Điều luyện nhuần nhuyễn (tư tưởng, nghệ thuật - thơ, nhạc, họa...).

- Hòa điệu - tinh diệu, tương phản và tương đồng, hô ứng, tạo vang vọng tâm hồn.

3. Phong phú đa dạng: Phong cách của những phong cách.

Sơ đồ III:

Về cấu trúc phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu

A. PHÂN TÍCH VÀO THÀNH PHẦN TÁC PHẨM

YẾU TỐ MANG PHONG CÁCH RÕ NÉT (TRONG THÀNH PHẦN TÁC PHẨM)	Yếu tố phong cách (1)	Yếu tố phong cách (2)	Yếu tố phong cách (3)
	- Đề tài, chủ đề	- Cảm xúc	- Chủ đề
	- Hình ảnh - Hình tượng	- Hình ảnh	- Hình ảnh
	- Thể loại - Loại hình	- Thể loại	- Thể loại
	- Ngôn ngữ	- Ngôn ngữ - Âm hưởng - Tiết tấu - Giọng điệu - Âm vận	- Ngôn ngữ
	- Kết cấu	- Kết cấu	- Kết cấu
	Phương pháp - Biện pháp - Thủ pháp nghệ thuật		
	- Miêu tả - Biểu hiện	- Miêu tả - Biểu hiện	- Miêu tả - Biểu hiện

B. PHÂN TÍCH VÀO CẤU TRÚC

I. PHÁC THẢO SƠ ĐỒ

YẾU TỐ MANG PHONG CÁCH RÕ NÉT (TRONG CẤU TRÚC)	ĐẶC TRƯNG PHONG CÁCH (NÉT NỔI BẬT ĐẶC SẮC CHUNG NHẤT)
1. Cảm nhận thơ - Cảm quan - Đối tượng miêu tả - Đề tài - chủ đề 2. Hình ảnh, hình tượng 3. Giọng điệu thơ 4. Ngôn ngữ - thể loại - Ngôn ngữ - Thể loại	Cảm hứng xã hội - trữ tình cách mạng Con người xã hội lớn lao, cao cả lý tưởng Xã hội - lịch sử, thế sự Gợi cảm, bình dị, kỳ vĩ, dân tộc Hồn nhiên, thiết tha, trang nghiêm, hùng tráng Dân tộc, nhịp điệu, hài hòa tiết tấu, linh hoạt Truyền thống - hiện đại, sử thi mới

II. LƯỢC GIẢI SƠ ĐỒ

1. Cảm nhận thơ

- Cảm quan thơ mới, trữ tình cách mạng - cái TÔI hòa quyện với cái TA.
- Cảm xúc nhạy cảm, mãnh liệt.
- Cảm hứng xã hội - thiên hướng khái quát.
- Đối tượng miêu tả mới cao cả, lý tưởng.
- Con người xã hội lớn lao - nhân dân - dân tộc.
- Đề tài chủ đề mới, vấn đề xã hội lịch sử lớn lao, chủ đề phong phú - triết lý sâu sắc.

2. Hệ thống hình ảnh - hình tượng

- Hình ảnh bình dị - hàm súc, bình dị - kì vĩ, tượng hình khái niệm, tượng trưng - ước lệ mới.
- Hình ảnh gợi cảm: “hình - tình” đậm đà bản sắc dân tộc.
- Hình tượng sinh động, kỳ vĩ, cao cả.

3. Giọng điệu thơ

- Thấm thiết - tình nghĩa - tâm sự - ân tình, thân tình - hồn nhiên.
- Trang nghiêm trầm lắng, hào hứng, vang động.
- Hơi thơ liên mạch, cuốn bốc say mê, kết hợp nhuần nhuyễn thiết tha hùng tráng.

4. Ngôn ngữ thể loại

Ngôn ngữ:

- Văn: giàu văn - luân phiên **bằng trắc**, nghiêng về **bằng** - tạo nhạc thơ, hơi thơ liên mạch.
- Nhịp điệu: ngắt linh hoạt, mở rộng câu thơ, đưa thơ gần văn xuôi, tăng tính hiện thực và ngữ điệu giọng nói. Luân phiên hài hòa **bằng, trắc** tạo liên mạch.

- Từ ngữ: Biện pháp trùng điệp (từ, âm...) đặc sắc.

So sánh tu từ đặc sắc.

Phát huy triệt để khả năng biểu cảm tạo hình của ngôn từ dân tộc.

Thể loại:

- Bám sát truyền thống, tuân thủ cách luật (cả trong thơ tự do)
- Sử thi hóa 6/8 - thơ 7 chữ “cổ điển mới”.
- Thể loại đa dạng gần tình cảm, thơ “giao hưởng”, hợp thể mới.

CẢM HỨNG NHÂN VĂN CAO ĐẸP NÉT TÂM HỒN VÀ PHONG CÁCH NỔI TRỘI CỦA TỔ HỮU^(*)

Trong khổ thơ cuối cùng của bài thơ cuối tuyển *Thơ Tố Hữu* (Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2003) có câu thơ gần như tổng kết cả một đời trải nghiệm thơ và cách mạng:

Xin sáng lòng ta một chữ nhân.

(Duyên thẩm)

Từ lâu, Tố Hữu đã được nhận định là nhà thơ của tình thương - tình yêu thương mến, tình yêu thương. Xuân Diệu lại nói: “*Tố Hữu đã nâng tình thương mến đến mức một sự đam mê*”⁽¹⁾. Với Chế Lan Viên thì Tố Hữu được mệnh danh là: “*Thi sĩ của tình yêu*”⁽²⁾.

Tình yêu thương hay lòng nhân ái trong thơ Tố Hữu thực chất là lý tưởng nhân đạo cộng sản. Nhưng quan niệm thật đầy đủ thì *chữ nhân* đó chính là *lý tưởng nhân đạo của một nhà thơ cộng sản, dân tộc Tố Hữu*. Bởi trong lý tưởng ấy có nhận thức, tình cảm dân

(*) Chuyển đề *Tố Hữu* sau đại học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 1976 - 2005. (Chính lý năm 2005).

1. Xuân Diệu, *Tố Hữu với chúng tôi*, tạp chí *Văn nghệ* 6/3/1976. In lại trong *Tố Hữu - Người cộng sản kiên trung, nhà văn hóa tài năng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 400.
2. Chế Lan Viên, *Thơ Tố Hữu - Lời nói đầu Tuyển tập thơ Tố Hữu*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1964. In lại trong *Tố Hữu - Người cộng sản kiên trung, nhà văn hóa tài năng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 400.

tộc và nhân loại, tình cảm chính trị, đạo đức cách mạng hòa nhập với tinh thần và đạo lý truyền thống.

Chữ nhân đó cũng là *cảm hứng nhân văn* lớn lao cao đẹp như yếu tố nhân lõi của phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu.

1. Nhân văn như cảm hứng chủ đạo đặc sắc xuyên suốt đời thơ

Cùng với sự trưởng thành của người chiến sĩ cách mạng và độ chín của tài năng thơ ca, tình thương yêu trong thơ Tố Hữu cũng có *tiến trình diễn biến* với những màu sắc phong phú khác nhau.

a. Ban đầu nó *đậm đà màu sắc cảm thông, thương cảm* nỗi khổ đau của con người bất hạnh (em bé đi bán dạo, đứa trẻ mồ côi, lão đầy tớ, chị vú em...) nghĩa là những người khốn khổ gần gũi xung quanh mình. Đó là sự thấu hiểu, xót thương và chia sẻ với những số phận cô cút, tội đời, tội nghiệp. Với những con người nạn nhân, Tố Hữu cũng gửi gắm một niềm thương cảm lớn: cô gái bán hoa trên sông Hương, những bà mẹ, những người vợ Nhật, Đức, Ý phản chiến, người lính đêm...

Nhà thơ yêu thương những con người ấy “*với tình cùng khổ đau*”. Tình yêu thương giao cảm ấy đã nhuộm màu giai cấp, nhất là khi tâm hồn đã “*bùng nổ hạ*”, đã là “*một vườn hoa lá rất đậm hương và rộn tiếng chim*”...

Từ *Việt Bắc* đã có hình ảnh của *con người giải phóng* - quần chúng nhân dân. Tình thương yêu ở đây là *tình dân* vừa có cái gì rất khái quát, lại vừa mang dấu ấn rất cụ thể vì nó gần với những con người kháng chiến là những đối tượng có dáng hình, có hồn cốt, có tâm trạng và nhất là có hành động yêu nước cách mạng. Tố Hữu hơn rất nhiều nhà thơ đương thời trong kháng chiến, đặc biệt đã dựng được bức chân dung tinh thần giàu tính nhân văn của người lính, các chị phụ nữ, bà mẹ Việt Nam kháng chiến với những nét bình dị, mộc mạc, khỏe khoắn mà tinh tế đầy gợi cảm.

b. Từ *Gió lộng* và thơ những năm chống Mỹ, Tố Hữu ra *tuyên ngôn về một tình yêu mới*: “*Có gì đẹp trên đời hơn thế; Người yêu người, sống để yêu nhau*” - *Bài ca mùa xuân 1961*.

Ấy là khi lịch sử dân tộc đã bước sang một thời kỳ mới và con người dân tộc cũng bước vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên người với người là bạn, không còn áp bức, bóc lột. Nói cách khác là *con người tự do*, con người mới của một xã hội hoàn toàn mới. Tình yêu mới mở ra cho thơ Tố Hữu những vần thơ ca ngợi bay bổng vào loại sáng khoái nhất.

Đó cũng là *tình yêu con người trên đỉnh cao* của xây dựng, sáng tạo và cũng là tình yêu con người ở mũi nhọn chiến đấu chiến thắng trên tầm vóc mới của dân tộc trong thời đại ngày nay. Trong tình yêu thương đó hội tụ đủ cảm xúc của cá nhân và cộng đồng, của lẽ sống riêng và lý tưởng cách mạng. Trái tim yêu thương Tố Hữu mang tính tiêu biểu cho trái tim con người dân tộc. Tiếng nói yêu thương của nhà thơ mang phong thái quyền uy đại diện cho ngôn ngữ trái tim của ngàn triệu người.

Trong cái thế thừa thắng xốc tới, nhà thơ nói lên được ước vọng lớn lao của Bác Hồ về “*nghĩa lớn tình chung*” của trái tim cộng sản vĩ đại.

c. Những năm cuối đời, qua nhiều trải nghiệm về hoạt động cách mạng, về cuộc sống riêng, chung, Tố Hữu vẫn giữ được trái tim thương yêu nồng ấm với cuộc đời. *Tình thương yêu có nét gì đậm sâu, trầm tĩnh hơn và cũng khoáng đạt, bao dung hơn*. Giữa bao sóng gió của thế sự, giữa những đổi thay của thang bậc giá trị theo mặt trái của cơ chế thị trường “*Gian ác mang mặt nạ thánh thần/ Tình nghĩa cũng theo thời lạnh ấm*” có lúc nổi buồn nhân thế xen vào nhưng nhà thơ vẫn giữ một niềm tin yêu trong sáng, thuần khiết:

Thật ấm áp một bàn tay bạn

Rất thân thương, một ánh mắt nhìn.

(Chân trời mới)

Nhìn chung lại, *chữ nhân* trong thơ Tố Hữu là *chữ nhân nhiều sắc thái, giàu triết lý nhân sinh cách mạng và đậm đà bản sắc dân tộc*. Tuy có tiến triển biến hóa nhưng vẫn mang cái cốt cách chung.

Chữ nhân trong thơ Tố Hữu thực chất là *nhân ái* tức lòng yêu thương con người. Hiển nhiên, *nhân ái* là chữ *nhân* xuyên suốt những trang thơ, cả đời thơ Tố Hữu. Từ những năm 60, xuất hiện những sự kiện trọng đại của lịch sử đất nước. Nhà thơ ca ngợi một *tình yêu lý tưởng* cho hôm nay và cho mai sau: “*Người yêu người, sống để yêu nhau*” - một tình yêu lại như *niềm đam mê mới*.

Nhưng trong tâm hồn bắt đầu có trăn trở “*vấn vơ*”, “*rạo rức*” vì đã nghe thấy tiếng hò reo náo động nơi tiền tuyến lớn. Trái tim yêu thương đã nóng bỏng lòng căm giận. Yêu tha thiết con người và cuộc đời này, nhân danh sự sống, nhân danh “*lương tâm của tất cả loài người*”, nhân danh của văn minh chiến thắng bạo tàn và hủy diệt, trái tim Tố Hữu đã thét lên phản nộ.

Từ lâu đã xuất hiện một sức ồm trùm mới lớn lao của trái tim thơ. *Lòng yêu nước* thấm thiết hào hùng như một lẽ tự nhiên trong tâm hồn thơ Tố Hữu. Không những thế, nó còn nói được những gì cao cả hơn nhiều (*Tà vì ta ba chục triệu người/ Cũng vì ba ngàn triệu trên đời*). Đó là tình nhân loại trong thời đại cách mạng.

Cũng khởi đầu từ “*đỉnh cao muôn trượng*”, tình yêu thương trong thơ Tố Hữu rộng mở ra những chiều hướng khác cùng với những suy tư trải nghiệm và triết lý.

Một tình yêu hoàn toàn mới vốn ấp ủ từ lâu, nay được bộc lộ trên những vần thơ đậm thấm: *tình yêu Đảng*. Bài thơ ghi dấu ấn rõ nhất là *Ba mươi năm đời ta có Đảng*. Tình yêu ở đây đã pha trộn ân tình và nghĩa thủy chung.

Rất Việt Nam là quan hệ tình cảm ruột thịt này “*Ơn người như mẹ, như cha/ Lòng dân yêu Đảng như là yêu con*”.

Tố Hữu quan niệm Đảng thực sự là người mẹ - người mẹ tinh thần vĩ đại. Tình dân với Đảng, đó là *tình yêu cách mạng*.

Nếu *Bà mẹ Việt Bắc, Bầm ơi*, nói được sâu sắc cái *nhân từ, nhân hậu* của bà mẹ thì mẹ Suốt (trong bài thơ cùng tên) lại nói lên cái chân lý tình cảm hỗn nhiên mà vô cùng lớn lao. Hóa ra nghĩa vụ chiến đấu, hành động dũng cảm, sự hy sinh cao cả của người dân thường cũng chỉ là chuyện ân nghĩa. Câu chuyện của người anh hùng quần chúng bình dị thấm tóat lại trong một nụ cười: “*Vui sao câu chuyện ơn tình*”.

Nhân ái đã mang màu sắc *nhân nghĩa* còn qua cả những vần thơ hồi ức về một bà mẹ cách mạng, bà mẹ đã nuôi dưỡng, che giấu, đùm bọc Tố Hữu khi ra tù “*buồng mẹ - buồng tim - giấu chúng con*” (*Mẹ Tơm*).

Khi đề cập tới những vấn đề ân tình, ân nghĩa, Tố Hữu cũng đề cập đến vấn đề *nhân đức* theo đạo lý làm người. Bài thơ *Tiếng chổi tre* mang nhiều chủ đề, nhưng chủ đề trung tâm vẫn là lòng biết ơn những người đi trước, những bậc tiền bối cách mạng đã dọn đường cho tương lai. *Tiếng ru* cũng là một bài luận lý cách mạng.

Khổ thơ cuối để xướng một tình yêu lớn, tình yêu bao dung trên tất cả đổ kỵ, hẹp hòi, ganh tị:

*Tre già yêu lấy măng non
Chắt chiu như mẹ yêu con tháng ngày.*

(*Tiếng ru*)

Đúng là một thái độ, một tình cảm, cách ứng xử, niềm tin yêu hết sức biện chứng trong con mắt nhìn truyền thống cha ông: *tre già măng mọc, con hơn cha là nhà có phúc hoặc hậu sinh khả ái, hậu sinh khả úy*. Đó cũng là khẩu hiệu có ý nghĩa nhân văn: *trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai*.

Có những vấn đề đảm chất chính trị: tinh thần quốc tế vô sản. Vậy mà có những bài thơ rất thân thiết cảm động về tình người, tình bè bạn. Sự hợp tác chiến đấu hy sinh trong chiến tranh ác liệt cũng là vấn đề nhân nghĩa. Chung quy lại vẫn là tấm lòng: “*Đã cùng hai chữ tử sinh/ Nào ai có nghĩa có tình lại đây!*” (*Đường vào*).

Trái tim yêu thương Tố Hữu đã có sức ôm trùm lớn đến nhân sinh, nhân quần là như vậy.

Nhìn chung lại, ta có thể nói chữ *nhân* - lòng nhân ái trong thơ Tố Hữu là *chữ nhân lớn*.

Chữ *nhân* ấy kết hợp được nhuần nhuyễn riêng, chung, tâm hồn cá nhân và tấm lòng toàn thể, số phận cá thể và sự nghiệp cộng đồng. Bản thân tình yêu ấy đã biến hóa, tiến triển theo qui luật tình cảm cách mạng. Cha ông dạy: yêu mình, yêu người “*thương người như thể thương thân*”. Tố Hữu luôn có niềm thương cảm sâu sắc của người cùng cảnh ngộ, dù trong cảnh bị áp bức bóc lột hay lúc đã tự do, tình thương mến chân thành của người cùng trận tuyến đồng hành hay còn ngăn cách bởi một giới tuyến tạm thời. Tình thương người dẫn đến yêu đồng bào, đồng chí. Nhà thơ giàu có tình yêu, tình bạn, tình người, tình đời. Ta có Tố Hữu nhà thơ của tình yêu lớn.

Đã rõ, Tố Hữu là nhà thơ cách mạng mang *lý tưởng nhân đạo chủ nghĩa cộng sản*. Đó là điều mà ông và nhiều thế hệ cha ông. Xưa nay không thiếu những người mang lý tưởng nhân đạo cho dù họ có chính kiến khác nhau. Ngọn cờ nhân văn chủ nghĩa từ Nguyễn Trãi, Nguyễn Du đến Nguyễn Đình Chiểu luôn là mục tiêu của hàng thế kỷ. Thời hiện đại, những tác phẩm hiện thực xuất sắc cũng nêu bật hoàn cảnh khốn cùng của những người nghèo khổ, thậm chí dưới đáy xã hội. Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao đã thương yêu biết bao những con người nhỏ bé thấp hèn, nạn nhân của xã hội. Tuy nhiên dù hết sức trân trọng, chúng ta vẫn

nghĩ rằng các nhà văn ấy mới dừng ở lý tưởng chủ nghĩa nhân đạo nói chung, thăng hoặc có tiếp cận được phần nào với chủ nghĩa nhân đạo cách mạng - chủ nghĩa nhân đạo của giai cấp vô sản.

Tố Hữu là nhà thơ rất thương cảm với con người, quý trọng giá trị phẩm cách con người (*Cô gái sông Hương*). Nhưng ông có một điều khác với tất cả là tin yêu mạnh mẽ nơi con người và chủ trương *giải phóng con người* khỏi mọi áp bức, bóc lột. Đó là căn cốt của lý tưởng nhân đạo cộng sản.

Tuy nhiên *nhân đạo cộng sản* mà lại *đậm đà bản chất nhân văn truyền thống*. Phải chăng đó chính là nét đặc sắc của tình thương yêu Tố Hữu?

Yêu thương trân trọng con người, Tố Hữu thường phát hiện ra cái hồn cốt Việt Nam trong những đối tượng nghệ thuật dù là một em bé, chị phụ nữ, bà mẹ hay anh lính. Cái tình với người xưa cũng thật Việt Nam qua những câu thơ có thương, có nhớ, có tiếng khóc, có nụ cười (*Kính gửi cụ Nguyễn Du*). Ôn xưa để biết nay, tri âm, tri kỷ, từ hôm nay không quên người hôm qua.

Vào những năm cuối đời thơ, trong không gian nghệ thuật thơ Tố Hữu, ngoài hình ảnh quen thuộc ta thấy còn có một số hình ảnh khá quái khác gần gũi nhau về suy nghĩ. Đó là *đời*, *cuộc đời* (*Dòng đời cứ chảy tan bèo bọt*; *Đời thường sớm nắng chiều mưa vậy*; *Đời đâu phải thị trường nhân phẩm*).

Ta với người, hữu hạn và vô hạn, hiện thực cùng ước mơ, suy tưởng gần chiêm nghiệm... pha trộn. Đời, dòng đời, lối đời, lẽ đời được chiêm nghiệm giữa thế gian này. Thế gian tràn hạnh phúc nhưng cũng đầy "bụi trần". Trái tim yêu đời mong muốn được *thanh thân* - cái thanh thân của hiền triết phương Đông. Ấu đó cũng là điều có thể hiểu được khi người ta đã đi vào tuổi hoàng hôn của cuộc đời!

Thanh thân chùa Hương cả thế gian!

2. Cảm hứng nhân văn

Đối tượng nhân vật thẩm mỹ chủ yếu - nhân vật trữ tình.

Đối tượng tác động tình cảm của Tố Hữu là rất phong phú. Thế giới nhân vật trong thơ của ông là một thế giới gồm đủ loại về lứa tuổi và giới tính: nam, nữ, người già, trẻ em; về thành phần xã hội, là con người dân tộc và ở các xứ sở châu lục. Tuy nhiên những nhân vật được ưu ái vẫn là những người cần mến thương trước nhất, gửi gắm được tình cảm nhiều nhất, "*tương tri*" nhất, đồng ý, đồng điệu, đồng tình, đồng chí nhất. Nói cách khác, đó là những *nhân vật gọi cảm, gọi tình nhất* với hồn thơ Tố Hữu và cũng *mang tâm hồn tính cách Việt Nam* tiêu biểu nhất⁽¹⁾.

Không phải ngẫu nhiên những *em bé* là đối tượng đầu đời thơ Tố Hữu. Tình yêu thương ban đầu với trẻ em của Tố Hữu có nét gì gần gũi với lòng nhân đạo của các nhà thơ cổ điển. Ta nhớ Nguyễn Du có nhiều bài thơ chữ Hán rất xúc động về số phận của những người nghèo khổ trong đó có những em bé (đứa con của ông già mù hát rong trong bài *Thái Bình mại ca giả*, những đứa con gần với bà mẹ trong bài *Sở kiến hành*). Đặc biệt là những em bé bất hạnh trong *Văn chiêu hồn*. Có lẽ Nguyễn Du là nhà thơ đã viết những câu thơ về trẻ em sớm nhất và thống thiết nhất. Và cũng có thể nói Tố Hữu có những nét tương tự. Tuy nhiên cái mới của Tố Hữu là ông không chỉ gửi gắm lòng trắc ẩn vào những thân phận trẻ em khốn khổ mà còn vạch ra những mâu thuẫn xã hội và thúc giục con người đi tới (*Đi đi em*). Trong hành trình sáng tác thơ, Tố Hữu vẫn dành rất nhiều tình cảm cho các em nhỏ bất hạnh, đặc biệt dành rất nhiều yêu thương cảm phục cho tuổi nhỏ anh hùng trong sự nghiệp kháng chiến và cách mạng.

Các *bà mẹ* Việt Nam, các *bà mẹ* yêu nước qua hai cuộc kháng chiến thần thánh đã trở thành hình tượng nghệ thuật cao đẹp và

1. Đoàn Trọng Huy, *Suy nghĩ về tính dân tộc hiện đại trong thơ Tố Hữu*, tạp chí *Trung học Phổ thông* - *Khoa học Xã hội*, Bộ Giáo dục Đào tạo, số 3/1995.

được gửi gắm biết bao tình thương mến. Trái tim thương yêu Tố Hữu như lẽ tự nhiên, tìm thấy nhịp đập đồng điệu với trái tim các bà mẹ.

Xuân Diệu đã rất sắc sảo khi phân tích: “*Tố Hữu đã mến yêu rất mực các bà mẹ Việt Nam, bà mẹ đẻ của những người vệ quốc quân, bà mẹ nuôi các anh cán bộ, bà mẹ mà tấm lòng yêu thương như biển cả*”¹). Từ bà mẹ Việt Bắc đến bà bầu, bà bầm đều là những bà mẹ tần tảo, vất vả lo toan, từ tâm, hiền thảo tận tụy hy sinh tuyệt vời để sản sinh ra những đứa con bộ đội cũng tuyệt vời anh dũng. Bài thơ *Bầm ơi* theo Xuân Diệu có những “*câu thơ chảy nước mắt*” và xứng đáng với tình mẹ con muôn đời.

Các bà mẹ Việt Nam còn là những bà mẹ anh hùng. Anh hùng một cách hồn nhiên, anh hùng theo lối Việt Nam (*Bà má Hậu Giang, Mẹ Tơm, Mẹ Suốt*).

Sẽ có lý khi nói rằng Tố Hữu là nhà thơ thành công nhất khi miêu tả bà mẹ Việt Nam như một hình ảnh quy tụ được những phẩm chất dân tộc và cách mạng.

Tố Hữu còn dành biết bao tình thương mến cho người chiến sĩ, anh lính Cụ Hồ: người vệ quốc quân thời kháng chiến chống Pháp cũng như anh giải phóng quân thời chống Mỹ.

Trước khi khắc họa hành động chiến đấu dũng cảm nơi chiến trận “*Chiến sĩ anh hùng. Đầu nung lửa sắt...*” Tố Hữu đã ghi lại chân dung người chiến sĩ hiền lành, chất phác với nụ cười tươi sáng và trái tim yêu thương lớn như ôm trùm cuộc sống thâm thiết: “*Anh về sáo lại ái ân/ Đêm trăng hò hẹn trong ngân tiếng ca*” (*Lên Tây Bắc*).

Những năm tháng kháng chiến chống Mỹ, con người đáng yêu nhất, “con người đẹp nhất” vẫn là anh chiến sĩ giải phóng quân.

1. Xuân Diệu, *Tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu - Phê bình giới thiệu thơ*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1960. In lại trong *Tố Hữu - Về tác giả và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr. 504.

Tổng kết lại về phẩm chất chiến sĩ anh hùng, Tố Hữu chỉ nhấn mạnh về chí khí và tâm hồn con người: “*Khí phách Anh là Trường Sơn thanh cao; Rất mãnh liệt và cũng rất dịu dàng, tâm hồn Anh là muôn trùng sóng bể*” (*Toàn thắng về ta*).

Ngày toàn thắng, Tố Hữu nhắc lại:

Vũ khí, chính là Anh, lòng yêu thương mệnh mông

Vũ khí, chính là Anh, lửa căm hờn nóng bỏng.

(*Toàn thắng về ta*)

Anh giải phóng quân nhân danh tình thương và lẽ phải, người chiến thắng oanh liệt đã giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa nhân đạo cao cả trong thời đại, là hình ảnh con người Việt Nam với truyền thống nhân văn lịch sử “*Lấy chính nghĩa để thắng hung tàn/ Đem trí nhân mà thay cường bạo*” (*Đại Cáo Bình Ngô* - Nguyễn Trãi).

Thực ra chữ nhân của cha ông xưa kia cũng lớn lắm. Nhân nghĩa của Nguyễn Trãi đã rất khác của Khổng Tử, Mạnh Tử, của Nho giáo. Nhân nghĩa là phạm trù cơ bản của đạo đức học xã hội phương Đông. Đó là mối quan hệ và trách nhiệm giữa người với người. “*Triết lý nhân nghĩa của Nguyễn Trãi chẳng qua là lòng yêu nước, thương dân; cái nhân, cái nghĩa lớn nhất là phấn đấu đến cùng chống ngoại xâm, diệt tàn bạo, vì độc lập của nước, hạnh phúc của dân*”¹).

Với tinh thần ấy nhân nghĩa là chủ nghĩa nhân đạo cao cả của dân tộc trong trường kỳ lịch sử dựng nước và giữ nước.

Một trong những hình tượng nhân vật trữ tình mà Tố Hữu dồn trút, trao tặng, ký gửi tình thương yêu, kính phục nhiều nhất là *Bác Hồ* trong thơ. Tố Hữu viết về Bác với những bài thơ, câu thơ ngày “*càng có chiều sâu hơn*” (lời Tố Hữu) ngày càng đạt tầm vóc cao đẹp hơn.

1. Phạm Văn Đồng, *Nguyễn Trãi người anh hùng của dân tộc*. Xem *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ*, Nxb. Văn học Giải phóng, Thành phố Hồ Chí Minh, 1975.

Hai bài thơ có tính chất tổng kết *Bác ơi* và *Theo chân Bác* mang rất nhiều tính chất tiêu biểu.

Ngoài những phẩm chất toàn vẹn và tuyệt đẹp của Bác, *Bác ơi* tái hiện thành công nhất lòng yêu thương cảm phục, kính trọng Bác của tác giả mà cũng là của cả nhân dân với tấm lòng nhân ái cao đẹp tuyệt vời Hồ Chí Minh. Trái tim thương yêu mệnh mông, “tấm lòng nhân hậu và yêu nước của Bác đều vượt lên trên rất xa khuôn khổ đời thường, bao trùm và quán xuyên ở qui mô thế gian, lịch sử”⁽¹⁾. Theo Nguyễn Văn Hạnh⁽²⁾ trong bài *Theo chân Bác* “Tổ Hữu chỉ miêu tả Bác, anh cố làm nổi rõ tấm lòng thương dân bao la như trời bể của Bác và cả tấm lòng yêu thương của ta đối với Bác, lãnh tụ của Đảng, của dân tộc là Bác.

Có thể thấy trái tim thương yêu của Tổ Hữu đã nhạy cảm đón bắt được một sự đồng điệu lớn ở con người lãnh tụ.

Con người Việt Nam trong thơ Tổ Hữu được giới thiệu với bạn bè thế giới qua nhiều bình luận sâu sắc. Chế Lan Viên nhấn mạnh cái đạo lý cách mạng cũng là truyền thống của Việt Nam: *trái tim chan chứa ân tình, nhân nghĩa*⁽³⁾.

Thâu tóm lại, thành công xuất sắc nhất của Tổ Hữu là với *cái tâm* trong sáng của mình - đã phát hiện được *tâm hồn con người dân tộc* mà cốt lõi nhất là *cái tâm* quy tụ tình nhân ái cao cả đồng thời với lòng dũng cảm và trí tuệ tuyệt vời Việt Nam.

Giọng điệu trữ tình dịu ngọt.

Giọng điệu trong thơ Tổ Hữu cũng góp phần đặc lực thể hiện tấm lòng thương yêu của nhà thơ. Đó là *giọng trữ tình* ngọt ngào

1. Mã Giang Lân, *Thơ Tố Hữu, những lời bình*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1999.
2. Nguyễn Văn Hạnh, *Theo chân Bác, một thành công mới của Tố Hữu*. Trong *Suy nghĩ văn học*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1979. In lại trong *Tố Hữu - Về tác giả và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr. 670.
3. Chế Lan Viên, *Tổ quốc Việt Nam, con người Việt Nam trong thơ Tố Hữu*. Nhân dân, 5/1968. In lại trong *Tố Hữu - Về tác giả và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr. 321.

tha thiết hết mực như một nét phong cách khá nổi bật của nghệ thuật thơ.

Như ta đã thấy, mọi phương diện của đời sống cách mạng, những vấn đề lý tưởng đấu tranh, lẽ sống, mọi quan hệ người và người trong xã hội mới, con người với đất nước, với lãnh tụ, với Đảng, mọi tình cảm đồng chí, đồng bào anh em chiến tuyến bốn biển, năm châu... hầu như tất cả, hết thảy đã trở thành tình thương mến, thành ân nghĩa, thành đạo lý nhân ái. Tất cả những giọng điệu dù hoành tráng, hào sảng, trang nghiêm, trân trọng như mệnh lệnh chính trị, khẩu hiệu chiến đấu thường vẫn đi liền với cái thiết tha, thân thương, triu mến.

Tình thương yêu của Tố Hữu xui khiến ông lựa chọn một cách biểu lộ phù hợp nhất khi giao lưu tình cảm: *giọng tâm tình, chân tình*.

Về *phương diện tạo hình*, Tố Hữu cũng xây dựng nên một *hệ thống hình ảnh giàu cảm xúc, nhiều sức gợi tả*.

Nói như Chế Lan Viên: điệu tâm hồn anh là điệu tâm hồn một “*thi sĩ của tình thương*” nhiều xúc cảm, cho nên hình ảnh của anh là “*loại hình ảnh lấy tình cảm làm điện lực*”⁽¹⁾.

Môtíp hình ảnh giàu cảm xúc thương mến, tin yêu của Tố Hữu có nhiều, phần lớn là rất hồn nhiên, giản dị mà hàm xúc: con chim, mùa xuân, trời xanh, nụ cười, tiếng hát, trái tim, tấm lòng. Tuy nhiên khi thể hiện lòng nhân ái, mô típ hình ảnh *trái tim* vẫn nổi trội và được ưa dùng hơn cả.

Từ ấy mang hình ảnh trái tim rất tiêu biểu: trái tim được mặt trời chiếu rọi để biến thành một vườn hoa lá xanh tươi và rất đậm hương thơm tình người. Đến chặng thơ cuối đời vẫn là:

1. Chế Lan Viên, *Thơ Tố Hữu, Lời nói đầu Tuyển thơ Tố Hữu*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1964. In lại trong *Tố Hữu - Về tác giả và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr. 211.

Trái tim dành trọn tình yêu cho người.

(Ngày và đêm)

Khi ca ngợi những nguồn mạch yêu thương, những cốt cách anh hùng và phẩm chất cao đẹp, Tố Hữu cũng thường đặc tả trái tim (*Người con gái Việt Nam, Mẹ Tơm*).

Con người Việt Nam trong *Máu và hoa* mang trái tim Đan-cô huyền thoại trong thời đại:

Như đã nêu, *Toàn thắng về ta* dựng hình tượng người chiến sĩ giải phóng quân như một con người khổng lồ thời đại chống đế quốc với trái tim nhân ái bao la vì nghĩa lớn.

Và tuyệt vời nhất vẫn là hình ảnh trái tim nhân hậu vô cùng, vô hạn của Bác Hồ (*Người là Cha, là Bác, là Anh. Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ... Hỡi Người tim những thương yêu...*).

Đối với các nghệ sĩ lớn, những nhà văn, nhà thơ dân tộc, trong sự toàn vẹn của phẩm hạnh cá nhân, người đời sau thường nhìn rõ một nét nào đó nổi trội nhất.

Chữ nhân trong thơ Tố Hữu chính thức xuất hiện ở những vần thơ cuối *Một tiếng đồn*. Hà Minh Đức đã có lý khi nhận xét tập thơ “Theo đạo lý và tâm linh của cha ông, tác giả lấy chữ nhân làm điểm sáng để phân biệt cái thật, cái giả, cái thiện, cái ác trong đời và trong thơ”¹.

Đúng vậy nhưng đâu chỉ có thế.

Tôi đọc lại thơ Tố Hữu và nhận ra *chữ nhân* trong thơ và qua những câu thơ, chữ nhân trong suốt cả đời thơ.

1. Hà Minh Đức, *Từ “Từ ấy” đến “Một tiếng đồn”* in trong *Nhà văn nói về tác phẩm*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1994. In lại trong *Tố Hữu - Về tác gia và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr. 756.

Tố Hữu đã lấy tấm lòng, lấy trái tim làm gốc cho mọi sáng tạo thơ.

Chữ nhân trong thơ Tố Hữu vừa bao hàm chủ nghĩa nhân văn truyền thống lại vừa chứa đựng tính chất cách mạng, hoàn toàn mới trong thời đại ngày nay. Chữ nhân thấm đượm ánh hào quang của lý tưởng nhân đạo cộng sản và đến lượt nó *chữ nhân lớn sáng chói*, tỏa chiếu cho đời.

Chữ nhân là căn cốt tâm hồn của Tố Hữu.

Cảm hứng nhân văn lớn lao, cao đẹp cũng chính là nét phong cách nghệ thuật đặc sắc của Tố Hữu.

NÉT PHONG CÁCH TRỮ TÌNH TỔ HỮU QUA NHÂN VẬT THẨM MỸ ĐẶC SẮC MÙA XUÂN^(*)

Tổ Hữu là một trong những nhà thơ cách mạng viết nhiều về mùa xuân, làm nhiều thơ xuân. Có thể nói, mùa xuân đã theo suốt đời thơ Tổ Hữu, từ *Từ ấy*.

Theo thống kê, có nhan đề trực tiếp về xuân là hai mươi tám bài, cả gián tiếp (vào dịp tết, giao thừa, đầu năm...) khoảng hơn ba mươi bài. Những bài có từ *xuân* (ngày xuân, đầu xuân, mưa xuân, hoa xuân, vào xuân, sang xuân, tuổi xuân, sức xuân...) là hơn bảy mươi bài (7 tập của *Thơ Tổ Hữu*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2005). Tuy nhiên tần số xuất hiện là rất cao. Từ cuối *Việt Bắc*, liên tục ngót năm mươi năm, hầu như năm nào cũng có. Mật độ rất đậm đặc (có bài thơ xuân, từ *xuân* xuất hiện năm, bảy lần). Đặc biệt trong những năm đánh Mỹ hào hùng, nhân dân ta đón đọc thơ chúc tết của Bác Hồ, cũng chờ đợi và vui mừng đón nhận thơ xuân của Tổ Hữu.

Thơ xuân đã có lúc là một “hiện tượng” đáng lưu ý trong đời sống thơ như vậy. Mùa xuân nhìn ở góc độ nào đó cũng là “hiện tượng” thơ Tổ Hữu với những ý nghĩa phong phú, mới lạ của đề tài, chủ đề. Đó là mùa xuân nhiều hình, nhiều vẻ, lắm sắc màu,

(*) Chuyên đề *Tổ Hữu* sau đại học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 1976 - 2005. (Chính lý năm 2005).

hương vị, vừa “muôn đời” vừa “chợt đến”, quen đấy mà lạ đấy, bao thuở vẫn thanh tân, nửa thực, nửa mơ. Một mùa xuân trong thơ không mang hồn cốt và chịu sống đời sống thường của nó.

Không kể thơ xuân trong rừng thơ truyền thống của cha ông, chỉ tính trên thi đàn hiện đại ta có không ít bài hay. Người ta nhắc đến mùa xuân nhiều màu vẽ của các nhà thơ lãng mạn mà tiêu biểu là Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên. Thơ ca cách mạng kể cả trước năm 1945 cũng để lại biết bao vần thơ đặc sắc lúc vào xuân.

Mùa xuân trong thơ Tổ Hữu trước hết mang vẻ đẹp hồn nhiên đầy sức quyến rũ với những cảnh sắc sinh động.

Bằng cái nhìn sắc sảo và cảm nhận tinh tế, nhà thơ thường thấy được những biến chuyển, rung động dù nhỏ bé nhất, ngay cả lúc giao mùa (*ánh nhơn như đùa quả non, hương muôn hoa mới hé... hơi thở của đồng quê mập mạp... cảnh táo đầu hè quả ngọt rung rinh... nắng vàng rắc phấn, sương lung linh...*). Một mùa xuân đến muộn qua cái giá lạnh còn như thấm đượm thịt da: “Mùa đông còn, hết em ơi/ Mà con én đã gọi người sang xuân” (*Tiếng hát sang xuân*). Ngược lại, một lần sương mỏng, một giọt nắng đậm, những cánh bay rung động đủ báo hiệu một mùa xuân đến “sớm lạ thường” với cuộc khoe sắc phô màu rộn rã:

Ong kêu ong dậy đường hoa vãi

Rực lúa chiêm trắng, bướm bướm vàng.

(*Xuân sớm*)

Như một họa sĩ giàu bản sắc dân tộc, nhà thơ thiên về bút pháp chấm phá, nét vẽ dung dị, tài hoa, có đậm, có nhạt, gọi nhiều hơn tả. Nhiều cảnh tượng “rực rỡ muôn màu sắc” như trong *Trên miền Bắc mùa xuân* “*Đồng chiêm mạ xanh rờn/ Ga mới hồng đôi má/ Bãi phù sa xanh mượt ngô non/ Rực rỡ những làng vàng tươi mái rạ/ Gạch mới nung đá trắng chất bên đường...*” Nhưng nhiều hơn

vẫn là cái “*đơn sơ mà lộng lẫy*”. Đó là cái màu sắc rực rỡ của sơn mài chứ không phải sơn dầu. Để ý sẽ thấy gam màu sáng nhưng dịu. Thậm chí cái màu trắng tinh khiết, thanh tân lắm lúc lại như nổi bật lên trên cái màu tươi xanh của cuộc đời. Khi cụ thể: “*Mùa xuân mơ nở trắng rừng*”, khi lại mơ hồ: “*Đôi cánh cò trắng vẫy mệnh mông*”. Có một sự ngẫu nhiên thú vị nhưng lại là cái tất yếu tri âm, tri kỷ. Tố Hữu có bài *Mừng thọ bác Nguyễn Phan Chánh* tôn ông là bậc “*bút thần*”: “*Nâu sống mà lại nên tranh yêu đời/ ... Phải chăng lòng sạch bụi trần/ Mát trong làn nước, trắng ngần màu da*”, và bài thơ *Nhà họa sĩ Tô Ngọc Vân* - một cây “*bút thần*” khác - cũng chung một cảm hứng chiêm nghiệm vào cuối đời. “*Ai hay Anh tự coi tiền nhìn đời/ ... Dịu dàng người đẹp thanh tân/ Nghiêng đầu bên huệ trắng ngần, tương tư...*”. Cái “*trắng ngần*” đồng cảm lớn lao ấy chính là sự trong trắng, thuần khiết, tinh túy, khác nào ánh sáng là sự tổng hợp cũng là sự thanh lọc của bảy màu quang phổ. Phải chăng đó là màu sáng kỳ diệu thường toát lên từ bức tranh xuân của Tố Hữu?

Tuy nhiên, cái đặc sắc của Tố Hữu là sự thể hiện “*xuân lòng*”, tức cái mùa xuân của tâm hồn con người phù hợp với cảnh tượng đất trời và hoàn cảnh chính trị, xã hội. Nói cách khác, đó là sự hội tụ của ba mùa xuân: xuân đất trời, xuân tâm hồn và xuân xã hội. Đó là *mùa xuân đời*, mùa xuân của chủ nghĩa nhân văn mới, mùa xuân đậm đà bản sắc nhân sinh xã hội.

Trước Cách mạng, trong cảnh đất nước nô lệ, xuân với đời là một nghịch cảnh lớn. Một mặt, nhà thơ trẻ không cưỡng lại được cái vẻ đẹp của đất trời “*Xuân trong sáng, xuân thơm, xuân riu rít*” nhưng vẫn phải dẫn lòng để nhận ra một thực trạng đau đớn “*Chỉ là xuân lạnh chết*”. *Xuân nay chỉ một màu tang đẫm máu*. Năm 1945 là mùa xuân của đói rét, âm đạm, thê lương. Tất cả bao phủ bóng đen của chết chóc. Bỗng lóe lên tia chớp sáng của hy vọng như một dự báo tất yếu cách mạng “*Ai cần được mùa xuân xanh*

tươi sáng” cho “*những đoàn chim quyết thắng/ Sắp về đây tắm nắng xuân hồng*” (*Xuân đến*).

Cho đến sau Cách mạng, Tố Hữu mới nói đến “*một mùa xuân phảng phất hương*”, một mùa xuân của sự nghiệp giải phóng: “*Đây mùa bất tuyệt của muôn xuân/ Hương tình nhân loại bay man mác/ Gió bốn phương truyền vang ý dân*” (*Xuân nhân loại*). Rất trù tượng. Và tượng trưng nữa!

Mùa xuân kháng chiến chỉ để lại dấu ấn qua bài *Việt Bắc*. Những mùa xuân tiêu biểu trong thơ Tố Hữu xuất hiện ở *Trên miền Bắc mùa xuân* và *Bài ca mùa xuân 1961*. Cảnh xuân tươi đẹp thực sự trên một nửa đất nước đang hồ hởi, náo nức trong xây dựng hòa bình. Xuân đến trong khung cảnh rực rỡ và trong niềm vui vô hạn của cuộc sống “*tương bình ngày hội*”.

Xuân ơi xuân, vui tới mông mênh

Biển vui dâng sóng trắng đầu ghềnh.

(*Bài ca mùa Xuân 1961*)

Mùa xuân 1961 hình như đẹp hơn tất cả các mùa xuân trước, bởi “*Đời trẻ lại. Tất cả đều cách mạng*”. Một kỷ nguyên mới của con người tự do xuất hiện. Mùa xuân của chế độ mới, cuộc đời mới hòa nhập với mùa xuân đất trời thành mùa xuân của một tình yêu lớn “*Người yêu người, sống để yêu nhau*”.

Từ khi cả nước đánh Mỹ, mùa xuân mang vẻ đẹp một màu cờ, hai sắc nắng “*nắng đỏ cành cam*” và “*nắng xanh lam ngọn dừa*” trong cảnh quê hương “*Nửa công trường, nửa chiến trường, xôn xao...*”. Tiếng “*Con chim hót rung cành dâu tơ*” đã trở thành khúc hát chung cho một mùa xuân trên đường hành quân ra chiến trận. Hồn thơ bay khắp Nam lại Bắc và “*Xuân vui ca múa mọi vùng*” trên Đất nước Anh hùng.

Mùa xuân trong những năm *Ra trận* không mất đi vẻ đẹp tự nhiên trữ tình đậm thấm của cuộc sống đang dậy lên xuân sắc và

sức mạnh cường tráng. Mặc dù mưa bom, bão đạn nhưng “*Lúa ta vẫn tốt, cây ra lộc, Xuân vẫn về cho ong bướm bay*” (*Xuân sớm*). Trong cái thế của “*Bốn mươi thế kỷ cùng ra trận*”, cái thế tổng lực của chiến tranh nhân dân, Tố Hữu hơn nhiều nhà thơ đã phát hiện ra vẻ đẹp truyền thống đầy hào khí:

*Như nghìn năm đẹp nét xuân xưa
Bỗng tỏa gương trong, sạch bụi mờ
Xuân mới, đón sơ, đậm thắm vậy
Căng đầy sức dậy, đáng non tơ...*

(*Xuân sớm*)

Chúng ta từng cảm nhận một sự hài hòa tuyệt đẹp giữa xa xưa và hiện tại, sản xuất với chiến đấu, hòa bình trong chiến tranh, duyên dáng mà dũng cảm trong một kết tinh thẩm mỹ của thiên nhiên và con người. Đó là những vần thơ nói về “*những nàng xuân rất dịu dàng*” nhân danh của nghệ thuật, của văn minh đang chiến đấu với tư cách con người bình thường nhưng rất phi thường (*Tiếng hát sang xuân*). Những bài thơ *Chào xuân 67*, *Bài ca xuân 68*, *Xuân 69*, *Bài ca xuân 71* thực sự là những khúc quân hành, hùng tráng thúc giục triệu triệu con tim và khối óc; triệu triệu tuổi xuân anh hùng cống hiến vì “*mùa xuân đẹp nhất*” của dân tộc. Cảnh tượng thực đã nhòa đi trong ý nghĩa xã hội đậm đà. Mùa xuân đã trở thành “*cuộc diễu binh hùng vĩ*” của cảnh vật và con người “*Tất cả hành quân, tất cả thành dũng sĩ*”. Mùa xuân mang những định ngữ mới “*mùa xuân hùng tráng*”, “*xuân của lòng dũng cảm*”. Xuân trở nên kỳ vĩ lạ thường: “*Hãy xung phong hỡi mùa xuân 67 anh hùng*”. *Bài ca xuân 71* có đề từ yêu cầu nên ước mơ và phải hành động. Để khi *Lịch sử sang xuân*, mùa xuân đẹp nhất đã về trong Đại thắng mùa Xuân.

Trong thơ những năm cuối đời (*Một tiếng đồn* và *Ta với ta*), được kết hợp với cảm hứng mới về đời thường, mùa xuân như trở lại với vẻ đẹp bình dị, hồn nhiên và thấm thía nhân tình. Nhà thơ có

lúc như tỉnh, như mơ “*Mãi mê ngày tháng ai ngờ đã xuân*”. “*Xuân đang vẽ*” những bức tranh đậm sắc màu của tự nhiên: “*Những nụ mầm non, những dáng tơ... được mạ rờn xanh... cam vàng rộm, hồng củ chín tươi roi rói... mơ mấy cành hoa củ trắng ngần*.” Một mùa xuân không chỉ có “*cành táo đầu hè rung rinh quả ngọt*” như xưa mà đã sum suê hoa trái ngọt ngào: “*Thơm tận lòng ta, trái ước mơ*”. Hạnh phúc cụ thể và cũng cao đẹp, quý giá biết bao bởi “*Qua rét đậm, ngày xuân vui ấm thế*”.

Tuy nhiên mùa xuân này nhiều chuyện vui mà cũng lắm nỗi băn khoăn “*mừng lo, suy tính biết bao sự tình*”. Một nỗi bàng khuâng, bất định, mơ hồ, hỗn nhiên mà thấm thía như một hoài nghi triết học: *Xuân đang ở đâu...* Có lẽ đây là những vần thơ tiêu biểu mang đậm triết lý nhân sinh của một đời trải nghiệm, đồng thời cũng mang tính nhân văn sâu sắc:

*Xuân đang ở đâu, đang về đâu?
Mênh mang trời đất trắng sương mù
Chập chờn nắng ửng, từng cơn rét
Xen mỗi niềm vui, mấy nỗi đau.*

Điều đáng quý là cái niềm tin như ngọn lửa mãnh liệt nơi trái tim thơ:

*Đợi gì xuân đến? Ta cùng bạn
Nắng tự lòng ta cứ ấm dần.*

Trong *Xuân hành 1992* nhà thơ đã ra tuyên ngôn mới về mùa xuân:

*Trăm năm xuân của đất trời
Đôi sao được một tiếng cười nhân gian?*

Và tiếng thơ Tố Hữu, cho đến cuối đời vẫn “*Vút lên cao, một khúc ca xuân hành!*”.

Từ *xuân* trong *Từ điển tiếng Việt* chỉ có hai nghĩa chính, nhưng trong *"từ điển thơ ca"* Tổ Hữu có tới năm, bảy nghĩa. Ngoài nghĩa thông thường, từ *xuân* còn mang nhiều nghĩa phái sinh đặc biệt, trong những văn cảnh đặc biệt của thơ ông. Như trong câu: *"Cá tôm cũng sướng, lòng nào chẳng xuân"*, ta hiểu *"xuân"* đây là vui sướng, là hạnh phúc. Cái định nghĩa: *"Mỗi người, một nhành xuân, của Đảng"* thật bất ngờ, sâu sắc. Lại như *"Lịch sử sang xuân"* thì nghĩa *xuân* ở đây đã rộng lắm. *"Hoa xuân"* có lúc có nghĩa là *"hoa lửa"*, *"hoa chiến công"* để gửi bạn gần xa năm châu bốn biển *"bớt nỗi hàn"*.

Có thể nói mùa xuân trong thơ Tổ Hữu là một *mô típ nghệ thuật đặc sắc*. Ở đây dĩ nhiên có sự kết tụ của *thời gian* - tức hình ảnh một thời gian nghệ thuật, nhưng nó cũng bao hàm *không gian* - tức những hiện diện vật chất của *mùa* qua cảnh tượng thiên nhiên. Mùa không chỉ là khí hậu mà còn là quang cảnh của cái tiết trời ấy, trước hết là ở thiên nhiên. Thanh minh trong *Kiểu* hiện diện ở *"Cỏ non xanh tận chân trời/ Cành lê trắng điểm một vài bông hoa..."* Cái xuân sắc trong thơ Tổ Hữu cũng vậy. Là *"nắng xuân tươi trên cành dừa xanh dịu... Và chầy tan trên kẽ lá vườn chanh"*. Là *"Nắng soi sương giọt long lanh"*, là *"con én biếc liệng gần, liệng xa"*. Là *"cả trời hồng"*, là *"ấm nắng hanh"*...

Tuy nhiên mùa xuân còn là *nhân vật thẩm mỹ đặc sắc* giàu tính chất tượng trưng với bút pháp mang nét phong cách sử thi - trữ tình Tổ Hữu. Khi hiện ra với quan hệ thật duyên dáng, ý nhị, thân tình *"Xuân ơi xuân, em mới đến dăm năm"*, khi có tư cách bề bạn mà nghiêm túc *"Vâng xin kể cùng xuân đồng chí"*, nhiều lúc lại mang tư thế hào hùng của mùa xuân - dũng sĩ. Nhà thơ đã hóa thân vào mùa xuân, hồn xuân nhập vào hồn thơ. Được thể hiện với thiên hướng khái quát cao độ, mùa xuân trong thơ Tổ Hữu thường mang tính đại diện tượng trưng cao. Xưa kia và sau này nữa, xuân thường là người tri âm, tri kỷ, là người bạn đường thân mến, bởi qua đó có thể gửi gắm tâm sự về lẽ sống, niềm tin. Trong

thời gian dài của chiến đấu và chiến thắng, xuân là chiến hữu để cật vấn (*Hỏi xuân có biết hơn anh...*) để chia sẻ, giao lưu (*Xuân ơi xuân chọn hương nào/ Vui đây miền Bắc hay vào miền Nam?... Xuân hãy xem. Cuộc đấu bình hùng vĩ...*). Xuân rất gần, có thể *"cầm tay"* trò chuyện lại có thể rất xa như một kỳ vọng, một mơ ước (*Xuân mới đang hùng lên phía trước*). Cũng rất thực như sắc nắng, như mùi hoa... mà lại trừu tượng, mơ hồ, hư ảo *"Ôi sáng xuân nay như lưới gươm trần sáng quắc"* chứa đựng linh hồn sâu thẳm lịch sử *"mùa xuân nhân gian"*, *"mùa xuân sáng Lạc Hồng"*, *"mùa xuân bốn nghìn năm trước"*...

Muôn đời trời đất tặng mùa xuân.

(Duyên thẩm)

Nếu là hiện thân cho tặng vật thiên phú tươi đẹp nhất, quý giá nhất thì mùa xuân luôn hiện diện với hồn thơ Tổ Hữu, một tâm hồn thi sĩ luôn hướng Thiện, hướng Mỹ. Nếu đồng nghĩa với niềm vui bất tận, niềm tin mãnh liệt thì mùa xuân đi suốt, đi cùng đời thơ Tổ Hữu.

Tổ Hữu là nhà thơ cách mạng đầy sức xuân. Thơ Tổ Hữu đã là thơ hùng tráng - trữ tình ngời xuân sắc. Tuổi xuân nhiều thể hệ tìm thấy sức mạnh và niềm tin nơi thơ ông.

Tổ Hữu xứng danh là một *nhà thơ của mùa xuân*. Mỗi độ xuân về, ngắm trời xuân, thưởng hoa xuân, thêm một lần tưởng nhớ Tổ Hữu, người đã đem đến mùa xuân cho tâm hồn ta.

BỐN MÙA TƯƠI NỞ MỘT HỒN THƠ XUÂN^(*)

Có một cảm thức thời gian - *cảm thức mùa* trong thơ Tố Hữu:

Một năm có bốn mùa theo thiên văn. Mùa là phần thời gian phân chia xác định (ba tháng). Đông qua, xuân tới, hè về, thu sang... cứ thế chuyển vần tuần tự trong năm.

Bốn mùa thiên nhiên cũng là đề tài muôn thở của thi ca, nghệ thuật theo cảm hứng, tâm trạng của thi nhân, nghệ sĩ trong thời đại.

Tố Hữu không ngoài lệ ấy. Đọc kỹ, ta thấy đủ bốn mùa *qua* một hồn thơ hay đúng hơn, bốn mùa *trong* một hồn thơ mẫn cảm, đặc biệt nổi bật là mùa xuân. Một thời, người đọc đã đón đợi *thơ xuân* Tố Hữu cũng vì thế.

MÙA - CẢM THỨC THẨM ĐUỘM HỒN THƠ

Tuyên ngôn *Từ ấy* gắn với *mùa hè*. Một mùa hè hiện thực với ngày tháng được kết nạp Đảng. Cũng là mùa hè tượng trưng cho lý tưởng. “*Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ*”. Trải qua những ngày hè tràn đầy bức bối, ngọt uất là tâm trạng hừng hực lửa chiến đấu. “*Ta nghe hè dậy bên lòng/ Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!*” (*Khi con tu hú*).

(*) nhavantphcm.com.vn, 13/1/2013 và vanhocviet.org, 1/2013.

Cái gam màu thích hợp nổi bật của mùa hè trong thơ Tố Hữu lúc này có lẽ là *màu đỏ*. Nắng đỏ lửa, “*nắng gắt*” như màu nắng đặc trưng (*Trưa từ, Dưới trưa*).

Mùa hè “nóng” tương tự xuất hiện khá nhiều trong những năm kháng chiến vẫn mang nét vừa hiện thực, vừa tượng trưng. Cùng với “*mặt trời vừa lên*” buổi “*sáng hè*” là màu “*đỏ au*” lan tỏa hào hùng những bước chân “*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*” (*Nước non ngàn dặm*).

Mùa thu thấp thoáng trong *Việt Bắc* giàu ý nghĩa tượng trưng “*Tháng Tám mùa thu xanh thắm*”. Ấy là cái gam màu *sáng lảng* của cách mạng: “*Đã sáng lại trời thu tháng Tám*” (*Tà đi tới*). *Mùa thu mới* là hình ảnh mùa thu chế độ. “*Mùa thu đây hơi cờ hồng vàng sao*” rõ là mùa thu cách mạng.

Thực ra cũng có chút *màu vàng* hiện thực lảng đăng đó đây ở “*nắng trưa đồng vàng*” trong chùm thơ về xứ Thanh sau này. Phải vào tuổi “*cuối thu*”, mùa thu thiên nhiên mới như tràn vào thơ. “*Sáng thu nay đẹp đất trời*” (*Phồn Xương*)... “*Lắng nghe quan họ đêm thu/ Mênh mang sông nước...*” (*Đêm thu quan họ*)... “*Có gì trong nắng thu sang*”: có cái đẹp mơ màng “*Long lanh Như Ánh...*” (*Ngọc Lặc*) pha nét trầm thiết “*Sương thu xanh ngát ngàn Núi*” (*Nông Cống*). Đây là cảm nhận của cuộc hành hương thực tế như “*đường về tuổi xuân*” một thời.

Có cái rét ghê người nào buồn *màu xám* qua *mùa đông* những năm tù đầy ở *Từ ấy* và cũng có cái rét tê, rét buốt khủng khiếp “*Rét Thái Nguyên rét về Yên Thế/ Gió qua rừng Đèo Khế gió sang*”... Nhưng cái rét cắt thịt, cắt da ấy xét cho cùng chỉ là thử thách. Thơ nói chí: “*Rét thì mặc rét, nước làng em lo*” (*Phá đường*). Con người hành động với “*tiếng cuộc chiến khu*” như ngôn ngữ hào hùng vẫn át hết “*gió rét, trăng lu*” của trời đêm khắc nghiệt.

Xét kỹ trong mùa đông thời chiến vẫn ứ ập cái ảm ập lòng người. Khác nào những bông “*hoa chuối đỏ tươi*” - ngọn lửa bùng

lên, bùng tóa trên xanh thắm núi rừng cùng với cái “*nắng ánh*” lấp lánh như phản xạ hỗn người trên đỉnh cao lao động. Nét tượng trưng ấy ngày càng nổi bật trong niềm hy vọng của nhà thơ đã từ rất lâu: “*Trời hôm nay dẫu xám ngất mùa đông/ Ai cần được mùa xuân xanh tươi sáng*” (*Xuân đến*). Cho tới mãi sau này trong cảnh “*Còn đông đó. Gió mùa lạnh ngất*” vẫn là cảm nhận cái rét buốt thời tiết thời sự thời đại trong vận chuyển “*Có lẽ đất trời đang biến động*” để hy vọng “*Vạn xuân này, muôn thuở xanh tươi*” (*Vạn xuân*).

Thế đấy, với Tố Hữu, *mùa xuân* thực sự lên ngôi trong “*Đời ta, ta sống*”. Mùa xuân được nhà thơ coi như báu vật thiêng liêng của đất trời: “*Muôn đời trời đất tặng mùa xuân*”. Nếu thống kê ta sẽ có một con số thú vị: *thơ xuân* (về mùa xuân, vào mùa xuân) chiếm tỷ lệ cao nhất trong thơ bốn mùa. *Màu xanh* chính là *màu xuân* “*muôn thuở xanh tươi*” ngự trị.

Có ba hình vẽ xuân tiêu biểu nhất:

Xuân kiêu hùng, ngạo nghễ trong đấu tranh (*Ý Xuân, Xuân đến, Xuân nhân loại...*).

Xuân dũng cảm, anh hào trong kháng chiến (*Tiếng hát sang xuân, Bài ca xuân 68, Xuân 69...*).

Xuân hiền ngang, mãnh liệt trong xây dựng (*Bài ca mùa xuân 1961, Ta vẫn là xuân, Vạn xuân, Chào xuân 99, Du xuân, Cảm nghĩ đầu xuân 2002...*).

Đó là dáng hình, là khí thế trong *tâm hồn xuân* Tố Hữu. Xưa kia mơ ước “*Xuân bước nhẹ trên nhành non lá mới*”. Rồi đến lúc vỡ òa, mãnh liệt thành hiện thực sau này. Đúng là thời nào, xuân ấy. Mùa xuân mang dấu ấn lịch sử in đậm lịch sử một hồn thơ.

Từ *Gió lộng* đã xuất hiện mùa xuân với vẻ đẹp mới hiện thực mà lãng mạn. Tiếp những năm vừa chiến đấu, vừa xây dựng rồi hòa bình thống nhất, đổi mới... Trước sau, vẫn là cảm quan thẩm

mỹ đậm đà kết hợp các bình diện *xuân đất trời, xuân chế độ, xuân cuộc đời qua xuân tâm hồn*. Đó là sự kết hòa rất tài hoa của một thi sĩ bậc thầy.

MÙA - ĐẶC TRƯNG THỜI GIAN NGHỆ THUẬT

Chủ đề *mùa* trong nghệ thuật nói chung, với các nghệ sĩ tài năng đều mang đặc sắc của cá tính sáng tạo.

Trước hết là ở *tính đa nghĩa*. Mùa là thời gian nhưng gắn bó chặt chẽ với không gian, tạo nên một *thời - không gian*. Từ đây tạo ra cảm giác *màu thời gian*. Đoàn Phú Tứ có *Màu thời gian “tím ngát”*. Ở Tố Hữu sinh động và đa sắc hơn nhiều. Chủ yếu qua đó là *hồn cốt* của tác phẩm. Hoặc là *thần sắc* như *Mùa thu vàng* của danh họa Lévitan - Nga (Isaac Ilyich Levitan (1860 - 1900)) nêu đặc trưng rừng Nga, *Mùa xuân* của Cot - Pháp (Pierre Auguste Cot - 1837 - 1883) làm bật *thần khí* tuổi trẻ trong *thần thái* thiên nhiên. Có cái buồn da diết, lãng mạn của nhạc tiền chiến trong ca khúc *Đêm thu, Giọt mưa thu* của Đặng Thế Phong hoặc *Đêm đông* của Nguyễn Văn Thương. Trong thi ca, dấu ấn mùa thu của Lý Bạch, nhất là Đỗ Phủ đời Đường với *Thu hứng* (tám bài) vẫn truyền lưu những cảm xúc đặc sắc qua hàng nghìn năm. Các văn hào, thi hào Pháp thế kỷ XIX cũng để lại nhiều thi phẩm về mùa thu diễm lệ (Charles Baudelaire, Paul Verlaine, Anatole France) đặc biệt Victor Hugo (1803 - 1885) có tập *Lá thu* đột phá mở rộng kích thước rộng lớn của thời gian, không gian. Thời *Thơ mới*, nhiều tác giả có thơ hay. Xuân Diệu: *Đây mùa thu tới*, Hàn Mặc Tử: *Mùa xuân chín*, Lưu Trọng Lư: *Tiếng thu*. Nguyễn Bính được coi là nhà thơ viết nhiều nhất về mùa xuân. Mùa trong *Thơ mới* đã hiện đại khác với Tân Đà, Nguyễn Khuyến.

Trở về với Tố Hữu, ta thấy nhà thơ hầu như đã hội đủ những *thần sắc, thần thái* và *thần khí* của không - thời gian qua biểu hiện mùa.

Bài ca mùa xuân 1961 rất tiêu biểu về tính phong phú của chủ đề. Có cả *sự sống, tình yêu, tuổi trẻ* của tác phẩm kinh điển như *Mùa xuân* - họa của Pierre Auguste Cot hoặc *Mùa xuân vĩnh cửu* - tượng của Pierre Rodin... Nhưng vượt lên tất cả là một tư tưởng nghệ thuật mới: “*Có gì đẹp trên đời hơn thế/ Người yêu người, sống để yêu nhau/ Đàng cho ta trái tim giàu/ Thẳng lưng mà bước, ngẩng đầu mà bay*” (*Bài ca mùa xuân 1961*).

Hồn cốt bài thơ xuân nằm ở những câu thơ tung hoành “*Cả không gian như xích lại gần/ Thời gian cũng quên tuần quên tháng/ Đời trẻ lại. Tất cả đều cách mạng*” (*Bài ca mùa xuân 1961*).

Có cả phong vị dân gian và cổ điển qua những hình ảnh như hươu, như ảo của thời gian bất định nhưng hiện thực, rất ngày nay khác xa Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính. “*Ngày xuân mơ nở trắng rừng*” (*Việt Bắc*)... “*Như ngàn năm đẹp nét xuân xưa/ Bỗng tỏa gương trong sạch bụi mờ*” (*Xuân sớm*).

Ở Tố Hữu có sự kết hợp hài hòa tuyệt diệu xưa - nay, truyền thống - hiện đại. Rồi cả hiện thực và lãng mạn, chân và ảo... nhiều nét đặc sắc của một phong cách *sử thi - trữ tình - dân tộc* nhất quán đời thơ.

Cảnh sắc, âm thanh, nhạc điệu, tâm hồn,... cảnh và tình, người và cảnh quán quện thật sinh động, đẹp để qua hình tượng thơ, ngôn ngữ thơ. Đã có không ít lời ca ngợi cái đẹp của bộ tứ bình bốn mùa trong *Việt Bắc* qua đoạn thơ tiêu biểu “*Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi.../ Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung*”. Rồi cái đẹp “*Giữa mùa hè chín mẩy/ Xibêri hay Tbilixi*” đất Nga (*Với Lenin*), mùa xuân với “*nắng tràn*” và “*tiếng đàn xuân*” Balan (*Em ơi... Ba Lan*). Cũng không thể quên bức tranh hào sảng, rực rỡ, thấm thiết ở *Nước non ngàn dặm* “*Sáng hè đẹp lắm, em ơi/ Đầu non cô lục, mặt trời vừa lên/ Da trời xanh ngắt, thân tiên/ Đò au đường lớn mang tên Bác Hồ/ Trường Sơn mây núi lô xô/ Quân đi*

sóng lượn nhấp nhô... bụi hồng”. Thật hòa sắc, hòa điệu và khí thế biết bao!

Bốn mùa trời đất tươi nở tâm hồn suốt một đời thơ.

Đó chính là hình ảnh quê hương đất nước Việt Nam muôn vàn thân yêu với vẻ đẹp tuyệt diệu hiện thực mà kỳ ảo, chuyển vần biến hóa tháng năm theo dòng lịch sử.

Thiên nhiên thực sự là một *nhân vật thẩm mỹ* đặc sắc.

Cũng là thêm một minh chứng hùng hồn: *con người thiên nhiên* và *con người chính trị* là một trong *nhà cách mạng - nhà thơ* Tố Hữu.

THIÊN NHIÊN ĐẤT NƯỚC NHÂN VẬT THẨM MỸ ĐẶC BIỆT TRONG THƠ TỔ HỮU(*)

Xưa nay, thiên nhiên là một đề tài vĩnh cửu trong thơ ca. Khác hẳn và vượt lên lối “thác ngu cổ điển”, *Thơ Mới* với sự bùng phát của ý thức cá nhân đã như phát hiện lại thiên nhiên. Gió mây, trăng nước, cỏ cây tung hoành trên những trang thơ của nhiều nhà thơ nổi tiếng như Xuân Diệu, Huy Cận, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Bính... Đó cũng là một nhu cầu, một khát vọng giao cảm tự nhiên và chính đáng của con người với tạo vật, cuộc đời.

Từ ấy xuất hiện như một hiện tượng mới lạ như *Mấy cụm hoa tươi của tuổi trẻ* (Trần Minh Tước, báo *Mới*, ngày 1/6/1934). Lạ nữa, bài thơ *Từ ấy* hùng hồn một tuyên ngôn lý tưởng cách mạng rực lửa mà tươi xanh biết bao: tâm hồn được chiếu rọi mặt trời chân lý đã thăng hoa thành “một vườn hoa lá/ Rất đậm hương và rộn tiếng chim”, hồn người được thiên nhiên hóa.

THIÊN NHIÊN HIỆN DIỆN, ĐỒNG HÀNH VỚI THƠ

Tổ Hữu trong quá trình hoạt động cách mạng và thơ đã có bao nhiêu bề bạn: đồng bào, đồng chí, đồng nghiệp. Nhà thơ còn có

(*) khoavanhoc_ngonngu.edu.vn, 31/1/2013.

người bạn lớn *thiên nhiên* cũng là người *đồng ý, đồng chí, đồng tình* và *đồng hành* suốt đời thơ.

Thật vậy, trong hoạt động đấu đời, giữa hoàn cảnh tù đầy, qua song sắt xà lim vẫn là một bầu trời xôn xao lồng gió, có “*nhành non lá mới*”, có “*nắng tôi với chim ca lạnh lạnh*”... Thính giác của người chiến sĩ trẻ hết sức nhạy bén với “*những tiếng đời*”, “*tiếng chim reo*”, tiếng “*dơi chiều đập cánh*”... và đặc biệt tiếng “*con tu hú gọi bầy*”, cho lúa chín, cho trái ngọt, cho bắp rây vàng hạt, cho “*Trời xanh càng rộng càng cao*”.

Nỗi nhớ da diết trong *Nhớ đồng* cũng là của *Nhớ người*. Tập thơ trữ tình cách mạng đầu tay của Tố Hữu để cập một khát vọng lớn: bầu trời tự do.

Những năm kháng chiến, sống giữa chiến khu, Tố Hữu đã cùng đồng bào, đồng đội đắm mình vào môi trường quê hương chiến đấu và để thương để nhớ biết bao!

Thiên nhiên thân thiện, hào hiệp “*Núi giăng thành lũy sắt dày!/ Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù*” (*Việt Bắc*) ngọt ngào sáng láng: *Nắng chơi sông Lô, hò ô tiếng hát/ Chuyển phà dào dạt bến nước Bình Ca (Tà đi tới)*.

Việt Bắc đã trở thành bản hùng ca về quê hương đất nước một thời.

Những “*mùa xuân ấm áp*” trở về trên nửa nước. Trong không khí hòa bình, nhà thơ “*Nghe hơi thở của đồng quê mập mạp/ Bãi phù sa xanh mượt ngô non*”, cất lên lời ca hát mới “*Yêu biết mấy những dòng sông bát ngát/ Giữa đôi bờ dào dạt lúa ngô non*”. Đất trời mới hơn như tô vẽ thêm cho một quê hương đang “*vội vã cuộc vui chung*” trong cuộc đời *Gió lộng*.

Thời *Ra trận*, cả nước chống Mỹ với khát vọng chiến thắng cháy bỏng. Hiên ngang, bất khuất là tư thế Việt Nam: *Hãy xem!*

Đồng ruộng cũng chinh tể thế trận/ Lúa đang thẳng hàng, quyết tâm năm tấn.

Cô dân quân, vai súng tay cày bên cạnh các cụ bạch đầu quân trồng cây chống Mỹ. Tre vót nhọn ngọn tầm vông, sông thành sông lửa như trường thành chiến lũy, “hiển hách chiến công”.

Khép lại thời chiến trận là thời “máu đỏ thành hoa”. Việt Nam hồi sinh sau chiến tranh, bước vào xây dựng và đổi mới Đất nước. Mảng thơ “du ký” khắp mọi miền của Tố Hữu như góp tiếng hát vào bản hợp xướng hòa bình với bao thời cơ và thách thức mới. Việt Bắc lại được tái hiện trong hồn thơ hôm nay trong chuyến hành hương *Về chiến khu xưa*: Bến Bình Ca, Ngòi Thia, Sông Đáy, mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào... Sống lại những “chốn cũ, bồi hồi” rừng mai, bờ suối, nương ngô xanh mướt, lá phách vàng và “rêu xanh, hăm đất, đỏ thời gian” nhớ Bác. Miền Trung nhất là Thanh Hóa, biểu hiện thân thương, đậm thấm một tình nghĩa cảnh với người. Từ “Đồng mùa lúa chín như phơi hoa vàng” ở *Phồn Xương* đến “Hà Trung ruộng trũng, đồi cao/ Thông reo lúa chín vẫy chào người thân”... Từ *Cấm Thủy* “Nắng vờn núi gấm chành chành/ Sóng dờn sông Mã lượn quanh hàng đồi” đến *Ngọc Lặc* “Xanh xanh đồi trấu, đồi day, đồi luống/ Cao su thẳng lối nông trường”. Rồi *Như Xuân, Nông Cống*... Ở *Tĩnh Gia* đêm rằm gợi nhớ kỷ niệm rực lửa thời chiến, càng thấm thía “ánh trăng vàng vạc” đang chiếu rọi “Vàng đồng lúa chín, lục chen xanh đồi/ Ngọt ngào tôm cá biển khơi” trong ngày hôm nay. Qua vùng *Hoàng Hóa* quê em với nỗi ái ngại về cảnh “trắng đồng, ngập nước” trong mưa cũng hy vọng “Tạnh mưa lại nắng” đem đến niềm vui chung - Từ “Đường đưa rười rượi gió khơi” (*Quảng Xương*) lại đến “Rừng phi lao dịu nắng trưa” *Hậu Lộc* với bao kỷ niệm về “Ngày xưa”, “Vườn xưa”.

Những ngày đi thực tế, tham quan quê hương miền Nam là những ngày thật đẹp trong đời Tố Hữu khi đã vào tuổi “cuối thu”. Chảy mãi trong tâm hồn Tố Hữu là *Xanh thắm Tiền Giang*. Đó là

dòng chảy không ngừng của hồi ức bè bạn người xưa, cảnh cũ. Đó cũng là những kỷ niệm về những vùng đất, miền quê.

Xen giữa những bài thơ về cảnh và người bốn phương là những vần thơ thể sự về khoảng trời, mảnh đất riêng *Vườn nhà* (1987). Thiên nhiên dưới con mắt nghệ thuật thi ca Tố Hữu đã được tạo dựng nên *Bài thơ lớn* về quê hương “*Nước non ngàn dặm nên bài thơ quê*”.

Qua thơ, ta thấy chính Tố Hữu đã góp phần khẳng định một sự thật hiển nhiên: thiên nhiên là bài thơ dài bất tận của tạo hóa.

Với ý nghĩa ấy, thiên nhiên làm đẹp cuộc sống con người nhưng quan trọng hơn, ngược lại, con người góp phần tạo nên, tô điểm thêm cái đẹp của thiên nhiên. “*Chặn sông Đà ta làm ra thác điện, Sắt Thái Nguyên, hây làm ra thép luyện...*” cho “*sáng núi rừng*” cho “*Đất nước ta rất to đẹp, đàng hoàng*” (*Một khúc ca xuân*). “*Hoa Việt Nam. Hoa bốn mùa mưa nắng*” (*Xuân 69*), chính là “*Hoa chiến thắng*” của kỳ tích anh hùng: “*máu đỏ thành hoa*”.

THIÊN NHIÊN - NGƯỜI BẠN LỚN TRONG ĐỜI

Quan niệm nghệ thuật về thế giới là cơ sở về nhận thức và đối xử với thiên nhiên.

Thiên nhiên vốn là một khách thể. Nói chung đó là phong nền khách quan của lối sinh sống, hoạt động của con người. Đối với Tố Hữu, thiên nhiên luôn nâng đỡ, tôn vinh con người. Khi thanh bình, hiển hòa (*Gió lộng đường khơi rộng đất trời...*) hay khi khắc nghiệt, cũng như để thử thách nghị lực con người (*Bão đập, mưa chan, gan sắt dạ vàng...*). Hiển nhiên do cảm quan nhân văn, thiên nhiên trở thành *người bạn lớn* của mọi người trong đó có nhà thơ.

Người bạn ấy trước hết là người cùng *giao cảm* với nhà thơ. Những ngày bị giam hãm, vẫn nghe có một giao lưu tâm tình kỳ lạ: “*Tôi mơ hồ nghe tất cả bên ngoài/ Đang riu rít giữa một trời rộng rãi/ Đang hút mật của đời sây hoa trái/ Hương tự do thơm ngát cả*

ngàn ngày...” (*Tâm tư trong tù*). Không kém kỳ lạ là “con gió” cách mạng như cùng cuốn bốc với nhà thơ trong niềm vui giải phóng “*Có con chim nào trong tóc nhảy nhót hót chơi/ Ha! Nó hót cái gì vui vui nghe thiệt ngộ! Gió gió ơi! Hãy làm giông làm tố*” (*Huế tháng Tám*). Tuy nhiên đó là con chim tưởng tượng trong “vườn hoa lá” của tâm hồn *Từ ấy*. Nhưng “*Con chim kêu trước cửa... Cành táo đầu hè quả ngọt rung rinh*” là vừa thực, vừa mơ. Ấy là vào mùa xuân năm 1961. Hơn một lần nhà thơ lãng mạn hóa hiện thực *Cành táo đầu hè rung rinh quả ngọt/ Nắng soi sương giọt long lanh...* Mười năm sau, giữa những năm đánh Mỹ là giao cảm và đồng tình.

*Dâu hện vàng tơ, chè mơ thêm lửa
Lạc lên xanh bát ngát chân trời
Đến cỏ dại cũng ngọt thành cỏ sữa
Sắn khoai khô cũng đem mật cho đời.*

(*Bài ca xuân 71*)

Một sự đồng ý, đồng tình cao cả vì sự nghiệp chung. “*Giống môi rộn ràng năm tấn... Biếc mắt bèo dâu... Những mảnh đất bạc màu/ Những quả đồi hoang xói lở... Hết tím hoa mua, sẽ trắng mùa hoa sở...*”.

Đất nước đổi mới “*mặt đất, mặt người*” cùng đổi thay:

*Đồng quê đã hai mùa lúa mẩy
Núi đồi hoang, cây lại xanh tươi.*

Tất cả như hòa quyện trong niềm vui mới: “*Từ Yên Bái, Thác Bà reo Thùy điện... Lên Thác Mơ, sáng rừng xanh bát ngát*”. Những vẻ đẹp và tình yêu mới với khí thế mới “*Và biển lớn, chưa bao giờ đẹp thế/ Mô dấu tuôn khí bốc đỏ trời xanh*” (*Cho xuân hạnh phúc đến muôn người*).

Là người bạn đồng ý, đồng tình cũng là đồng chí, thiên nhiên trong thơ Tố Hữu biểu lộ khá đầy đủ tâm hồn, ý chí nhà thơ.

Đất nước như “tự xé mình” ra để “bay lên” từ những ngày đầu kháng chiến chống Pháp. Nhà thơ đã lắng nghe khúc hát hào sảng ngay trong đổ nát *Giữa thành phố trụi: “Cà các anh/ Những di lăng, sấu gạo/ Không tiếc lá cành xanh/ Vật ngang đường cản giặc*”. Rồi cả núi rừng *Việt Bắc* như nhất tể rừng rừng đứng dậy “*Núi giăng thành lũy sắt dày/ Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù/ Mênh mông bốn mặt sương mù/ Đất trời ta cả chiến khu một lòng*”.

Ý chí và tình cảm mạnh mẽ gắn bó nhuần nhuyễn làm nên sức mạnh tinh thần vô địch của đất nước và con người: *Chí ta như núi Thiên Thai ấy/ Đò rục chiều hôm dấy cánh đồng/ Lòng ta như nước Hương Giang ấy/ Xanh biếc lòng sông những bóng thông...* (*Quê mẹ*).

Hai mươi năm sau, ngày tháng Mỹ là khúc khai hoàn ca trong đó có chính khí ca một thời về Huế:

*Thừa Thiên đẹp cảnh, đẹp người
Núi xanh khí phách, biển ngời sức xuân!*

(*Bài ca quê hương*)

Những dòng thơ sau, khí thế anh hùng ấy được “giải trình” lại qua âm điệu dung dị, điềm tĩnh mà sâu sắc. “*Núi này, Bạch Mã, Hải Vân/ Mây đưa anh Giải phóng quân lên đèo/ Biển này, Cửa Thuận sóng reo/ Thanh thanh vành mũ tai bèo là em*” (*Bài ca quê hương*). Biển, Núi, Sông còn mang tư cách đồng đội của đội ngũ “*Miền Nam - Dũng sĩ*” (*Tuổi 25*) và hơn thế của “*Ba một triệu nhân dân/ Tất cả hành quân/ Tất cả thành chiến sĩ*” (*Chào xuân 67*).

Thơ xưa thiên về yêu thiên nhiên đẹp qua các đề tài vĩnh cửu: phong, hoa, tuyết, nguyệt, thường chủ yếu để *thường ngoạn*, coi thiên nhiên như đối tượng thẩm mỹ để khai thác. Cũng có thái độ bè bạn thân tình trong đối đãi, thậm chí coi như tri âm, tri kỷ.

Ở Tố Hữu có những cái giống và khác, chủ yếu do khuynh hướng trữ tình cách mạng.

Ba bài thơ Trăng (Gió lộng) tập trung miêu tả trăng. Xưa Lý Bạch đời Đường, Trung Quốc từng coi trăng là người bạn trên đường xuống núi. Trăng (I), (II) là bạn đường nhưng mang tính cách tự do - là trăng tự do khát vọng những ngày nhà thơ bị tù đầy. Trăng (III) thời hòa bình đã giao hòa hồn người, người hóa thân vào trăng và ngược lại. “*Trăng đầy mặt nước, trăng như mặt người/ Ngấn ngơ trăng gió, mặt người như trăng*”.

Một điều khác lạ đáng lưu ý là vượt lên những ý nghĩa thông thường, thiên nhiên không chỉ được coi như người bạn để gửi gắm tình cảm, ý chí mà còn là địa chỉ để ký thác những nghiệm suy có ý vị triết lý. Nói cách khác, Tố Hữu gửi thông điệp triết học về tự nhiên. Ở *Sáng tháng Năm* không chỉ là khung cảnh mà chính thiên nhiên đã nâng tầm vóc tâm hồn lãnh tụ “*Bác ngồi đó lôn mênh mông/ Trời cao biển rộng ruộng đồng nước non*”. Nhưng câu thơ đặc sắc “*Bác sống như trời đất của ta*” (*Bác ơi*) lại thể hiện chính xác minh triết Hồ Chí Minh trên một khía cạnh rất thuần phác về quan hệ với tạo vật và cuộc đời. Tố Hữu đã phần nào cảm nhận được điều ấy, khi viết.

Muôn đời trời đất tặng mùa xuân

Xin sáng lòng ta một chữ Nhân.

(Duyên thăm)

Trước đó, nhà thơ cũng từng viết: “*Trăm năm xuân của đất trời/ Đối sao được một tiếng cười nhân gian*” (*Xuân hành 92*).

Chữ *Nhân* đặt trong *nhân gian* có nghĩa lớn lắm... Có một định nghĩa thơ tưởng “xưa như trái đất” mà hóa ra rất mới: *Con người* mở đầu tập *Ta với ta*. Con người tự do “*Ngực dăm đón những phong ba dữ dội/ Chân đạp bùn không sợ các loài sên*” giờ đây với sức sáng tạo diệu kỳ cần và đang phải đi tới, dần bước. “*Mênh mông vũ trụ đêm dày/ Xanh tươi trái đất vui thay có Minh!*” (Lưu ý các từ: *Con Người, Người, Đời Người, Minh* đều viết hoa). Quan

hệ vĩnh cửu con người và thiên nhiên, tạo vật qua thơ Tố Hữu giờ đây đã hé lộ ý nghĩa triết lý nhân sinh mới.

Thương nhau cho nở nụ cười cùng hoa.

Chính vì cảm nhận được minh triết về sự giao hòa tuyệt đối con người và thiên nhiên, mối tương tác mật thiết giữa chủ thể và khách thể mà nhà thơ đã chọn một quan niệm, một phong cách sống ung dung tự tại thấm nhuần chủ nghĩa lạc quan cách mạng.

Thiên nhiên được coi như người bạn để trao gửi niềm tin và ước vọng, để giải tỏa ưu phiền bức bối cũng như hóa giải bức xúc và uẩn ức. Người bạn lớn quyền năng ấy có thể giúp con người giáo dưỡng tinh thần, thanh lọc tâm hồn.

Hồ Tây thường được nhắc đến trong thơ những năm cuối đời như một mặt gương thanh tịnh “*thơm ngát sen đầm*”. Với Tố Hữu, một thoáng Hồ Tây là phút tẩy trần, nhà thơ có ước vọng giản dị và thanh cao “*Ngát bụi trần, tìm gió mát Hồ Tây*” (*Du Xuân*). Tố Hữu từng ca ngợi bậc danh họa Nguyễn Phan Chánh: “*Phải chăng lòng sạch bụi trần/ Mát trong làn nước, trắng ngấn làn da*” và cũng tự tin “*Lòng không bợn chút bùn dơ*”, với phép *Dưỡng sinh* của mình. *Chùa Hương* gợi không khí huyền ảo bồng bênh “*lên tiên giới*”, “*giữa sắc, không*” nhưng để nói một khát vọng thanh thân rất thực với đất trời, rất đời giữa nhân gian. Đó là hồn thơ thăm thẳm một tâm linh, đau đáu một nguyện cầu: “*đời mãi tươi xanh lá*” hay ước mơ xanh cho “*cả thế gian*”.

NÉT PHONG CÁCH DÂN TỘC TRONG THƠ TỔ HỮU^(*)

Tổ Hữu đã từng có tuyên ngôn về thơ bằng thơ từ tập thơ đầu tay. Những quan niệm thơ và cả quan niệm văn nghệ quan trọng nhất của Tổ Hữu được tập trung giới thiệu qua cuốn tiểu luận *Cuộc sống cách mạng và văn học nghệ thuật* (Nxb. Văn học, Hà Nội, 1980).

Có lẽ Tổ Hữu là người chính thức đưa ra thuật ngữ dân tộc hiện đại hay dân tộc - hiện đại. Theo nhà thơ, đó là một khái niệm chỉ một “bản chất” “thống nhất”, toàn vẹn. Nói gọn lại là phẩm chất dân tộc của sáng tạo nghệ thuật.

Dân tộc hiện đại không thể là hai phạm trù khác biệt quan hệ với nhau một cách máy móc bằng một dấu cộng. Dân tộc không thể là “cái đuôi” gắn vào hiện đại hoặc ngược lại. Phải là sự hài hòa hữu cơ thể hiện trên toàn bộ sáng tác. Quan hệ hiện đại và dân tộc là mối quan hệ hai chiều xâm nhập lẫn nhau. Tổ Hữu giải thích: “Chỉ hiện đại mà không dân tộc, thế là mất gốc. Nhưng chỉ dân tộc mà không hiện đại thì cũng không... dân tộc”. Nhà thơ cũng xác định rõ nguyên tắc quan hệ: “Trước hết phải là Ta, từ Ta mới tới hiện đại. Ta ngày càng hiện đại”.

(*) Tập chí *Trung học Phổ thông*, 3/1995.

Dân tộc là tính chất nhưng dân tộc cũng là phẩm chất sáng tạo tức phong cách của người nghệ sĩ.

Trở lên là lướt qua những luận điểm cơ bản nhất được vận dụng trong sáng tác thơ, thể hiện *nét phong cách dân tộc* trong thơ Tổ Hữu trên một số bình diện chủ yếu của hình thức.

1. Hệ thống *hình ảnh, hình tượng thơ* Tổ Hữu thường mang tính chất và đặc điểm rõ rệt linh hoạt, bình dị mà kỳ vĩ. Nhà thơ tạo ra được những hình ảnh giàu tình cảm, giản dị hàm súc có nét “vừa lạ, vừa quen”, có cốt cách truyền thống mà lại táo bạo, kỳ thú.

Những hình ảnh ấy được xây dựng trên những cảm quan nhạy bén. Một trong những cảm quan lớn, rất tiêu biểu là cảm quan *non nước*. Đây là cảm quan rất giàu tính truyền thống gắn bó hiện thực lịch sử dân tộc và cũng đậm đà trong lịch sử văn học dân tộc. Cảm quan Tổ Hữu mạnh hơn hẳn các tác giả cổ điển. Tỷ lệ chung trong các tác phẩm xấp xỉ 40%.

Khái niệm non - nước trong thơ Tổ Hữu ngày càng mang hàm nghĩa minh xác hơn và gắn với nghĩa cơ bản đích thực của nó:

... Anh đi xuôi ngược tung hoành
Bước dài như gió lay thành chuyển non
Mái chèo một chiếc xuống con
Mà sông nước dậy sóng cồn đại dương.
(*Tiếng hát sang xuân*)
... Xê dọc Trường Sơn đi cầu nước
Mà lòng phơi phới dậy tương lai.
(*Theo chân Bác*)

Dưới ngòi bút thơ thấm đượm cảm quan non - nước mạnh mẽ của nhà thơ, đất nước Việt Nam, thiên nhiên Việt Nam hiện lên những cảnh quan sinh động đẹp để muôn hình vẽ đậm đà tâm hồn dân tộc.

2. Tố Hữu là nhà thơ biết phát huy mạnh mẽ hiệu quả nghệ thuật *thể loại thơ* truyền thống. Hơn thế ông còn góp phần mở ra hướng cách tân kết cấu thể loại truyền thống.

Một mặt ta thấy Tố Hữu từ đầu và sau này vẫn *gắn bó chặt chẽ với thơ truyền thống*. Thơ 6/8 nhuần nhuyễn, đạt đỉnh cao mới với Tố Hữu. Tỷ lệ chung là 28% (tính đến *Máu và Hoa*) và thường cao ở những tập thơ mà nhà thơ tập trung biểu hiện cái tôi trữ tình. (*Từ ấy*: 45%).

Mặt khác ta thấy, nhà thơ có ý thức đổi mới thể loại để nâng cao sức biểu hiện của thơ phù hợp với biến chuyển của hiện thực thời đại. Thơ 6/8 linh hoạt hơn, uyển chuyển hơn, phóng khoáng hơn. Thơ 7/8 chữ cũng được “tháo tung”, sinh động hơn, khỏe chắc hơn. Các thể loại này đều vươn lên hướng sử thi hiện đại: *Việt Bắc*, *Nước non ngàn dặm*, *Bác ơi*, *Theo chân Bác*. Sự đổi mới của thơ Tố Hữu khá mạnh dạn nhưng *bám rất chắc vào truyền thống*. Cái táo bạo kỳ lạ vốn nảy sinh từ cái gì rất quen thuộc gần gũi xa xưa. Thơ tự do của Tố Hữu nói chung là như vậy. (*Tiếng chổi tre* rất tự do, phóng khoáng nhưng cốt cách của nó là thơ 7 chữ), câu thơ bị tách rời, cắt xé, phá vỡ nhưng lại được liên kết ăn nhập cân đối, hài hòa trong một khổ thơ.

3. *Ngôn ngữ, nhịp điệu thơ* Tố Hữu cũng giàu tính dân tộc hiện đại.

Hầu như Tố Hữu chỉ dùng chữ nghĩa bằng sự chuyển hóa linh hoạt nghĩa của từ, khai thác từ đó những sắc thái biểu cảm đa dạng của từ. *Ngẩn ngơ* mang những màu sắc ngữ nghĩa khác nhau ở những câu thơ trong các bài *Trên đường thiên lý*.

Từ lấp láy trong thơ Tố Hữu chiếm tỷ lệ cao và được cấu tạo bằng nhiều biện pháp. Tố Hữu có biệt tài dùng từ lấp láy nhiều khi đạt đến một sự điều luyện bất ngờ. Đó là trong trường hợp câu thơ gần như tuột ra khỏi ngòi bút Tố Hữu mà được Xuân Diệu khen hết lời:

*Nỗi niềm chi rửa Huế ơi
Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên.*

(*Nước non ngàn dặm*)

Vần, điệu của Tố Hữu tạo nên nhạc thơ độc đáo như một sức cuốn hút say mê, giàu bản sắc dân tộc.

Trước hết, *về vần*. Từ một thống kê trên 8.000 dòng thơ, chúng tôi có thể rút ra mấy kết luận:

- Thơ Tố Hữu rất giàu có về vần trong đó hầu hết là vần chính, vần thông (64%) vần chân, vần liền. Đặc biệt là vần bằng nhiều hơn vần trắc (gần 2,5 lần).

- Vần giàu có đưa đến sự phong phú của nhạc điệu, làm câu thơ liền mạch, gắn bó hữu cơ với nhau, vần tạo ra chất mượt mà, dịu ngọt rất đậm đà truyền thống và góp phần đắc lực làm nên phong cách trữ tình dân tộc độc đáo Tố Hữu.

- Tuy nhiên vần kết hợp với nhịp lại tạo nên sự linh hoạt mới lạ cho câu thơ, rõ nhất là có các thể thơ truyền thống 6/8 và 7 chữ.

Về nhịp điệu, có thể thấy nét đổi mới hiện đại rất rõ của thơ Tố Hữu là sự cắt nhịp dựa vào hệ thống dấu chấm phong phú ngày càng chiếm tỷ lệ cao. Nhịp điệu thơ Tố Hữu rất linh hoạt, ngày càng tăng sức biểu cảm cho câu thơ.

Tuy nhiên hơn ai hết, nhịp điệu thơ Tố Hữu bảo đảm nghiêm ngặt quy luật ngôn ngữ dân tộc, tính cách luật của ngôn ngữ thơ.

Một biểu hiện nổi bật là nhịp điệu thơ bảo đảm sự luân phiên hài hòa *bằng, trắc* và thiên về *bằng*.

Hãy tham khảo một vài phân tích cụ thể:

Bảng A: Cặp 2, 3 luân phiên *bằng, trắc*:

*Bầm ơi, có rét không Bầm
Heo heo gió núi lâm thâm mưa phùn
Bầm ra ruộng cấy Bầm run.*

BB TT BB
BB TT BB/BB
BB TT BB

Cặp 3 ngữ điệu

*Đã đi muôn dặm xa gần
Nay về Nam cũng bước chân bới hời.*

TB BT BB
BB BT TB/BB

Cặp 2 ngữ điệu

Bảng B: Tỷ lệ *bằng* trong thơ Tố Hữu cao hẳn so với thơ truyền thống và thơ hiện đại:

Thống kê trên một số tác phẩm, tác giả tiêu biểu.

Tác phẩm - tác giả	Bằng	Trắc
Khuyết danh	59,9	40,1
Nguyễn Du	60,2	39,8
Nguyễn Đình Chiểu	60,9	39,1
Tố Hữu	63,5	36,5

(Theo tư liệu của một tóm tắt luận án Tiến sĩ Ngữ văn - 1974).

Nhìn chung lại, vần điệu trong thơ Tố Hữu thể hiện khuynh hướng dân tộc - hiện đại nhưng thiên về truyền thống. Vần, điệu ấy đóng góp tích cực cho biểu hiện phong cách thơ Tố Hữu: đó là tính chất dịu ngọt, thiết tha, hài hòa cao độ trong nét phong cách cơ bản sử thi - trữ tình dân tộc.

Cần khẳng định thành tựu của thơ Tố Hữu về khuynh hướng dân tộc - hiện đại trên hình thức nghệ thuật.

Một nét nổi bật dễ thấy là tính chất dân tộc - hiện đại của thơ Tố Hữu thấm đượm trên nhiều hệ thống phương tiện biểu hiện.

Tố Hữu làm hiện lên những hình ảnh dân tộc độc đáo trong thơ. Tất cả đất nước Việt Nam, thiên nhiên Việt Nam, con người Việt Nam, cuộc sống, chiến đấu Việt Nam được thể hiện bằng ngôn ngữ dân tộc độc đáo. Thể loại thơ Tố Hữu như cái khuôn linh hoạt chứa đựng những tình cảm phong phú. Những hiện tượng đối mới đều dựa trên cái nền dân tộc vững chãi.

Kết hợp nhuần nhuyễn truyền thống và đổi mới, xác định tính dân tộc - hiện đại của thơ ngày nay là một sáng tạo có ý nghĩa của Tố Hữu. Nhà thơ đã nêu một kiểu mẫu về hai mặt cơ bản:

- Sự tiếp thu có chọn lọc vốn truyền thống thơ ca: tiếp thu tính chất ngọt ngào của ca dao, chất sâu sắc, trí tuệ của tục ngữ trong văn học dân gian, chất hàm súc, uyên bác cả văn học cổ điển.

- Sự tiếp thu có chọn lọc văn học thế giới, chất tinh hoa của văn hóa, văn học nói chung và thơ ca nói riêng cả phương Tây và phương Đông.

Tuy nhiên, nếu so sánh với khuynh hướng khác, Tố Hữu thiên về *truyền thống* hơn. Nhìn chung lại đó cũng là nét độc đáo của nhà thơ, nét *phong cách dân tộc* hay nét phong cách trữ tình dân tộc Tố Hữu.

TỔ QUỐC - TÌNH YÊU MÁU THỊT: “ÔI VIỆT NAM! YÊU SUỐT MỘT ĐỜI”(*)

“**V**iệt Nam ơi, máu và hoa ấy”.

Tổ Hữu đã cất lên tiếng reo vui lịch sử! Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là thắng lợi cực kỳ to lớn, kết thúc một chặng đường đấu tranh vinh quang của quân và dân ta. Non sông thu về một mối, Bắc Nam sum họp một nhà

Vui thế, hôm nay... là niềm vui thống nhất:

Hùng vĩ thay, toàn thân đất nước

Tựa Trường Sơn, vươn tới Trường Sa

Từ Trà Cổ rừng dương đến Cà Mau rừng đước

Đỏ bình minh mặt sóng khơi xa.

Bao nhiêu máu xương Việt Nam đã đổ xuống để thực hiện tuyên ngôn của Bác Hồ - như ước vọng của triệu triệu người: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi”.

Niềm vui trọn vẹn vỡ òa trong Đại thắng lịch sử. Việt Nam, Đất nước là Một, trong vòng ôm trọn vẹn của cuộc Đại đoàn viên dân tộc sau gần một phần ba thế kỷ.

Đến hôm nay, mới thấy trọn vùng trời!

(*) khoavanhoc_ngonngu.edu.vn, 9/6/2014.

Đất nước ta đã trải qua nhiều thời đoạn bi tráng. Không ai quên được nỗi đau chia cắt ngày Bắc, đêm Nam vừa qua, cũng như sự chia ly giả tạo Đảng Trong, Đảng Ngoài gần 200 năm thời Trịnh - Nguyễn phân tranh. Đó là tâm trạng tù túng đón đau: “Giữa quê hương mà sống kiếp đi đày”.

Quốc hiệu *Việt Nam* từ năm 1802 là một danh hiệu thiêng liêng, cao quý. Nó cho thấy sự thống nhất của Tổ quốc, sự thể hiện cương vực, bờ cõi của một quốc gia đã định hình và tồn tại trong lịch sử.

Có những mảnh đất, những tộc người bị lịch sử chia cắt như một nhát dao định mệnh, thành hai cộng đồng, hai quốc gia mãi mãi. Có dân tộc phương Tây bị ngăn cách chỉ bởi “một bức tường” giả tạo đến lúc phải vùng lên phá vỡ cho dòng chảy huyết thống liên mạch không thể cắt lìa. Một bán đảo ở Đông Á hơn 60 năm nay vẫn chia hai bờ giới tuyến, cầu mong sự đoàn tụ gia đình cho những người con từ lúc chào đời cho đến khi bạc tóc. Đó là những bi kịch và thảm cảnh của nhân loại đã xảy ra. Ngày nay, những phong trào ly khai, nổi dậy đã và đang diễn ra ở nhiều nơi, cũng là để một vùng lãnh thổ được trở về chung một cội nguồn đất nước và lịch sử.

Cần nhớ lại rằng, trong suốt gần 100 năm bị Pháp đô hộ, Việt Nam coi như bị xóa sổ trên bản đồ thế giới. Lúc đó, nước ta bị gọi một cách miệt thị là xứ An Nam, nằm trong Liên bang Đông Dương (Indochine) thuộc Pháp, do một vị Toàn quyền cai trị bằng bộ máy thực dân.

Vì thế, việc giành lại một đất nước toàn vẹn *lãnh thổ*, khôi phục *quốc hiệu* là cả một sự nghiệp lịch sử vô cùng anh dũng, vẻ vang.

Độc lập, tự do, thống nhất của Việt Nam có được là nhờ bao cuộc đấu tranh trường kỳ kháng chiến, gian khổ và sự hy sinh của biết bao thế hệ. “*Máu đã nở thành hoa*”. Một trang sử mới lại được

mở ra. Hành trình lịch sử lại tiếp diễn: “Từ chiến trường ra, ta xốc tới công trường”.

Thống nhất là ngôn ngữ chính thống của nước này: “Và thống nhất chính là một điều nhắc lại và tiến lên. Tiến lên trăm lần vững chắc hơn truyền thống nghìn xưa (Chế Lan Viên).

“VIỆT NAM! ANH DỪNG SÁNG NGỜI”

Dân tộc nào cũng có lịch sử hình thành và phát triển. Xét cho cùng, đó là do sức đấu tranh sinh tồn từ bên trong (các tộc người) và áp lực từ bên ngoài (thế lực ngoại xâm). Đó là cuộc đối chọi, tranh chấp hàng chục, thậm chí hàng trăm năm. Có những cuộc chiến chưa ngã ngũ trên thế giới - như cuộc đụng độ giữa Israel và Palestin. Qua đó, chúng ta rút ra được những tiến lệ để suy nghiệm của nhân loại:

*Việt Nam anh dừng sáng ngời
Ánh gương độc lập giữa trời soi chung.*

(Ba mươi năm đời ta có Đảng)

Việt Nam có lịch sử lâu đời vào hàng bậc nhất trên thế giới: “*Ta đi dưới bốn nghìn năm lịch sử*”. Nước ta là một trong những cái nôi lớn của nền văn minh *lúa nước*, của văn minh *trống đồng*. Lịch sử hình thành quốc gia đã trải qua biết bao thăng trầm. Tuy nhiên, nổi bật nhất vẫn là một đất nước anh hùng.

Mảnh đất bao đời ấy đã thấm đẫm mồ hôi, nước mắt và máu của các thế hệ, tạo nên một truyền thống vô cùng quý báu: “*Nghìn năm luyện bước anh hùng*”. Chúng ta đã chống lại sự đồng hóa của đêm trường Bắc thuộc mà ngay từ đầu đã là cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng vào năm 40 sau Công nguyên và bà Triệu sau đó, vào năm 248. Tiếp theo là những cuộc nổi dậy của Lý Bí đánh bại quân Lương vào năm 544, Triệu Quang Phục vào năm 550, Mai Thúc Loan (722), Phùng Hưng - Bố Cái Đại vương (791), Dương Diên Nghệ (931 - 938)...

Lý Thường Kiệt đã làm bài *Thơ thần* cho muôn thuở, được coi như bản **Tuyên ngôn độc lập** đầu tiên trong lịch sử nước nhà:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.*

Thơ đã khẳng định chủ quyền của nước ta với tư cách là một quốc gia độc lập được quy định sẵn như một thiên mệnh: Nước Nam - Vua Nam *xưng đế*.

Đất nước nổi bật, trước hết, trong trường kỳ lịch sử, là một đất nước của *truyền thống anh hùng*, cũng là của *chủ nghĩa yêu nước anh hùng*.

Hiểu một cách hình tượng: Tổ quốc là một nhân vật khổng lồ “*Lưng đeo gươm tay mềm mại bút hoa*” (Huy Cận). Lịch sử đất nước, cũng là lịch sử của *truyền thống thi thư văn hiến*. **Bình Ngô đại cáo** của Nguyễn Trãi đồng đặc một tuyên ngôn văn hóa “*Duy ngã Đại Việt chi quốc/ Thực vi văn hiến chi bang*”:

*Nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng văn hiến đã lâu.*

Đó là tuyên bố hào hùng, phản kháng quyết liệt chủ trương “tiêu diệt nền văn hóa Đại Việt, nhằm đồng hóa dân tộc” của giặc Minh. Đó cũng là sự chống trả trào lưu Âu hóa, Mỹ hóa, dù là của thực dân cũ hay mới trong thế kỷ XX. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước mang ý nghĩa là cuộc đấu tranh nhân danh sự sống, chống hủy diệt, văn minh chống bạo tàn vào hàng quyết liệt nhất.

Từ đó, Việt Nam còn là tiếng nói của *chủ nghĩa nhân văn*, của *chủ nghĩa lạc quan* ngời sáng trong thời đại:

*Việt Nam, ôi Tổ quốc thương yêu!
Trong khổ đau, Người đẹp hơn nhiều.
(...)*

Bốn nghìn năm chan chứa ân tình
Lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, bạo chúa.

(Chào xuân 67)

Lời thơ hiện đại vẫn sang sảng giọng *Cáo Bình Ngô* thuở trước.
Tuyên ngôn độc lập thế kỷ XV được nối tiếp hào hùng bằng *Tuyên
ngôn độc lập 1945* của Bác Hồ, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc
ta - *Kỷ nguyên Độc lập, Tự do, Hạnh phúc*.

Tổ Hữu chiêm ngưỡng Tổ quốc từ cái nhìn toàn cục, toàn diện,
trên nhiều vị thế, trạng huống, đã có nhiều định nghĩa tình cảm:
“*Vinh quang thay Tổ quốc chúng ta...*”, “*Ôi Tổ quốc đơn sơ mà lộng
lẫy...*”, “*Ôi Tổ quốc giang sơn hùng vĩ/ Đất anh hùng của thế kỷ hai
mươi...*”, “*Ôi Việt Nam xũ sỡ lạ lùng/ Đến em thơ cũng hóa những
anh hùng/ Đến ong dại cũng luyện thành chiến sĩ/ Và hoa trái cũng
biến thành vũ khí...*”...

Hình tượng *Tổ quốc* quán xuyến suốt một đời thơ Tổ Hữu,
cũng là thể hiện *chủ nghĩa yêu nước anh hùng* chói sáng lý tưởng
cao đẹp trong thời đại, như tình yêu nồng nhiệt kết hòa trí tuệ
mẫn cảm. *Tổ quốc* thường mang vẻ đẹp “*Đơn sơ mà lộng lẫy*” càng
đẹp lên theo tầm cao thời đại.

“VIỆT NAM! HAI TIẾNG GỌI HÔM NAY”

Việt Nam đã trở thành *lương tri của nhân loại* từ lâu. Nước ta là
một nước có bề dày lịch sử dựng nước và giữ nước vẻ vang, đáng
tự hào, chinh phục được niềm tin của nhân dân tiến bộ thế giới.

Việt Nam đã trở thành *tiếng gọi chính nghĩa* - một thời và mãi
mãi: “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”. Đó là *tiếng nói vì sự nghiệp
đấu tranh*, có sức lay động, thức tỉnh trí não muôn triệu người.

Tiếng gọi ấy đã tạo ra tiếng nổ dây chuyền trong sự nghiệp đấu
tranh giải phóng dân tộc. Những đội quân giải phóng ở châu Phi,
khi xông vào công phá dinh lũy của thực dân đã hô vang: “*Việt*

Nam - Hồ Chí Minh”. *Trận Điện Biên Phủ trên không* đã tiêu diệt
uy thế của không lực Hoa Kỳ và dẫn đến sự thảm bại của đế quốc
Mỹ trong cuộc chiến tranh phi nghĩa ở Việt Nam.

Đại thắng mùa Xuân 1975 tiếp tục làm chấn động địa cầu, tôn
vinh thêm hai tiếng “*Việt Nam*” - Đất nước đã vút xuống thêm lục
địa hai tên đế quốc siêu cường của thế kỷ XX.

Từ đây mở ra thời kỳ “*Sau Việt Nam*” cho lịch sử.

Việt Nam là *tiếng nói chỉ thời khắc lịch sử mới* của nhân loại.
“*Sau Việt Nam*” - tinh thần tiến công cách mạng sung mãn trên
khắp thế giới. “*Sau Việt Nam*” - chủ nghĩa đế quốc phải bài binh bố
trận lại với những âm mưu, tội ác mới, không còn trắng trợn như
xưa mà phải ngụy trang dưới nhiều lá cờ lòe loẹt và những ngôn
từ xảo trá: dân chủ, tự do.

Việt Nam còn là *tiếng nói* để chỉ một lối sống, một *con đường*,
một *sự nghiệp xây dựng* chân chính mới để mưu cầu hạnh phúc
như lời *Di chúc* của Hồ Chí Minh.

Hà Nội được thế giới công nhận là thành phố hòa bình. Tiếng
gọi Việt Nam hôm nay là *tiếng gọi hòa bình*.

Việt Nam tiến bước mới vào thế kỷ, và cũng là mở ra một thời
đại mới.

Sự nghiệp đổi mới nâng Việt Nam lên tầm cao và vị thế mới
trong khu vực và trên thế giới. Hiện nay, nước ta là thành viên của
nhiều tổ chức kinh tế thế giới - Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân
hàng Thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB). Năm
2006, Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới, trở thành
thành viên thứ 150 của tổ chức này. Trong khu vực, năm 1995,
Việt Nam tham gia và trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN.

Công cuộc xây dựng thời bình đạt nhiều thành quả lớn. Chế
độ chính trị, xã hội ổn định, văn hóa trên đà phát triển. Sự trỗi
đậy và vươn lên táo bạo tạo nên những kỳ tích, kỳ công trong sự

ngiệp anh hùng mới. Những dự báo của Tố Hữu đã và đang dần trở thành hiện thực với đất nước lên đến 90 triệu dân:

Ôi Việt Nam từ trong biển máu

Người vươn lên như một thiên thần.

(Việt Nam máu và hoa)

Việt Nam tạo nên sự ngạc nhiên lớn với thế giới, cũng là lời mời gọi tìm hiểu đầy hấp dẫn. Chính nhà thơ cũng ngỡ ngàng sửng sốt: “Việt Nam!/ Người là ta mà ta chưa bao giờ hiểu hết/ Người là ai? Mà sức mạnh thần kỳ” (*Vội Đàng, mùa xuân*).

Hai mươi lăm năm sau chiến tranh, thêm “một cuộc trường chinh, cho ánh sáng văn minh”. Ta đã tự tạo một cảm giác Tổ quốc thống nhất hùng cường và truyền cho bạn bè quốc tế tinh thần lạc quan mới. Việt Nam trở thành *tiếng gọi của niềm tin*.

Từ lâu, bạn bè quốc tế đã ca ngợi: “Việt Nam thêm tấm vóc cho loài người” (Felix Pita Rodriguez - Cuba), “Việt Nam là trái tim nhân loại” (Xara Litman - Thụy Điển). Gần đây nhất, tháng 3/2014, trong cuộc tiếp xúc, giao lưu quốc tế với Chủ tịch Quốc hội Việt Nam tại Vatican, Giáo hoàng Francis đã đặt tay lên ngực trái, tỏ rõ sự ngưỡng mộ của thế giới - “Việt Nam trong trái tim tôi”.

Việt Nam đã là *tiếng gọi của lịch sử*, và cũng đang là *tiếng gọi của Tổ quốc* ngày hôm nay. Tiếng gọi thiêng liêng ấy đã huy động tận lực chủ nghĩa yêu nước truyền thống của toàn dân tộc để làm nên một lịch sử anh hùng trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Việt Nam là “ta”, mà cũng là “người” - “*Ta giữ cho ai mảnh đất này?*” Việt Nam - một tiền đồn ác liệt trong cuộc chống trả lại cái xấu, cái ác muốn hủy diệt con người một thời: “Việt Nam, Người là ai? Mà trở thành nhân loại”.

Chính vì vậy, Việt Nam cũng đã và đang là *lời đề nghị, lời kêu gọi*, tiếng nói yêu cầu sự ủng hộ, đồng tình của bè bạn khắp năm châu - những người bạn “*có nghĩa, có tình*”: “*Đã cùng hai chữ từ*

sinh”. Bởi không ai nỗ lực lòng một quốc gia luôn sáng ngời chân lý, đạo lý: “*Sống cho ta, sống cả cho người/ Là trái tim cũng là lẽ phải*”. Từ xưa tới nay, Việt Nam vẫn luôn mở cửa, mở lòng, luôn muốn làm bạn với các nước trên thế giới.

Trong tâm khảm người Việt Nam hôm nay còn vang vọng để từ *Lời Tổ quốc* của Tố Hữu từ cách đây ba phần tư thế kỷ - ***Dậy lên thanh niên*** (5/1940). Giờ đây là tiếng gọi thôi thúc toàn dân tộc của Mẹ hiền muôn vàn yêu quý:

...Phất ngọn cờ lên, tung bước lên

...Cờ tự do bay rợp chiến đài

Bốn phương trời đỏ rực tương lai.

(Dậy lên thanh niên)

Biển Đông dậy sóng, lòng người sôi sục. ***Tiếng biển*** là tiếng gọi của Tổ quốc đang lay động muôn triệu trái tim đầy sức lực hôm nay. Cảm nhận chung là ***Tôi nghe Tổ quốc gọi tên mình***. Thơ do bạn trẻ nói lên tâm tình người lính biển, được phổ nhạc, trở thành ca khúc tâm điểm trong đời sống tâm hồn mãnh liệt của người dân yêu nước chân chính hôm nay.

Hàng ngày, hàng giờ là những cuộc điểm danh nghiêm trang. Hàng ngày, hàng giờ là những cánh tay giơ lên và lời đáp “*có mặt*” trong đội ngũ chính tể dưới lá quốc kỳ trang nghiêm mang hồn nước.

“TỰ HÀO THAY, TRÁI TIM HÀ NỘI” (HÀ NỘI TRONG THƠ TỔ HỮU)^(*)

I. HÀ NỘI - TÌNH YÊU LỚN CỦA TỔ HỮU

Trừ những năm đi học và bước vào hoạt động cách mạng ở quê Huế, một số năm bị tù đày và hoạt động bí mật thì gần như cả đời, Tổ Hữu sinh sống và làm việc ở Hà Nội. Tháng 10/1945, Tổ Hữu đã ra Trung ương gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh và được giao làm công tác văn hóa. Rồi ông đi kháng chiến, lên Việt Bắc “thủ đô gió ngàn”. Đúng ngày 10/10/1954 lịch sử, cùng đại quân, ông **Lại về** tiếp quản Thủ đô. Từ đó, ông làm cách mạng, làm thơ “trong lòng Hà Nội”, trải qua bao biến thiên lịch sử, cho đến khi an nghỉ vĩnh hằng tại Nghĩa trang Liệt sĩ Mai Dịch.

Với cương vị là cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước, hơn ai hết, Tổ Hữu đã làm nhân chứng quan trọng cho hầu như toàn bộ mọi sự kiện của Hà Nội và cũng đồng thời tham gia “Đoàn Kiến trúc sư lịch sử” cho Thủ đô - cũng là cho đất nước. Ông đã sống đủ “một thời đạn bom, một thời hòa bình” (lời bài hát) với Hà Nội. Đặc biệt, ông đã sống trọn vẹn cuộc sống riêng của một gia đình đầy ý nghĩa. Chính ở Hà Nội, sau chín năm xây dựng gia đình, đưa con gái đầu lòng của nhà thơ cất tiếng khóc chào đời và được tặng món quà quý giá như nhân đôi niềm hạnh phúc của ông: tám lụ

(*) Tạp chí Đại học Sài Gòn - Bình luận văn học Niên giám 2010, số 26, 3/2011.

tặng phẩm của Bác Hồ. Nhà thơ vui sướng viết được hai câu thơ chan chứa sắc hồng: “Ba con tôi đã ngủ lâu rồi.../ Miến Bắc thiên đường của các con tôi!”⁽¹⁾. Cũng từ năm 1955, Tổ Hữu được đoàn tụ với gia đình: đón cụ thân sinh Nguyễn Trần Nghi, 78 tuổi cùng ba người anh ra tập kết và công tác ở các cơ quan Hà Nội. Năm sau, cụ Nghi mất, để lại di hài trong bình tro nơi nghĩa trang Văn Điển.

Tổ Hữu đã gắn bó máu thịt với Hà Nội, vì thế tâm hồn của nhà thơ đầy ắp kỷ niệm vui buồn, riêng chung về Hà Nội và cùng Hà Nội.

Vậy mà những bài thơ về Hà Nội lại như rất hiếm hoi trong sáng tác của nhà thơ. Tại sao vậy? Huế cổ kính - đất đế đô một thời - được Tổ Hữu nhắc đến nhiều lần vì đó là **Quê mẹ**, quê hương của buổi đầu cách mạng. Chốn Hà thành phồn hoa, đô hội, Thủ đô Hà Nội văn minh, văn hiến - trái tim của Tổ quốc - khi khoan thai, thanh thản, lúc sục sôi, quyết liệt lẽ nào lại vắng bóng trong thơ của ông? Hãy đọc kỹ lại thơ Tổ Hữu, ta thấy có mấy bài có chủ đề trực tiếp: **Lại về**, **Đêm xuân 85**, **Duyên thăm...** để nhận ra Thủ đô ra khỏi cuộc kháng chiến với nỗi niềm mừng trong chiến thắng: “Giàn giụa vui lên uớt mắt cười”, Hà Nội trong xây dựng hòa bình thời đổi mới: “**Hồ Gươm, mắt long lanh bích ngọc**” với niềm tin và những ước mơ lớn. Tuy nhiên, Hà Nội còn được nhắc đến trong nhiều bài thơ và nhất là ở hầu hết những bài thơ tiêu biểu nhất, hay nhất của Tổ Hữu. Hà Nội như một hình ảnh, và hơn thế, như một hình tượng vừa vĩ mô vừa vi mô, bao trùm và đan xen trong nhiều đề tài. Cảm xúc về Hà Nội như hòa lẫn với cảm xúc về đất nước và cảm hứng, niềm tin cách mạng: “**Bây giờ đây lại là đây/ Quốc kỳ đĩnh tháp, sao bay mặt hồ...**” (**Lại về**). Từ một niềm vui sáng lạng đón Bác về nước “**Sông Hồng nắng rực bờ đê**” sau những ngày “tuyết lạnh” trên bầu trời quốc tế đến một rung động tinh tế “**mặt nước**” Cổ Ngự: “**Trăng tươi mặt ngọc trên trời/ Ngấn ngơ trăng gió mặt người như trăng**” (**Ba bài thơ trăng**). Dù là tâm trạng bối

1. *Bài ca mùa xuân 1961*, Tổ Hữu, *Toàn tập*, Tập I - Thơ ca, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008.

hồi nghe “*xuân về, táo rụng*”, nhớ tiếng guốc trẻ em trên “*Đường sáu*” trong những ngày “*dạn bom giặc Mỹ*” đánh phá, một bức xúc da diết, cháy bỏng: “*Hà Nội đau, tìm ở Huế, Sài Gòn*”⁽¹⁾, hay một ước vọng thiết tha thống nhất: “*Ngọc Hà em! Lòng lấy hoa tươi/ Xin thơm khắp Miền Nam, Miền Bắc*”⁽²⁾. Thơ xuân, thơ về Bác, về Đảng của Tố Hữu hầu như không thể thiếu cỏ cây, hoa trái, đất trời của Hà Nội. Khi thì rực rỡ như bức tranh sơn dầu: “*Mây bông trắng nở, trời xanh. Bác về*”⁽³⁾, hoặc nhuần nhị thoáng u huyền như nét tranh lụa trong “*cõi Bác xưa*”: “*Đường xoài hoa trắng, nắng đu đưa*”⁽⁴⁾. Lại kỳ ảo như ánh “*hào quang*”, “*Đêm khuya Hà Nội*” mùa xuân⁽⁵⁾ và trầm tư sâu thẳm lịch sử “*Nghìn năm Hà Nội vẫn duyên thầm...*” trong “*lặng lẽ xuân*”⁽⁶⁾.

Thế đấy, Hà Nội như tất cả tình yêu của Tố Hữu - tình yêu lớn chứa đựng nổi riêng - chung.

II. HÀ NỘI QUA THƠ TỐ HỮU: MỐI QUAN HỆ ĐA DẠNG - ĐA CHIỀU VỀ CẢM XÚC

Phải nói rằng Tố Hữu có cái thiết thời lớn là rất ít hoặc dù muốn cũng không có được mối *quan hệ đời thường* thân thiết với Hà Nội như nhiều nhà văn, nhà thơ tầm cỡ khác. Nguyễn Tuân thông dong trên đường phố, tọa lạc ở một quán chả cá nổi tiếng, đầu đội mũ sắt xông xáo trận địa pháo. Tô Hoài thả bộ ở vườn hoa, cà kê nói chuyện với người bạn cắt tóc, nhâm nhi chai rượu, vại bia góc ngã tư và cũng từng cùng dân phòng đi cứu người dân Khâm Thiên trong thảm họa chiến tranh. “Mơ màng” như Xuân Diệu cũng ngày ngày tập chạy bộ buổi sớm trên những đại lộ khu Ba Đình và ông cũng có lúc đã đạp xe đi chợ Cửa Nam, trong khi nhà thơ - Thứ trưởng Huy Cận lại tranh thủ giờ nghỉ trưa đạp

chiếc xe tòng tọc không nhân mác đến thăm người yêu ở gần khu chợ Hôm.

Từ lâu, Tố Hữu đã không còn là con người của riêng gia đình, họ tộc. Ông được bảo vệ như những nhân vật cao cấp khác, điều đó là dĩ nhiên. Có đi đâu, theo thủ tục, phải có “*tiền hô, hậu ủng*”, nên nhà thơ chỉ có thể “*vi hành*” khi có chút tự do, thoải mái. Thơ Tố Hữu không có được nhiều những xù xì, thô nhám, gai góc của cuộc sống là điều có thể hiểu được. Thực ra, cũng đã có lúc nhà thơ đi chơi giao thừa trên đường phố Huế và cả đêm thức trắng viết xong bài *Quê mẹ*. Lại có lúc ông tham dự cuộc mít tinh, biểu tình của hàng nghìn người và đọc *Thù muôn đời, muôn kiếp không tan* trên ô tô mui trần giữa ngã tư Tràng Tiền. Chỉ đến mười, mười lăm năm cuối đời, khi không còn trực tiếp đảm nhận trọng trách quốc gia, Tố Hữu mới có nhiều dịp “*thâm nhập*” thực tế đời thường của Hà Nội và cả nước.

Bù lại nhược điểm về tiếp cận đối tượng thẩm mỹ, nhà thơ lại có được cái nhìn bao quát và cảm quan lịch sử mạnh mẽ với Hà Nội trong các mối quan hệ đa chiều về không gian và thời gian. Hà Nội thường được nhấn mạnh về vị trí địa lý - lịch sử, địa lý - chính trị, cũng như vị thế, vai trò với cả nước và quốc tế. Trong thơ Tố Hữu, Hà Nội gắn liền với *Xưa... Nay* và cả ngày mai “*Thế kỷ hai mươi mốt tôi đây/ Có thể là thế kỷ rồng bay*” của Hà Nội cùng cả nước, xứng danh rạng rỡ Thăng Long! (*Chào mừng năm 2000!* viết cách nay vừa tròn 10 năm). Quy tụ lại trong các tác phẩm của nhà thơ là các mối quan hệ lớn với cảm hứng sử thi và thiên hướng khái quát về Hà Nội.

Hà Nội với đất nước: Hà Nội đau, tìm ở Huế, Sài Gòn.

Vui bất tuyệt là niềm vui tuyệt vời trong đêm kỷ niệm một năm ngày Quốc khánh (2/9/1946). Nhà thơ “bay nhảy” “trong lòng Hà Nội” và từ Hà Nội: “*Ta xông lên trời với pháo thăng thiên/ Bay bay lên, hỡi đôi cánh thần tiên/ Đôi cánh mở của đất trời giải phóng!*”.

1. Tố Hữu, *Toàn tập*, Tập I - Thơ ca, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008.
2. Tố Hữu, *Toàn tập*, Tập I - Thơ ca, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008.
3. Tố Hữu, *Toàn tập*, Tập I - Thơ ca, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008.
4. Tố Hữu, *Toàn tập*, Tập I - Thơ ca, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008.
5. Tố Hữu, *Toàn tập*, Tập I - Thơ ca, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008.
6. Tố Hữu, *Toàn tập*, Tập I - Thơ ca, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008.

Nhưng rồi Hà Nội đã phải tự xẻ thịt da, “tiêu thổ kháng chiến”, như thắp lên ngọn lửa thần quyết chiến, quyết thắng “Ngày mai về lại Thủ đô/ Ngày mai sống lại từng mô đất này” với hy vọng cùng cả nước “Ngày mai xanh lại rừng cây/ Ngày mai lại đẹp hơn này, hơn xưa”⁽¹⁾. Đã nhiều lần trong kháng chiến, Tố Hữu nhấn mạnh vai trò đầu não, vai trò trung tâm quốc gia của Hà Nội. Với nhạy cảm về chính trị của mình, Tố Hữu đã tiên đoán trước cuộc chiến tranh vẫn còn đang cam go, quyết liệt. Sau bài ca chiến thắng vang dội *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên* là lời dự báo chiến đấu *Ta đi tới*: “Lòng ta không giới tuyến/ Lòng ta chung một Cự Hồ/ Lòng ta chung một Thủ đô/ Lòng ta chung một cơ đồ Việt Nam”. *Việt Bắc* là tiếng hát ân tình nhấn thêm vào một chủ âm của bản nhạc: *Cầm tay nhau hát vui chung/ Hôm sau mình nhé, hát cùng Thủ đô*. Âm hưởng hùng ca vút lên trong cảnh *Lại về*: “Thủ đô tươi dậy mặt người như hoa... Quốc kỳ đỉnh Tháp, sao bay mặt hồ...”.

Thời chống Mỹ, Hà Nội cùng cả nước *Ra trận*. Khát vọng độc lập, tự do, mong muốn thống nhất đất nước là tình cảm và ý chí mãnh liệt của con người Việt Nam. *Miền Nam* là “*nỗi niềm nhức nhối tim gan*” không của riêng nhà thơ. Tố Hữu đã nói hộ cho hàng chục triệu tấm lòng với nỗi đau da diết: “Hà Nội đau, tim ở Huế, Sài Gòn!”⁽²⁾ tình sẽ chia thiết tha từ bó “hoa đỏ” chiến công đất Ngọc Hà: “*Xin thơm khắp miền Nam, miền Bắc*” cũng như ước vọng cháy bỏng với “*hùng khí Thủ đô*”: “*Sài Gòn ơi, Huế ơi xin đợi/ Tái hợp huy hoàng, cả nước non*”⁽³⁾. Đại thắng mùa Xuân đã kết thúc về vang “Ba mươi năm trường kỳ kháng chiến”. Giang sơn thu về một mối. Cuộc “*tái hợp huy hoàng*” đã thành hiện thực, để nhà thơ có thể cất tiếng ca hào sảng trong niềm vui bất tuyệt mới:

Hùng vĩ thay, toàn thân đất nước

Tựa Trường Sơn, vươn tới Trường Sa

1. Tố Hữu, *Toàn tập*, Tập I - Thơ ca, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008.
2. Tố Hữu, *Toàn tập*, Tập I - Thơ ca, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008.
3. Tố Hữu, *Toàn tập*, Tập I - Thơ ca, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008.

*Từ Trà Cổ rừng dương đến Cà Mau rừng đước
Đò bình minh mặt sóng khơi xa.*

(Vui thế, hôm nay...)

Hà Nội với thế giới: Phải đây đường lịch sử ghé qua?

Kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ trong suốt 30 năm là dấu son đồ chọi lợi trong lịch sử dân tộc. Cuộc đối đầu lịch sử với hai đế quốc hùng cường bậc nhất thế giới là một số phận tất yếu của Việt Nam. Chính vì vậy, chiến thắng của Việt Nam là có một không hai trong lịch sử loài người và sự đóng góp là hết sức lớn lao: “*Của chung nhân loại chiến công này*”. Trận Điện Biên lừng lẫy “*chấn động địa cầu*” chính là một đòn chí mạng vào quân viễn chinh Pháp, mang về thắng lợi sau tám năm kháng chiến. Trận “Điện Biên Phủ trên không” đã đánh tan huyền thoại “Không lực Hoa Kỳ”, đưa đến Hiệp định đình chiến được ký kết ở Paris. Chủ trương: “Đánh cho Mỹ cút” như quyết định chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Kỳ tích ấy đã được ghi rõ trong thơ Tố Hữu: “... *Ấm lòng Hà Nội/ Đường Điện Biên tự hào tên gọi/ Hai lần vang dội chiến công/ Trên đất, trên không*”⁽¹⁾. Chế Lan Viên cũng đã có câu thơ chứa đầy hào khí: “*Hạ kẻ thù ngay cửa ngõ Thăng Long*”. Với Tố Hữu, nhà thơ viết cụ thể hơn:

Lịch sử muốn bay cúi đầu tội lỗi

Dưới gươm thiêng hùng khí Thủ đô

Cả bốn biển hoan hô Hà Nội

Pháo đài bay rụng đỏ mặt hồ.

(Việt Nam máu và hoa)

Một ngẫu nhiên kỳ thú: xác máy bay B52 rơi ngay trên đất làng hoa Ngọc Hà. Đó chính là *máu và hoa*. Bài thơ cũng nêu lên một định nghĩa chính xác và lý thú: Hà Nội là Việt Nam. Thủ đô là trái tim của bà mẹ Tổ quốc - Hà Nội là sức sống và cũng là nguồn sức

1. Tố Hữu, *Toàn tập*, Tập I - Thơ ca, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008.

mạnh cho cả dân tộc. Đã có thời, trong mối quan hệ chiến đấu với toàn cầu, Việt Nam là một tiền đồn có tầm quan trọng đặc biệt giữa hai phe, hai trận tuyến, hai cực đối đầu. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã là *Cánh chim không mỏi* đan dệt bầu trời quốc tế vì sự nghiệp độc lập, tự do, dân tộc và hòa bình thế giới. Đã từng có mối quan hệ mật thiết trong tình cảm giữa bè bạn *đồng tình, đồng ý, đồng chí*: “*Nắng xuân từ Mạc Tư Khoa đã về/ Sông Hồng nắng rực rỡ bờ đê*”... *Hai ngọn cờ đỏ máu thơm tươi/ Chiến thắng ôm nhau, biên cương mở hội/ Hôm nay tôi đi từ Hà Nội... Con tàu đưa tôi đến Trung Hoa*”¹).

Hà Nội mang tính biểu trưng cao trong thơ Tố Hữu. Chính vì vậy, nhà thơ đã tự hào đầy khiêm tốn khi Thủ đô mang về vòng nguyệt quế đầy vinh quang:

Vui thế hôm nay ngày mở hội
Bốn phương đưa bạn tôi cùng ta
Tự hào thay, trái tim Hà Nội
Phải đây đường lịch sử ghé qua?

(*Vui thế, hôm nay...*)

Trong bản hùng ca *Việt Nam máu và hoa* mùa xuân năm 1973, sau khi Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh được ký kết, nhà thơ đặt câu hỏi mà cũng là hy vọng: “*Việt Nam ơi, máu và hoa ấy/ Có đủ mai sau thắm những ngày*”. Như quy luật của cuộc sống, máu đỏ đã nở thành hoa rực rỡ. Ước mơ dần biến thành hiện thực như ngày nào Tố Hữu thổi hồn vào câu thơ: “*Ngọc Hà em! Lộng lẫy hoa tươi*”. Hương thơm Hà Nội sau chiến tranh và thời kỳ đổi mới đã tỏa khắp bốn phương. Thêm một lần “*Cả bốn biển hoan hô*” Hà Nội. Ngày 16/7/1999 tại La Paz, thủ đô Bolivia, UNESCO đã tổ chức trọng thể Lễ trao “Giải thưởng Thành phố vì hòa bình” năm 1999 cho 5 thành phố thuộc 5 châu lục trên thế giới. Hà Nội

1. Tố Hữu, *Toàn tập*, Tập I - Thơ ca, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008.
2. Tố Hữu, *Toàn tập*, Tập I - Thơ ca, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008.

là thành phố duy nhất ở Đông Nam Á được vinh dự đại diện cho châu Á nhận giải thưởng cao quý đó. Đó cũng là sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế đối với Hà Nội trong quá trình hội nhập khu vực và thế giới của Việt Nam.

Hà Nội với lịch sử dân tộc: Nghìn năm Hà Nội vẫn duyên thắm.

Như đã nói, với cảm quan lịch sử mạnh mẽ, Hà Nội với Tố Hữu thường được thể hiện với chiều sâu thời gian trong quá trình dựng nước và giữ nước. Hà Nội là phong nền lịch sử, Hà Nội cũng là chủ thể lịch sử.

Với Tố Hữu, hầu như mọi sự kiện lịch sử qua Hà Nội - Việt Nam luôn đi với “những đôi hài vạn dặm”. Niềm vui giải phóng gửi đi một thông điệp với “đôi cánh thần tiên”: “*Vui quá đêm nay/ Ta nháy ta bay/ Trong lòng Hà Nội... Ta đi tôi biết đâu là tuyệt đích*” (*Vui bất tuyệt*). Đó là niềm *Vui bất tuyệt* của cả một dân tộc thoát khỏi kiếp nô lệ, của cả một đất nước ra *Tuyên ngôn độc lập*. Thắng lợi của kháng chiến chống Pháp cũng là chiến công kỳ vĩ được ghi vào trang sử vàng của dân tộc có truyền thống chống ngoại xâm. Kết thúc *Lại về* là những vần thơ lộng lẫy sắc màu với cờ đỏ, sao vàng, hòa xanh thắm của nước (và còn có thể màu xanh rờn của bờ) cùng với một màu bao trùm kỳ ảo: “*màu thời gian*” của nghìn năm:

Hồ Gươm xanh thắm quanh bờ
Thiên thu hồn nước mong chờ bấy nay.

(*Lại về*)

Thời chống Mỹ, cả một thế hệ thi sĩ - chiến sĩ được khơi dậy mạnh mẽ ý thức tự hào dân tộc và suy tưởng lịch sử cùng nhà thơ tiên phong Tố Hữu. Theo thiên hướng khái quát, với Tố Hữu, các sự vật, hiện tượng sự kiện thường được lựa chọn một cách tiêu biểu và mang tính biểu tượng, ẩn dụ cao. Trong *Tuổi 25*, có rất nhiều minh chứng: Trường Sơn, Bạch Đằng, Cửu Long đều mang “*linh hồn ta, từ bốn nghìn năm*”. Cũng như thế, sông Hồng

cũng không chỉ còn mang ý nghĩa miêu tả (“Sông Hồng nắng rực bờ đê” - *Cánh chim không mỏi...*, “Chúng tôi đi trên một bãi sông Hồng” - *Giữa ngày xuân...*) mà lại còn mang tính đa nghĩa: “Những sông Thương bên đục bên trong/ Chảy về xuôi, càng đẹp xanh dòng/ Lịch sử vẫn một sông Hồng vĩ đại”. Cũng vậy, cái chợ trong dòng thời gian lịch sử hiện tại và tương lai được trừu tượng hóa cũng là lý tưởng hóa trong cảm hứng phê phán và ca ngợi: “Phải đâu nhốn nháo chợ trời/ Đồng Xuân ơi, đến chưa thời Đồng Xuân?”.

Cho đến sau này, với *Đêm xuân* 85 vào khuya Hà Nội, *Lãng* vẫn là nơi kết tụ lịch sử: “Bốn nghìn năm, bốn mươi năm/ Tỏa quanh nơi Bắc đang nằm, hào quang...”.

Tố Hữu làm toát lên cái cốt cách, thần thái Hà Nội, người Hà Nội, cảnh Hà Nội mà cũng chính là một phẩm chất nổi bật: “linh thiêng và hào hoa”. Nhà thơ khai thác sâu vào truyền thống văn minh, văn hiến nghìn năm của Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội.

Hà Nội hào hùng với Bồ Đề “sấm vang, chớp giạt”, với Đống Đa “chất đồng xác thù”, với sông Hồng “nhuộm máu xâm lăng”. Hà Nội đã tự đốt mình ngày Toàn quốc kháng chiến để chống Pháp, đã hạ gục “Pháo đài bay” - cũng là hạ nhục siêu cường Mỹ trong 12 ngày đêm cuối tháng 12/1972: “... lịch sử chạy nhanh trên đường thép” rực lửa! Có gì đấy thật linh thiêng trong sâu thẳm tâm hồn Việt Nam: “Dưới guồng thiêng hùng khí Thủ đô” mọi tội ác dù man rợ đến mấy cũng phải đến tội.

Tố Hữu đã có cảm nhận như thế khi viết những dòng thơ tưởng niệm đầy thành kính: “Đến Quán Thánh vẫn uy nghi tượng đồng Trấn Vũ... Nghìn năm qua, đất nước bao lần lòng lấy chiến công/ Dân tộc anh hùng. Rạng rỡ Thăng Long”. Có nỗi niềm, hồi ức như mơ hồ, huyền ảo, nhuộm nước và máu khi nhân ngoạn trong một khung cảnh thắm đậm màu “xanh thắm” tâm linh:

Ngát bụi trần, tìm gió mát hồ Tây
Màn sương lãng đãng nước cùng mây
Nhớ ngàn xưa Trưng Vương đấu voi lắm liệt
Trận Nghi Tàm, song Dâm Đàm đỏ huyết.

(*Du xuân*)

Ấy là thơ mùa xuân Kỷ Mão 1999 vào mấy năm trước khi Tố Hữu “lòng sạch bụi trần” ra đi mãi mãi.

Tố Hữu thường đặc tả hoa khi viết về Hà Nội (hoa Ngọc Hà, Nhật Tân...) cũng như về đất nước. Hoa có rất nhiều nghĩa: hoa thiên nhiên, hoa tâm hồn và hoa biểu tượng... Người là hoa và ngược lại: “Nhớ nghe hoa/ Người quét rác/ Đem qua”¹⁾. Chỉ trong một câu thơ này mà có cả “hoa thật” (hoa Ngọc Hà), có cả “hoa - người” (người gánh hàng hoa, người nghe - hoa) và có cả “hoa đời”: cái đẹp, cái tốt (“hoa” đối lập với “rác”). Song đó cũng chưa phải là tất cả. Hoa của nhà thơ bao giờ cũng gắn với hương: “Hương bay xa/ Thơm ngát/ Đường ta”. Hương tỏa trên “đường ta” tức đường đi, cũng là đường đời, lại cũng là đường lối (Đường của ta đi, đến mọi người). Hoa Ngọc Hà “thơm khắp miền Nam, miền Bắc”. Đó chính là “hoa lửa” có sức mạnh làm tan băng giá ở “nhiều nơi còn lạnh lắm” một thời: “Ước gì mang ít hoa xuân sớm/ Gửi bạn gần xa bớt nỗi hàn”²⁾.

Khi tả hoa trong thơ thì Tố Hữu luôn thiên về tôn vinh những loại có sắc và có hương thanh khiết, dịu dàng, đậm thắm: hoa mơ trắng ngần, hoa nhài thơm thoang, dạ hương phảng phất, hoa tím thủy chung, hoa sen thanh cao. Ấy là vì nhà thơ muốn đặt mình vào trạng huống tự thanh lọc: “Ngát bụi trần, tìm gió mát hồ Tây”, đồng thời đặt người (nhất là các bậc danh nhân) trong trạng thái thanh tịnh, thuần khiết: “Hồ Tây, thơm ngát sen đầm/ Anh nhắm mắt” (*Nhớ về anh*). Điều đó cũng để nói lên một vẻ đẹp lịch sử:

1. Tố Hữu, *Toàn tập*, Tập I - Thơ ca, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008.

2. Tố Hữu, *Toàn tập*, Tập I - Thơ ca, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008.

“Người Tràng An thanh lịch, đất Hà Thành hào hoa”. Mỹ cảm ấy chính là chất lọc tinh hoa hàng thế kỷ để tạo nên nền văn minh, văn hiến Việt Nam mà trong đó có cái *duyên thâm* nhuần nhị truyền đời:

Hà Nội duyên thâm, lặng lẽ xuân.

(...)

Muôn đời trời đất tặng mùa xuân

Xin sáng lòng ta một chữ Nhân.

(...)

Nghìn năm Hà Nội vẫn duyên thâm.

Hà Nội hiện lên trong thơ với vẻ đẹp kiêu sa: hào hùng và duyên dáng, thiêng liêng mà thâm thiết dưới ngòi bút tài hoa của nhà thơ Tố Hữu. Nhà thơ đã gửi gắm vào Hà Nội bao cảm xúc thân thương và thán phục, tự hào bằng tất cả tâm huyết và nghệ thuật bậc thầy.

Cũng qua Hà Nội, Tố Hữu thể hiện rõ nét một phong cách đặc trưng: cảm hứng *sử thi - trữ tình - dân tộc* với những cấu trúc, hình ảnh, ngôn từ đặc sắc.

Một lần nữa chúng ta ghi nhận, yêu mến tôn vinh tiếng thơ Tố Hữu trong dòng mạch văn chương về Hà Nội vào dịp Đại lễ 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội.

TỐ HỮU VỚI MIỀN NAM(*)

Trong vòng hai mươi năm (1955 - 1975), dòng văn học về đề tài thống nhất nổi lên như một chủ lưu sôi động có sức hấp dẫn và khích lệ chiến đấu mạnh mẽ. Dòng văn học bắt nguồn từ sự nghiệp đấu tranh cách mạng của dân tộc và xuất hiện rõ rệt trước tiên với những nhà thơ, nhà văn quê Nam (từ vĩ tuyến 17 trở vào). Không bao lâu, nó có sức lan tỏa nhanh chóng và hùng mạnh đến mức ta có hẳn một dòng văn học cách mạng ở miền Nam.

Thơ hầu như có mặt sớm hơn trên văn đàn: từ những bài thơ *Bóng cây kơ nia* hồn nhiên, da diết, *Chờ con má nhè* đầy xúc động... những bài thơ đặc sắc của Huy Cận, Chế Lan Viên, Tố Hữu... đến những tập thơ mà chủ đề tập trung nổi bật như *Lòng miền Nam, Tiếng sóng* (Tế Hanh), *Mũi Cà Mau* và *Cầm tay* (Xuân Diệu)... Rồi từ những tập ký xuất sắc *Đường chúng ta đi* đến tiểu thuyết *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc* của Nguyễn Trung Thành, *Bức thư Cà Mau* và tiểu thuyết *Hòn Đất* của Anh Đức cùng hàng loạt truyện - ký, truyện ngắn, truyện dài của Nguyễn Thi, Phan Tú, Trần Hiếu Minh... đã chung đúc nên một hình ảnh “*Miền Nam trong lửa đạn sáng ngời*” (Tố Hữu).

Là chủ tướng của nền văn học cách mạng nói chung, văn học chống Mỹ nói riêng, Tố Hữu cũng là chủ tướng của dòng văn học đấu tranh thống nhất một thời. Cảm hứng lớn tập trung về miền Nam và sự nghiệp đấu tranh thống nhất Tổ quốc khởi phát mãnh

(*) Tạp chí Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 29/4/2010.

liệt trong tâm hồn Tố Hữu cho đến mãi tận sau này, sau khi “*Tái hợp, huy hoàng, cả Nước non!*”.

Miền Nam đau thương và anh dũng là một chủ đề xuyên suốt chặng đường dài thơ Tố Hữu, gần như cả đời thơ.

Tố Hữu là người nêu hình ảnh miền Nam sớm nhất trong thơ với bài *Giết giặc* (13/10/1945) nói về Nam Bộ kháng chiến (cuối tập *Từ ấy*) và hình ảnh con người miền Nam trước đó với *Bà má Hậu Giang* (1941) như để ghi lại dấu ấn lịch sử về Nam Kỳ khởi nghĩa.

Tập *Việt Bắc* có *Ta đi tới* với những lời dự báo hào hùng: “*Ta đi tới, trên đường ta bước tiếp... Ta đi tới, không thể gì chia cắt*”. *Ta đi tới* như một điệp khúc hào sảng, hân hoan đẩy thúc tình dống lên từ bài ca chiến thắng.

Nhà thơ từng tuyên bố một chân lý đời sống cũng là chân lý nghệ thuật *Lòng ta không giới tuyến*. Từ đó, Tố Hữu lại là người đưa thơ “hành quân” vào miền Nam sớm nhất theo nhịp bước tiến quân của anh giải phóng quân cùng nhân dân anh hùng. Một loạt bài tập trung thể hiện cách mạng miền Nam trong những khúc tráng trầm lịch sử buổi đầu, những cảnh ngộ bi thương đẩy uất hận trong những ngày bị chìm trong biển máu đã xuất hiện từ tập thơ *Gió lộng: Quê mẹ, Người con gái Việt Nam, Thù muôn đời muôn kiếp không tan*. Tuy nhiên, ý chí quyết chiến, quyết thắng cũng được đẩy lên từ đó. Ta nghe được những lời truyền cảm đầy linh nghiệm “*Hỡi tất cả những người đang sống/ Hãy thay chúng tôi truyền đi vang động/ Tiếng vọng căm thù, tiếng vọng đau thương/ Của miền Nam bất khuất, kiên cường*” (*Thù muôn đời muôn kiếp không tan*) và tiên đoán mãnh liệt: “*Trời chớp giạt - tất đến ngày sét đánh!*”.

Ở *Ra trận*, nổi bật lên trên những bức xúc, đớn đau là tuyên ngôn về một hào khí mới: “*Đầu Tổ quốc, chính đây tiền tuyến/ Mũi Cà Mau nhọn hoắt mũi chông*” (*Miền Nam*). Nhà thơ mong được

trực tiếp nhập cuộc, như muốn hóa thân vào sự nghiệp chiến đấu để trở nên một sức mạnh phi thường “*Cho ta được làm kho mìn nổ/ Đèo Hải Vân, quét đổ quân thù/ Cho ta được làm cây chông miêng hổ/ Đâm chết bảy giặc bố chiến khu*” “*Tổ quốc giục cả hai miền Nam, Bắc/ Hãy xung phong! Hỡi mùa xuân 67 anh hùng!*” (*Chào xuân 67*). Viết *Bài ca xuân 68*, Tố Hữu như muốn thể hiện cả khí thế tổng tiến công nổi dậy xuân Mậu Thân: *Tiến lên!/ Toàn thắng ắt về ta! Hỡi bốn phương và những chiến trường xa*. Ca ngợi người dũng sĩ cũng là ca ngợi miền Nam, một danh hiệu anh hùng:

Vang tự hào giữa thế kỷ hai mươi

(...)

Miền Nam! Miền Nam! Sáng ngời, chói lọi

Trong lòng ta, như mặt trời, không nói.

(*Xuân 69*)

Toàn thắng về ta là bài ca đại thắng mùa Xuân 1975. Hầu như các nhà thơ tên tuổi đều muốn tạo ra một giao hưởng hơn là một ca khúc thơ. Chế Lan Viên có ý tưởng tương đồng với Tố Hữu khi tạo dựng một khí thế chiến trận hào hùng mang hơi hướng của một bài *cáo* thắng Mỹ thời hiện đại (*Ngày vĩ đại, Thơ bổ sung*). Thực ra ở *Toàn thắng về ta*, Tố Hữu chỉ thấu tóm được khí thế thần tốc của chiến dịch: “*Lịch sử sang xuân, Anh vào trận cuối cùng/ Đại lộ Hồ Chí Minh, thác réo, quân đi cuốn cuộn/ Anh đánh như sét nổ, trời rung/ Anh chuyển như lũ dòn, bão cuốn...*”. Nhà thơ phải ghi tiếp chiến công với tầm vóc lịch sử “*Ba mươi năm trường kỳ kháng chiến/ Ta đã đi. Và ta đã đến*” ở bài *Vui thế, hôm nay...* Hình tượng nổi bật anh giải phóng quân là tượng trưng cho con người miền Nam - hơn thế nữa - chính là nhân dân Việt Nam anh hùng. Ở chùm thơ đại thắng, nổi lên trên nỗi mừng chiến thắng vĩ đại là niềm tự hào cao độ, khát vọng giải phóng thiết tha được biến thành hiện thực. Hàng chục triệu tấm lòng mở hội chiến thắng cùng nhà thơ.

Vậy là, với chiến thắng lực lượng đế quốc siêu cường trong thời đại, Việt Nam đã dàng hoàng bước vào thế giới với tư cách một đứng sĩ của thế kỷ XX. Theo Tố Hữu, nói một cách khiêm tốn, Việt Nam trên đường *trở thành nhân loại* - một nhân loại tiên tiến, văn minh, đại diện cho lương tâm và lẽ phải.

Nhưng từ đó để trở thành nhân loại thực sự lại là một cuộc chiến lâu dài và không kém phần quyết liệt để tái thiết, để dựng xây và phát triển đất nước.

Biết mình, biết người - trăm trận, trăm thắng. Tố Hữu vào cuối năm 1973 đã từng đi chiến trường miền Nam để tận mắt hiểu rõ hơn con người miền Nam anh hùng mà cũng trước hết là để hiểu bản thân. *Nước non ngàn dặm* có câu thơ như một triết lý cách mạng: “Trường Sơn, đông nắng, tây mưa/ Ai chưa đến đó, như chưa rõ mình”.

Vì vậy, những năm 80 và 90 sau chiến tranh, như để thỏa ước vọng với Tổ quốc “*được ôm Người trọn vẹn*”, Tố Hữu với cương vị chung và tư cách riêng lại thực hiện những chuyến đi, ở cả ba miền, đặc biệt là miền Nam. Để khảo sát đời sống, dân tình, để tận mắt xem xét, chứng kiến những biến đổi lớn lao của đất nước trong xây dựng hòa bình. Hầu như nhà thơ đặt chân lên khắp dải đất miền Nam, có thêm tình yêu và niềm hy vọng mới. Đất nước đã xóa bỏ ngăn cách giả tạo, hồn thơ thỏa sức rong ruổi đó đây. Trong *Máu và hoa*, nhất là ở những tập thơ cuối đời *Một tiếng đồn*, *Ta với ta* có rất nhiều địa danh: quê Huế, vùng đồng bằng Sông Cửu Long, Đồng Tháp Mười, Bảo Lộc, Đường 9 Trường Sơn, Vũng Tàu, Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh... Quê hương miền Nam ngày nay đã ghi lại những bước đường cùng với những văn thơ đi thực tế mới của Tố Hữu. Nhà thơ lại có nguồn *Vui bất tuyệt* mới với những đổi mới hiện thực của cuộc đời trong cảnh “*Gai lừa nở mùa hoa*”: “*Biển say trời say/ Rượu vui cùng bạn/ Từ giàn khoan này/ Đường lên vô hạn*.” Thơ và đời đượm nồng men cùng

cất cánh: *Ta bay, ta bay...* Đó là tiếng hát tâm hồn thời đại mới của nhà thơ: *Hát trên giàn khoan dầu* (Bạch Hổ - tháng 5/1991). May mắn biết bao nhà thơ đã sống, chiến đấu và vui say với cảm hứng sâu xa và mãnh liệt về độc lập, thống nhất trong cả đời thơ.

Có thể khẳng định Tố Hữu là nhà thơ hiện đại viết vì miền Nam *sớm nhất, nhiều nhất và hay nhất*. Đấu tranh giải phóng, bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ, thu giang sơn về một mối là nguyện vọng sâu xa, thiêng liêng, cao quý nhất một thời. Câu nói đi vào lịch sử: “*Miền Nam trong trái tim tôi*” của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Tố Hữu nhắc lại trong nước mắt của ngày vui đại thắng: “*Như lòng Bác, mỗi khi Bác đọc/ Đồng bào Miền Nam, mắt kính bỗng nhòa*” (*Toàn thắng về ta*).

Với Tố Hữu, chủ đề thống nhất là một trong những chủ đề đam mê bậc nhất. Miền Nam như hai tiếng thiết tha thấm đượm nhất “*trong muôn ngàn tiếng nói*” với nhà thơ: *Miền Nam*.

Miền Nam với Tố Hữu là một từ đa nghĩa, là một hình tượng nhiều mặt, nhiều tầng, cấp được tượng hình thật đẹp và hùng: “*ngọn đèn mặt biển*”, “*tuyến đầu chống Mỹ*”, “*thành đồng Tổ quốc*”... và đến mức kỳ ảo, sáng ngời, chói lọi “*như mặt trời, không nói*”. Ấy là vì một lẽ hiển nhiên mà kỳ diệu: miền Nam chính là Việt Nam. Tổ quốc thân yêu... “*Phía mẹ, phía quê nhà*” (Chế Lan Viên). Nhưng xét cho cùng, hơn thế nữa, là sự hài hòa tuyệt diệu của ý thức một công dân cao quý và tâm hồn một nhà thơ lớn, của suy tư một nhà tư tưởng tầm cỡ và quan niệm nghệ thuật một nghệ sĩ bậc thầy.

VUI THẾ HÔM NAY... NHỚ TỔ HỮU(*)

Chiến dịch mùa Xuân năm 1975 đã được mở ra vào ngày 4 tháng 1 năm 1975.

Từ các trận đánh trinh sát chiến lược mở màn, Chiến dịch Tây Nguyên diễn ra và kết thúc nhanh chóng (4/3 - 24/3/1975). Sau đó là các trận tốc chiến như “lũ dòn, bão cuốn” của Chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng (21/3 - 29/3/1975): “Quét Huế - Thừa Thiên, đổ nhào Đà Nẵng”. Cuối cùng là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, bắt đầu vào ngày 26/4, chiến dịch thần tốc cuối cùng của cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

Chiếc xe tăng T59 mang số hiệu 390 đã húc đổ cổng chính dinh Độc lập. Sau đó, lá cờ chiến thắng được treo lên, bay phấp phới đúng vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Tiếp nối bài ca *Toàn thắng về ta* là tiếng reo vang động:

Ba mươi năm, trường kỳ kháng chiến

Ta đã đi. Và ta đã đến

(...)

Ôi Việt Nam! Yêu suốt một đời

Nay mới được ôm Người trọn vẹn, Người ơi!

(Vui thế, hôm nay...)

(*) Bài viết được hoàn thành vào tháng 5/2015.

Tổ Hữu - người ca sĩ hào hùng bậc nhất đã có những khúc hát chiến thắng bất hủ, đi mãi cùng năm tháng.

Nếu bình chọn trong các nhà thơ có quê ở phương Nam - Tế Hanh, Xuân Diệu, Chế Lan Viên,... chắc hẳn Tổ Hữu sẽ được bầu danh hiệu *Nhà thơ thống nhất số 1*.

Ngày 23/9/1945, Nam Bộ bắt đầu đứng lên nổ súng kháng chiến.

Tổ Hữu chính là nhà thơ đầu tiên đã ra thông báo và kêu gọi quyết chiến qua bài *Giết giặc*:

Máu Việt Nam đang chảy

Đỏ đồng, ôi máu yêu!

Miền Nam đang bốc cháy

(...)

Giết giết quân xâm lược

Mau xung phong! Xung phong.

Năm bắt diễn biến hết sức kịp thời, bài thơ làm xong và công bố ngày 13/10/1945, mang tính chất *thời sự - thời đại* đặc biệt.

Với mẫn cảm chính trị hiếm có, Tổ Hữu nhanh chóng trưởng thành trong kháng chiến, trở thành nhà thơ tiên tri hàng đầu của thơ ca cách mạng.

Từ tráng ca *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên* được làm vào tháng 5/1954 - ngay trong khí thế chiến thắng “lừng lẫy địa cầu”, nhà thơ nhắc nhở qua lời của đồng chí Phạm Văn Đồng, như cảnh báo đánh thép bọn thực dân, phát xít về chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam: “Tre đã thành chông, sông là sông lửa/ Và trận thắng Điện Biên/ Cũng mới là bài học đầu tiên”. Đó chính là đòn tâm lý quyết liệt đánh thẳng vào mặt bọn Bidault - ngoại trưởng Pháp và Smith - thủ trưởng ngoại giao Mỹ.

Và tiếp đó *Ta đi tới* như tiếng hịch hào sảng:

*Ta đi tới không thể gì chia cắt
Mục Nam Quan đến bãi Cà Mau
Trời ta chỉ một trên đời
Bắc Nam liền một biển.*

Với Tố Hữu, từ đây là thời đoạn *Ngày Bắc, đêm Nam* (Chương VII - Hồi ký *Nhớ lại một thời*, Nxb. Văn hóa Thông tin, 2002).

Nhà thơ theo dõi tình hình hàng ngày, tâm hồn như dâyăng ten cực nhạy hướng về chiến trường miền Nam trong cuộc đấu tranh mới. Cuốn hồi ký đã kể lại những phút giây đầy xúc động.

Tết hòa bình đầu tiên, nhà thơ đi dạo phố đêm Giao thừa: “Bỗng nhiên, nghe đau nhói trong tim một nỗi buồn không chịu nổi. Tôi liền trở về nhà, và cả đêm ấy tôi viết bài *Quê mẹ* trong nước mắt thương nhớ quê hương đang rên xiết dưới ách bọn nguy quyền bán nước... Mẹ ơi dưới đất còn chua xót/ Những tiếng giày đinh đạp núi đồi”. Và từ đó, như Chế Lan Viên nói, với Tố Hữu là định nghĩa mới “*Phía Mẹ - phía Quê nhà*”.

Vụ đầu độc thảm sát cả nghìn đồng bào, đồng chí trong trại giam Phú Lợi đã lay động hàng triệu trái tim, thức tỉnh lương tâm toàn thế giới. Tố Hữu nhân đó, viết *Thù muôn đời, muôn kiếp không tan*. Những dòng thơ “*có thể nói đã được chắt ra từ những giọt máu uất hận con tim của mình*”. Tố Hữu kể tiếp trong Hồi ký rằng, ông đã đọc trên Đài phát thanh, và còn đọc trong cuộc mít tinh hàng nghìn người biểu tình trên đường phố, tưởng như đang truyền tiếng kêu của anh chị em với đời vậy: “*Kêu cả loài người. Cầu lấy miền Nam...*”.

Là Trưởng ban Thống nhất Trung ương, Tố Hữu có cơ hội được đọc nhiều lá thư đắm nước mắt từ miền Nam gửi ra.

Lá thư Bến Tre chính là lời tâm sự trong muôn một. Chính vì theo dõi sát sao tình hình con người và sự kiện ở miền Nam, nhà thơ đã đồng thời biểu dương những người anh hùng và tố cáo những tội ác tàn độc của kẻ thù: *Người con gái Việt Nam, Hãy nhớ lấy lời tôi*. Đó là trái tim Trần Thị Lý - một trái tim vĩ đại mà “*Còn một giọt máu tươi còn đập mãi/ Không phải cho em. Cho lẽ phải trên đời/ Cho quê hương em. Cho Tổ quốc, loài người!*”. Đó là người công nhân thợ điện Nguyễn Văn Trỗi: “*Chết như sống, anh hùng vĩ đại*” có trái tim “*chối lại khối sao băng...*”.

Với Tố Hữu, anh Giải phóng quân đã trở thành nhân vật huyền thoại, bình dị như chàng trai làng Gióng có sức mạnh thần kỳ qua *Tiếng hát sang xuân*:

*Anh đi xuôi ngược tung hoành
Bước dài như gió, lay thành chuyển non.*

Với Anh, chỉ cần “*Mái chèo một chiếc xuống con*” đủ sức khuấy động “*sóng cồn đại dương*”.

Và như đã thành lệ, những lời thơ *Xin gửi miền Nam* như những “*khúc hát xuân*” dồn dập “*mừng theo lịch tiến quân*”. Cho đến ngày, *Toàn thắng về ta*: “*Vẫn là Anh, anh giải phóng quân*”. Con người mang “*dòng sữa tự hào*” của Tổ quốc và “*ánh sao trí tuệ*” thời đại đã xử phạt kẻ thù “*nhân danh tình thương và lẽ phải*”.

Với Tố Hữu, miền Nam được tôn vinh bằng những danh hiệu cao quý nhất: “*Miền Nam - dũng sĩ*”, “*Đất anh hùng của thế kỷ hai mươi!*”. Bởi, miền Nam chính là Việt Nam - “*Tổ quốc giang sơn hùng vĩ*”.

Trên bước đường *Nước non ngàn dặm* - đi thị sát chiến trường miền Nam vào tháng 3/1973, nhà thơ còn ngóng trông về quê hương với tâm trạng bối rối, day dứt, đầy “*nỗi niềm*”.

Miền Nam là bài thơ “rút ruột ra để viết”, đã từng là tiếng nói “*Như nổi niềm nhứt nhứt tim gan*”. Ngày Đại thắng, Tố Hữu viết ngay *Bài ca quê hương*. Sau đó, những năm cuối đời, nhiều lần về thăm quê và đặt chân lên mảnh đất miền Nam “*muôn quý ngàn yêu*”, nhà thơ thăm “*Mười tám thôn Vườn Trầu*”, ca ngợi “*Xanh thắm Tiền Giang*”,... Sau đó, Tố Hữu còn thăm nhiều sự nghiệp ngày Đổi mới: “*Hát trên giàn khoan dầu*”, nghĩ tới “*Đường lên vô hạn*”, thấy ngọn lửa “*tuổi thanh xuân*” từ *Những bàn tay xây dựng*. Qua cầu Công Lý, rồi bên bờ sông Trưá tháng Tư, Sài Gòn là những chiêm nghiệm lịch sử - “*Bao chiến công/ Và bao thế sự*” với niềm tin mãnh liệt:

Lịch sử vẫn đi lên phía trước

Chân trời mệnh mông...

Nhà thơ đi *Thăm trường Nguyễn Thái Bình* ở thành phố, với nguồn vui sáng tạo của tâm hồn trẻ: “*Lòng ta là lửa đỏ/ Vẫn niềm tin sục sôi*”. Đặc biệt ngọn lửa của tâm trí, tình cảm ấy đã giúp nhà thơ tích cực hỗ trợ xây dựng *Trung tâm Nghiên cứu Quốc học* có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, và nhận hợp đồng làm các công trình dịch thuật về Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Cao Bá Quát, Đỗ Phủ,... Tố Hữu còn tham dự và đóng góp tham luận cho Hội thảo về *Bản sắc dân tộc trong văn hóa, văn nghệ* đầu năm 2001 cũng mở tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tố Hữu là *người đầu tiên* đã mạnh dạn (và táo bạo nữa!) đặt cho Sài Gòn danh hiệu “*Thành phố Hồ Chí Minh. Rực rỡ tên vàng*” (*Ta đi tới*, 8/1954). Ngày *Toàn thắng về ta*, nhà thơ lại reo lên: “*Thành phố tên Người lộng lẫy cờ hoa*” (5/1975).

Ta nhớ sau ngày giải phóng miền Nam, Quốc hội thống nhất hợp và ra quyết định đặt tên Sài Gòn là *Thành phố Hồ Chí Minh*. Thành phố Hồ Chí Minh không bao giờ quên được *Nhà thơ lớn một đời đã tôn vinh Miền Nam và Thành phố*.

Từ lâu, Tố Hữu đã tạo ra *Con đường thơ trong lòng người*. Thơ Tố Hữu đã theo chân các chiến sĩ nơi bưng biển vùng giải phóng, dọc đường mòn Trường Sơn và trên đường ra trận trong *Chiến dịch Mùa Xuân 1975* lịch sử. Nhiều nhà lãnh đạo văn nghệ hai miền và các chính khách lớn ngày nay từng đọc và thẩm thía thơ Tố Hữu. Để tài nghiên cứu của anh sinh viên Nguyễn Phú Trọng (hiện nay là Tổng Bí thư Đảng) đã được công bố công trình *Phong vị ca dao, dân ca trong thơ Tố Hữu*⁽¹⁾. Thơ Tố Hữu cũng từng được người tù chính trị ở nhà lao Phú Quốc Trương Tấn Sang (nguyên Chủ tịch nước) cảm nhận: *Tố Hữu trong tôi* (Tố Hữu, *Người cộng sản kiên trung, nhà văn hóa tài năng*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2004). Trong cuốn sách này, cựu lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh cũng kể chuyện tình nghĩa của nhà thơ lớn qua những lần gặp mặt, từ năm 1998, 2000 đến đầu xuân năm 2002 ở bài viết *Nhà thơ Tố Hữu với Đồng Nai*.

Thời gian sắp tới đây, nếu không phải là quá muộn, tin rằng sẽ có *Con đường mang tên Tố Hữu* trên Thành phố Hồ Chí Minh để tri ân và tôn vinh *Nhà thơ lớn, Nhà văn hóa tâm cổ*. Con đường trong lòng người và ở ngoài đời ấy phải được cùng xuất hiện như đã từng xuất hiện trên nhiều tuyến đường các thành phố lớn và ở quê hương nhà thơ Thừa Thiên - Huế, cũng như ở trái tim Đất nước - Thủ đô Hà Nội.

1. In trong tạp chí Văn học, số 11/1968. In lại trong *Tố Hữu - Về tác giả và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr. 325 - 336; trong *Tố Hữu - thân thế và sự nghiệp*, Nxb. Hội Nhà văn, 2011.

TỔ HỮU VỚI XỨ HUẾ(*)

1.

Tổ Hữu sinh ra ở Hội An - Quảng Nam. Quê nội của ông ở xã Lai Trung, nay là Phù Lai, Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Quê ngoại cách chừng mười cây số ở làng Thanh Lương, huyện Hương Trà tiếp giáp với Quảng Điền.

Như vậy, xứ Huế là *Quê mẹ*, cũng là *Quê cha* của ông.

Năm lên chín, Tổ Hữu mới theo cha ra Huế (1929). Trừ một hai năm có biến cố gia đình phải chuyển vào Phan Thiết, cậu học sinh Nguyễn Kim Thành hầu như sống trọn thời thơ ấu và bước vào tuổi thanh niên tại nơi kinh thành cố đô. Vì vậy, Huế chính là *cái nôi sinh thành* cả về cuộc sống và tri thức cơ bản như vốn liếng vào đời của tuổi trẻ Tổ Hữu.

Trong đời người, tuổi vị thành niên và bước đầu thanh niên là hết sức quan trọng. Trái cây ương để đến độ chín. Cậu bé sẽ trở nên con người. Theo tâm lý học hiện đại, nhân cách đã được hình thành những nét cơ bản. Ca dao có câu: Cha mẹ sinh con, trời sinh tính. “Trời” ở đây hiểu một cách khoa học là những nhân tố tự nhiên tạo nên tính cách thiên về sinh lý. Mặt khác, hiểu rộng ra, đó chính là môi trường, hoàn cảnh riêng và chung.

Tổ Hữu may mắn được sinh ra trong một gia đình có truyền thống văn hóa. Ông bố nhà nghèo nhưng có học: Học chữ Hán,

sau học thêm chữ Quốc ngữ và cả tiếng Pháp. Thi cử lận đận, ông bỏ bút lông, thay bằng bút sắt và kiếm chân kỷ lục để mưu sinh. Tổ Hữu kể về gia đình: “Ông có một cái thú đặc biệt trong suốt cuộc đời, đó là sưu tầm ca dao, tục ngữ. Đó là di sản quan trọng nhất để lại cho con cháu”. Chính vì vậy, cậu bé Nguyễn Kim Thành cũng “thấm thía ca dao tục ngữ”⁽¹⁾. Và cả nhà ông đều có được hứng thú ấy: “Mẹ tôi vốn ở nông thôn, thuộc rất nhiều ca dao của “Xứ Huế”, cha tôi là người sưu tập, còn tôi là người ghi chép”⁽²⁾.

Tổ Hữu lên bốn đã biết chữ, lên sáu đi học và lớn hơn một chút đã vẽ vẽ làm thơ. Năm lên mười, hầu nước khách văn thơ của cha và đã làm thơ vịnh bức tranh đôi chim đậu cành mai và được khen thưởng, khuyến khích “thần đồng” thơ. Khi lên lớp Nhất bậc tiểu học, giỏi tiếng Pháp, cậu học sinh nhỏ đã thích và đọc một số tiểu thuyết tiếng Pháp.

Khi học ở trường Quốc học Khải Định, anh thanh niên học sinh lại tiếp tục tiếp thu được văn hóa Pháp và rộng ra, cả Âu - Tây.

Tuy nhiên, những tri thức sơ bộ ấy chỉ góp phần hỗ trợ hình thành những hiểu biết cơ bản của người thanh niên đang tràn đầy nhiệt huyết “*đi kiếm lẽ yêu đời*” và hướng tới lý tưởng cách mạng. Sau đó, anh được tiếp nhận sách báo tiến bộ thời Mặt trận Bình dân - về văn học, như *Người mẹ* của Gorki, *Thép đã tôi thế đấy* của Ostrovsky, *Khói lửa* của Barbusse, *Gót sắt* của Jack London,... - về chính trị, như *Tuyên ngôn Đảng cộng sản*, bộ *Tư bản* của Karl Marx và sách của Lênin.

Ở người trí thức trẻ đã hình thành những yếu tố cơ bản của một nhân cách văn hóa cùng với nhân cách chính trị.

Nói một cách khác, Huế là *cái nôi sinh thành về tri thức và văn hóa* cho nhà thơ tương lai.

(*) Bài viết được hoàn thành vào năm 2012 - 2013.

1. Tổ Hữu, *Nhớ lại một thời*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2002, tr. 9.

2. Tổ Hữu, *Nhớ lại một thời*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2002, tr. 10, 11.

Tri thức ấy là tổng hợp cả tri thức *văn hóa* tức từ tri thức *học vấn*, tri thức *chính trị* tức những hiểu biết bước đầu về chủ nghĩa Mác và đặc biệt quan trọng hơn cả là hiểu biết về *xã hội* qua giao tiếp, quan hệ chủ yếu với tầng lớp dân nghèo thành thị.

Văn hóa cũng là một kho tàng nhỏ ban đầu về văn hóa dân gian và cổ điển, tức văn hóa dân tộc và một vốn chưa nhiều về văn hóa nước ngoài trong phần mới mẻ, tiến bộ và cách mạng.

Tuy nhiên, Huế còn là *nơi sinh thành về chính trị* của Tố Hữu. Từ tiếp xúc với sách báo cách mạng và giác ngộ lý tưởng mới, anh lại may mắn gặp gỡ và nhận được sự trực tiếp hướng dẫn của những người cộng sản ưu tú - Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Hải Triều,... Nhà thơ chấp chững những bước đi đầu tiên vào đường thơ cách mạng.

Do thành tích hoạt động tuyên truyền trong thanh niên và một phần do làm thơ đăng báo *Dân*, báo *Thế giới* của Đoàn Thanh niên Dân chủ ở Hà Nội, nhà thơ trẻ được kết nạp Đảng vào tháng 4 năm 1937. Đó là ngày sinh thứ hai trong đời Tố Hữu:

*Mẹ không còn nữa, con còn Đảng
Đi đâu khi con chưa biết gì.*

(Quê mẹ)

Đây là mấy dòng nói lên sự kiện lịch sử trong đời Tố Hữu. Bởi *Quê mẹ*, với đề từ *Gửi Huế yêu* nói về những kỷ niệm in dấu son trong đời đứa con của mẹ. Tố Hữu được sinh ra lần thứ hai, đó là cuộc sinh thành chính trị. Từ đây, nhà thơ có thêm bà mẹ Đảng chăm sóc, nuôi dưỡng một đời (nhận Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng năm 1997).

Như vậy, Huế còn là cái nôi chính trị, đồng thời là mảnh đất ươm mầm cho nhà thơ tương lai Tố Hữu.

2.

Huế là nguồn thi hứng đầu đời của Tố Hữu.

Ở *Dừng đứng*, trong phần đầu, nhà thơ trẻ Tố Hữu đã cảm lòng không đâu với Huế thơ mộng: “*Du khách bảo đây vườn kín đáo/
Với hương dịu dịu, ý ngàn xưa/ Trời mây xanh nhạt màu hư ảo/
Đây xứ mơ màng, đây xứ thơ*”. Huế gợi cảnh đẹp, người đẹp trong tình thâm thiết của bao nhà thơ, trong đó có Hàn Mặc Tử (*Đây thôn Vĩ Dạ*).

Xứ Huế, “xứ mơ màng”, “xứ thơ”, đã là cái nôi *sinh thành thơ ca* Tố Hữu.

Đặc biệt Hương Giang như một dòng thơ xanh êm ái chảy suốt tâm hồn, chẳng khác nào hoài niệm khắc khoải một đời:

*Hương Giang ơi, dòng sông êm
Qua tim ta, vẫn ngày đêm tự tình.*

(Bài ca quê hương)

Chính sông Hương đã gợi những cảm xúc đầu tiên để từ đó Tố Hữu biết nhìn nhận dòng trong, dòng đục của cuộc đời, cái đẹp, cái xấu, nỗi buồn và hy vọng... Nói cách khác, Hương Giang chính là một thể hiện con mắt thơ Tố Hữu. Hương Giang chảy “qua tim” nhà thơ, nhưng đó là trái tim có mắt biết yêu thương và cảm ghét. *Dừng đứng* và *Tiếng hát sông Hương* cùng được viết vào tháng 8 năm 1938, là thơ của nhà thơ đảng viên nên đã mang tính chiến đấu rõ rệt. Đó là tiếng hát của niềm tin vào tương lai, vào sự giải phóng những phận người với cảm hứng lãng mạn cách mạng. Hải Triều khen bài thơ có tính luân chiến kể trên và cấp “giấy chứng nhận” cho Tố Hữu là một nhà thơ cách mạng đích thực. Trong khi đó, chính Phan Đăng Lưu là người thấy đầu tiên hướng nhà thơ trẻ vào dòng thơ cách mạng khi mới cầm bút.

Theo gợi ý, hướng trước hết là viết về những người lao động nghèo khổ. *Mổ côi* là bài đầu tiên được viết cho báo Đảng. Bài thơ

có hàm ẩn tính cách của bản thân: “Con chim non rũ cánh/ Đi tìm tổ bơ vơ/ Quanh nẻo đường hiu quạnh/ Lướt muốt dưới dòng mưa”. Cảnh trong *Hai đứa bé* cũng là cảnh hàng ngày nhìn thấy, cũng như *Vú em* là cảnh bắt gặp trong đêm khuya. Rồi *Lão đầy tớ* cũng là con người đã thấy ở xóm nghèo. “*Tất cả đều là phiên bản chân thực của cuộc sống hàng ngày*” như hồi ức của nhà thơ¹⁾. Từ những cảnh gần gũi là sự mở rộng tầm mắt để nhìn ra xã hội với quần chúng lao khổ và chiến sĩ cách mạng.

Đó cũng là do ảnh hưởng trào lưu tiến bộ của văn học đương thời những năm 1936 - 1939. Phong trào *Thơ mới* và văn xuôi *Tự lực văn đoàn* có những tác phẩm giàu tính nhân văn, tinh thần khao khát tự do, lên án mặt trái của xã hội. Trong hồi ký *Nhớ lại một thời* của ông có đoạn chân thành: “*Tôi học được cách diễn đạt mới với ngôn ngữ hiện đại, nhạc điệu phóng khoáng, chất trữ tình say đắm trong trào lưu thơ, học được cái nhìn hiện thực qua tác phẩm văn học. Những cái đó cùng với lòng yêu nước và lý tưởng cộng sản đã đưa tôi vào con đường thơ cách mạng*”.

Quả đúng như vậy, ngay từ đầu, tại Huế, Tố Hữu đã chọn và đi đúng vào một đại lộ của văn học cách mạng. Cũng ngay tại đây, Tố Hữu đã mang tố chất của một nhà thơ cách mạng. Đó là lý do để nhà thơ lọt vào mắt xanh của những nhà bình luận tiên tri qua mấy số báo *Mới* liên tục - K&T với *Tố Hữu - nhà thơ của tương lai* - *Mới* số 1, ngày 1/5/1939, Trần Minh Tước viết *Mấy cụm hoa tươi của tuổi trẻ* - *Mới* số 3, ngày 1/6/1939. Lúc này, Tố Hữu đã bị bắt giam và đến ngày 27/8/1939, anh bị đưa ra xét xử tại tòa án Nam Triều. Tại tòa, Tố Hữu đã dũng cảm tự bào chữa. Nhưng thơ của anh và những lời ca tụng công khai trên báo về nhà thơ trẻ là những lời bào chữa bổ sung hùng hồn, sinh động nhất chống trả bạo lực, bất công của hệ thống pháp lý bất nhân, phi nghĩa.

1. Tố Hữu, *Nhớ lại một thời*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2002, tr. 33.

Bài thơ *Từ ấy* là tuyên ngôn lý tưởng (7/1938). Tập thơ *Từ ấy* là tiếng hát tâm hồn, là bài ca chiến đấu đầu đời của Tố Hữu, được khởi nguồn từ một vùng quê tâm tưởng và thơ ca. Có thể nói không ngoa rằng Huế đã làm nên nhà thơ cách mạng trẻ tuổi Tố Hữu và giúp anh không chỉ ẩn chứa tiềm năng văn hóa mà đã là sức lực thực sự ngay từ những ngày đầu để “*Lấy cán bút làm đòn xoay chế độ*” (Sóng Hồng). Ta chỉ cần đối chiếu *Tiếng hát sông Hương*, *Dừng đứng* với *Lời kỹ nữ* (Xuân Diệu), *Huế đẹp và thơ* (Nam Trân) hay như *Tiếng sáo thiên thai* (*Mấy vần thơ* - Thế Lữ - 1935), cũng đã thấy sức tấn công dũng cảm ban đầu với mọi khuynh hướng mà Tố Hữu cho là lạc đường và không cách mạng.

3.

Huế còn là *vùng quê cách mạng* của Tố Hữu.

Nhà thơ xuất thân từ những hoạt động yêu nước trong phong trào học sinh Huế.

Năm 1936, học Thành chung năm thứ hai, Nguyễn Kim Thành được kết nạp vào Đoàn Thanh niên Cộng sản (sau đổi thành Đoàn Thanh niên Dân chủ).

Người đoàn viên tích cực ấy đã tham gia vận động trường Trung học Khải Định bỏ học phí, cải cách chế độ thi cử. Chính anh đã lãnh đạo nhân dân tham gia đón phái viên Chính phủ Pháp là Godart của Mặt trận Bình dân (Front Populaire) để đòi quyền dân sinh, dân chủ. Vì vậy, anh đã bị đuổi khỏi nội trú, bị cắt học bổng, phải đi làm gia sư ở xóm lao động Chợ Cống, Đập Đá.

Chỉ một năm sau lễ kết nạp Đảng, Tố Hữu trở thành Thành ủy viên Huế, phụ trách công tác tuyên truyền và thanh niên.

Lúc này, sáng tác của nhà thơ tập trung vào hai mảng lớn: Một là loạt bài chống chiến tranh, ủng hộ Trung Quốc kháng Nhật, khơi gợi tinh thần dân tộc (*Ly rượu thơ*, *Đông Kinh nhuộm máu*, *Tình thương với chiến tranh*). Mảng khác là những bài có tính

luận chiến và quan điểm học thuật như đã nêu trên. Riêng *Những người không chết* tặng anh lính Nguyễn Chí Diểu trong đám tang như cuộc biểu tình lớn của hàng vạn người với băng rôn mang dòng chữ tôn vinh “*Người chiến sĩ cách mạng vì nước, vì dân*”.

Tổ Hữu bị bắt và bị đem xét xử ở tòa án Nam Triều, chịu án tù giam hai năm và quản thúc hai năm. Từ đây mở ra trang mới cho sáng tác về thơ nhà tù. Trong tù, do đấu tranh chống khủng bố, Tổ Hữu lại bị xét xử theo bản án mới số 150 ngày 5/9/1940 của tòa án tỉnh Thừa Thiên. Nhà thơ lĩnh thêm sáu tháng tù và bị đày đi Lao Bảo. Mãn hạn tù hai năm (4/1941), Tổ Hữu lại bị tăng án đi đày an trí tại trại tập trung Đăk Glei, Bắc Kon Tum.

Ngày 12/3/1942, Tổ Hữu cùng bạn tù vượt ngục, về kết nối hoạt động bí mật tại Thanh Hóa. Nhà thơ thành lập Tỉnh ủy lâm thời, làm Bí thư. Cơ quan tỉnh ủy - đồng thời là tòa soạn báo *Đuổi giặc nước* do Tổ Hữu làm Tổng Biên tập.

Trách nhiệm ngày càng cao, Tổ Hữu tham gia các Hội nghị Xứ ủy Bắc Kỳ (1943, 1944) và lãnh đạo chiến khu Quang Trung (ba tỉnh: Hòa Bình - Ninh Bình - Thanh Hóa). Nhà thơ lại tiếp tục tuyên truyền, vận động quần chúng đấu tranh chống lệnh nhổ lúa trồng đay, phá kho thóc của Nhật để cứu đói, đồng thời gấp rút tổ chức các đội tự vệ và phát triển tổ chức của Đảng, phát động cao trào Việt Minh ở các địa phương.

Năm 1945 đánh dấu những hoạt động tích cực, khẩn trương tiến tới Tổng khởi nghĩa của Tổ Hữu. Với tư cách Phó Bí thư Xứ ủy, ông lên kế hoạch khởi nghĩa ở Thanh Hóa, Vinh, Quảng Bình, Quảng Trị và Huế.

Ngày 23 tháng 8 lịch sử, Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa Huế đã lãnh đạo thành công cuộc nổi dậy của đông đảo quần chúng nhân dân. Sự kiện này đã được thuật lại đầy đủ và sinh động qua các trang hồi ức⁽¹⁾: “*Khoảng 10 giờ sáng ngày 23/8, nhân danh Chủ tịch*

1. Tổ Hữu, *Nhớ lại một thời*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2002, tr. 106 - 107.

Ủy ban khởi nghĩa, tôi viết một tối hậu thư cho Bảo Đại với ba nội dung chính... 2/ Yêu cầu chính quyền Nam Triều phải giải tán và vua Bảo Đại phải tuyên bố thoái vị ngay... Đợi đến 2 giờ chiều, 10 vạn người toàn thành phố và các huyện xung quanh đã tập trung về sân vận động Huế. Khắp các đường lớn nhỏ và cả sông Hương đều đỏ rực cờ. Có lẽ trong lịch sử ở Thừa Thiên - Huế chưa có một ngày hội nào lớn và đẹp đến thế...”. Khi tuyên bố xóa bỏ chính quyền Bảo Đại và vua Bảo Đại sẵn sàng thoái vị để chính quyền hoàn toàn về tay nhân dân: “Hàng vạn người hô vang như sấm “Việt Nam độc lập muôn năm! Chính quyền nhân dân muôn năm!””.

Sau đó, Tổ Hữu tổ chức lễ thoái vị của vua Bảo Đại. Phái đoàn Chính phủ nhận ấn, kiếm - những di vật của vương quyền nghìn năm - Bảo Đại được Chính phủ cho giữ chức Cố vấn.

Chính trong những ngày này, Tổ Hữu viết *Huế tháng Tám* để nói lên niềm vui say thần thánh của toàn dân:

*Chừ đây Huế, Huế ơi! Xiềng gông xưa đã gãy
Hãy bay lên! Sông núi của ta rồi!*

(...)

*Ngực lép bốn nghìn năm, trưa nay cơn gió mạnh
Thổi phồng lên. Tim bỗng hóa mặt trời.*

(...)

*Gió gió ơi! Hãy làm giông làm tố
Cuốn tung lên cờ đỏ máu thơm tươi
Vàng vàng bay, đẹp quá, sao sao ơi!*

Nhà thơ cách mạng trẻ tuổi như mê đi trong “*dòng người cuộn thác*” để đắm mình vào hạnh phúc: “*Ôi thiên đường! Tai miên man lắng nhạc*”.

Đúng là chỉ riêng với sự kiện lịch sử tại Huế, Tổ Hữu đã dựng được kỳ tích bất hủ một đời. Tuy nhiên, với nhà cách mạng trẻ

tuổi, đây mới chỉ là chiến công bước đầu. Tố Hữu chỉ là người lĩnh xướng cho khúc ca vĩ đại *Huế tháng Tám*.

Huế với Tố Hữu là nơi đan lồng ba *vùng quê*: cội nguồn nội ngoại, xứ sở thơ ca và vùng miền khởi nguồn cho hoạt động cách mạng. Cũng tại nơi đây, Tố Hữu có ba *bà mẹ*. Bà mẹ sinh thành, bà mẹ Đảng và mẹ-quê hương cũng là tượng trưng cho Đất nước “*Sông núi của ta ơi*”.

Tố Hữu tự hào về Huế và Huế cũng vinh hạnh vì có Tố Hữu.

Huế là tất cả tình yêu, là tất cả nỗi niềm một đời Tố Hữu.

Hòa bình lập lại, ăn cái tết thanh bình đầu tiên ở Hà Nội, đạo giao thừa trên phố Huế⁽¹⁾. “*Bỗng nhiên, nghe đau nhói trong tim một nỗi buồn không chịu nổi. Tôi liền trở về nhà, và cả đêm ấy tôi viết bài Quê mẹ trong nước mất thương nhớ về quê hương đang rên xiết dưới ách bọn ngụy quyền bán nước:*

*Lửa chiến tranh nay đã tắt rồi
Mà lòng ta vẫn cháy không nguội
Mẹ ơi, dưới đất còn chua xót
Những tiếng giày đạp núi đồi.”*

Hai mươi năm nhà thơ sống trong cảnh “*Ngày Bắc, đêm Nam*”. Bởi vì Huế là *Phía ấy, phía quê nhà* (Chế Lan Viên). Huế - đồng nghĩa với Miền Nam ruột thịt. Năm 1963, khi viết bài thơ như rút ruột *Miền Nam*, Tố Hữu cũng gửi nỗi đau và niềm tin với quê Nam.

Trong chuyến đi thị sát chiến trường miền Nam, Tố Hữu có một nỗi lòng đầm thấm với Huế:

*Nỗi niềm chi rửa Huế ơi!
Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên*

1. Tố Hữu, *Nhớ lại một thời*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2002, tr. 240 - 241.

(...)

*Huế mình đẹp nhất lòng dân
Mùa Thu khởi nghĩa, mùa Xuân dậy thành.
(Nước non ngàn dặm)*

Bài ca quê hương là bài ca chiến thắng riêng - chung: “*Huế ơi đẹp lắm quê nhà/ Cầu Nam ai hóa bài ca anh hùng/ Ai đi qua đó miền Trung/ Xin mời ghé lại, vui cùng Huế tôi!*”. Bài thơ được ghi tiêu đề *Kỷ niệm Tháng 5/1945*.

Vào buổi hoàng hôn của cuộc đời vẫn là mối tình thủy chung ân nghĩa - Vui, buồn, thương nhớ, ngậm ngùi xen trộn trong hoài niệm ngày cả khi đặt chân lên mảnh đất thân thuộc từ tấm bé.

Giữa ngày xuân năm 1980, ông làm thơ *Tặng Đảng thân yêu tròn 50 tuổi* vẫn là tâm tình chuyện riêng chung. Mưa như một điệp khúc buồn về Huế: “*Ôi những ngày xưa. Mưa xứ Huế/ Mưa sao buồn vậy, quê hương ơi!*”. Kỷ niệm ủa đây từ ngày nào, ngày nào: “*Mẹ của con! Hơi ấm những ngày*”. Trong *Nhớ về Anh*, nhà thơ lại gọi nhắc những dòng chữ như ánh sáng mặt trời: “*Từ trang sách Hàng Bè/ Đến trường đời Cách mạng*” - cũng là nhắc tới “*Cánh tay của người Anh*” Lê Duẩn.

Kết hợp làm nhiệm vụ và khảo sát thực tế, Tố Hữu làm nhiều chuyến đi về Nam và nhiều dịp đi thăm Huế. *Anh cùng em* trở lại rất kỹ lưỡng những kỷ niệm từ “*Tuổi thơ ngây, trong trẻo yêu đời*”. Anh chẳng quên một thời hoạt động sôi nổi hào hùng và “*lao tù lạnh lẽo cùm gông*”. Nỗi đau của quê hương ba mươi năm “*Tan nát Thanh Lương, xơ xác Phù Lai*” như được vơi đi phần nào trong cảnh tượng ngày nay: “*Nhà ngói mới đỏ au màu chiến thắng*”. Trong bao nhiêu năm, Tố Hữu có một nỗi ân hận là phần mộ của người mẹ còn để ở làng, trên một cái gò nhỏ. Lần nào về quê, nhà thơ cũng thấp hương cho mẹ ở đó. Sau này, ông mới đưa được mộ cụ lên núi cạnh Nghĩa trang Liệt sĩ Thành phố, xây cất đài hoàng:

Trăm lay mẹ, nắm mồ lạnh vắng
Xin rước Người lên nghỉ chốn Thiên Thai.

(Anh cùng em)

Người bạn đời của ông ghi trong tập *Hồi ký*: “Từ đó, lần nào về Huế, Anh cũng ra mộ ngồi hàng giờ và nói chuyện với Mẹ như khi cụ còn sống: “Mẹ ơi, thằng út vô thăm Mẹ đây”. Anh cứ ngồi bất thần ôn lại những kỷ niệm xưa và lắng nghe chim cu cuồn gáy”¹⁾. Ta nhớ Tổ Hữu có *Nghe cu cuồn gáy* viết ngày 24/3/2000 và *Về quê* ngày 25/3/2000. Tổ Hữu là một tâm hồn hết sức nhạy cảm. Chỉ ngó dòng nước xanh là nhà thơ đã nhớ tới nhân tình thế thái xứ Huế, nghe “Ngọt ngào tiếng “dạ” cũ như cho” là lòng lại dấy lên “Chao ôi, xa Huế càng thương Huế”. Khi thấy mưa tuôn, gió giật miền xa là ông lại đau xót “Ngày đau xé ruột, tiếng người thân yêu”, và lại ước ao “Huế ơi! khổ cực muôn vàn/ Ước gì góp được một bàn tay con” (*Cùng miền Trung và quê hương*). Tuy nhiên, ngày nay niềm vui, tự hào vẫn là âm điệu chính trong bản nhạc, khúc ca quê hương. *Chuyện em* là chuyện quê hương:

Ấm ấm biển lửa nhân dân
Đẹp như Huế dậy đầu xuân đỏ cờ.

Một đời Tổ Hữu vẫn thấm đượm “Tháng tám xanh” với “Hương Giang dịu dịu áo thiên thanh”. **Huế lại huy hoàng** là ấn tượng nổi bật tâm hồn thơ.

Như đã nêu, thơ về Huế của Tổ Hữu thường gắn *quê* với *mẹ* thành *Quê mẹ*. *Con sông Hương* là hình ảnh nổi bật như một hình tượng xuyên suốt thi đề quê hương.

Bình sinh, Tổ Hữu đã có dịp để đến ơn, đáp nghĩa quê hương phần nào. Nhân dịp Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế tổ chức tặng thưởng cao quý cho các tác giả có đóng góp văn hóa - nghệ thuật cho địa phương, Tổ Hữu đã gửi lại toàn bộ tiền thưởng

1. Vũ Thị Thanh, *Ký ức người ở lại*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2012, tr. 272.

cho tỉnh để tặng cho các cháu học sinh nghèo vượt khó. Khi ông mất, thực hiện nghĩa cử cao đẹp và tâm nguyện một đời vì thế hệ trẻ của ông, từ nhiều năm nay, gia đình đã lập *Quỹ học bổng Tổ Hữu thường niên* với số tiền lớn trao cho sinh viên Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, và đặc biệt hơn là trao cho học sinh nghèo học giỏi cho hai trường mang tên Tổ Hữu ở quê hương Quảng Điền và thành phố Huế¹⁾.

Huế và nhiều thành phố lớn đã có đường phố mang tên Tổ Hữu. Thủ đô Hà Nội đang lựa chọn quyết định con đường tằm vóc bề thế xứng đáng để đặt biển tên nhà thơ lớn Tổ Hữu.

Tuy nhiên, *Con đường thơ* Tổ Hữu trong lòng người đã được mở từ lâu. Đó là một con đường “*tự do cuốn cuộn*” luôn hướng cho *ta đi tới* chân trời xán lạn trong *Đời* và trong *Thơ*.

1. Xem Đoàn Trọng Huy, *Tổ Hữu, nhà cách mạng, nhà thơ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr. 97.

XỨ THANH: QUÊ ANH, QUÊ EM - QUÊ CHUNG^(*)

Xứ Thanh để thương để nhớ một đời Tố Hữu - nhà cách mạng, nhà thơ lớn của nhân dân. Đây là vùng quê đặc biệt trong tâm tưởng như một định nghĩa bằng thơ và trong thơ:

Gió thu lại gọi về Thanh

Quê em mà cũng quê anh từ nào...

(Hà Trung)

Anh về Hoàng Hóa quê em.

(...)

Em ơi Hoàng Hóa quê chung

Tạnh mưa lại nắng vui cùng đồng xuân.

(Hoàng Hóa)

1.

Thanh Hóa - Vùng quê cách mạng

Sau những năm tháng bị tù đầy, từ năm 1939, qua những cuộc đấu tranh quyết liệt, có lúc cái chết như kề bên, Tố Hữu đã tìm ra cách vượt ngục. Cuộc chạy trốn đầy hiểm nguy bắt đầu từ ngày 14/3/1942. Sau những ngày băng rừng, vượt suối, khi đến Tây Nguyên, ông được dân làng tốt bụng, che chở, rồi lại tìm đường

(*) Bài viết hoàn thành vào năm 2012 - 2013.

về xuôi. Sống chui lủi, lẩn lút qua Đà Nẵng, Huế, về lại Hà Nội bắt liên lạc không được, Tố Hữu lại trở về miền Trung. Về Thanh Hóa, ông may mắn gặp mấy đồng chí ở tù Buôn Ma Thuột và cả số tù vượt ngục ở Phú Yên về, anh em rủ nhau xây dựng lại phong trào từ mấy cơ sở cũ.

Cũng trong tháng 7 cùng năm, các đồng chí lưu lạc chấp nối với nhau, lập Tỉnh ủy lâm thời để hoạt động. Không lâu sau đó, đồng chí Lê Tất Đắc ra Hà Nội, tìm cách liên lạc với Trung ương lại bị bắt. Anh em cử Tố Hữu làm Bí thư phụ trách tuyên truyền và tổ chức. Và cũng từ đây, một chặng đường hoạt động mới lại mở ra cho đến Tổng khởi nghĩa.

Chính ở Thanh Hóa và mở rộng ra cả Hòa - Ninh - Thanh, tức chiến khu *Quang Trung* sau này, cấp ủy trẻ tuổi Tố Hữu đã tạo dựng được sự nghiệp cách mạng đầu đời như một kỳ tích lớn.

Báo *Đuổi giặc nước* - tiếng nói của cơ quan Việt Minh tỉnh, xuất hiện. Cơ quan thực ra chỉ có hai người. Tố Hữu - Tổng Biên tập báo - kể lại: "Tôi vừa viết *xã luận*, giải thích đường lối chính sách, vừa viết tin về phong trào hoạt động. Lại có cả thơ ca, hò vè, tranh vẽ. Báo ra bốn trang, mỗi tháng một kỳ. Thế mà cũng rất vất vả vì in trên đá phải đi lũng các mặt đá cẩm thạch thật nhẵn, bằng phẳng và mài thật nhẵn, tìm mua mực in và giấy ở thị xã Thanh Hóa và tập viết chữ trái. Lúc đầu chưa quen nên viết rất chậm, sau quen dần. Ngoài ra còn có anh Sơn - một đồng chí trẻ với chiếc rulo (con lăn) để đặt tờ giấy in lên đá. Báo ra đúng năm số thì có động. Bọn mật thám và quan lại thấy có báo Việt Minh liền lùng sục ngày đêm⁽¹⁾. Vậy là phải "chạy", bí mật chuyển cơ quan đến địa điểm khác là làng Hanh Cù sát ngay bờ biển Hậu Lộc. Cơ quan Tỉnh ủy - đồng thời là tòa soạn đóng tại gia đình Mẹ Tơm. Báo lại ra. Tố Hữu lại làm báo trong hoàn cảnh rất khó khăn: "Tôi suốt ngày ở trong buồng tối, phải chọc lỗ thủng trên mái để có đủ ánh sáng viết

1. Tố Hữu, *Nhớ lại một thời* - Hồi ký, Nxb. Văn hóa - Thông tin (in lần thứ 2), Hà Nội, 2002, tr. 91.

bài và in báo. Tuyệt đối không được gây tiếng động, không được nói ra tiếng, nhỡ có ho cũng phải bịt mồm ngay”⁽¹⁾.

Ở làng Thượng, Nga Sơn, mấy anh em được cả nhà giúp đỡ chăm nuôi, tạo điều kiện in ấn, lại đi phát báo đến các cơ sở. Nhờ vận động tốt, ông bố và Mẹ Tơm vui lòng làm công việc “canh gác”, phòng chừng cả ngày và đêm, trước và sau nhà. Hai anh em Sỏ và Hậu mang báo ra chợ phân phát cho các đối tượng đã có mối liên lạc. Cả hai vừa hoạt động cho cách mạng, vừa đi cắt tóc mưu sinh cho gia đình và đồng chí. Có kẻ nội phản khai báo, hai anh bị bắt và bị tra tấn dã dội, học cả máu, nhưng đều rất gan dạ không khai báo nửa lời - ngay cả Mẹ Tơm cũng trực tiếp làm công tác vận động, tuyên truyền:

Chợ xa. Mẹ gánh mở rau xanh

Thêm bó truyền đơn gọi đấu tranh.

(Mẹ Tơm)

Cơ sở bị lộ, phải chuyển sang Hoàng Hóa và các vùng khác.

Cái được lớn nhất là phong trào với cơ sở cách mạng và qua đó là tình nghĩa cứu mạng, che chở, bao bọc của nhân dân khi được giác ngộ: “*Buồng Mẹ - buồng tim - giấu chúng con*”.

Các tổ chức Đảng tiếp tục tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tham gia đấu tranh chống những lệnh hà khắc như bắt nhổ lúa trồng đay, cướp bông - đồng thời chỉ đạo “phá kho thóc của Nhật” ở Thanh Hóa, mặt khác, tổ chức các đội tự vệ, cứu quốc, phát động cao trào Việt Minh trong toàn tỉnh.

Tối năm 1944, tham gia Khu ủy, lãnh đạo chiến khu Quang Trung, Tổ Hữu lại trực tiếp làm Tổng Biên tập, ra báo *Khởi nghĩa* phát hành trong ba tỉnh.

1. Tổ Hữu, *Nhớ lại một thời* - Hồi ký, Nxb. Văn hóa - Thông tin (in lần thứ 2), Hà Nội, 2002, tr. 22.

Những sáng tác thời kỳ này của nhà thơ đã bùng bùng khí thế cách mạng đánh Pháp, đuổi Nhật. Và trong đó cũng hùng lên một niềm tin mạnh mẽ “*Nao nao lòng lại mơ theo cờ hồng*” (*Đêm giao thừa*). Đó là bài thơ được làm trong cảnh trốn chạy cùng bạn tù tại vùng quê Hà Trung. Toàn là những cảnh tượng mắt thấy tai nghe khi lẫn lộn trong phong trào quần chúng cách mạng: *Tiếng hát trên đê, Vỡ bờ, Đi*. Chứng kiến nạn đói ở địa phương, ông viết *Đói* đầy uất hận (tháng 4/1945), nhưng nhà thơ cũng dự báo niềm vui thắng lợi rực rỡ của cách mạng: *Xuân đến, Huế tháng Tám*.

Tổ Hữu tích cực tham gia tổ chức các Ủy ban khởi nghĩa và lập kế hoạch khởi nghĩa ở Thanh Hóa. Tuy nhiên, với trách nhiệm là Ủy viên Xứ ủy lâm thời Trung Kỳ, Tổ Hữu lại phải vào Vinh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên (10/8/1945) và làm Chủ tịch Ủy ban Khởi nghĩa Huế đã lãnh đạo khởi nghĩa thành công (23/8/1945).

Đầu năm 1946, Tổ Hữu được Trung ương điều lên làm công tác văn hóa. Đến tháng 11, nhà thơ lại được điều về Thanh Hóa làm Bí thư Tỉnh ủy lần hai cho đến tháng 9/1947 - khi có lệnh di động mới của Trung ương.

Tạm biệt Thanh Hóa, tạm biệt quãng đời hoạt động đầy sôi nổi, hào hùng trong gian khó, hiểm nguy, Tổ Hữu lại lên đường đi Việt Bắc nhận nhiệm vụ mới.

2.

Thanh Hóa - Quê em - Miến thương yêu.

Thanh Hóa không chỉ để lại những kỷ niệm màu hồng mà còn in dấu những kỷ niệm xanh của tuổi xuân - tuổi xanh của Tổ Hữu.

Tại nơi đây, Tổ Hữu đã tìm được ý trung nhân, mối tình đầu đã đơm hoa, kết trái. Rất có thể, nhà thơ - chiến sĩ đã có những rung động gần như tình yêu tuổi học trò với một em nào đó, và có chút “*nỗi lòng ân hận*” vì “*mới đưa em một đoạn đường*”. Ấy là những tâm tình qua mấy vần thơ khi quyết định dẫn thân đi “xây

dựng cuộc đời chung” và đã thắm thía nỗi cô đơn *Nhớ người (Ân hận, Nếu có buổi mai nào)*. Tổ Hữu cũng tình ý “nhận ra ánh mắt khác thường của một bạn gái nào đó đang nhìn mình”⁽¹⁾ và cũng từng thanh minh “Có một người yêu tôi, nhưng đó là tình yêu một phía”⁽²⁾. Sự gặp gỡ “Em, con gái tình Thanh, mười bảy” âu cũng là duyên số: “Và duyên bén, như từ lâu ước hẹn” (*Anh cùng em*).

Tình yêu của Tổ Hữu thật đẹp. Đó là sự gặp gỡ của đôi trai tài, gái sắc. Họ là người yêu, cũng là người bạn, người đồng chí. Đây chính là tình yêu lý tưởng. Một tình yêu như một sự tình cờ mà tất yếu: “Cách mạng đã đưa tôi đến với Anh”.

Điều đó cũng xảy ra tương tự với Tổ Hữu: “Chúng tôi gặp nhau trong các lớp chính trị mà anh là giảng viên và qua những lần họp phụ vận có anh tôi dự với tư cách là Bí thư Tỉnh ủy” - Vũ Thị Thanh đã viết như vậy trong *Hồi ký*⁽³⁾.

Tình yêu ấy tuy đẹp nhưng cũng có ít chuyện “vui” và “lạ” tạm gọi là nét “bi hài” hay “bi hùng”.

Theo sắp xếp của bà mối - chị Hào, người chị kết nghĩa, cán bộ Đảng, hai người gặp nhau tại một địa điểm đặc biệt: “Tôi còn nhớ nơi chúng tôi gặp nhau là một ngôi nhà đã bị phá theo lệnh “tiêu thổ”, không còn mái, chỉ còn trơ lại mấy bức tường”⁽⁴⁾. Anh tỏ tình chân thành, ngắn gọn, chỉ có giờ phút tay trong tay là “rất lâu”, vì biết là cô gái “tình trong như đã, mặt ngoài còn e”⁽⁵⁾.

Thật ra hai người đều đã có quá trình tìm hiểu nhau.

Tổ Hữu biết Vũ Thị Thanh là nữ sinh Đồng Khánh (Huế), đã thôi học để tham gia cách mạng. Cô nữ sinh ấy hoạt động rất hăng

1. Tổ Hữu, *Nhớ lại một thời* - Hồi ký, Nxb. Văn hóa - Thông tin (in lần thứ 2), Hà Nội, 2002, tr. 131.
2. Vũ Thị Thanh, *Ký ức người ở lại* - Hồi ký, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2012, tr. 29.
3. Vũ Thị Thanh, *Ký ức người ở lại* - Hồi ký, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2012, tr. 25.
4. Tổ Hữu, *Nhớ lại một thời* - Hồi ký, Nxb. Văn hóa - Thông tin (in lần thứ 2), Hà Nội, 2002, tr. 131.
5. Tổ Hữu, *Nhớ lại một thời* - Hồi ký, Nxb. Văn hóa - Thông tin (in lần thứ 2), Hà Nội, 2002, tr. 132.

hái, tham gia đội nữ du kích và Hội Phụ nữ Cứu quốc thị xã. Tháng 9/1946, chị được kết nạp Đảng, tới lúc đính hôn thì đang là Huyện ủy viên.

Chị cũng biết anh được một thời gian. Ngay từ buổi đầu tiếp xúc, chị đã mến phục thầy giáo Lành với những bài giảng đầy nghĩa khí, với giọng Huế trầm ấm. Sau này, đã có lần chị bọc bạch trong *Hồi ký*, lòng cảm mến tăng dần:

“Bên cạnh sự ngưỡng mộ những bài thơ cách mạng trữ tình, tôi còn nể phục tài hùng biện của anh. Đình điểm của tình cảm này là lần nghe anh diễn thuyết và ngâm bài thơ *Ly rượu thọ* hùng tráng tại buổi liên hoan văn nghệ quyền tiến cứu đôi tại một rạp chiếu bóng ở thị xã Thanh Hóa. Cả con người anh toát ra một cái gì vừa thanh lịch dịu dàng, lại vừa nghiêm trang, đĩnh đạc. Lúc này tôi đã mơ hồ nhận ra rằng có lẽ đây là người tôi hằng mơ ước”⁽¹⁾. Chị cũng đã không khỏi hồi hộp: “nghĩ rằng sẽ có một hạnh phúc rất đẹp với người thanh niên trong mộng ước của tôi lâu nay... người vừa là nhà thơ giàu cảm xúc, vừa là một cán bộ cách mạng chân chính”⁽²⁾. Ấy là khi nghe chị Hào thăm dò, bắt tin anh muốn tìm hiểu và có ý định cầu hôn.

Do được điều động lên Việt Bắc công tác, Tổ Hữu bàn chuyện kết hôn và đưa vợ cùng đi.

Thật ra, nhà thơ cũng gặp không ít trở ngại về mặt tâm lý. Đó là quan niệm của bà mẹ: “Có phúc gả con chồng gần/ Có bất hạnh cần nó cũng đem cho/ Vô phúc gả con chồng xa/ Trước là mất giỗ, sau là mất con”. Lại còn dẫn đo: “Lấy vợ xem tông, lấy chồng xem giống”, mà chàng rể tương lai là người xa lạ, quê quán “tận đầu đầu”, gia đình họ hàng không rõ tung tích... Ban đầu bà mẹ không thuận tình, nhưng sau có người khéo vận động, bà đành “chịu”, sau này bà còn nói vui “*Thế là tôi cho không anh con gái tôi đấy nhé*”⁽³⁾.

1. Vũ Thị Thanh, *Ký ức người ở lại* - Hồi ký, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2012, tr. 26.
2. Vũ Thị Thanh, *Ký ức người ở lại* - Hồi ký, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2012, tr. 27, 28.
3. Tổ Hữu, *Nhớ lại một thời* - Hồi ký, Nxb. Văn hóa - Thông tin (in lần thứ 2), Hà Nội, 2002, tr. 134.

Cưới xin hoàn toàn theo đời sống mới. Lúc ấy đã kháng chiến.

Không có lễ ăn hỏi, không có dẫn cưới, không có đón dâu. (Ngược lại là “đón rể” - đến đám cưới nơi mẹ và gia đình tân cư).

Tuy vậy nghi thức lễ cưới khá tươm tất. Có nhiều cán bộ trên tỉnh về. Chủ rể đạp xe hàng chục cây số dưới trời mưa ngâu tầm tã tháng bảy âm để mời cụ lang Lê Quang Trường làm đại diện cho họ nhà trai. Chính quyền địa phương làm chủ hôn trang trọng hỏi lần lượt hai người có đồng ý lấy nhau không theo đúng thủ tục (Nhưng ông quên hỏi hai người đã có giấy kết hôn chưa? Sau này Tố Hữu nói đùa: “Hai anh em mình mới chỉ là nhân ngãi, không phải vợ chồng vì không có giấy”⁽¹⁾).

Ngày hôm sau, hai vợ chồng mới cưới đèo nhau về Tỉnh bộ Việt Minh. Sau đó vài ngày, họ lên đường đi Việt Bắc, hưởng tuần trăng mật lênh đênh trên sông nước như lời ca bài hát *Thiên thai* của Văn Cao: “*Lênh đênh dưới hoa chiếc thuyền nan/ Quê hương dân xa lấp núi ngàn...*”.

Chuyện tình hai người đến cuối đời mới được hé lộ trên trang viết.

Khi Tố Hữu *Tạm biệt* cuộc đời, Giáo sư Vũ Khiêu đã có bài viết *Cách mạng - Nghệ thuật - Tình yêu, một cuộc đời trọn vẹn* ca ngợi: “*Sự gặp nhau giữa anh Tố Hữu và chị là một sự gặp gỡ giống như câu thơ của Nguyễn Du: “Lạ gì quốc sắc thiên tài gặp nhau”. Không có gì lạ khi hai người ấy yêu nhau tha thiết từ buổi đầu cho đến hết cuộc đời... Thực ra, Tố Hữu đã yêu chị với cả trái tim rực đỏ của anh*”⁽²⁾.

1. Vũ Thị Thanh, *Ký ức người ở lại* - Hồi ký, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2012, tr. 34.

2. Vũ Khiêu, *Cách mạng - Nghệ thuật - Tình yêu, một cuộc đời trọn vẹn* in trong *Tố Hữu - người cộng sản kiên trung, nhà văn hóa tài năng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 247.

3.

Thanh Hóa - Vùng quê tình nghĩa thủy chung.

Thanh Hóa là nơi Tố Hữu gắn bó một đời từ thuở thanh niên đi làm cách mạng đến tận cuối đời.

Nơi đây hội tụ đủ loại tình cảm đẹp nhất, gắn bó riêng - chung, tha thiết nhất: tình yêu nhân dân, tình bạn, tình đồng chí, tình yêu lứa đôi và cả tình yêu dân tộc, yêu lịch sử, tình yêu cách mạng, tình yêu quê hương, đất nước.

Thanh Hóa cũng luôn hiển hiện là một nỗi lòng lớn, cảm xúc lớn trong sáng tác của Tố Hữu.

Bài thơ như nén tâm nhang gửi hương hồn bà mẹ nuôi sau mười chín năm xa cách là *Mẹ Tơm* (1961). Một dịp đi công tác về Thanh, Tố Hữu viết *Làng Thượng* (1982). Vào cuối đời, là một cuộc du ngoạn kỳ thú qua chùm thơ Thanh Hóa vào năm 1986: *Hà Trung, Cầm Thủy, Ngọc Lặc, Như Xuân, Nông Cống, Tĩnh Gia, Hoàng Hóa, Quảng Xương, Hậu Lộc*.

Thanh Hóa như miến nhớ nằm sâu trong ký ức nhà thơ, thường bật dậy với những kích thích mạnh mẽ. Trên hành trình bay từ trời Tây về, bỗng nghe một thông báo dữ vào *Sáng 4/8 tại La Havana*: “*Hay tin giặc bắn Hòn Mê/ Đêm rằm nghe biển gọi về quê hương*” (*Nhật ký đường về*). Sau đó, tiếng biển lại “rầm rì” xen lẫn tiếng súng xôn xang trong lòng như giục giã những chuyến thị sát nơi tiền tiêu:

Đường vào khu Bốn, vào Thanh

Không đi thì nhớ không đành, phải đi.

(Đường vào)

Đã sáu năm sau chuyến thăm lớn “quê em”, nay trong lòng Huế, nhà thơ vẫn bồi hồi xúc động về mối tình xưa: “*Cô bạn nhỏ xinh tươi hiền dịu... con gái tình Thanh, mười bảy*” vào “*tuổi xuân xanh, thuở ấy...*” (*Anh cùng em* - 1992).

Thực ra, nghĩa tình đã thấm đượm từ *Mẹ Tôm*:

Hỡi người mẹ khổ đã dành cơm

Cho con, cho Đảng ngày xưa ấy.

Ở đâu cũng có những tấm lòng cứu mang như vậy: “*Tam Quy ơi, nhớ những ngày/ Muối dưa đùm bọc, bàn tay mẹ già*” (*Hà Trung*).

Có những kỷ niệm khắc cốt ghi xương về ân tình cách mạng qua những tấm gương hy sinh của quần chúng. Đó là câu chuyện về hai người con trai Mẹ Tôm bị bắt, bị tra tấn dữ dội nhưng tuyệt nhiên không khai báo. Gia đình ông Lê Quang Trường ở Chợ Vực, cũng là một cơ sở cách mạng. Do bị chỉ điểm, ông bị bắt lên tỉnh, chịu đủ mọi cực hình tra tấn nhưng vẫn một mực giữ bí mật. Lại có một chuyện hết sức cảm động, sau này Tố Hữu đã kể lại trong *Hồi ký*. Một chị hàng xáo ở làng Lục Trúc hết gạo, còn mấy lon ngô mà quyết để dành nuôi cán bộ, dành để con gái ăn củ chuối đến trường bụng mà chết trong cảnh quần quai kêu la rất thảm thương⁽¹⁾.

Mẹ Tôm là điển hình cho bà mẹ Việt Nam một thời, cũng là tượng trưng cho chủ nghĩa anh hùng bình dị của quần chúng cách mạng:

Sống trong cát, chết vì trong cát

Những trái tim như ngọc sáng ngời.

(*Mẹ Tôm*)

Chuyến đi Thanh Hóa năm 1986 đem lại cho nhà thơ nhiều cảm xúc tươi nguyên về tình bạn khi gặp lại những gương mặt, nụ cười bao năm xa cách. Mái đầu xanh nay đã “ngả bạc” nhưng tình nghĩa thì vẫn như xưa:

Bạn rằng dù bạc mái đầu

Thủy chung nghĩa nặng tình sâu vẫn là...

1. Tố Hữu, *Nhớ lại một thời* - Hồi ký, Nxb. Văn hóa - Thông tin (in lần thứ 2), Hà Nội, 2002, tr. 100.

Ôm hôn hai má bạn già

Ra về ấm mãi lòng ta với đời.

(*Hậu Lộc*)

Bạn già chính là *bạn hiền*, và hơn thế nữa, có thể gọi là *bạn vàng*. Tình bạn chiến đấu qua bao gian khổ, vào sinh ra tử là cực kỳ quý giá.

Từ tình nghĩa bạn bè và quần chúng nhân dân, nhà thơ cảm nhận sâu sắc hơn về ân tình với những bậc tiền bối ở quê hương, từ đó đẩy lên một cảm hứng lịch sử đa diết, nồng nàn qua cảnh tượng.

Qua quê gốc của Lê Lợi là tiếng vọng một thời:

Có gì trong nắng thu sang

Long lanh Như Áng, rừng vang tiếng trống.

(*Ngọc Lặc*)

Với “*Sương thu xanh ngát ngàn Núi*”, Tố Hữu lại mừng tượng hương hồn người nữ anh hùng “*Ước gì Bà Triệu ngày nay lại về...*” (*Nông Cống*).

Gần hơn là sự gợi nhớ khí thế hào hùng thời chống Mỹ: *Qua đây lại nhớ năm nào/ Xé trời đạn lửa, bom đào, đất rung/ Đường ra mặt trận miền Trung/ Quân dân ta vẫn trùng trùng tiến lên* (*Tĩnh Gia*).

Giờ đây, trong dựng xây hòa bình, đang diễn ra một mặt trận mới. Tố Hữu chứng kiến cảnh đẹp đầy sức sống đang trỗi dậy, trong bước đầu *đổi mới*.

Có những đổi thay ngỡ ngàng *xưa - nay*, có những biến đổi gần hơn: *hôm nay* so với *hôm qua*. Có những cái đẹp hiển hiện: *Hôm nay vui sướng lạ lùng/ Chiều xanh bát ngát một vùng lúa xuân (Làng Thượng)... Thong dong bè nửa quẩy đuôi cả lông/ Đồi bờ xanh non ngô đồng/ Chè nường, bãi lạc, lúa đồng xum xuê/ Áo màu*

vui mắt đồng quê... (*Cắm Thủy*). Có những vẻ đẹp còn ẩn giấu dưới dạng tiềm năng của phồn vinh:

Rừng vàng biết mấy mà cân
Núi đối hương quê, hương trăm bay quanh.
(*Như Xuân*)

Niềm vui trong vần thơ đẹp ánh lên màu sắc, ánh sáng và cũng lan tỏa hương vị cuộc đời.

Bình sinh, Tố Hữu đã đáp trả phần nào tình nghĩa với quê hương xứ Thanh.

Năm 1964, Tố Hữu đã dành toàn bộ tiền nhuận bút tập thơ của mình tặng cho nhân dân xã Đa Lộc (làng Hanh Cát, Hanh Cù xưa) để xây dựng ngôi nhà ngói năm gian làm trạm xá. Tố Hữu cũng nhận người cháu gái duy nhất của ông Lê Quang Trường làm con đỡ đầu, lo học hành, công tác cho cháu chu đáo. Nhiều lần, nhà thơ tặng sách cho “bạn già” với lời đề tặng rất tình cảm. Năm 1996, cuốn *Thơ Tố Hữu* của Nhà xuất bản Đồng Nai, nhà thơ gửi tặng Nguyễn Huy Soạn - vị lão thành cách mạng. Đến năm 2001, cuốn *Thơ Tố Hữu* do Nhà xuất bản Hội Nhà văn in, Tố Hữu lại gửi tiếp: “Tặng đồng chí Soạn thân thiết. Nhờ mãi những năm hoạt động bí mật ở Hoàng Hóa cùng với đồng chí kiên cường, dũng cảm”. Đó là món quà tinh thần vô giá!

Xin ghi lại đôi dòng như *vĩ thanh* mà tôi đã viết trong cuốn *Tố Hữu - Nhà cách mạng - Nhà thơ*¹⁾:

“... Con cháu mẹ Tơm, Thanh Hóa cũng về chịu tang cùng gia đình. Ngoài ra, đoàn đại biểu cán bộ lão thành cách mạng cùng hoạt động với Tố Hữu ở Thanh Hóa, Thừa Thiên - Huế đã đến tiễn biệt...”

1. Đoàn Trọng Huy, *Tố Hữu - nhà cách mạng, nhà thơ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr. 90, 100.

- Tháng 2/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa có văn bản công nhận ngôi nhà của Mẹ Tơm là di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh. Ngày 7/2/2010, Ủy ban nhân dân xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa tổ chức đón nhận Bằng công nhận Ngôi nhà Mẹ Tơm (đã được tôn tạo)”.

Vào dịp kỷ niệm Mười năm ngày mất nhà thơ Tố Hữu (12/2012), đông đảo bè bạn, các nhà văn, chính khách... đã đến dự Lễ tưởng niệm tại Hội Nhà văn và Nhà lưu niệm Tố Hữu ở Hà Nội. Những ngày này, tôi đã bắt gặp đông đảo bà con họ mạc ở quê hương Thanh Hóa về dự.

Quê hương *Xứ Thanh* cũng như nhiều vùng, miền *Nước non muôn quý ngàn yêu* còn in dấu mãi trong cuộc đời, sự nghiệp cách mạng và văn chương Tố Hữu.

XỨ QUÊ ĐẤT MẸ - KÝ ỨC SÂU ĐẰM, KHÁT KHAO MÃNH LIỆT MỘT HỒN THƠ^(*)

1.

Ai cũng có quê hương, nơi sinh thành của mình, thậm chí sống chết một đời ở đó. Khi trưởng thành, do hoàn cảnh học tập, làm ăn, hoạt động, ta có thể chuyển đi cư trú ở một nơi khác - những vùng quê, miền quê mới. Thậm chí, đó lại có thể là nơi ăn đời, ở kiếp. Do vậy, có những người hầu như “mất gốc”, chỉ còn quê cha đất tổ để đi về hương khói, hoặc để lưu dấu trong lý lịch. Vì thế, xuất hiện những mối quan hệ và tình cảm khác nhau về quê hương, nhưng dù sao thì vẫn là “đất có tổ, người có tông”.

Nhà thơ Tố Hữu là một trường hợp đặc biệt về quê hương.

Cậu bé Nguyễn Kim Thành được sinh ra ở Hội An - Quảng Nam, nhưng quê gốc cả nội, ngoại lại ở đất Phù Lai, xứ Huế. Cậu học tới trung học, rồi tham gia cách mạng cũng tại đây. Bị bắt và chịu tù đầy xa quê hương nhiều năm cho đến ngày được giải phóng quê hương với cương vị là Chủ tịch Ủy ban Khởi nghĩa Huế đã lãnh đạo quần chúng nổi dậy thành công vào ngày 23/8/1945.

Có một bước ngoặt trong cuộc đời Tố Hữu. Đó là những năm nhà thơ trốn tù về hoạt động bí mật, sau làm Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, cho đến khi toàn quốc kháng chiến.

(*) Tạp chí Văn hóa và Du lịch, số 18(72), 7/2014.

Thanh Hóa là mối tình đầu cách mạng, và cũng là nơi Tố Hữu bén duyên vợ chồng với cô gái xứ Thanh. Hai người được điều lên Việt Bắc, trải qua “chín năm nắng nui, mưa ngàn”, biết bao tình cảm “thiết tha, mặn nồng” với quê hương cách mạng. Sau đó, gia đình về tiếp quản Hà Nội, “đóng đô” cho đến lúc nhà thơ *Tạm biệt* cuộc đời. Sinh con đầu lòng, dựng vợ gả chồng và có cháu nội, cháu ngoại ở đây. Như vậy, con cháu của nhà thơ đều là người Hà Nội “chính hiệu”.

Cuộc đời của Tố Hữu, trên đại thể là một sự di chuyển lớn, từ đất Thần kinh vàng son đến Thủ đô nghìn năm văn vật, trải qua hơn 80 năm thăng trầm theo lịch sử cách mạng và kháng chiến.

Điểm lại lý lịch cuộc đời của Tố Hữu như vậy để thấy rằng, nhà thơ có *những vùng quê hương* với hàm nghĩa thật bao quát, rộng lớn, mang nặng tình cảm thân thiết, thiêng liêng đặc biệt.

2.

Các vùng quê ấy, trước hết đều mang nặng những *kỷ niệm sâu đậm* như ký ức, được lịch sử hóa, làm tổ trong tâm hồn. Đó là những nơi đã chứng kiến quãng đời hoạt động hết sức sôi nổi, kiên cường đầy gian khổ và cả hiểm nguy, có đủ các cung bậc vui buồn, mừng tủi, hân hoan, lẫn cay đắng, xót xa. Tuy nhiên, nơi nào cũng chứa đựng ý chí tự hào *khát vọng mãnh liệt* xây dựng, đấu tranh.

Xứ Huế một thời ấu thơ với những kỷ niệm xa xôi “tuổi chín, mười” êm dịu như giấc ngủ “*ấm tròn lưng*” - với tiếng “*ru nhẹ nhẹ*” mà xót xa “*đời mẹ buồn lo mãi/ Thất ruột, mòn gan, héo cả tim*”. Rồi khi nhà thơ bị tù đây: “*Roi điện cùn xai tõe máu tươi*”, và nỗi đau cảnh ngày Bắc, đêm Nam, chua xót lắng nghe “*Những tiếng giày đình đập núi đồi*” suốt bao nhiêu năm.

Huế là mảnh hồn máu thịt với Tố Hữu là như vậy.

Quê mẹ được sáng tác ngay trong đêm 30 Tết hòa bình đầu tiên ở Hà Nội (1955) với nỗi nhớ da diết và niềm hy vọng thiết tha:

"Đường vào sẽ lại nổi đường ra/ Như con của mẹ về quê mẹ/ Huế lại về vui giữa Cộng hòa". Mang nỗi niềm canh cánh bên lòng, khi đi thị sát chiến trường (1972), nhà thơ cũng ngóng về quê hương trong một tình cảm da diết: "Nỗi niềm chi rứa, Huế ơi!/ Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên" (*Nước non ngàn dặm*). Năm 1999, khi thăm miền Trung và quê hương trong cảnh lũ lụt, nhà thơ đã gửi về nỗi xót xa và ước vọng: "Huế ơi khổ cực muôn vàn/ Ước gì góp được một bàn tay con".

Trong đời, Tố Hữu luôn có một niềm ân hận lớn - dang dở bao nhiêu năm không về được quê lo hương khói: "Trăm lạy mẹ nắm mồ lạnh vắng". Mãi cuối đời, nhà thơ mới toại nguyện: "Xin rước Người lên nghỉ chốn thiên thai", để mẹ siêu sinh tịnh độ vĩnh hằng. Chuyển đi có tính chất "trối già" vào tháng 3/2000, nhà thơ lại *Về quê, Nghe cu cườm gáy*, lòng bồi hồi mơ màng "bên bờ nghĩa trang", "vắng nghe tiếng mẹ ru hời..." - khi đã vào tuổi 80!

Xuất Thanh được mệnh danh là "Quê anh", bởi Tố Hữu đã có thời kỳ hoạt động oanh liệt ở đây. Khi đó, nhà thơ đã phải sống chui lủi, thấp thòm ngày đêm trong căn buồng nhỏ xíu bí mật "buồng mẹ - buồng tim giấu chúng con". Mái tranh nghèo xơ xác ấy, vừa là trụ sở cơ quan Tỉnh ủy, vừa là Tòa soạn báo in tay - *Đuổi giặc nước*. Nơi này đã trở thành căn cứ đầu não chỉ huy kháng chiến chống Pháp, chống Nhật khắp một vùng. Cũng chính tại đây, nhà cách mạng trẻ đã thành danh, thành người lãnh đạo cao nhất ở địa phương. Đây cũng chính là nơi nhà thơ đã kết duyên với cô nữ sinh Đồng Khánh Huế - một nhà hoạt động cách mạng trẻ tuổi, có khí phách từ thời kỳ bí mật đến khi tham gia Cách mạng Tháng Tám.

Thanh Hóa được định nghĩa một cách tình cảm. "Quê em mà cũng quê anh từ nào" là vì thế. Sau này, khi về thăm lại vùng quê ấy, nhà thơ khẳng định lại: *Em ơi, Hoàng Hóa, quê chung*" (*Hoàng Hóa*). Ấy là tính khoảng thời gian 40 năm xa cách của nhà thơ, kể từ khi hai người rời xứ Thanh lên Việt Bắc công tác rồi *Lại về* Thủ

đô (1946 - 1986). Nhớ thương quê hương duyên tình mà hào hùng một thời "Xé trời đạn lửa, bom đào, đất rung" (*Tĩnh Gia*).

Với Tố Hữu, tâm tình *Việt Bắc* hết sức đặc biệt. Nhà thơ cùng cơ quan Trung ương đã ở đó trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Bài thơ "chia ly" chứa đựng bao nỗi niềm. Nỗi nhớ bao la như một điệp khúc luyến láy, xoáy sâu vào tâm hồn: "Minh về mình có nhớ ta" - gọi cả một lịch sử: "Muối lăm năm ấy thiết tha mặn nồng". Nỗi nhớ như một nhãn tự đặc sắc của bài thơ tâm tình dài đặc: "Nhớ chiến khu", "nhớ những ngày", "nhớ những nhà". Rồi "nhớ người mẹ nắng cháy lưng", "nhớ sao lớp học i tờ"... Tố Hữu nhớ người, nhớ cảnh, nhớ bốn mùa: "Rừng xanh" mùa xuân "nắng ánh". Rừng xuân, rừng hè, rồi "Rừng thu trăng rọi hòa bình". Nhà thơ nhớ hôm qua hào hùng - "Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây", và mong đợi ngày mai với viễn cảnh tươi sáng - "Ngược xuôi tàu chạy, bốn bể lưới giăng". Tình cán bộ - nhân dân luôn là tấm lòng thủy chung muôn đời: "Ngược xuôi đôi mắt một lời song song".

Hà Nội hiện ra bao đáng về, sắc thái tình cảm với Tố Hữu. Là Hà Nội "Cay đắng tám năm ròng... Xé ruột lòng thao thức" cũng là Hà Nội bất khuất, vùng lên một thời để vẫn là "Hố Gươm xanh thấm quanh bờ" như "thiên thu Hồn nước" (*Lại về*). Hà Nội có tâm tình thiết tha với im lìm "tiếng guốc" thời *Ra trận*, lại có tâm thế hứng khởi tốt độ "Pháo đài bay rụng đỏ mặt hổ". Bảo tàng chiến tích chống chiến tranh hủy diệt thế kỷ độc nhất vô nhị thế giới đấy! Chiến công là của chung nhân loại.

Tự hào thay, trái tim Hà Nội

Phải đây đường lịch sử ghé qua?

(Vui thế, hôm nay...)

Không kém đặc sắc là sự phát hiện "*Hà Nội duyên thầm, lặng lẽ xuân... Xin sáng lòng ta một chữ Nhân*" (*Duyên thầm*). Hà Nội mỹ

lệ duyên dáng - *Thành phố Hòa bình* - tượng trưng cho chủ nghĩa nhân văn truyền thống những nghìn năm. Hà Nội suy nghiệm thanh thân vào cuối đời thơ vẫn thơ mộng hào hùng trong cuộc **Du xuân**: “Ngát bụi trần, tìm gió mát Hồ Tây/ Mãn sương xanh lãng dâng nước cùng mây/ Nhỏ ngàn xưa Trừng Vương đầu voi lăm liệt/ Trận Nghi Tàm, sông Dâm Đàm đỏ huyết”. Mãi mãi niềm tự hào trong thách thức lịch sử:

*Nghìn năm qua, đất nước bao lần lừng lẫy chiến công
Dân tộc anh hùng. Rạng rỡ Thăng Long.*

3.

Với Tố Hữu, cái riêng bao giờ cũng gắn với cái chung, cái chung luôn được đặt trên cái riêng như nguyên tắc ứng xử.

Quê hương gắn với những vùng, miền lớn nhỏ. Có thời, **Miền Nam** trong thơ Tố Hữu như một đề tài máu thịt. Chế Lan Viên đã nhận xét về **Phía Mẹ - phía quê nhà** là như vậy⁽¹⁾.

Xứ quê cũng chính là *Đất mẹ*. Tình quê hương cũng biểu hiện lòng yêu nước cụ thể, thiết tha và mãnh liệt của người chiến sĩ cách mạng: “*Anh là nhà thơ của phía Mẹ, phía quê hương. Nhưng Anh cũng là nhà thơ lớn của dân tộc, nghĩ về phía khác nữa*”⁽²⁾. Ta có thể hiểu *Mẹ Quê hương* cũng chính là *Mẹ Tổ quốc*.

Trong ***Dậy lên thanh niên*** (1940), Tố Hữu có đề từ *Lời Tổ quốc*. Mẹ Tổ quốc, lúc này là một hình tượng mang tính lịch sử. Phải đến khi dấn thân vào hoạt động, nhà cách mạng trẻ mới nhận ra quê hương, đất nước bằng những hình ảnh trực quan sinh động với vẻ đẹp “*đơn sơ mà lộng lẫy*” của *Tổ quốc*.

Tình yêu nước bao giờ cũng bắt nguồn từ tình yêu quê hương: từ xóm làng, đình chùa, miếu mạo, từ con đường, đồng bãi, ngọn suối, dòng sông... Đó là tấm lòng “*xanh biếc*” như nước Hương

1. Chế Lan Viên, *Toàn tập*, tập V, Nxb. Văn học, 2009, tr. 150.
2. Chế Lan Viên, *Toàn tập*, tập V, Nxb. Văn học, 2009, tr. 161.

Giang, cũng như chí khí “*đỏ rực*” “*như núi Thiên Thai*” (***Quê mẹ***). Đó là trái tim - “*vẫn ngày đêm tự tình*” với quê hương. Đó là bước chân - “*Đường làng lạ mấy cũng quen*” khi “*vào Hương Thủy*”, khi “*ra Phong Điền*”. Và kỳ diệu là sông Hương, núi Ngự - “*Bên kia Vọng Cảnh, bên này Thiên Thai/ Bức tranh non nước tuyệt vời*” (***Bài ca quê hương***).

Đặc biệt, *vùng quê hương thân thiết* của nhà thơ đã trở thành *vùng quê hương sáng tác* đặc sắc. Đó là một sự thật tuyệt đẹp của tâm hồn thơ. Bởi, cảnh cũng là tình, cảnh gợi tình, tình nên cảnh, tình cảnh quấn quýt riêng chung. ***Việt Bắc*** có “*Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy*” trong tình chung “*Ngàn năm xưa, nước non Hống*”. Tố Hữu trở về Thủ đô trong cảnh vui sướng rạo rạo và tâm niệm: “*Hồ Gươm xanh thăm quanh bờ/ Thiên thu hồn nước mong chờ bấy nay*” (***Lại về***). Huế của thi nhân cũng là của muôn đời trong cuộc hội ngộ mẹ - con: “*Ôi Huế ngàn năm Huế của ta... Huế lại về vui giữa Cộng hòa*” (***Quê mẹ***). ***Toàn thắng về ta*** sáng tác vào 1/5/1975, thì cũng thời gian ấy ***Bài ca quê hương*** ra đời với niềm hân hoan, bồi hồi khó tả: “*Câu Nam ai hóa bài ca anh hùng*”. ***Việt Bắc*** là bài tráng ca trữ tình. ***Về chiến khu xưa, Như một cuộc hành hương*** vẫn tâm tình thủy chung trong sáng hơn 40 năm sau (1997): “*Măng đắng ngon, thêm nhớ trám bùi*”.

Thực ra, biển được miêu tả như một vùng quê *đặc biệt* chỉ hiện ra thấp thoáng trong thơ, nhưng cũng thật sâu đậm. Vùng ven biển Hậu Lộc - nơi Tố Hữu sống những ngày mới ra tù, hoạt động kháng chiến đã trở thành miền ký ức đỏ thắm tâm hồn. Trở lại thăm quê mẹ nuôi sau 19 năm, nhà thơ đã để lại một khúc ca giàu triết lý:

Ôi có phải sóng bồi thêm bãi trước

Hay biển đau xưa rút nước xa rồi?

(***Mẹ Tơm***)

Câu thơ gợi nhớ tới quan niệm “bể khổ”, “bể trầm luân” của đạo Phật.

Kỷ niệm Hòn Mê, Hòn Nẹ - những hòn đảo nhỏ ven biển xao động một thời, như sống lại trong cảnh: “*Phấp phới buồm dong, nắng biển khơi*”. Đó là chuyện trở về vào năm 1961 (*Mẹ Tơm*). Cuối đời, kỷ niệm biển vẫn rất đậm ấm, dù đã 25 năm trôi qua (*Hậu Lộc*). Xưa, Tổ Hữu lội bộ trên cồn cát mà lòng mát rượi trong tiếng hát ngân nga. Nay, nhà thơ “*mát chân lối cát*” mà “*Ra về ấm mãi lòng ta với đời*”, vì “*cảnh biển vui sóng giòn*”, cũng vì đắm thắm nụ hôn “*bạn giả*” trong tình sâu, nghĩa nặng.

Kỷ lạ là ấn tượng biển lan tỏa mạnh mẽ bùng lên nơi Vũng Tàu - Côn Đảo vào dịp đốt thừ via dầu giếng khoan số 4. Thực và mơ đan xen nhau trong *Ngon lửa* - đó là “*ngon lửa tình yêu lớn*”, làm “*Biển Đông rộn rã sáng cơ đồ*” gây xúc động kỳ diệu bằng niềm vui “*Ta nhìn ngon lửa cay mi mắt*”. Lúc này là mười năm sau đại thắng mùa Xuân 1975, nước ta đang nỗ lực xây dựng lại đất nước “*đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!*” như mong ước của Bác Hồ. Đặc biệt, chuyến thăm *Biển mơ* (1999) mang khát vọng cháy bỏng. Giữa “*Sóng vờn quanh đảo nhây*” là ước mong “*Người thợ đào than, cho đời lửa sống/ Được bay bổng cùng Hạ Long thơ mộng?*”.

Cũng do ấn tượng sâu đậm mạnh mẽ với quê hương biển đảo đất nước, vào những ngày cuối đời, Tổ Hữu đã đưa ra những dự cảm linh diệu về viễn cảnh rực rỡ của một biển Đông tuyệt đẹp. Quốc gia biển Việt Nam hùng cường sẽ tỏa sáng trên Thái Bình Dương - dầu khí đồ khơi xa hòa sắc quốc kỳ “*in máu chiến thắng mang hồn nước*”:

*Nối đuôi nhau, những con tàu phấp phới lá cờ ta
Vượt sóng lớn, ra khắp đại dương hùng vĩ.*

(*Cảm nghĩ đầu xuân 2002*)

Tổ Hữu từng yêu quê hương vùng bán sơn địa ngạt ngào hương sắc “*Rừng vàng biết mấy mà cân/ Núi đồi hương quế, hương*

trầm bay quanh” (*Như Xuân*), nhà thơ cũng khát vọng quê hương biển đảo sẽ hiện thực hóa kho “*biển bạc*” cho sự giàu mạnh của đất nước.

Ta có thể thâu tóm ở đây đôi điều về tâm hồn một nhà thơ lớn.

Quê hương là những gì cụ thể qua con mắt nhìn: “*là chùm khế ngọt*”, “*là con đò nhỏ*”... và cả những gì cảm nhận mơ hồ mà thắm đượm - “*là hương hoa đồng nội*” bay trong giấc ngủ như sự vỗ về êm dịu, “*là vòng tay ấm*” giữa đêm mưa giá lạnh như sự chờ che ấm áp (Đỗ Trung Quân). Tình quê hương có lúc đắm thắm, ngọt ngào, cũng có khi đờn đau, chua xót: *Núi Đồi* - Vũ Cao, *Quê hương* - Giang Nam.

Thơ Tổ Hữu xem ra có tất cả những điều đó, và còn có thêm, có khác đôi điều, cần được nhấn mạnh.

Nhà thơ đã đưa ra một *định nghĩa kép*, một *hàm nghĩa* đan lồng nhuần nhuyễn:

1. Quê hương - vùng quê sinh sống hay *vùng quê tình cảm*, đồng thời là vùng quê sáng tác, tức *vùng quê nghệ thuật*.
2. Quê hương - *Đất nước*, *Tình yêu quê* - *Lòng yêu nước*.

Đó là đặc điểm *trữ tình chính trị* hay *trữ tình công dân* của thơ Tổ Hữu.

Hãy đọc *Trên đường thiên lý*: “*Quê hương ta. Nghe phấp phới trong lòng... Ôi Tổ quốc! Đơn sơ mà lòng lấy!*”. Cái đẹp đặc sắc ở đây mang dáng vẻ mỹ lệ truyền thống: “*Nghìn năm cũ đang hồi xuân thắm lại*”, cũng như ở *Xuân sớm*: “*Như nghìn năm đẹp nét xuân xưa*”. Thơ Tổ Hữu nêu cái đẹp hào hùng lịch sử: “*Quê hương ta ơi! Có ai ngờ/ Mỗi dòng kênh đó, bờ tre đó/ Máu đã rơi nhiều, đỏ ước mơ*”.

Mãi tranh nhưng, như câu ca, phải “ngắm bao mưa nắng mà thành quê hương”. Quê hương là sự trải nghiệm cuộc đời cũng là truyền thống lịch sử. Tổ Hữu hơn ai hết, tôn vinh đặc biệt truyền thống miền đất mang khí thế hào hùng “Ôi quê ta rất anh hùng! Nước non đâu cũng trùng trùng tiến quân” (*Chuyện em*), con người với vẻ đẹp anh dũng “Thửa Thiên, đẹp cảnh, đẹp người/ Núi xanh khí phách, biển ngời sức xuân” (*Bài ca quê hương*). Bất kỳ thời nào “vắt đất ra nước thay trời làm mưa” cũng là truyền thống lao động dũng cảm Việt Nam “Người quyết thắng, trời phải thua/ Có ai ra chợ mà mua anh hùng?” (*Hoàng Hóa*).

Có câu ca đã đi cùng năm tháng: “Quê hương nếu ai không nhớ/ Sẽ không lớn nổi thành người”. Đạo lý dân tộc ấy cần được bổ sung thêm đạo lý cách mạng. Muốn thành người tử tế, người lớn - tức “làm người”, “ở đời” trong xã hội mới, thời đại mới như lời dạy của Bác Hồ, cần thương nhớ, mến yêu, còn cần phải biết ơn đáp nghĩa, tin tưởng, hy vọng mãnh liệt; đặc biệt phải nỗ lực sáng tạo, tận hiến cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng phát triển quê hương đất nước.

Đó chính là *thông điệp tâm huyết* mà thơ Tố Hữu muốn gửi cho tất cả. Có mạch ngầm văn bản ẩn tàng xuyên suốt từ lâu lắm. Từ *Dậy lên thanh niên* với đề từ *Lời Tổ quốc* và *Đi để Tặng bạn trẻ* - nhà thơ lớn như muốn đặc biệt gửi tặng và kỳ vọng thiết tha những chủ nhân quả cảm giàu “hùng khí” phấn đấu quyết liệt vì *mục tiêu độc lập tự do hạnh phúc* cho sự nghiệp chung đất nước núi sông hùng vĩ. Như tâm nguyện *Cảm nghĩ đầu xuân 2002*:

Cho Tổ quốc mai sau lên tuyến đầu nhân loại.

“TRĂM NĂM DUYÊN KIẾP ĐẢNG VÀ THƠ!”^(*)

THƠ VIẾT VỀ ĐẢNG LÀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐẶC SẮC CỦA THƠ CA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Đảng là một tổ chức chính trị - thơ viết về Đảng là thơ chính trị. Vậy mà trong thực tiễn sáng tác, Đảng lại là một nguồn thi hứng, một đề tài hấp dẫn. Bởi một hiện thực tâm hồn hiển nhiên. Đảng đã nằm trong trái tim khối óc, trong tình cảm và suy nghĩ của dân ta.

Chỉ nhìn qua các tập thơ có nhan đề thơ Tố Hữu: *Ba mươi năm đời ta có Đảng* của nhiều nhà xuất bản trong những năm 60, *Với Đảng, mùa Xuân*, Nhà xuất bản *Tác phẩm mới* - 1983, Nhà xuất bản Hội Văn học Nghệ thuật Hà Tây - 2000. Nhiều tập hàng trăm trang. Thơ viết về Đảng là đề tài thu hút được tâm hồn thơ của nhiều thành phần: Từ lãnh tụ, chiến sĩ cách mạng Hồ Chí Minh, Sóng Hồng, Tố Hữu, Xuân Thủy... đến các nhà thơ mọi thế hệ: lớp xuất thân thi sĩ “tiền chiến” thành danh như Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Tế Hanh, Lưu Trọng Lư, Anh Thơ,... lớp xuất hiện trong hai cuộc kháng chiến cũng nổi tiếng như Hoàng Trung Thông, Nguyễn Đình Thi, Chính Hữu, Thanh Hải, Giang Nam, Thu Bồn, Nguyễn Khoa Điềm, Phạm Tiến Duật,...

(*) Trả lời phỏng vấn *Đài Tiếng nói Việt Nam*, 10/2010.

Ngoài ra là lớp nhà thơ trẻ từ năm 1975. Chỉ một trường hợp Hồ Bá Thâm gần đây ta thấy rõ ý thức và tình cảm đặc sắc qua *Chùm thơ Đảng của mùa xuân* làm mừng ngày kỷ niệm Đảng và chào mừng các Đại hội Đảng trong các năm 1986, 1996, 2001, 2004, 2006.

Còn có nhiều tầng lớp nhân dân: “*Có thơ của những người không chuyên cầm bút: nhiều bài thơ không rõ tác giả hoặc mang một cái tên không là ai cả: dân tộc Khmer, dân tộc Cà Tu... Có những cái tên còn nguyên vị dân dã, tên riêng mà lẫn vào đời chung: bà cụ Hai chòm Gấm, ông Năm xóm Chùa...*”. Đó là ý của Vũ Quần Phương trong bài viết *Những bài thơ về Đảng*.

Vậy là chỉ nhìn qua đội ngũ tác giả đã thấy tính phổ cập, tính nhân dân của đề tài Đảng. Nói cách khác, thơ về Đảng là thơ *trữ tình cách mạng* đích thực.

TỔ HỮU - NGƯỜI LÀM THƠ NHIỀU NHẤT, HAY NHẤT VỀ ĐẢNG

Có thể nói, Tố Hữu là nhà thơ viết về Đảng nhiều nhất.

Mười bảy tuổi dẫn thân hoạt động cách mạng, người thanh niên cộng sản đã viết *Từ ấy* như một tuyên ngôn lý tưởng Đảng.

*Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lý chói qua tim.*

Làm thơ trực tiếp về Đảng chỉ có mấy bài: *Ba mươi năm đời ta có Đảng* (1960), *Với Đảng, mùa xuân* (1977), *Một nhánh xuân* (1980) với đề từ *Tặng Đảng thân yêu tròn năm mươi tuổi*, và *Đảng và thơ* (1987) kỷ niệm năm mươi năm cuộc đời cách mạng và thơ. Tuy nhiên, nói về Đảng còn trong nhiều bài thơ khác. Như thơ viết về Bác Hồ, về Lênin, về các lãnh tụ cách mạng, anh hùng liệt sĩ... Về những kỷ niệm riêng cũng có hình ảnh Đảng. Ở *Quê mẹ* (1955): “*Mẹ không còn nữa, con còn Đảng/ Dìu dắt khi con chưa*

biết gì”, ở *Từ đêm nay* (1958): “*Đảng của ta/ Ta yêu người mãi mãi*”. Sự nghiệp chính là một duyên kiếp đẹp: “*Rằng: Thơ với Đảng nặng duyên tơ*” (*Chuyện thơ* - 1967). Có một mảng thơ xuân, từ những năm 60 cho đến cuối đời, luôn là sự gắn kết, giao hòa Đảng và mùa xuân: *Chào xuân 67* (1967), *Bài ca xuân 68* (1968), *Bài ca xuân 71* (1971), *Chào năm 2000* (1991), *Chào mừng năm 2000* (2000).

Có thể nói Đảng đã “có mặt” trên suốt hành trình thơ Tố Hữu, là một đề tài chủ đề thường trực trong sáng tác của nhà thơ lớn.

Lý tưởng Đảng - lý tưởng cộng sản - chiếm lĩnh tuyệt đối tâm hồn nhà thơ suốt một đời hoạt động cách mạng. Viết về Đảng là một nhu cầu, một thôi thúc mạnh mẽ, thường xuyên có tính chất tự thân của nhà thơ. Bởi *Đảng nằm trong con người Tố Hữu, Đảng là Tố Hữu*, có thể nói như vậy.

Tố Hữu chiếm quán quân về số lượng sáng tác thơ về Đảng (khoảng 25 bài theo tiêu chí trên). Tuy nhiên điều đáng nói nữa, quan trọng hơn là ông đã viết về Đảng với tài năng bậc thầy: Thơ có chất lượng nghệ thuật cao.

Như vậy cũng có thể nói Tố Hữu là người viết thơ về Đảng nhiều nhất và hay nhất.

ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT THƠ TỐ HỮU VIẾT VỀ ĐẢNG

Thơ viết về Đảng phong phú về bút pháp, phong cách, do đó mang nhiều vẻ đẹp khác nhau.

Chế Lan Viên gần gũi với Tố Hữu ở giọng điệu hào sảng nhưng có những suy tư trí tuệ độc đáo: “*Hình của Đảng lồng trong hình của nước*”, “*Buổi đất nước của Hùng Vương có Đảng/ Mỗi người dân đều được thấy Bác Hồ*”. Giàu triết lý và tình cảm là cách định nghĩa *Đảng* của Việt Phương: “*Đảng là sức đau tận cùng nỗi đau người nghèo khổ/ Sức dâng của nước và sức bùng của lửa/ Đảng là chuỗi hy sinh nhận từ buổi đầu*”. Tố Hữu nói về công ơn “*Đảng cho ta trái tim*

giàu” và đầy đủ hơn “Một linh hồn và một trái tim/ Biết lẽ phải, biết yêu thương căm giận/ Biết đi tới và làm nên thắng trận” một cách tổng hợp, khái quát trong khi Xuân Diệu chân thành giải bày cụ thể cái ân nghĩa của riêng mình: “Trong đời cũ trái tim ngoài ngực... Đảng đã cho tôi xương sống của tâm hồn”; Phạm Hồ lại có cái thấm thía, xót xa liên hệ “mỗi khi lòng xa Đảng” khác nào “giọt máu sẽ bám đen” khi lìa khỏi trái tim. Nhiều ý tưởng lớn đã gặp nhau qua hình ảnh đẹp về Đảng với những vần thơ cảm động, chân tình.

Tố Hữu khác người chủ yếu vì nhà thơ thể hiện một cách *tập trung và đẹp toàn diện*, sức mạnh tổng hợp của hình tượng Đảng. Và bao trùm là một phong cách độc đáo giàu thẩm mỹ với *thể tài trữ tình lịch sử - dân tộc* giàu sáng tạo.

Cảm hứng chủ đạo - *cảm hứng sử thi* như nét phong cách nổi bật của Tố Hữu cũng được thể hiện trong thơ về Đảng.

Hơn nhiều nhà thơ cùng thế hệ, Tố Hữu đã xây dựng ở mức độ hoàn chỉnh *hình tượng Đảng*. Đảng như một nhân vật thẩm mỹ tượng trưng cho một tập thể mang tư thế, tầm vóc lớn lao. Đó là nhân vật có những nét kỳ vĩ:

Đảng ta đó, trăm tay nghìn mắt

Đảng ta đây, xương sắt da đồng.

(Ba mươi năm đời ta có Đảng)

Là hiện thân trí tuệ, tài năng và tình cảm tuyệt vời, Đảng có tiếng nói quyền uy “Lời Đảng gọi vang to khắp nước/ Núi sông nghe chân bước trước sau”, “Lời Đảng gọi một ngày sấm nổ/ Biển người dâng ngập phố, ngập đồng”...

Sự nghiệp của Đảng, công lao của Đảng là cực kỳ lớn lao, “vĩ đại”. Độc lập, Tự do, Hạnh phúc là thành quả hiện thực mà thiêng liêng biết bao “Lại hồi sinh, trả lại cho ta/ Trời cao đất rộng bao la/ Bát cơm tấm áo, hương hoa hồn người”. Lá cờ búa liềm là một biểu tượng tuyệt đẹp “Mặt trời kia, Cờ Đảng giương cao!” (*Ba mươi năm đời ta có Đảng*).

Với *cảm quan lịch sử* sâu sắc, nhà thơ nhận rõ sức mạnh của Đảng như sự tiếp thụ và phát huy truyền thống “Cảm ơn Đảng đã cho ta dòng sữa/ Bốn nghìn năm chan chứa ân tình/ Lấy nhân nghĩa thắng hung tàn bạo chúa...”. Đồng thời là sự vũ trang tinh thần tiến công mãnh liệt của thác lũ cách mạng thời đại “Mác - Lênin, vinh viễn mặt trời/ Giữa mây đục càng sáng ngời chân lý” (*Chào xuân 67*).

Mạnh về tình cảm là *giọng điệu ân tình tha thiết* cũng được thể hiện rõ. Trong các mối quan hệ lớn lao như Đảng với Bác: “Bạc phơ mái tóc người Cha/ Ba mươi năm Đảng nở hoa tặng Người”, Đảng với Dân: “Chín năm nắng núi mưa ngàn/ Nắng mưa có Đảng, cơ hàn có nhau...”. Và thật cảm động là sự diễn tả lòng thương yêu, tình ân nghĩa, đức hy sinh cao cả của trái tim quần chúng cách mạng: “Ôn người như mẹ, như cha/ Lòng dân yêu Đảng như là yêu con!... Dù khi tắt lửa tối trời/ Vững lòng quyết sống, không rời Đảng ta/ Dù khi giặc khải giặc tra/ Cần răng thà chết không xa Đảng mình”. Đây là những vần thơ thẩm thiết nghĩa Đảng, tình Dân trong bài ca về lịch sử *Ba mươi năm đời ta có Đảng* mang thiên hướng khái quát. Ở những bức chân dung con người bình thường, Tố Hữu cũng rất thành công khi khắc họa người anh hùng quần chúng *Mẹ Tơm*: “Thương người cộng sản, căm Tây - Nhật/ Buồng Mẹ - buồng tim - giấu chúng con”.

Nét phong cách *sử thi - trữ tình dân tộc* độc đáo giàu giá trị thẩm mỹ là sức mạnh nổi bật của Tố Hữu trong sáng tạo nghệ thuật thơ nói chung và thơ về Đảng nói riêng.

ĐỌC THƠ VỀ ĐẢNG CỦA TỐ HỮU ĐỌC LỜI NHẮN GỬI TÂM HUYẾT NHẤT

Những năm hoạt động cách mạng đầu đời và sau này khi đã ở những cương vị lãnh đạo Đảng - thậm chí vị trí quyền lực cao nhất, ta thấy thơ về Đảng của Tố Hữu thường mang ý nghĩa tuyên

ngôn. Là tuyên ngôn cá nhân người chiến sĩ cách mạng và tuyên ngôn lý tưởng của Đảng.

Qua hình ảnh Đảng, nhà thơ thể hiện rõ nhận thức, tình cảm đối với Đảng, mối quan hệ Đảng và quần chúng cách mạng, ý Đảng, lòng dân. Đảng là niềm tự hào, tin yêu, cảm phục lớn cũng là nguồn sức mạnh tinh thần lớn lao vẫy gọi lương tâm và trí tuệ.

Ở chặng đường thơ những năm cuối đời *Một tiếng đồn, Ta với ta* là những nỗi niềm, tâm sự, chí hướng có phần đổi mới. Sự nghiệp của Đảng vẫn là niềm tự hào của cách mạng, của đất nước nhưng được nhận thức cập nhật hơn, thích ứng với thời cuộc chung. Tố Hữu từng tôn vinh hình ảnh Đảng như một “thiên thần” cách mạng “*Đảng ta đó, trăm tay nghìn mắt/ Đảng ta đây, xương sắt da đồng...*”. Nhà thơ đã từng nêu vai trò “*Chỉ có nhân dân - thần thánh*” giờ đây như chiêm nghiệm lại sâu sắc trí tuệ của quần chúng qua hàng loạt những kiểm chứng thực sự trong lao động sáng tạo thời đổi mới hoặc suy tưởng lịch sử. Cuộc đối thoại qua hai nhân vật - chủ tướng trác tuyệt Hưng Đạo Vương và người lao động bình thường bà hàng nước, làm nổi bật cái trí lực tuyệt vời của người dân - như một nhà tham mưu lớn. Bà mẹ quê trở thành “*Tiên Phật*” được tôn thờ làm “*Vua Bà*” (*Hưng Đạo Vương và bà hàng nước* - 1999). Năm 2001, *Trước tượng Trần Hưng Đạo*, nhà thơ gửi gắm ý tưởng của Đại Nguyên Soái cho chúng ta, cho cả những nhà lãnh đạo cao cấp hôm nay. Thời chiến “*Cùng dân chia gian lao*”, “*Giặc tan, cùng dân làm bạn*”.

Tố Hữu thường nhớ tới các lãnh tụ Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn và nhất là lãnh tụ tối cao Hồ Chí Minh. Nói về Bác cũng tức là nói về Đảng. *Chào Xuân 99*, Tố Hữu nhắc “*Bác ra đi, để lời Di chúc*” với ba ý chính, coi như ba “bầu bới”: “*Đoàn kết*”, “*Trọng đức tài*”, “*Vì nhân dân*”. Một lần nữa nhà thơ nhắc lại ý của lãnh tụ “*Lịch sử của Đảng là một pho lịch sử bằng vàng*” với lời tôn vinh cao nhất, như một định nghĩa nguyên vẹn giá trị xưa - nay “*Đảng của ta, tinh hoa*

dân tộc”. Nhưng ngày hôm nay cũng đang đặt ra một thách thức lớn theo yêu cầu của *Di chúc*: *Trước hết nói về Đảng*. Đó là một nội dung cơ bản, thiết yếu bậc nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh: “*Đoàn kết... thực hiện dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình*”. Tố Hữu không giấu nỗi buồn bực, những “*khắc khoải*” “*lo âu*” về thời cuộc “*đào điền, thiên hạ*” về những tiêu cực xã hội như mặt trái của cơ chế thị trường, của nạn “*nội xâm*” làm xuống cấp đạo đức nghiêm trọng. Nhà thơ đã có câu thơ như lời tự kiểm cũng là lời phê bình công khai “*Có thể đôi lần, mắt ta lạc lối*” (*Anh cùng em*) cho những sai lầm, va vấp ở cấp vĩ mô. Trong thơ không chỉ có tâm sự, có nỗi niềm của trái tim nổi giận “*Ôi! Đời vẫn còn rơi nước mắt/ Bao bất công đau thắt lòng ta/ Sao lắm kẻ gian tà giấu mặt/ Vàng đầy kho, gạo nghề, xa hoa!*” (*Cho xuân hạnh phúc đến muôn người*). Còn có lời nhắc nhở thân tình mà nghiêm khắc, trên tình đồng chí cách mạng “*Chú không lờ kia, rời Đất mẹ/ Còn đâu sức mạnh, vững bàn chân?/ Chờ tưởng dân hiền là đại bé/ Nỗi đau bùng tỉnh, hóa thiên thần!*”. Nghe như có cả ý tưởng xa xưa của Nguyễn Trãi: Chờ thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân. Nhất quán và mạnh mẽ hơn bao giờ hết là quan điểm *vì dân, do dân* của Tố Hữu.

Để giữ được Đảng là “*tinh hoa dân tộc*”, để xứng danh “*là đạo đức, là văn minh*” phải dùng phép nhiệm màu tư tưởng Hồ Chí Minh về “*xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh*”. Phải chăng đây là lời nhắn gửi lớn nhất, quý giá nhất cho Đảng.

Phủi bụi mờ, hồng ngọc tươi nguyên.

Hôm nay đây, chúng ta như thấy Tố Hữu đang cùng đồng bào, đồng chí đóng góp trí tuệ cho cương lĩnh Đại hội Đảng trong mùa xuân “*Thế kỷ rồng bay*”.

NGHỆ THUẬT TRONG MẤY TẬP THƠ DÂNG BÁC^(*)

(Đọc lại *Bác Hồ* của Tố Hữu
và *Hoa trước lăng Người* của Chế Lan Viên)

Thơ viết về Bác xưa nay nhiều vô kể. Nhà thơ viết về Bác như một nhu cầu, một thôi thúc tình cảm hồn nhiên và thiêng liêng. Hiện tượng viết nhiều về Bác không phải là cá biệt. Mỗi người như luôn luôn tự vượt lên chính mình và “chạy đua” thâm lặng với bề bạn trong khát khao lớn chiếm lĩnh nghệ thuật tối đa đối tượng thẩm mỹ tuyệt vời Hồ Chí Minh. Tố Hữu với *Bác Hồ* và Chế Lan Viên với *Hoa trước lăng Người* là hai nhà thơ rất tiêu biểu. Nếu nhất trí có ba khuynh hướng chính thể hiện Bác Hồ thì đây đã là hai. Tố Hữu nêu cùng một lúc cả hai phương diện *bình thường* và *vĩ đại* để thể hiện cái hài hòa tuyệt diệu trong nhân cách Bác Hồ. Chế Lan Viên trong cố gắng khắc họa phẩm chất toàn vẹn vẫn thiên về thể hiện nét vĩ đại của vẻ đẹp kỳ vĩ Hồ Chí Minh. Có sự thể hiện vĩ đại nhưng lại thông qua cái bình thường (đúng hơn, bình thường mà vĩ đại). Đó lại là khuynh hướng khác. Minh Huệ với *Đêm nay Bác không ngủ*, *Vết bùn áo cha*. Việt Phương với *Muôn vàn tình thương yêu trùm lên khắp quê hương*...

(*) Tuần báo *Văn nghệ*, số 15/5/1993.

Thơ viết về Bác Hồ của Tố Hữu và Chế Lan Viên là biên niên sử bằng thơ, nhiều bài hết sức kịp thời theo sát vết nóng bỏng của sự kiện vừa mang tính thời sự, vừa giữ được tính thời đại sâu sắc, là những tác phẩm mang đậm chất sử thi của văn học một thời. Hầu như sau này, trong xu thế chung hướng vào thể tài thể sự - đạo đức, đi sâu hơn vào con người trong muôn mặt đời thường, cả hai nhà thơ đều viết rất ít thơ trọn vẹn về Bác Hồ. *Chùa Hương* của Tố Hữu gợi thoáng hình ảnh Bác Hồ trong rừng mơ nhưng đó cũng là bút pháp quen thuộc còn giàu chất sử thi: “*Dấu hương Người quỳen sương Hương Tích/ Ngân tiếng chuông đồng vọng tiếng Tâm...*”.

Có thể Tố Hữu còn viết về Bác. Nhưng chắc chắn nhà thơ “*sẽ viết khác những cái đã viết rồi*” như lời tâm sự gần đây (Xem *Yêu Bác lòng ta trong sáng hơn* - báo *Văn nghệ*, ngày 19/5/1990).

Bác Hồ và *Hoa trước lăng Người* là những tác phẩm mang dấu ấn lịch sử rõ nét, là những vẻ đẹp đặc sắc một đi không trở lại.

Sáng tháng Năm có vị trí đặc biệt trong mấy bài thơ hay nhất viết về Bác của Tố Hữu. Thành công chủ yếu ở đây là sự khắc họa thêm phẩm chất cơ bản của lãnh tụ cách mạng kiểu mới. Ở *Hồ Chí Minh*, ta có hình ảnh được chiếu rọi bằng ánh sáng “dân tộc”, còn ở *Sáng tháng Năm*, ta có bức chân dung ngồi lên dưới ánh sáng “nhân dân - quần chúng”.

Do thiên hướng khái quát mạnh, Tố Hữu đã sớm sử thi hóa sự vật, hiện tượng. Thủ pháp cách điệu, lối xây dựng hình ảnh tượng trưng, cảm hứng anh hùng đã phục vụ cho khuynh hướng sử thi - trữ tình nổi bật ở *Theo chân Bác*. Có thể coi *Theo chân Bác* là bài thơ tổng hợp được những tâm tư, cảm xúc về nhiều vấn đề lớn của cách mạng, của dân tộc trong thời đại, đồng thời với hình tượng toàn vẹn về Hồ Chủ tịch, về cuộc đời cách mạng, thiên tài và đạo đức người sáng của vĩ nhân.

Theo chân Bác xứng đáng là một bài thơ lớn, là một đỉnh cao cả tư tưởng, nghệ thuật thơ Tố Hữu.

Với *Người đi tìm Hình của Nước* - một bài thơ đặc sắc - Chế Lan Viên ca ngợi sự tìm đường cách mạng của Bác Hồ cũng là ca ngợi thiên tài, trí tuệ tuyệt vời của lãnh tụ. Trên con đường đi tìm chân lý, cách mạng của Bác nổi bật bước đường tư tưởng, sự chuyển biến từ tấm lòng yêu nước đến lý tưởng cách mạng chân chính trong thời đại. *Người đi tìm Hình của Nước* là sự phát hiện cái đại dũng, đại trí hay cái anh hùng và trí tuệ, theo quan niệm về con người vĩ nhân của Chế Lan Viên. Đó là hai nét hội tụ, hài hòa trong hình tượng vĩ nhân - anh hùng dân tộc. Đây là “vĩ nhân đẻ ra đời” đồng thời cũng là “Vĩ nhân đẻ ra sách” (xem Chế Lan Viên: *Sen của loài người* - tùy bút). Bài thơ là sự kết hợp chặt chẽ giữa tính chân thật lịch sử và cái tưởng tượng phong phú, liên tưởng đột xuất của tư duy và cảm xúc. Thủ pháp đối lập, tương phản hài hòa được vận dụng xuất sắc không chỉ trên hình ảnh, ngôn ngữ mà chủ yếu là ở tứ thơ độc đáo: *người đi tìm kiếm* cũng là người *phát hiện*, tạo ra hình hài một đất nước mới.

Người thay đổi đời tôi, Người thay đổi thơ tôi là bài thơ có cái đặc sắc đáng kể. Lần này, đi sâu vào số phận một con người cũng là số phận một lớp người, Chế Lan Viên ca ngợi sự vĩ đại của lãnh tụ một cách khác. Lối nói mang cảm thụ cá nhân biết bao thấm thía. Chế Lan Viên nhìn lại mình, xúc động đối chiếu với cuộc đời cao đẹp của Bác. Sự so sánh giữa hai phạm trù đối lập Đại - Giác - Ngộ và Vô - Ý - Thức, cái vĩ đại, cao cả và cái nhỏ bé làm bật lên ý nghĩa sâu xa mà lại có sức truyền cảm lớn “*Một buổi sáng, nhìn lòng ta, ta thấy Bác. Nước mắt ràn, ta cảm hết ớn sâu*”. Khá nhiều đoạn thơ, bài thơ đặc sắc khác của Chế Lan Viên viết về Bác: *Ta nhận vào ta phẩm chất của Người, Bế và Người* - Cùng với tình cảm thiết tha, nồng hậu là trí tuệ sắc sảo, uyên bác. Và cùng với khuynh hướng triết luận nổi bật, vẻ đẹp trí tuệ trong thơ cũng càng rõ nét. Nếu Tố Hữu thành công xuất sắc khi xây dựng hình tượng Bác Hồ như

hiện thân của chủ nghĩa nhân văn cộng sản Việt Nam, thì Chế Lan Viên lại có thành tựu xuất sắc khi xây dựng Bác Hồ như biểu tượng của lý trí trác tuyệt. Tất nhiên đó là do hai phong cách khác nhau. Chế Lan Viên thường tập trung đặc tả Bác Hồ trong chân dung một nhà chiến lược, một nhà hiền triết, một nhà tư tưởng vĩ đại cùng với hình ảnh Bác Hồ người cha, Bác Hồ người ông, Bác Hồ người trồng cây...

Cảm xúc về Bác thường gắn với cảm xúc về Đảng, về Tổ quốc, Nhân dân. Hình ảnh Bác Hồ, Đảng, Tổ quốc Việt Nam là những hình ảnh thiêng liêng nhất của thơ Chế Lan Viên, Tố Hữu. Bác Hồ còn được chiêm nghiệm trong “*thế giới người Hiền*”, trong cảm hứng về lãnh tụ, về vĩ nhân.

Khi thể hiện tính cách Bác Hồ, Tố Hữu viết câu thơ nổi tiếng: “*Ôi người cha đôi mắt mẹ hiền sao*”. Chế Lan Viên phát triển ý thơ thành một hình tượng theo cách nói tư duy triết luận. Yêu dân, lo cho dân, trải từng gian khổ với dân “*Mưa trăm ly, Bác phải lội bùn*”; theo sát vận mệnh con người: “*Ai biết những đêm dài của Bác/ Một loạt súng Miền Nam đều làm Người trở giấc*”. Nhà thơ có một cách so sánh đặc biệt cũng là hình tượng hóa Bác Hồ: “*Người mẹ già lo cho ta từ áo mặc cơm ăn*”. Bác Hồ - Người Mẹ, hình tượng cao đẹp ấy sẽ còn mãi trong tâm hồn con người Việt Nam. Hình như người gánh chịu, hy sinh, vị tha nhất là bà mẹ, đặc biệt là bà mẹ Việt Nam? Chế Lan Viên đã biết đúc kết cảm nhận đôn hậu ấy trong hình tượng có tính sáng tạo.

Cái tôi trữ tình của các nhà thơ cùng thể hiện một đối tượng xác định đã tạo nên nhân vật trữ tình không giống nhau mặc dầu có thể đều giống với nguyên mẫu.

Cái tôi Tố Hữu luôn luôn chân thật, đậm thấm - cái tôi tác giả được nghệ thuật hóa. Cái tôi trữ tình ấy vẫn là *cái ta*, chủ yếu ẩn đằng sau nhân vật trữ tình. Tình cảm cá nhân dạt dào nhưng cứ

như tan biến vào cảnh chung: “*Bắt tay Bác tiễn ra về. Nhớ hoài buổi sáng mùa hè chiến khu*”.

Khi xây dựng hình tượng Bác Hồ trong thơ, Chế Lan Viên thể hiện một cảm xúc chủ quan rất mạnh, cái tôi trữ tình đan lồng vào nhân vật trữ tình. Bác ra đi, Chế Lan Viên nhập ngay vào con sóng dưới chân tàu bốn ba khắp đại dương theo hành trình của Bác. Ở *Người đi tìm Hình của Nước, Người thay đổi đời tôi, Người thay đổi thơ tôi* có lối tư duy độc đáo luôn đối chiếu chủ thể và khách thể, đối chọi con người nhỏ bé cá nhân và tầm vóc cao vợi lãnh tụ, so sánh diễn biến nội tâm bản thân và phát triển tư tưởng của Bác. *Bế và Người* lại là một kiểu phát triển chủ quan tâm hồn Chế Lan Viên.

Cấu tứ thơ Tố Hữu thường giản dị, tự nhiên, tạo nên cái cốt lõi cảm xúc cũng là ý tưởng cơ bản. Trừ *Theo chân Bác* chứa đựng phong phú nhiều tứ thơ nhỏ, *Sáng tháng Năm, Bác ơi* mang những cấu tứ bình dị, hàm súc: cuộc gặp gỡ tiếp xúc, sự giao lưu truyền cảm hai tâm hồn, nỗi đau, riêng và niềm xót thương chung vô hạn. Cả hai đều nương theo logic tự nhiên của tình cảm, như sự trải rộng tâm hồn, hơi thơ liến mạch. *Cánh chim không mỏi* mang tứ thơ quen thuộc, truyền thống mà hiện đại. Phong cách trí tuệ, màu sắc duy lý Chế Lan Viên thể hiện rõ trước hết ở những tứ thơ tình táo và đa dạng nhằm diễn đạt những tình cảm, suy tư tinh tế, góc cạnh *Người đi tìm Hình của Nước, Cách mạng, chương đầu* bám vào những thời điểm mấu chốt, từ đó triển khai dòng suy tưởng. Có lúc khả năng phân tích lại còn được vận dụng đặc lực để tạo nên một cấu tứ rất trí tuệ. Hình tượng Bác Hồ được nhìn nhận từ nhiều góc độ, từ nhiều bình diện, trong nhiều mối quan hệ để đi đến một ý niệm toàn vẹn, một suy tưởng hoàn chỉnh về tính kết tinh của phẩm cách Bác Hồ: *Ta nhận vào ta phẩm chất của Người*.

Thủ pháp cách điệu cũng đa dạng: trên một tứ thơ về cơ bản gắn gũi nhau, mỗi người mỗi cảm xúc, suy tưởng.

Tố Hữu bình dị sâu lắng:

*Bác ngồi đó lớn menh mông
Trời xanh biển rộng, ruộng đồng nước non.*

(*Sáng tháng Năm*)

Trong khi Xuân Diệu có kiểu kỳ vĩ hóa:

*Cụ Hồ đã hóa làm sông núi
Mỗi nét lông mày, mỗi nét non.*

(*Ảnh Cụ Hồ*)

Còn Chế Lan Viên:

*Ta lẫn Bác với màu trời và giọt lệ
Với hương mộc trong đêm và lộc non trên nhánh
Ngọn xuôi reo. Nghe như tiếng Bác cười
Và ta đi giữa Non sông và Trang viết của Người.*

(*Đọc văn Người*)

Trên khuynh hướng hình tượng hóa, thể hiện Bác thành con người hoàn mỹ với tất cả phẩm chất cao đẹp tuyệt vời, Tố Hữu thường xuyên xây dựng và phát triển những chi tiết, những hình ảnh nghệ thuật chân thật cao độ, giản dị mà kỳ vĩ trong âm hưởng trữ tình - hùng tráng. Tầm cỡ của Bác được nâng dần lên theo tầm vóc dân tộc và đất nước bằng những cách điệu mang ý nghĩa khác nhau. Chiếc áo vải nâu sòng giản dị như màu đồng ruộng quê hương nhiều lần xuất hiện trong thơ, khi mang tính hiện thực của trần thuật, khi mang tính tượng trưng của biện pháp lý tưởng hóa “*Mong manh áo vải hồn muôn trượng/ Hơn tượng đồng phơi những lối mòn*”. Chiếc áo trở nên lung linh, cao đẹp kỳ lạ, được sử thi hóa theo phong cách Tố Hữu.

Sinh thời Bác Hồ cả Tố Hữu và Chế Lan Viên đều đã có nhiều bài thơ hay viết về Bác. Ngày Bác ra đi, các nhà thơ như thấy có

trách nhiệm phải dựng lại đầy đủ một cuộc đời vĩ đại trong một quy mô nghệ thuật mới. Trong nỗi đau vô hạn, Tố Hữu có thơ viếng Bác. *Bác ơi* và sau đó không lâu, thêm một tác phẩm lớn cho Đài tưởng niệm thơ Bác Hồ: trường ca *Theo chân Bác*. Chế Lan Viên có lẽ vẫn là người dành nhiều sức lực, tâm huyết nhất để đầu tư cho những công trình thơ về Bác. *Hoa trước lăng Người* có những phần thơ nằm trong những sáng tác hứa hẹn có quy mô trường ca, có bài đã là bản trường ca: *Cách mạng, chương đầu*, gồm 7 đoạn, 43 khổ, 172 dòng. Trong *Theo chân Bác* ở một số văn cảnh, Tố Hữu có chủ định dẫn lại một số thơ của Bác để nói lên một cách tốt nhất, hay nhất tâm hồn Người. Thơ Chế Lan Viên viết về Bác, bên cạnh loại có quy mô hoành tráng nói trên, lại có chùm tứ tuyệt. Đó cũng không phải là ngẫu nhiên. Dùng thể thơ mà Bác Hồ đã dùng một cách điêu luyện và uyển chuyển trong *Nhật ký trong tù*, nhà thơ như muốn đạt đến cái hàm súc cao độ, cái hình thức chân lý trong khuôn khổ này để nói lên cái giản dị mà thâm sâu của Bác “*Là chân lý, Bác chẳng nói nhiều hơn chân lý*”. Có lẽ Chế Lan Viên đồng cảm với Tố Hữu khi nghĩ rằng cốt cách của Bác là Đường thi. Chùm thơ này vì vậy tạo phong vị cốt cách ấy.

Các bản trường ca về Bác thường dựa vào tiến trình lịch sử, nổi bật yếu tố tự sự. Thanh Tịnh kể thừa dấp dấp diễn ca cổ truyền dân tộc để biểu hiện sử thi mới. Đào Anh Kha nghiêng hẳn về thủ pháp biểu hiện hiện đại trong thể thơ tự do, bám sát các sự kiện lịch sử. Đi theo trục dọc thời gian, Tố Hữu không chỉ thể hiện những bước đường cách mạng của Bác mà còn khắc họa nổi bật tâm hồn, tính cách, tô đậm hoàn chỉnh nét phẩm chất vĩ đại Bác Hồ. Chế Lan Viên cũng có nét tương tự, không hoàn toàn lệ thuộc vào loại trường ca theo lối biên niên thuần túy. Nhà thơ chỉ dựng không khí lịch sử mà không nhằm tái hiện lịch sử như nó vốn có. Lịch sử là cái nền và logic tâm lý đan kết. Trên “trục dọc” thời gian, tác giả luôn dừng lại ở “trục ngang” sự kiện, hiện diện như chủ thể đứng ở thời điểm hôm nay để triển khai cảm nghĩ phong phú.

Càng về sau, khi chuyển từ chính luận sang triết luận, Chế Lan Viên càng say mê săn đuổi cái trí tuệ sắc sảo, lật đi lật lại đối tượng để chiêm nghiệm, phân tích, để đi đến cùng sự phát hiện những giá trị đa dạng, phong phú. Hình tượng Bác Hồ vì vậy ngời lên vẻ đẹp của phẩm cách trí tuệ.

Để xây dựng hình ảnh, hình tượng thơ, các nhà thơ thường dùng những thủ pháp nghệ thuật theo phong cách của mình. Đó là biện pháp xây dựng các mô hình nghệ thuật độc đáo cho từng tác phẩm, tạo ta cấu trúc bên trong của tác phẩm.

Bác Hồ và *Hoa trước lăng Người* mặc dầu có những nét tương đồng khi thể hiện một đối tượng thẩm mỹ xác định nhưng có những phương thức thể hiện khác nhau bắt nguồn từ những quan niệm nghệ thuật, những cách cảm nghĩ, những chủ định sáng tác theo thi pháp, phong cách khác nhau.

Có những hình ảnh là những chi tiết lịch sử được khai thác theo những cảm xúc riêng. Viên gạch hồng trong khung cảnh gió rét và sương mù trời Âu được Chế Lan Viên thể hiện ý chí quả cảm trên hoàn cảnh khắc nghiệt: “*Một viên gạch hồng Bác chống lại cả một mùa băng giá*”. Trong hệ thống khác ta lại thấy một ý nghĩa mới: “*Một viên gạch hồng, một trái tim hồng. Một chân lý hồng, một ngọn cờ hồng làm sức mạnh*”. Viên gạch ấy cùng mẫu bánh mì trong thơ Tố Hữu lại làm nhiệm vụ khác “*nung tâm huyết*” và “*nuôi chí bền*” cho lãnh tụ trong cảnh sống thanh bạch và rất đổi cao quý.

Để có tâm lý không thỏa mãn, cái cảm nghĩ bất cập khi xây dựng hình tượng Bác Hồ. Giáo sư Trần Văn Giàu trong bài viết *Vĩ đại một con người* đã đưa ra hơn hai mươi “dữ kiện” nét tính cách (ý kiến nhận xét của rất nhiều người kể cả người nước ngoài) cho các nghệ sĩ dựng chân dung Bác Hồ và tổng kết bảy điểm lớn về nhân cách cùng với luận đề chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh. Chế Lan Viên từng viết “*Cứ mỗi bước đi lên, dân tộc lại định nghĩa*

về Người từ bản chất” cũng từng phân tích: “Bác là suối trong lại là chất thép. Là lửa ấm sinh thành...”, “Bác là kẻ sang trang, là kẻ mở đường”. Có biết bao chân dung nhưng “trăm hình ấy, đâu mới là Bác nhất?”. Bởi vì Bác Hồ là con người: “sống như trời đất”, như “... một sự kết tinh. Trăm cuộc sống, cuộc sống nào cũng đẹp”. Khi thể hiện Bác Hồ, hầu như ngòi bút cả các bậc tài năng đều phải biến hóa linh hoạt đến mức mỗi bài thơ mang một hình thức độc đáo, là một phong cách, *Sáng tháng Năm* ngọt ngào, đậm thắm. *Bác ơi* trang nghiêm, tha thiết. *Theo chân Bác* rất tiêu biểu cho phong cách sử thi - trữ tình - dân tộc thật hào hùng, sâu lắng. Ba bài *Người đi tìm Hình của Nước*, *Người thay đổi đời tôi*, *Người thay đổi thơ tôi*, *Cách mạng*, *chương đầu* theo khuynh hướng hoành tráng đều là thơ tự do gồm nhiều khổ bốn câu nhưng lại có đặc sắc riêng. Chùm tứ tuyệt mở đầu *Hoa trước lăng Người* mỗi bài mỗi vẻ: năm chữ (*Trung thu 69*), sáu chữ (*Hoa mộc trong vườn Bác*), tám chữ biến thể (*Bác*), với những phong thái, giọng điệu khác nhau.

Đứng về mặt phong cách nghệ thuật, hầu như có những nét trái ngược. Tạm ví với một khía cạnh hội họa. Tố Hữu có bút pháp của lụa, sơn mài truyền thống, Chế Lan Viên có bút pháp của sơn dầu, tranh hoặc, sơn mài hiện đại. Chính vì vậy ta mới có được cái hứng thú của sự thưởng thức những vẻ đẹp khác nhau. Để cuối cùng giữ lại hình tượng Bác Hồ như ta cảm nhận. Ai cũng đều có hình ảnh Bác Hồ trong trí tưởng của mình. Như Xuân Diệu giải thích: “*Vì Bác đã nhập vào non sông, vào lịch sử và vào lòng mỗi người dân Việt Nam*”.

* * *

Trong vườn hoa thơ về Bác ngát hương, đậm sắc, *Bác Hồ* và *Hoa trước lăng Người* là hai đóa hoa thơ đầy hương sắc của hai nhà thơ hàng đầu của đội ngũ. Đọc lại thơ, ta thêm trân trọng những tài năng lớn, thông cảm với sự nỗ lực không ngừng vươn

lên những tầm cao tư tưởng và nghệ thuật - để tiếp cận và xây dựng hình tượng thơ.

Chắc rằng khi đọc thơ viết về Bác, cũng như các nhà thơ, thêm một lần ta được thanh lọc tâm hồn. “*Ta nhận vào ta phẩm chất của Người*” (Chế Lan viên), “*Yêu Bác lòng ta trong sáng hơn*” (Tố Hữu). Hồ Chí Minh là hiện thân của lương tâm và trí tuệ, của tình thương và đấu tranh, của niềm tin, lòng nhân nghĩa, đức hy sinh... Tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi rọi sáng thơ ca và cuộc đời.

TỔ HỮU - NGƯỜI MỘT ĐỜI KỲ CÔNG XÂY ĐẬP TƯỢNG ĐÀI HỒ CHÍ MINH(*)

Ngay sau ngày Cách mạng thành công, Tố Hữu là người đầu tiên sớm nhất phác họa chân dung lãnh tụ qua bài thơ đặc sắc *Hồ Chí Minh* bằng trí tưởng tượng giàu sáng tạo và một cảm nhận có thoáng yếu tố tâm linh. Bác Hồ là sản phẩm kỳ diệu của sự nghiệp cách mạng dân tộc cũng là đại công trình của Đất nước, của Hồn thiêng Sông Núi đã “tạo hóa” nên Người, như tâm lý xã hội thời ấy!

Không bao lâu sau đó, nhà thơ được gặp vị Chủ tịch nước và cũng từ những ngày đầu kháng chiến chống Pháp được làm việc gần gũi như một người học trò tin yêu của Người cho đến cuối đời. Đây là may mắn độc nhất mà không ai có được. Là sự gặp gỡ của hai thế hệ cách mạng cận kề trong quan hệ có tính cách ruột thịt của “Người là Cha, là Bác, là Anh”. Cũng là sự giao hòa tự nhiên của hai tâm hồn thơ đầy đồng cảm.

Tố Hữu sống, làm việc, đồng tâm, đồng chí, đồng ý, đồng tình, chân thành tiếp nhận sự chỉ bảo dìu dắt tận tình của Bác Hồ. Từ đó, nhà thơ luôn vươn lên tầm cao tư tưởng và cả nghệ thuật để tiếp cận với đối tượng thẩm mỹ đặc biệt tuyệt vời. Đó là những nhân tố có tính chất quyết định tạo nên thành công trong thể hiện hình tượng Bác Hồ qua những đỉnh cao của đời thơ như những

(*) Tạp chí *Thế giới mới*, số 27(1049), 7/2013. Bài viết nhân kỷ niệm 123 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

dấu son trong sự nghiệp sáng tác về chủ đề lãnh tụ: *Hồ Chí Minh, Sáng tháng Năm, Cánh chim không mỏi, Bác ơi, Theo chân Bác*.

Đó là chiến công, cũng là kỳ tích của một chặng đường cách mạng và nghệ thuật 1945 - 1970.

Sau hai kiệt tác *Bác ơi, Theo chân Bác*, nhà thơ Tố Hữu hầu như đã hoàn thành nhiệm vụ nghệ thuật lịch sử với đối tượng thẩm mỹ tuyệt đẹp Hồ Chí Minh. Từ đó, tuy không lần nào tạo dựng chân dung lãnh tụ nhưng lòng nhớ Bác vẫn không nguôi ngoai cho đến cuối đời.

Bác Hồ ra đi giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ ở cao trào quyết liệt.

Mừng xuân 1969 của Hồ Chí Minh là một bài thơ chúc Tết gửi gắm một ý tưởng có ý nghĩa như một “di chúc” chiến lược “*Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào*”. Suốt những năm sau đó, Tố Hữu gọi tạo cảm nhận Bác Hồ như vị Tư lệnh tối cao vẫn hiện diện theo dõi chiến trường miền Nam cho đến ngày *Toàn thắng về ta*. Nhớ Bác khi xuân về, như một cảm thức tự nhiên: “*Vẫn còn nghe thơ Bác mọi lần*” (*Theo chân Bác*). Nhớ Bác trong quyết tâm giải phóng miền Nam qua kế hoạch tổng lực “*Tiến tuyến ra sức tiến công/ Hậu phương hết lòng chi viện*” với ánh mắt linh diệu “*Vẫn có Bác, ung dung, trông xuống, dịu dàng*” (*Bài ca xuân 71*). Tập *Máu và hoa* (1972 - 1977) ghi dấu đậm đà hình ảnh lãnh tụ trên đà chiến thắng của thời cuộc. Chiến thắng rực rỡ “*Điện Biên Phủ trên không*” là niềm vui cực kỳ lớn lao dâng lên Bác. “*Chắc Bác Hồ vui, xin kính dâng Người/ Và tặng cả anh em cùng đánh giặc*” (*Việt Nam máu và hoa*). Cuộc thị sát chiến trường lớn lao trong đời thơ Tố Hữu đã đem đến vinh dự nhà thơ được nhận ra một vẻ đẹp thần diệu: “*Da trời xanh ngát thần tiên/ Đò au đường lớn mang tên Bác Hồ*”. Nhưng quan trọng nhất là nhận thức được sức mạnh vô địch của truyền thống lịch sử “*Đường mòn Hồ Chí Minh là con đường sáng tạo*”. Con đường ấy đã thực hiện chiến dịch

Hồ Chí Minh để đem đến *Đại thắng mùa Xuân* như một tất yếu lịch sử: “*Bác Hồ ơi! Toàn thắng về ta*”. Bài thơ làm đúng ngày 1/5/1975 như bó hoa lửa long lẫy mừng công của toàn dân tộc dâng lên Bác: *Toàn thắng về ta*.

Nổi bật thời hòa bình thống nhất và đổi mới sau này là lòng tưởng niệm Bác Hồ với cảm hứng lịch sử mạnh mẽ, với nỗi nhớ thương với vợ và nghĩa tình tri ân vô hạn.

Nếu như trước đây hình tượng nổi trội được xây dựng với khuynh hướng sử thi thì giờ đây vẫn sáng lạng với khuynh hướng thể sự. Nói đúng hơn đó vẫn là hình tượng lớn lao được kết hòa, bồi đắp những phẩm chất toàn vẹn trong hoàn cảnh lịch sử mới, với tình cảnh thế sự mới.

“*Nỗi đau dân nước, nỗi năm châu*” có khác. Trong sự diên đảo “*lộn đất trời*” hôm nay “*Mặt đất rung rinh... thế giới hồng/ Vỡ tan từng mảnh, xót đau lòng*”, nhà thơ như cảm nhận được một nỗi lòng lớn: “*Chắc Bác hằng nghe mọi chuyện đời/ Dờ hay, khôn đại, khóc hay cười*” (*Thăm Bác, chiều đông* - 1996). Đó là sự bất an thậm chí xao động cõi lòng của một bậc Đại từ bi với những bi, hài kịch nhân gian. Trước sau vẫn hiển hiện một trái tim “*mênh mông*” ôm cả non sông, mọi kiếp người, trên cõi đời này.

Vẫn là một trí tuệ trác việt chỉ ra con đường tất yếu của lịch sử dân tộc trong thời đại: “*Như ngày nào Bác vẫn ung dung/ Đàng hoàng tiến bước*”. Vẫn là một dũng khí tuyệt vời thể hiện qua lời khuyên được nhắc lại rất thời sự trong *Mùa xuân mới* (1996): “*Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng/ Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên*”.

Giờ đây, hầu như không còn những nét vẽ lộng lẫy - cho dù là lộng lẫy của sơn mài hiện đại rất nền nã - mà là những nét họa mới với bút pháp chấm phá thủy mặc thần diệu phương Đông trong công trình tô thắm hình tượng.

Đó là khi tô đậm nhân cách vĩ đại với thần thái ung dung, tự tại, thanh thoát như một *Đóa Sen tinh khiết* (*Sen của loài người* - Chế Lan Viên). Cũng tức là tạc vĩ nhân trên *Tòa Sen* của nhân loại (*Hồ Chí Minh: “Thánh nhân đó là ai?”* - Amrita Pritam - Ấn Độ).

Dấu hương Người quyền sừng Hương Tích
Ngân tiếng chuông đồng, vọng tiếng Tầm...

(...)

Thanh thân Chùa Hương, cả thế gian.

(*Chùa Hương* - 1992)

Tuy nhiên, Tố Hữu không nhằm xác định nét siêu thoát, mà ngược lại, nét trần thế, thể hiện Bác Hồ như lãnh tụ gần bó máu thịt với nhân dân. Bác vẫn đời đời còn mãi “*Bác Hồ vẫn sống giữa nhân gian*”. Tình cảm ấy không chỉ đẩy lên vào mùa xuân (*Ta vẫn là xuân - Với Đảng mùa xuân*) mà thường trực trong hồn người. Bởi chính Bác là tâm hồn xuân “*Một năm là cả bốn mùa xuân*” (*Vô đề - Nhật ký trong tù*).

Bất diệt là ánh hào quang Hồ Chí Minh. Ánh sáng từ thẳm sâu lịch sử “*Bốn ngàn năm*” nhưng lại hiển hiện trước mắt ta như ánh sáng mặt trời “*Bác Hồ đang soi sáng ngày mai*” (*Vạn Xuân* - 1998).

Những năm sau này, nhất là mười năm cuối đời, Tố Hữu nhớ về Bác với tâm trạng trải nghiệm lịch sử và suy nghiệm triết lý nhân sinh mới. Nhà thơ đặc biệt khắc họa cốt cách cao thượng của Hồ Chí Minh như một *Nhà hành đạo*: đạo lý cách mạng, đạo lý làm người. Cao vời mà càng sáng lạng với thời gian lịch sử, Người còn là một tấm gương đạo đức của *Người thầy tiêu biểu* muôn đời. Những lời dạy nghiêm khắc mà ân tình...

Tiếng ai như tiếng Bác Hồ ta

Hãy liềm chính giữ lòng trong sáng

Thị trường ta không mua bán nghĩa tình

*Chân lý không ở hư, vị, hư vinh
Giá trị mới trong mỗi con người mới.*

(Chào thế kỷ 21 - 1/1/2001)

Lao động nghệ thuật là cả một quá trình. Một đời Tố Hữu đã hoàn chỉnh được bức tượng đài hoành tráng kỳ vĩ vĩnh cửu Hồ Chí Minh bằng thơ ca với phong cách nghệ thuật đặc sắc *sử thi - trữ tình*. Đó là quá trình sáng tạo trải dài trong lịch sử cách mạng hơn 60 năm kể từ hình tượng “*Hồ Chí Minh/ Người lính già/ Đã quyết chiến hy sinh...*” (*Hồ Chí Minh*) đến lý tưởng ước nguyện của Người gửi lại: “*Mở con đường huyền thoại Hồ Chí Minh/ Cho Tổ quốc mai sau lên tuyến đầu nhân loại*” (*Cảm nghĩ đầu xuân 2002*).

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, với *cảm hứng giải phóng*, Tố Hữu đã giới thiệu một bức chân dung tuyệt đẹp *Hồ Chí Minh*. Lãnh tụ xuất hiện trong cơn “*say thần thánh*” của niềm *Vui bất tuyệt*. Ngôn ngữ thơ như bay lên tạo một màn sương huyền thoại là điều dễ thông cảm. Bức chân dung Hồ Chí Minh đậm tính chất dân tộc: “*Trên đầu ta, ngọn cờ dân tộc/ Trăm thế kỷ trong tên người: Ái Quốc*”.

Từ *Việt Bắc*, một hình tượng *lãnh tụ kiểu mới* của cách mạng được giới thiệu qua quá trình vươn lên để nắm bắt ngày càng chân thực một mẫu hình thẩm mỹ đặc biệt. Với *Sáng tháng Năm*, thơ ca Việt Nam hiện đại ghi thành công mới xuất sắc của Tố Hữu. Bác Hồ được khắc họa với những nét bình dị, hồn nhiên mà cao đẹp lạ thường trong mối quan hệ máu thịt với những con người chiến đấu. Bức chân dung đậm đà *tính chất nhân dân*. Đến kiệt tác *Bác ơi, Theo chân Bác* thì hình tượng đã bay bổng trên một tầm cao mới với bút pháp *sử thi tổng hợp*.

Người được nâng lên *tầm vóc nhân loại*. Hồ Chí Minh đã là một danh hiệu cao quý của Đất nước và Người đứng vào hàng đầu danh sách của tất cả lãnh tụ cách mạng thiên tài trong thời đại chúng ta.

*Vì sao? Trái đất nặng ân tình
Nhắc mãi tên Người: Hồ Chí Minh
Như một niềm tin, như dũng khí
Như lòng nhân nghĩa, đức hy sinh.*

(Theo chân Bác)

Sau khi Bác mất, với suy nghiệm sâu sắc một đời kết hợp với dư luận tôn vinh của thế giới tiến bộ, Tố Hữu tiếp tục hoàn chỉnh bức tượng đài Hồ Chí Minh ở tầm cao “*muôn trường*” với rất nhiều tư cách mà cao nhất là *Nhân cách cao đẹp tuyệt vời thời đại*. Bạn bè ca ngợi: “*Hồ Chí Minh sống mãi/ Hồ Chí Minh sống mãi*.” (Ramesh Chandra, Chủ tịch Hội đồng Hòa bình thế giới). Đó là khẩu hiệu của trái tim nhân loại.

Người tồn tại vĩnh viễn trên hành tinh của loài người có lương tri tiến bộ, có “*Lẽ sống, niềm tin mong ước lớn/ Và tình thương ơn nghĩa bao la*” như một khúc ca bất diệt.

Thế giới ca ngợi Hồ Chí Minh là con người huyền thoại ngay cả khi Người còn sống. Sau khi Người mất, sự tôn vinh ngày càng rực rỡ.

Tố Hữu rất xứng đáng được vinh danh là Nhà thơ lớn của nhân dân đã thể hiện thành công nhất hình tượng toàn vẹn tuyệt đẹp Bác Hồ như một *Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, Nhân cách cao cả thời đại*.

“LẠ THAY SỨC MẠNH CỦA TÂM HỒN”^(*)

Trong bản trường ca *Bác ơi*, ở mấy khổ thơ đầu nhà thơ đã kinh ngạc thốt lên:

*Lạ thay sức mạnh của tâm hồn
Mắt vẫn tươi như suối tận nguồn.*

Con mắt là cửa sổ tâm hồn. Qua mắt thấy được tâm hồn. Câu thơ thể hiện tâm hồn thuần khiết, thanh tao có sức tỏa sáng diệu kỳ của Bác Hồ.

Hiển nhiên Tố Hữu vô cùng thán phục thiên tài Hồ Chí Minh. Nhà thơ nhắc lại để khẳng định một phát hiện đã từ rất lâu về sức mạnh tinh thần lãnh tụ.

Tố Hữu quả là người ghi công đầu và hoàn thành chiến công nghệ thuật đặc sắc: *phát hiện về đẹp tuyệt diệu tâm hồn* cùng với *sức mạnh tinh thần vô địch Hồ Chí Minh*.

1.

Nếu theo đôi sáng tác thơ Tố Hữu, ta sẽ thấy một đời nhà thơ không ngừng *khám phá* những sắc màu, hình thái tuyệt vời về *đẹp tâm hồn* cũng như *phân tích* những biểu hiện, tính chất linh diệu *sức mạnh tâm hồn* Hồ Chí Minh.

(*) Tạp chí *Thế giới mới*, số 17(1034), 5/2013. Bài viết nhân kỷ niệm 125 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngay từ lần giới thiệu đầu tiên, Tố Hữu đã dựng hình ảnh một *Nhà cách mạng lão luyện* “*đã sống năm mươi năm vũ bão*” với tư cách là “*Người lính già*” “*làm tên quân cầm tử di tiên phong*” mang khí thế “*Tìm gang thép vẫn bồng bồng lửa chiến*”. Con người vĩ đại ấy đã làm nên một sự tích huyền thoại, huy động được sức mạnh quật khởi của cả một dân tộc:

*Và cả đoàn quân thừa huyết khí thanh niên
Rập bước tiến bên người Cha anh dũng.*
(*Hồ Chí Minh* - 26/8/1945)

Hào hùng quá một cuộc cách mạng long trời lở đất tiêu diệt chế độ thực dân nửa phong kiến tồn tại trên đất nước gần một thế kỷ. Kỳ diệu thay một nhà nước dân chủ đầu tiên được thiết lập ở Đông Nam Á như ngọn hải đăng chói sáng Thái Bình Dương.

Sức mạnh thần kỳ ấy là kết quả của công cuộc đấu tranh vì độc lập tự do, của sự nghiệp yêu nước tự cường dân tộc từ bao năm trên xương máu biết bao nhiêu thế hệ.

Hồ Chí Minh “*ngọn đuốc thiêng liêng*” đã tiếp nhận được nguồn lửa truyền thống thắp sáng *sức mạnh lịch sử*.

*Diệt cường quyền!
Ôi sức mạnh vô biên.*

(*Hồ Chí Minh* - 26/8/1945)

Theo ánh sáng soi đường kỳ vĩ ấy “*Một dân tộc đã ào ào đứng dậy*” (*Huế tháng Tám*), tạo nên “*Mùa bất tuyệt của muôn xuân*” (*Xuân nhân loại*).

Sức mạnh thần kỳ Việt Nam bắt nguồn từ truyền thống lịch sử “*Đường mòn Hồ Chí Minh*” là *con đường sáng tạo/ Trường Sơn cao hay địa đạo âm thầm/ Cũng là linh hồn ta, từ bốn nghìn năm/ Tự xây đắp để ngang tầm thế kỷ*”. Đó là những vần thơ hào sảng bậc nhất trong những năm đánh Mỹ (*Tuổi 25*).

Ở *Sáng tháng Năm*, Hồ Chí Minh mang một biểu trưng mới. Ngày nào còn là ngọn lửa thiêng liêng chiếu tỏa giờ đây đã là sự bùng phát ánh sáng.

Người rực rỡ một mặt trời cách mạng.

Vẫn là một sức mạnh hào hùng nhưng như có thêm cái nguồn hiện thực, sống động của quần chúng nhân dân hôm nay. Người tượng trưng cho sức mạnh của truyền thống và hiện đại, của dân tộc và thế giới.

...Tiếng ngày xưa và cả tiếng mai sau...

... Việt Nam phải tự do

Thế giới phải hòa bình!

Tựu chung lại là **sức mạnh thời đại**, sức mạnh của ba dòng thác cách mạng.

2.

Tuy nhiên điểm đặc sắc nghệ thuật ở đây là nhà thơ đã nêu rõ được - cũng trên tầm vĩ mô - ý nghĩa, tác dụng, hiệu quả của **sức mạnh tâm hồn** của lãnh tụ trên nhiều phương diện cụ thể.

Tố Hữu đã rất thành công khi khắc họa những tính cách lớn tiêu biểu mà chỉ khi gần bó mật thiết với Người một đời mới dần nhận ra.

Bác Hồ “hút hồn” người khác trước hết bởi **sức mạnh hồn nhiên**.

Lãnh tụ được cảm nhận như một con người hết sức *giản dị, tự nhiên, thanh cao*. Không chỉ là phong cách mà là cốt cách, là triết lý sống. “*Bác ngồi đó, lớn miệng mỉm cười/ Trời xanh biển rộng ruộng đồng nước non...*” là sự hòa hợp con người với thiên nhiên, vũ trụ, là cốt cách triết nhân, tiên phong đạo cốt mà sau này được tô đậm trong *Bác ơi* “*Bác sống như trời đất của ta*”.

Nhà báo Mỹ David Halberstam cảm nhận chí lý sức hấp dẫn kỳ lạ tự nhiên từ con người lãnh tụ: “*Sức mạnh vĩ đại của Cụ Hồ là ở*

chỗ Cụ vẫn sống như mọi người Việt Nam bình thường... Cụ vẫn là một người Việt Nam, một nông dân... một con người của quê hương với đức tính giản dị... Càng lên cao, tâm hồn Cụ càng giản dị, càng thanh sạch...”⁽¹⁾.

Trái tim “*mênh mông*” của Người là *tấm lòng bao dung, nhân hậu vô hạn*.

Sức mạnh yêu thương của Bác Hồ thật là kỳ diệu.

Hơn ai hết, Hồ Chí Minh là lãnh tụ biết *tôn trọng con người* như một đạo lý cách mạng tối cao. Chính từ đó Người nạp được thêm trí tuệ quần chúng làm năng lượng tư duy bản thân. Là người biết đón nhận, biết lắng nghe những tiếng nói nhỏ của con người bình thường. “*Hồn biển lớn đón muôn lời thủ thi/ Lắng từng câu từng ý chưa thành*” khác nào nhận những xao động, đập dồn dù tinh tế nhất để làm nên ào ạt sóng xô, biển động. Rồi lại biết chất chiu, tinh lọc để biến hóa: “*Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ*”.

Chính Người, chưa ai khác, đã nêu tinh thần một *chủ nghĩa duy vật nhân văn* khá hoàn chỉnh gồm hai vế cơ bản nhất: *thương yêu con người và tôn trọng con người*. Và sau này, tư tưởng triết học Hồ Chí Minh được bổ sung hoàn chỉnh bằng mệnh đề: *phát triển con người*. Không ít lần trong đời, Người biểu lộ lòng yêu mến thanh niên hết mực. Năm 1950, trong chiến dịch Biên giới, Chủ tịch tặng thơ *Khuyến thanh niên*. Cho đến cuối đời, *Di chúc* vẫn gửi lại một tâm nguyện thiết tha có ý nghĩa chiến lược về việc bồi dưỡng thế hệ trẻ. Thanh niên là hiện thân của *phát triển*, là triển vọng *tương lai*:

Bác mong con cháu mau khôn lớn

Nối gót ông cha, bước kịp mình.

(Theo chân Bác)

Ở Hồ Chí Minh toát ra một **sức mạnh động viên** linh diệu về chiến đấu, về sản xuất, về học tập. Đó là sức khơi gợi nội lực, khí

1. Nhiều tác giả, *Một giờ với đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb. Thanh niên, 2007, tr. 232.

thế từ anh xung kích đến người chiến sĩ nông thôn, từ chị dân công đến em bé dốt đuốc đến trường làng...

Ánh sáng tâm hồn Hồ Chí Minh có thể trấn an làm “lòng ta yên tĩnh”, giúp kiên định những “xao xuyến rung rinh”. Đó là sức động viên con người xông lên dám hy sinh và vượt lên chính mình để hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng xã hội. Sức động viên ấy nâng đỡ, chấp cánh cho hồn người.

*Ta lớn cao lên bay bổng diệu kỳ
Trên đường dài, hai cánh đỡ ta đi...*

(Sáng tháng Năm)

Tiếng nói Bác Hồ là tiếng nói quyền uy, bởi đó là đại diện cho uy danh đất nước: “*Bác bảo đi, là đi/ Bác bảo thắng, là thắng*”.

Con người tự do, tự hào trong một tâm thức hoàn toàn tự nguyện: “*Ta bỗng lớn ở bên Người một chút*”.

Là linh hồn tối cao của cách mạng, Bác Hồ là hiện thân cho **sức mạnh niềm tin**.

Năm 1975 - Kháng chiến chống Mỹ thắng lợi. “*Lời Bác nay thành chiến thắng huy hoàng*” (*Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng* - Phạm Tuyên). Đó là sức mạnh của niềm tin tất thắng: “*Như một niềm tin, như dưng khí*” (*Theo chân Bác*). Kỷ niệm 90 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (1980), ngài Chủ tịch Hội đồng Hòa bình thế giới bày tỏ một cảm nhận sâu sắc: “*Bạn có thể đi châu Phi và hỏi các chiến sĩ... Họ sẽ trả lời bạn là khi họ chiến đấu... họ mang trong tim chữ “Việt Nam” và họ giương cao ngọn cờ có chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh*”. Đó chính là niềm tin có sức mạnh không chỉ trong chiến đấu mà cả cho xây dựng. “*Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cho chúng tôi niềm tin, tinh thần lạc quan, sự chắc chắn rằng chúng ta cũng có thể thắng trong trận đánh hiện nay chống đế quốc, vì một cuộc sống mới cho nhân dân chúng ta*”¹.

1. Nhiều tác giả, *Một giờ với đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb. Thanh niên, 2007, tr. 264.

Đó chính là niềm tin được chấp cánh từ tâm hồn dân tộc vì một tương lai xán lạn:

Kính thưa Bác!

Thế kỷ hai mươi mốt tôi đây

Có thể là thế kỷ rỗng bay

Bây mươi lăm triệu con Hồng cháu Lạc.

(Chào mừng năm 2000 - 1/1/2000)

Mở rộng con đường huyền thoại Hồ Chí Minh

Cho Tổ quốc mai sau lên tuyến đầu nhân loại.

(Cảm nghĩ đầu xuân 2002 - 1/1/2002)

Niềm tin đồng hành với hy vọng. Có tin tưởng mới hy vọng. Nữ văn sĩ Bulgaria rất thân mến Blaga Dimitrova đã có một định nghĩa tài tình đầy thú vị: “*Hồ Chí Minh: niềm hy vọng lớn nhất*” với giải thích: “*Niềm hy vọng cũng có nhiều tên gọi khác nhau. Song ở Việt Nam niềm hy vọng được tượng trưng là Chủ tịch Hồ Chí Minh*”¹.

Chính vì vậy trong mọi tình cảnh “*Thiên hạ băng khuâng... Rồi rầm những con đường*”... “*Thêm một cuộc trường chinh, cho ánh sáng văn minh xóa bóng đêm lạc hậu*” vẫn nổi lên một ước mơ như niềm khát vọng mùa xuân: “*Bác ơi! Cầu chúc hồn nhân loại/ Xuân đến, hồi sinh, lại nở hoa!*” (*Thăm Bác, chiều đông - 1/1/1996*).

Hồ Chí Minh - Người thấp sáng hy vọng. Theo cảm nhận của Tố Hữu đó là **sức mạnh hy vọng**.

Những năm cuối đời, Tố Hữu nhấn mạnh **sức mạnh giáo dục** Hồ Chí Minh khi nhìn nhận Người như *Nhà Đạo đức, Nhà Tư tưởng, Nhà Giáo dục vĩ đại*. Thực ra phác thảo ấy đã được ghi ở **Sáng tháng Năm**: “*Con nhớ hết những lời Người dạy*”. Nhưng giờ đây là những bài học rất thời sự về đạo đức nhân sinh. “*Lời Bác khuyên ai*

1. Nhiều tác giả, *Một giờ với đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb. Thanh niên, 2007, tr. 36.

đã quên chăng?/ Ngạo ngễ quyền uy, hám bạc tiền!...” (Mùa xuân mới). Khuyên và mong, nghiêm nghị mà chân tình: “Rũ bùn dơ/ Trong sạch lòng người/ Như Bác hằng mong” (Nhớ về Anh).

3.

Một cách khái quát khác, *sức mạnh tinh thần Hồ Chí Minh* là sức mạnh của cá nhân lãnh tụ gắn kết và được tiếp sức, bồi đắp bởi tâm hồn, ý chí sức lực *quần chúng nhân dân* cách mạng. Hơn thế nữa, được nhân lên gấp bội. Một *sức mạnh biến hóa*: “Còn triệu anh em đồng chí đó... Lôn khôn chung, một sẽ hóa thành trăm... Nhân dân ta là sức mạnh thần kỳ! Mùa xuân mới đang bùng lên phía trước... Nước đang mở cửa, trời cao rộng/ Bè bạn gần xa, sáng mọi vùng... Bảy mươi lăm triệu con Hồng, cháu Lạc/ Đoàn kết nhau, nhất trí, vững tay...”.

Từ lâu, một nhà báo quốc tế đã phát hiện ở Nguyễn Ái Quốc sự tỏa sáng của “*một nền văn hóa tương lai*”⁽¹⁾. Ý tưởng đó được diễn đạt sáng tỏ qua cuộc đời và sự nghiệp của Người: “*Có những nhân vật lãnh đạo đã thể hiện trước được những đức tính đẹp đẽ nhất của con người trong tương lai sắp tới và đồng chí Hồ Chí Minh là một trong những nhân vật đó*”⁽²⁾. Bạn bè ca ngợi Người đã “*tập trung được những phẩm giá cao quý nhất của con người*” và nhấn mạnh Người là hiện thân “*con người của tương lai*”⁽³⁾. Tố Hữu từ *Sáng tháng Năm* đã nói bằng thơ suy nghĩ ấy qua cảm nhận tiếng nói Bác Hồ “*Tiếng ngày xưa và cả tiếng mai sau*”. Và ngày nay: “*Bác Hồ đang soi sáng ngày mai*” (*Vạn Xuân* - 1998).

Vậy là thêm một phẩm chất sáng đẹp. Hồ Chí Minh là vĩ nhân mang *sức mạnh tương lai*, sức mạnh của một thế giới văn hóa, văn minh như mong ước của nhân loại tiến bộ.

Đây là lời *Chào thế kỷ 21!*

1. Thành Duy, *Danh ngôn Hồ Chí Minh*, Nxb. Văn học, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 2011, tr. 39.
2. Nhiều tác giả, *Một giờ với đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb. Thanh niên, 2007, tr. 93.
3. Nhiều tác giả, *Một giờ với đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb. Thanh niên, 2007, tr. 226.

*Hạnh phúc biết bao, thế kỷ hai mốt này và thiên niên kỷ thứ ba
Luôn có Bác trông Người, trời đất cùng ta xanh sạch đẹp!*

Đó cũng là một thông điệp loại tâm huyết nhất gửi lại cho đời.

Ngoài việc thể hiện sức mạnh tâm hồn kỳ diệu, nhà thơ Tố Hữu còn góp phần *phân tích* sức mạnh ấy quy tụ vào hai nguồn *tư tưởng* và *đạo đức* Hồ Chí Minh. Đó là *sức mạnh tổng hợp* được cả lý tưởng và cuộc sống, cả tuyên ngôn và hành động. Lời nói có sức mạnh vì đó là minh chứng hùng hồn của cuộc đời và sự nghiệp lãnh tụ.

Đại đoàn kết là luận điểm nổi tiếng trong *tư tưởng* Hồ Chí Minh. “*Không có gì quý hơn độc lập tự do*” là khẩu hiệu có sức lôi kéo, cuốn hút ghê gớm tạo nên sức mạnh thần kỳ cho *Đại thành công*. Lễ sống và học thuyết cách mạng Hồ Chí Minh trở nên sinh động nhờ tấm gương cụ thể về *cuộc đời* của Người.

Chúng ta tìm thấy ở thơ Tố Hữu một giải đáp có lý, có tình, hấp dẫn lý thú và bổ ích thấm thía.

Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta.

Với căn cốt lương tri cá nhân, tiếp nhận được ánh sáng tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh, con người sẽ trở nên có khả năng và ngày càng có triển vọng tự phát sáng: *Ta bỗng lớn ở bên Người một chút...*

Đó là con người có lẽ sống và cách sống hợp đạo lý nhân văn, biết tự phấn đấu để ngày càng có ích nhiều nhất cho xã hội; giàu tự tin, hy vọng, luôn vượt lên chính mình để đạt nhân cách cao cả sáng đẹp.

Ta lớn cao lên, bay bổng diệu kỳ.

(Sáng tháng Năm)

“VIỆT NAM, DÂN TỘC ANH HÙNG” (*)

Trong trường kỳ lịch sử, các truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc hài hòa làm một trong tinh thần *chủ nghĩa yêu nước anh hùng nhân văn cao đẹp Việt Nam*. Tinh thần ấy chói sáng lên, rục rịch vào những dịp kỷ niệm lớn - về sự tích anh hùng và chiến thắng lịch sử lừng lẫy - 70 năm Quân đội nhân dân anh hùng, 60 năm Điện Biên Phủ “chấn động địa cầu”, 60 năm giải phóng Thủ đô nghìn năm văn hiến, 70 năm Cách mạng Tháng Tám và Tuyên ngôn Độc lập...

Hãy cùng nhau cảm nhận lại bản *Anh hùng ca Việt Nam* của nhà thơ lớn Tố Hữu.

1.

“ĐƯỜNG TA ĐI ĐẸP VÔ CÙNG NGHÌN NĂM LUYỆN BƯỚC ANH HÙNG ĐẤY CHĂNG?”

Trên thế giới có biết bao dân tộc anh hùng trong trường kỳ lịch sử? Nhưng, có lẽ, dân tộc Việt Nam là một trong tốp đi hàng đầu từ hàng nghìn năm, đặc biệt nổi trội trong thế kỷ bi tráng đau thương và anh dũng vừa qua: “*Đất anh hùng của thế kỷ hai mươi*”.

Các nhà thơ hiện đại, trong đó Tố Hữu là người đi tiên phong, trở thành những ca sĩ hào hùng, ngợi ca sự nghiệp của nhân dân và đất nước một thời đã qua và những đang qua.

(*) Tập san *Người yêu sách*, 5/2015.

Rõ nhất trong tiếng thơ Tố Hữu là những *âm thanh vang vọng* của quá khứ xa xôi: Từ *Luy Lâu* - một nơi “giấu binh” để tiến công của người nữ anh hùng:

Hai nghìn năm cũ qua rồi

(...)

Vẫn nghe phần phạt ngon cờ Trưng Vương.

Trong khi đó, *Nông Cổn* lại gợi nhớ tuyên ngôn oai hùng của bà Triệu: “*Quyết đạp gió lôn, cuôi sóng dữ, giết giặc cầu nước*”, với ước vọng tâm linh: “*Ước gì bà Triệu ngày nay lại về...*”. Rất đẹp và hùng là hình ảnh quê hương Lê Lợi - *Ngọc Lặc* ngày hôm nay: “*Có gì trong nắng thu sang/ Long lanh Như Áng, rừng vang tiếng cồng*”. Chủ tướng Lê Lợi và Nguyễn Trãi như hình với bóng. Ta nhớ người thay mặt Lê Lợi soạn thảo những ngôn từ hào sảng, một áng thiên cổ hùng văn - *Bình Ngô đại cáo* còn lưu danh muôn đời.

Sự tích anh hùng được phác lại: “*Lê Lợi tụ nghĩa luyện binh/ Nguyễn Trãi dâng “Bình Ngô sách”/ Mười năm chiến đấu/ Rừng thâm sông sâu/ Kiên cường bất khuất...*”.

Tổ quốc vĩnh hằng

Vang mãi “Bình Ngô đại cáo”.

(*Lam Kinh*)

Tố Hữu ngày hôm nay nhắc tới Nguyễn Trãi với cả tấn kịch bi hùng một đời: “*Tiếng gươm khua, tiếng thơ kêu xé lòng*”. “*Tiếng gươm khua*” có hàm nghĩa là tiếng hào hùng chiến trận một thời của nghĩa quân (*Bài ca mùa xuân 1961*).

Trong chuyến đi dài thăm quê hương đất nước để khảo sát thực tế, cảnh xưa chốn cũ chiến khu, chiến địa, di tích, danh lam thắng cảnh vào dịp cuối đời, Tố Hữu đã trào dâng cảm hứng lịch sử và thấm đượm cảm xúc anh hùng. Ông đặc biệt ngưỡng mộ Đại nguyên soái - vị anh hùng cứu quốc minh quân Trần Hưng Đạo:

Bảy trăm năm lịch sử
Hịch tướng sĩ của Người
Sấm sét từng câu chữ
Rung động cả đất trời.

(*Trước tượng Trần Hưng Đạo*)

Nhắc “Cả nước một Diên Hồng” cũng là gợi nhớ tiếng hô “Quyết chiến” vang mãi núi sông của các bộ lão một thời.

Trong cuộc hành hương, xúc động bồi hồi, nhà thơ nhớ tới bậc anh hào Hoàng Hoa Thám với lời thề “Bảo tồn nòi giống, thịt da sa gì?” với dư âm linh thiêng:

Tiếng Người xưa, đá còn ghi
Lệnh công giục cháu con đi theo Người.

(*Phồn Xương*)

Năm 1956, kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, khi đi sang thăm nước bạn, Tố Hữu không quên ghé thăm di tích lịch sử Liễu Châu, Quảng Châu, làm thơ về Bác và về anh hùng liệt sĩ. Tiếng bom Sa Diện của Phạm Hồng Thái đã làm rung động chế độ thực dân một thời. Sự hy sinh của liệt sĩ được hình tượng hóa thật đẹp:

Sống, làm quả bom nổ
Chết, như dòng nước xanh.

(*Phạm Hồng Thái*)

Hãy chú ý từ ngữ mà Tố Hữu sử dụng mang thần thái khác lạ. Sự thật là: “Sống mang quả bom nổ, Chết trong dòng nước xanh”. Nhưng Tố Hữu đã biến hóa thật hay: Sống, Chết... làm (quả bom nổ), như (dòng nước xanh) là nghệ thuật so sánh tu từ đặc sắc, làm con người bình thường hóa anh hùng!

Sau này, hình tượng này lại được nhắc đến một lần nữa: “Hồn nước gọi. Tiếng bom Sa Diện/ Trái tim Hồng Thái nổ vang trời” (*Theo chân Bác*).

Đường thơ Tố Hữu, cũng là đường cách mạng của một chiến sĩ cộng sản. Như thế, chủ nghĩa yêu nước anh hùng như sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quá trình hoạt động sáng tác.

Chính vì vậy, trên tất cả, ta thấy trong thơ của ông, dân tộc anh hùng là một hình tượng bao trùm: từ xa xưa lịch sử cho đến thời hiện đại, từ các bậc tiên liệt cho đến các tầng lớp nhân dân ngày nay. Từ ấy là bức tự họa của một thanh niên dần thân chiến đấu. Qua đó, ta có thể thấy tuyên ngôn lý tưởng mới, tiếng hát của tâm hồn lạc quan và cũng là lời ngợi ca chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Ở đây, ta thấy được hình ảnh của chính tác giả - sự bộc lộ hồn nhiên của một cốt cách anh hùng.

Thật thú vị khi ta bắt gặp những quán chúng cách mạng, mà nổi bật là các nghĩa quân Nam Kỳ khởi nghĩa:

Con tao gan dạ anh hùng

Như rừng được mạnh, như rừng tràm thơm!

(*Bà má Hậu Giang*)

Hình tượng bà mẹ anh hùng đầu tiên trong đời được tôn vinh và hình tượng hóa trong thơ như bức tượng đài Mẹ - Việt Nam tồn tại mãi với “Nước non muôn quý nghìn yêu” (*Bà má Hậu Giang*). Cũng trong tập thơ đầu tay này, đã xuất hiện hình ảnh tuyệt đẹp về sự quên mình của người chiến sĩ cộng sản Nguyễn Chí Diểu. Lốp chiến sĩ anh hùng đầu tiên này là *Những người không chết*. Họ “Quyết hy sinh, phá tan hết gông xiềng/ Cho Tổ quốc muôn muôn năm độc lập”. Đây là những lời thơ làm tại nhà tù Buôn Ma Thuột vào tháng 2 năm 1941 với lời đề tựa *Kính tặng các đồng chí hy sinh trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, 1940 (Quyết hy sinh)*.

Với Tố Hữu, thơ ca hiện đại có thêm ngôn từ mới về vang *anh hùng* - với hàm nghĩa *anh hùng mới, anh hùng tập thể, anh hùng cách mạng*. Đây là danh xưng của Đất nước tặng một thế hệ theo bước tiền tổ cha anh để tiếp tục phát huy truyền thống anh hùng cực

kỳ quý báu trong cuộc trường chinh mới được mở ra từ năm 1930 với “*Đảng ta con của phong trào*” (*Ba mươi năm đời ta có Đảng*).

Vậy là, những *tiếng vọng lịch sử anh hùng* được lưu truyền, vang động qua thơ: từ lời nói oanh liệt đến tiếng hịch hào hùng, tiếng phản phất ngọn cờ đến tiếng công vang rừng núi, tiếng gươm khua cùng tiếng thơ kêu bi tráng, tiếng hô “*Quyết chiến*” Diên Hồng hay tiếng bom Sa Diện,... đều là những *tiếng nói linh thiêng* của non sông đất nước. Đó cũng chính là một sức mạnh ghê gớm, được lưu truyền qua nhiều thế hệ theo “*Hồn nước gọi...*”. Từ đó, những “*Trái tim Hồng Thái*” đã bùng nổ theo dây chuyền.

Trong đội ngũ nhà thơ - chiến sĩ, hơn ai hết, Tố Hữu xứng đáng được tôn vinh là nghệ sĩ công huân số 1 trong sự nghiệp sáng tạo bản *Anh hùng ca Việt Nam*.

Cuộc kháng chiến vẻ vang ba mươi năm chống Pháp, chống Mỹ và sau đó là công cuộc xây dựng hòa bình đổi mới là chất liệu vô giá cho sáng tác nghệ thuật. Thơ Tố Hữu là minh chứng hùng hồn cho sự nghiệp “*Nghìn năm luyện bước anh hùng*” của những người con ưu tú trong thời đại Hồ Chí Minh.

2.

“ÔI VIỆT NAM XỨ SỞ LẠ LÙNG ĐẾN EM THƠ CÙNG HÓA ANH HÙNG”

Lịch sử ngày nay đã lựa chọn Việt Nam như một điểm tựa - lời giả sử của Tố Hữu là một *sự thật* hiển nhiên, được thế giới công nhận:

*Nếu được làm hạt giống để mùa sau
Nếu lịch sử chọn ta làm điểm tựa
Vui gì hơn làm người lính đi đầu
Trong đêm tối, tim ta làm ngọn lửa!*

(*Chào xuân 67*)

Ở đây, Tố Hữu muốn nhắc tới một điển tích về người anh hùng huyền thoại của Gorki - *Dancô* đã móc trái tim mình để làm thành ngọn lửa tháp sáng dẫn đường cho quần chúng thoát khỏi ngôi làng chết chóc.

Đó là hình tượng của thế giới, dùng để nói với thế giới về hình ảnh *người mở đường của cách mạng vô sản* Nga với toàn thế giới.

Hơn một lần, Tố Hữu cũng đã thể hiện trái tim huyền thoại của dân tộc: “*Ta sẵn sàng xé trái tim ta/ Cho Tổ quốc và cho tất cả*” (*Việt Nam máu và hoa* - 1973).

Với Tố Hữu, Việt Nam không thiếu anh hùng thần thoại, mà người anh hùng đã trở thành con người thời đại Hồ Chí Minh. *Theo chân Bác* có những dòng thơ tuyệt đẹp:

*Ta đứng đây, lăm liệt đường hoàng
Như Thạch Sanh, khí phách hiên ngang
Lưng đàn, tay búa, tay giường nỏ
Chém Mãng xà vương, giết đại bàng.*

Thạch Sanh đã hiện hình, cứu nguy cho nhân loại khỏi thảm họa của chiến tranh tàn khốc. Anh Giải phóng quân - con người đẹp nhất một thời, đã được hình tượng hóa với sứ mệnh thần thánh:

*Như Thạch Sanh của thế kỷ hai mươi
Một dây ná, một cây chông cũng tiến công giặc Mỹ.*

(*Bài ca xuân 68*)

Việt Nam, trong vòng mấy thập kỷ đã phải chống chọi với những địch thủ xâm lược vô cùng mạnh mẽ: thực dân, đế quốc thuộc loại siêu cường, trong thế “trúng chọi đá”. Vậy mà, *đá* lại tan dưới sức mạnh của *trứng thần*! Dân gian có câu ca thể hiện tinh thần lạc quan tuyệt vời ấy:

*Nực cười châu chấu đá xe
Tưởng rằng chấu ngã, ai dè xe nghiêng.*

Bác Hồ vĩ đại của chúng ta đã mượn cách nói này để ra một tuyên ngôn hào hùng trong thế kỷ: “*Nay tuy châu chấu đá voi/ Nhưng mai voi sẽ bị lời ruột ra!*”. Đó là lời phát biểu, cũng là lời tiên tri trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ 2, năm 1951.

Cuộc chiến tranh của nhân dân Việt Nam được cả thế giới ngưỡng mộ. Đó là cuộc chiến đấu thần kỳ: Một dân tộc nhược tiểu đã biết biến không thành có, biến sự hủy hoại thành sự sống bất diệt:

Việt Nam dân tộc anh hùng

Tuy không mà đã thành công hoàn toàn.

Việt Nam đã vút xuống thêm lục địa ba tên trùm tội phạm của nền hòa bình thế giới: phát xít Nhật, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Cả thế giới nhìn về Việt Nam - “*xứ sở lạ lùng*”. Ta là ta mà cũng không khỏi ngạc nhiên: “*Việt Nam!/ Người là ta, mà ta chưa bao giờ hiểu hết/ Người là ai mà sức mạnh thần kỳ*” (*Với Đảng mùa xuân*).

Tố Hữu đặt câu hỏi cho mình, mà cũng là cho người:

Bắc, Nam đâu cũng anh hùng vì sao?

“*Việt Nam*” chính là lời giải đáp hùng hồn bằng máu và lửa, cũng là “*máu và hoa*” cho chân lý thời đại. Một đất nước đường hoàng ngang nhiên tồn tại, hứng chịu mưa bom, bão đạn gấp bao nhiêu trái bom nguyên tử. “*Tu đội triệu tấn bom mà hái mặt trời hồng*” - tiếng thơ Chế Lan Viên hòa đồng. Quả là một thách thức kỳ diệu của văn minh đối địch phá hoại, hủy diệt, của nhân ái chống bạo tàn, dã man, của khổ đau giành giật hạnh phúc.

Có được điều này, chính là nhờ phép màu - *chủ nghĩa anh hùng cách mạng*. Hay theo một cách gọi khác, đó là *chủ nghĩa anh hùng tập thể* hay *chủ nghĩa anh hùng quần chúng* trong thời đại Hồ Chí Minh.

Đã có một thời:

Tất cả bình quân

Tất cả thành chiến sĩ.

Đặc điểm lớn nhất, bao trùm chiến tranh nhân dân ở Việt Nam suốt 30 năm, chính là kháng chiến *trường kỳ, toàn diện, toàn dân* trên tất cả các mặt trận: quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội với tổng lực của nhân dân. Ngay lực lượng vũ trang cũng có ba thứ quân. Có cả trường Võ bị các binh chủng, trường Thiếu sinh quân học văn hóa và quân sự.

Tố Hữu là nhà thơ số một đã dựng nên bức toàn cảnh vĩ đại ấy, góp vào bảo tàng lịch sử bức *Chiến tranh nhân dân* hết sức hoành tráng.

Trước hết, đó là một cuộc tham chiến của tất cả gái trai, già trẻ, từ người dân bình thường cho đến lãnh tụ tối cao.

Thử làm một thống kê sơ bộ, ta có thể thấy một hệ thống *hình tượng anh hùng*, chỉ kể đến những bài có hình tượng toàn vẹn.

Cuối *Từ ấy*, ta thấy sừng sững chân dung *Hồ Chí Minh*. Và tiếp đó nổi bật qua *Sáng tháng Năm*, *Bác ơi*, *Theo chân Bác*, hình ảnh lãnh tụ như tôn vinh của thế giới là *Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới*. Ngoài ra còn có các bài *Cánh chim không mỏi* (1960), *Đêm xuân 85*, *Thăm Bác chiều đông* (1999).

Cũng ở tập thơ đầu tay đã xuất hiện *Bà má Hậu Giang* - bà mẹ anh hùng đã hy sinh trong phong trào Nam Kỳ khởi nghĩa. Sau đó là hàng loạt các bài viết về các bà mẹ Việt Bắc, Trung du, nổi bật là *Mẹ Tơm*, *Mẹ Suốt* và *Mẹ Diệm*.

Người con gái Việt Nam được Tố Hữu vinh danh: “*Người con gái anh hùng*” và hàng loạt bài miêu tả phụ nữ chiến đấu trong tư thế anh hùng khác như *Tấm ảnh*, *Tâm sự*...

Khác xa và hơn hẳn những thân phận trẻ em bất hạnh, khốn khổ trong *Từ ấy*, chú bé *Lượm* (*Việt Bắc*) và em Hòa (*Chuyện em - Ra trận*) là một thế hệ thiếu niên anh hùng, cháu ngoan Bác Hồ, tuổi nhỏ chí lớn lập chiến công vẻ vang.

Nổi bật như tấm gương sáng lừng lẫy tưởng là những hình ảnh người anh, người đồng chí, chiến sĩ cách mạng - những chính khách, tướng lĩnh cách mạng anh hùng: Nguyễn Chí Diểu (*Những người không chết*), Nguyễn Chí Thanh (*Tiến đưa, Một con người*), Lê Duẩn (*Nhớ về Anh*)...

"*Những người đáng yêu nhất*", cũng là *những người hào hùng nhất*, một thời đã là đội ngũ đông đảo những người cầm súng. Tổ Hữu, từ rất sớm, đã dựng những bức chân dung giản dị, hào hùng về anh Vệ quốc quân, và sau này là những bức họa, những bức tượng đài về người chiến sĩ, từ Anh bộ đội Cụ Hồ đất Bắc đến Anh Giải phóng quân miền Nam. Ông có những đặc tả rất đặc sắc riêng hoặc chung trong bức tranh tổng thể, toàn cảnh của trận đánh, của cuộc chiến đấu chung.

Hoan hô chiến sĩ Điện Biên là bài ca chiến thắng bất hủ, cùng với *Toàn thắng về ta* - một khái hoàn ca hùng tráng, còn tồn tại trong vinh quang tạo nên bản *Anh hùng ca* bất diệt - một thời cho mãi mãi.

Tham gia chiến trận còn có đội ngũ những chiến sĩ làm nhiệm vụ giao thông vận tải, những anh hùng vô danh âm thầm ngày đêm góp phần làm nên chiến thắng: *Những ngọn đèn, Bài ca lái xe đêm*. Và đặc biệt, đó còn là những con người đấu tranh thầm lặng trong lòng địch: "*Áo bà ba, súng nách, tay chèo*"... "*đọc ngang sông rạch*"..., người công nhân thợ điện anh hùng Nguyễn Văn Trỗi - một trái tim "*chói lợi khối sao băng*" (*Hãy nhớ lấy lời tôi*).

Có một thời, hai miền đất nước là "*Nửa công trường, nửa chiến trường xôn xao*". Nhưng rồi, chiến tranh phá hoại miền Bắc, biến nơi đây trở thành tuyến lửa. Cuộc chiến đấu ác liệt ở

miền Nam - thành đồng Tổ quốc, vùng đất này trở thành "*Tuyến đầu chống Mỹ*".

Rồi cả nước trở thành một trận tuyến:

Nam Bắc hai miền chiến công lừng lẫy.

Việt Nam là chiến trường chống Mỹ rực lửa. Chính ở đây đã diễn ra "*Cuộc diễu binh hùng vĩ/ Ba một triệu nhân dân/ Tất cả hành quân/ Tất cả thành chiến sĩ... Mạnh hơn thác trùng trùng vô tận*" (*Chào xuân 67*).

Đất nước anh hùng bao gồm các quê hương anh hùng: Bến Tre - quê hương đồng khởi, Vinh Linh - lũy thép. Rồi "*Chaki oanh liệt, Bản Đông anh hùng*", Lộc Ninh - đất lửa máu nóng, Thừa Thiên - "*Núi xanh khí phách*". Đặc biệt là Trường Sơn - con đường chiến đấu rực lửa tuyệt đẹp - *Đường ra trận*:

Trường Sơn, xẻ dọc, rọc ngang

Xẻ tay mà viết nên trang sử hồng

Trường Sơn vượt núi, băng sông

Xe đi trăm ngả, chiến công bốn mùa.

(Nước non ngàn dặm)

Đất nước mệnh mông cũng là *ngàn dặm anh hùng*.

Ở Việt Nam, có câu nói: "*ra ngõ gặp anh hùng*". Nhưng rồi lại có câu khác bổ sung: "*trong nhà đã có anh hùng*". Vậy là, *người anh hùng, nhà nhà anh hùng*.

Hình tượng *người anh hùng* là hình tượng đẹp nhất, kỳ vĩ nhất, và đó thường là những con người vô danh:

Chào anh du kích đất Cam

Đẹp như pho tượng Đam San thuở nào

(...)

Hỡi em, đúng sĩ mười lăm
Trẻ thơ mà đã ngang tầm nước non
Hỡi ông, tuổi tám mươi tròn
Ngực phanh mũi súng, tra đòn chẳng nao.

(Nước non ngàn dặm)

Một thời khói lửa kháng chiến, khẩu hiệu hàng đầu của toàn quốc là “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”. Nhiệm vụ sống còn của toàn quân, toàn dân là “Quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược”, phong trào quyết liệt nhất, thiêng liêng nhất của cả nước là “Thi đua giết giặc cứu nước”.

Có thể tưởng tượng là trong thơ Tố Hữu đã có đủ mặt anh tài, các chiến sĩ anh hùng như quần tụ đông đảo ở cuộc đại hội lập công và bình công.

Có rất nhiều người đã được tôn vinh danh hiệu cao quý trong đời, nhưng tất cả toàn thể quân dân đều được Tố Hữu gắn huân chương bằng thơ, trong thơ.

Một người bạn lớn của Việt Nam, tướng Anatoly Ivanovich Khiupenen, nguyên Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô trong chiến tranh Việt Nam, đã trả lời phóng viên *Thông tấn xã* của ta: “Chiến thắng của các bạn là nhờ sự chiến đấu anh dũng, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nhờ tình yêu Tổ quốc của nhân dân Việt Nam... Lãnh thổ Việt Nam có thể bị xâm chiếm, nhưng nhân dân Việt Nam không bao giờ chịu khuất phục”. Là người lãnh đạo Hội Hữu nghị Nga - Việt, ông có lời tôn vinh rất cao, cũng là lời cảnh báo đến tất cả mọi thế lực phản động có dã tâm xâm chiếm đất nước anh hùng: “Lịch sử hàng nghìn năm của Việt Nam đã cho thấy, những kẻ xâm lược, cuối cùng cũng phải rút chạy khỏi Việt Nam”.

Hầu như Tố Hữu đã thể hiện được tất cả những đặc điểm và phẩm chất cơ bản nhất của nhân cách anh hùng, cũng là chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong thơ.

Trước hết, đó là sự thể hiện tinh thần yêu nước mãnh liệt, ý chí kiên cường, bất khuất trước mọi kẻ thù xâm lược.

Một bà **Mẹ Suốt** đã đồng dạc tuyên bố: “Mẹ rằng: Cửu nước mình chờ chi ai?”. Một em Hòa kiên cường:

Phải chi ra trận xung phong
Mãng non em cũng sắt đồng chứ sao!

(Chuyện em)

Cũng như em còn biết bao “Người anh hùng mười tuổi, vô danh/ Trước súng giặc không cúi đầu khuất phục” (Trên đường thiên lý).

Bước vào cuộc chiến là sự thể hiện tinh thần cách mạng tiến công quyết chiến quyết thắng. Tác phong chiến đấu là “tìm địch mà đánh, bám địch mà diệt”, tấn công tận sào huyệt kẻ thù:

Xuân 69:

Ta tiến công. Với sức mạnh thánh thần
Của những Phan Hành Sơn
đánh tung núi Ngũ Hành, diệt Mỹ!

Ở **Bài ca xuân 71**, như có hiệu lệnh chiến đấu:

Ta sẽ đánh, đánh những đòn sét đánh
Lũ diều hâu phải rã cánh tan tành.

Dựa vào sức mạnh là chính, dũng cảm và mưu trí, sáng tạo.

Một dũng sĩ nhỏ tuổi mà chí lớn, đầy mưu lược và vô cùng linh hoạt: “Khi đi trinh sát, khi gài mìn chông/ Khi ra xung trận giữa đồng/ Khi lặn lội lửa, thoát vòng giặc vây”. Không chỉ thế, em còn dám thách thức và sỉ nhục quân thù:

“Súng này càng bắn càng hay/ Một tay em chấp mười tay quân thù/ Thăng Mỹ vừa ác vừa ngu/ Nó như con cọp mất mù đó thôi” (Chuyện em).

Trí tuệ Việt Nam đã tạo ra những chuyện thần kỳ: “Đến ông đại cũng luyện thành chiến sĩ/ Và hoa trái cũng hóa thành vũ khí” (Emily, con...).

Cuộc kháng chiến ở Việt Nam là kỳ diệu bởi một lẽ hiển nhiên:

“Đường mòn Hồ Chí Minh” là con đường sáng tạo.

Đó là con đường mang sức mạnh lịch sử để ta chiến thắng: “Tự xây đắp để ngang tầm thế kỷ” (Tuổi 25).

Chiến tranh, xét cho cùng là sự *đấu lực* và *đấu trí*. Trí đi cùng và thường khi đi trước lực (chiến lược và chiến thuật về chính trị, quân sự). Máy bay *Mic hạ gục B52* là như vậy.

Lạc quan, vô cùng tin tưởng để làm nên dũng khí cách mạng.

Một đất nước kỳ lạ - “Chìm trong khói lửa vẫn xanh tươi”. Một dân tộc kỳ diệu - “Mưa bom bão đạn, lòng thanh thản/ Nhặt muối, vơi cơm, miệng vẫn cười”.

Thật khó để hình dung thời chiến tranh với những con người vừa sống, vừa sản xuất, vừa chiến đấu:

Chào cô dân quân vai súng tay cày

Chân lội bùn, mớ hạ máy bay

Chào các cụ bạch đầu quân trồng cây chống Mỹ

Chào các mẹ già run tay vá may cho chiến sĩ

Chào các em, những đồng chí của tương lai

Mang mũ rơm đi học đường dài...

Chuyện thần kỳ, dân tộc ta là vậy.

Đó là lời *Chào mùa xuân* những năm đánh Mỹ và thắng Mỹ, là bài hát chiến đấu mang tinh thần lạc quan của “Người vẫn ngọt ngào qua muôn nỗi đắng cay/ Sống chết từng giây, mưa bom bão đạn/ Lòng nóng bỏng căm thù vẫn mát tươi tình bạn” (*Chào xuân 67*). Bởi ta biết rõ: “Ta vì ta ba chục triệu người/ Cũng vì ba

ngàn triệu trên đời”. Ta giữ “*mảnh đất xanh*” cho cả địa cầu, cho cả “*trái đất thiêng*”.

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam cũng thể hiện *tinh thần nhân văn* cao cả, xuất phát từ tấm lòng dân tộc và nhân loại.

Thơ Tố Hữu chính là *nghệ thuật anh hùng thời đại anh hùng*.

Hầu như tất cả đều là người thật, việc thật, có tên tuổi, có địa chỉ. Vậy mà, một ngòi bút tài năng đã biến cái bình thường, cái chân thật cất cánh bay bổng. Bút pháp ấy vô cùng hiện thực mà cũng rất lãng mạn, đặc biệt là thủ pháp *thần kỳ hóa* của một chủ nghĩa huyền ảo mới.

Từ một dáng vẻ “*Ta đứng đây lăm liệt đường hoàng*” của cả dân tộc, đến chân dung anh chiến sĩ Giải phóng quân với “*đôi dép lội chiến trường*”, “*vành mũ lá coi thường hiểm nguy*”:

Anh đi xuôi ngược tung hoành

Bước dài như gió lay thành chuyển non.

(*Tiếng hát sang xuân*)

Nhân vật trong thơ Tố Hữu thường “*ngang tầm nước non*”, từ một em bé đến một bà mẹ. Con người như được tạc vào sông núi, biển trời:

Ngẩng đầu mái tóc mẹ rung

Gió lay như sóng biển tung trắng bờ.

(*Mẹ Suốt*)

Rồi như cả đất trời, cả tháng năm cũng tạo nên một không gian, thời gian nghệ thuật đặc sắc. Mùa xuân được thần kỳ hóa, mang sức mạnh thần thánh cùng con người:

... *Hãy xung phong. Hỡi mùa xuân 67 anh hùng!*

... *Hoan hô Xuân 68 anh hùng!*

Hãy gấm lên như sấm sét đùng đùng.

Vạn vật như có phép màu: “mái chèo một chiếc xuống con” đủ sức khuấy động: “Làm sông nước dậy sóng cồn đại dương”, “Chiếc mũ vải mềm như một bàn tay nhỏ... Mà xông xáo, mà tung hoành ngang dọc/ Mạnh hơn tất cả đạn bom, làm run sợ cả Lầu Năm Góc!”. Đó là những hình ảnh trong *Khúc ca xuân* một thời (*Tiếng hát sang xuân, Bài ca xuân* 68).

3.

VIỆT NAM MÁU VÀ HOA

Chiến tranh đã khép lại. Một thời kỳ xây dựng mới mở ra. Trong thơ Tố Hữu, chân dung đặc tả anh hùng hiện ra chưa nhiều, nhưng khắp nơi tràn ngập khí thế hào hùng mới:

*Ôi Việt Nam! Từ trong biển máu
Người vươn lên, như một thiên thần!*

Huế lại huy hoàng. “Câu Nam ai hóa bài ca anh hùng!” (Bài ca quê hương). Hơn đầu hết, “Miền Nam trong lửa đạn sáng ngời” thời xưa, nay sáng đẹp biết bao trong khí sắc mới.

“Giữa đồng tro tàn, tay ta nhóm lửa”.

“Đất nước còn nóng bỏng”, nhưng “gai lửa nở mùa hoa”. Bắt đầu xuất hiện những hình ảnh người phụ nữ mới trong các hoạt động kinh tế, xã hội: *Chị bí thư nhà máy, Người mẹ nuôi*. Tiếng hát ngày hội *Tuổi thần tiên* như hòa giọng điệu *Hát trên giàn khoan dầu*. Trai gái đất “Quảng Bình xưa chiến trường/ Tiếng anh hùng một thuở” đua nhau lên đường vào Nam làm nên những *Chuyện vui xí nghiệp*. Những người lính anh hùng xưa, hàng trung đoàn, nay khai hoang biến một vùng ngập lụt hoang tàn bao năm bom đạn thành “biển lúa ngời ngời”, “Mênh mông Đồng Tháp, mênh mông mùa vàng” trở thành “Cõi người hiền” trong cuộc đổi mới.

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng thời chiến đã trở thành sức mạnh tinh thần thời bình như sự bảo toàn và chuyển hóa năng lượng.

Hi vọng trào dâng *Vội Đàng, mùa xuân*: “Trên trận địa năm xưa, rạch những đường cây mới..., Ta sẽ đi như lao vào trận đánh/ Đường Hồ Chí Minh rộng mở thành thành”:

*Tổ quốc ta như một thiên đường
Của muôn triệu anh hùng làm nên cuộc sống.
(Vui thế, hôm nay...)*

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam thời nay, tiếp thu được nguồn mạch từ truyền thống, đã trở thành hiện thực hiển nhiên:

*Nghìn năm qua, đất nước lòng lấy bao chiến công
Dân tộc anh hùng. Rạng rỡ Thăng Long*

(...)

*Hai tiếng Việt Nam vang lừng mặt đất.
(Du xuân - 1/1999)*

Đó là tiếng hát cất lên suốt một đời thơ.

Lý tưởng chiến đấu được tiếp sức bởi đức hy sinh cao cả tuyệt vời trong cao trào cách mạng giải phóng trên toàn thế giới. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng trở nên vô địch khi có thêm sức mạnh hùng hậu mới: “*Khi dân tộc nhịp bước cùng thời đại*”. Đó cũng là một mạch nguồn của “*sức mạnh thần kỳ*” Việt Nam:

*Tình thương lớn, mạnh hơn lửa thép
Trận địa đây xây giữa lòng người.*

(Việt Nam, máu và hoa)

Cần nhấn mạnh thêm một nét đặc sắc của tình thương mến Tố Hữu. Được giác ngộ lý tưởng cộng sản từ rất sớm, nhà thơ đã có được tình cảm, cũng là ý thức mới là tình giai cấp. *Tình giai cấp* là không biên giới. Vì vậy, nhà thơ cũng đồng thời có được *tình thần quốc tế* trong cốt cách nhà cách mạng trẻ tuổi. Để hiểu vì sao ngay từ tập thơ *Từ ấy* đã có được hình ảnh của con người

yêu nước, anh hùng trong cuộc kháng chiến chống Nhật, nhất là những phụ nữ: *Tình thương với chiến tranh, Đông Kinh nhuộm máu, Ly rượu thọ, Tiếng sáo Ly Quê, Song Thất*. Bài 14 tháng 7 ca ngợi cuộc phá nhà tù ngục Basti (Bastille) để đấu tranh đòi quyền dân chủ của quần chúng Paris: “*Thuở oanh liệt của muôn đời chiến sĩ... Hồn cách mệnh đã chôn ngòi thuốc nổ*”. Đó chính là chủ nghĩa anh hùng lạc quan của quần chúng: “*Đêm đang biến nghĩa là ngày đang dấy*”.

Thơ Tố Hữu từ sau Cách mạng cũng thể hiện một tình yêu thương không biên giới với ý thức đồng cảm của những con người cùng chiến tuyến: tinh thần quốc tế ở nhiều bài cũng thể hiện sự ca ngợi chủ nghĩa anh hùng của nhân dân các nước bạn: Trung Quốc, Ba Lan, Liên Xô, Cuba... Đặc biệt là sự tỏa sáng của Lênin như một lãnh tụ anh hùng: *Trước Kremlin, Với Lênin, Lẽu cô Lênin...* và đất nước anh hùng: *Xtalingrát, một ngày xuân, Xtalingrát anh hùng*.

Truyền thống lịch sử và truyền thống cách mạng thời hiện đại cũng được đề cập: “*Những hồn Trần Phú vô danh*” được lưu truyền và chuyển tải, biến hóa thành lý tưởng mới, sức mạnh mới: “*Hồn nước dựng thành cao muôn trượng/ Tây Đảng rền lực lượng muôn dân*” (*Ba mươi năm đời ta có Đảng*).

Ngay trong những ngày Tổng khởi nghĩa, nhà thơ trẻ đã phát hiện một sức mạnh thiêng liêng được phát động và phát huy từ vị lãnh tụ tối cao - Hồ Chí Minh:

*Người xông lên
Và cả đoàn quân, thừa huyết khí thanh niên
Rập bước tiến bên người Cha anh dũng
... Diệt cường quyền
Ôi sức mạnh vô biên.*

(*Hồ Chí Minh* - 26/8/1945)

Và từ đó, “*Người đi trước, nghìn sương muôn tuyết/ Dắt dìu dân nước Việt Nam ta*” (*Ba mươi năm đời ta có Đảng*). Người đã đưa chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam thành sức mạnh bách chiến bách thắng huyền thoại, vô địch trong thời đại.

“*Hồ Chí Minh, sự hiện diện mẫu mực của một con người thời đại chúng ta*” (René Depestre - Cuba). Hồ Chí Minh - “*Là chiến thắng huy hoàng trời Tổ quốc...*”, như tỏa sáng “*non sông... hoa cỏ thấy anh hùng*” (Chế Lan Viên).

Tiếng *Chim sơn ca cách mạng* Tố Hữu đã, đang và sẽ còn vang vọng mãi với bản *Anh hùng ca Việt Nam* chiến đấu và xây dựng.

Đất nước - “*Như huyền thoại, từ tro tàn máu chảy/ Phượng hoàng vươn cánh dấy, hồi sinh*” (*Cho xuân hạnh phúc đến muôn người*).

Ta hãy cùng hy vọng như *Cảm nghĩ đầu xuân 2002*:

*Mở rộng con đường huyền thoại Hồ Chí Minh
Cho Tổ quốc mai sau lên tuyến đầu nhân loại.*

CON NGƯỜI VIỆT NAM VỚI PHẨM GIÁ VÀNG TRONG THƠ TỔ HỮU(*)

I. CHÂN DUNG, CỐT CÁCH, BẢN LĨNH VIỆT NAM

Con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam một thời trở thành “câu hỏi” của thế giới, một “vấn đề” cần giải mã.⁽¹⁾

Kẻ thù xâm lược đặt câu hỏi: “*bóng ma “Việt Minh” là ai?*”. Có hay không “*quân Việt Minh*” - đội quân du kích chân trần, lợi bộ và khoác súng trường. Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân ta cũng được gọi là “*Bộ Tư lệnh Việt Minh*” và Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam cũng được xem là “*Đài Việt Minh*”. Thất bại của Pháp ở Điện Biên Phủ, cũng chính là thất bại của Mỹ. Vậy nhưng ngay sau đó, Mỹ lại tiếp tục cuộc chiến mới với “những đối thủ chất lượng cao” mà quân Pháp bại trận đã phải thừa nhận. Trong những quyển hồi ký sau này, các chính khách Mỹ đã cay đắng nhận ra sai lầm chiến lược là không hiểu con người Việt Nam, đến mức sa lầy vào cuộc chiến tranh phi nghĩa, tốn kém khủng khiếp, để rồi chuốc lấy thất bại nặng nề.

Những người có lương tri, quan tâm đến chiến sự ở Việt Nam, đã có lúc lo lắng và tự đặt câu hỏi: “*Việt Nam có dám đánh Mỹ không?*”.

(*) ngonnguivanhoc.edu.com, 10/2015 và cbnguoiyeusach.com, 8/2015.

Khi chúng ta đã tiến hành cuộc chiến đấu dũng cảm và bước đầu thắng lợi, thế giới lại đặt câu hỏi: “*Liệu Việt Nam có thắng Mỹ hay không?*”.

Các nhà thơ Việt Nam lúc đó, mà ca sĩ nổi bật và hào hùng bậc nhất - Tố Hữu đã đáp trả vô cùng mạnh mẽ:

Ta sẽ đánh, đánh những đòn sét đánh

Lũ diều hâu phải rã cánh tan tành.

(*Bài ca xuân 71*)

Ta sẵn sàng xé trái tim ta

Cho Tổ quốc, và cho tất cả

(...)

Đời yêu ta, ta phải thắng cho đời.

(*Việt Nam máu và hoa*)

Quyết chiến! Quyết thắng! Đó là ý chí, là tâm niệm, là nguyện vọng ngày đêm nung nấu của mỗi người dân để dồn chuyển vào sức mạnh tay búa, đường cày, mũi gươm, ngọn súng.

Con người Việt Nam - *nhẫn nại, kiên cường, bất khuất, dũng cảm tồn tại và chiến thắng* đã là lời giải đáp đầu tiên, trước hết thật hùng hồn cho thế giới.

Có lẽ tiêu biểu nhất là “*những nàng xuân rất dịu dàng*” thời **Ra trận** chống Mỹ: “*Nhẹ nhàng tay cấy bên sông ấy/ Súng khoác trên lưng, chẳng ngỡ ngàng*” (*Xuân sớm*).

Đã có những bình luận của người nước ngoài châm biếm sâu sắc, cười ra nước mắt cho kẻ chiến bại: Bọn đế quốc chỉ *biết đếm* - tiền bạc, đạn bom,... mà không *biết làm thơ* nên chúng thất bại. Đúng là bọn máu lạnh ấy không biết làm thơ đã đành, nhưng chúng cũng không chịu đọc thơ, nhất là thơ Việt Nam. Bởi nếu đọc thơ Tố Hữu, chúng sẽ thấy được bức tranh toàn cảnh của cuộc chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Nổi lên trên công cuộc giữ nước và dựng nước thời đại mới là gương mặt cốt cách con người: từ chân dung vị lãnh tụ tối cao đến hình ảnh người dân thường. Nhà nhiếp ảnh tài ba đã thu hình đủ loại người, đủ nhóm người, lớp người trên các mặt trận sản xuất và chiến đấu, từ rất trẻ - *Lượm, Chuyện em*,... đến những bà mẹ luống tuổi: *Bà mẹ Việt Bắc, Bà bủ, Bầm ơi, Mẹ Suốt, Mẹ Diệm*. Hình tượng người phụ nữ cũng khá đông đảo: *Phá đường, Chị là người mẹ, Người con gái Việt Nam, Tiếng chổi tre, Chiếc áo xanh, Chị và em, Chị bí thư nhà máy, Người mẹ nuôi*,... Ngoài ra, thơ còn có đủ người thợ của cả xưa và nay: *Đời thợ, Hãy nhớ lấy lời tôi, Xưởng nhà, Hát trên giàn khoan dầu, Chuyện vui xí nghiệp*,... Người lao động, nông dân hiện lên như những gương mặt thân quen, chủ lực quân từ đồng ruộng đến chiến trường. Nổi bật nhất là hình ảnh cá nhân và tập thể những người nông dân mặc áo lính, từ anh Vệ quốc quân hiện diện sớm nhất với *Cá nước*, và lớp lớp chiến sĩ anh hùng xuất hiện trong bản tráng ca *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên*. Chân dung, hình tượng tuyệt đẹp của anh Giải phóng quân cũng được khắc họa rõ nét qua hàng loạt bài thơ xuân: *Chào xuân 67, Bài ca xuân 68, Xuân 69, Bài ca xuân 71* cho đến *Toàn thắng về ta*. Hình ảnh nhân dân như một hình tượng khái quát, được thể hiện quán xuyến qua rất nhiều khung cảnh chung. *Tà đi tới*: “Đội ngũ ta trùng trùng điệp điệp/ Cao như núi, dài như sông/ Chí ta lớn như biển Đông trước mặt”. *Chào xuân 67*: “Xuân hãy xem! Cuộc diễn binh hùng vĩ/ Ba một triệu nhân dân/ Tất cả hành quân/ Tất cả thành chiến sĩ”.

Chiến tranh và hòa bình xen kẽ, đan lồng, tiếp nối trong hiện thực đời sống. Có thời, có con người phải tạm thời rời bỏ cuộc cày cấy cầm súng, nhưng rồi đến lúc buông súng lại về với ruộng vườn, chuồng trại. Đó là hình ảnh anh bộ đội phục viên Hồ Giáo trở thành anh hùng lao động trong *Thăm trại Ba Vì, Gặp anh Hồ Giáo*, là chân dung Trung đoàn trưởng Tư Khương về hưu lại tình nguyện chỉ huy mấy trung đoàn thanh niên đi khai hoang vùng Đất mới miền Nam trong *Đông Tháp Mười*...

Cái hay của thơ Tố Hữu không chỉ là điểm duyệt đầy đủ *chân dung*, mà quan trọng hơn, còn là thể hiện thật chính xác bộ mặt tinh thần, những *tính cách* tạo nên *nhân cách* của nhân vật trữ tình.

Thành công chủ yếu của Tố Hữu - chính là đã thấu tóm được thế giới tâm hồn, những tính cách điển hình làm nên một *nhân cách* cao đẹp cũng là *bản lĩnh* cao cường của con người Việt Nam - phẩm chất “*vàng*” của “*nhân phẩm, lương tâm*”.

Con người Việt Nam, nổi bật là con người *anh hùng, bất khuất*, tiêu biểu cho ý chí tiến công cách mạng trong thời đại. Đó cũng là biểu tượng ngời sáng của *chiến đấu* và *chiến thắng* vì lý tưởng: “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*” của thời đại Hồ Chí Minh...

Tính cách này được quán xuyến qua những chặng đường lịch sử cách mạng, từ thời tiền khởi nghĩa đến suốt 30 năm kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và cả sau năm 1975.

Theo chân Bác: Bốn mươi thế kỷ cùng ra trận khẳng định chủ nghĩa anh hùng truyền thống tiếp sức, làm nên sức mạnh tổng hợp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng ngày nay: “*Có lẽ nghìn năm đã dạn dày/ Anh hùng xưa để giống hôm nay*” (*Tâm sự*).

Buộc phải cầm súng tự vệ, nhưng Việt Nam vốn là một dân tộc yêu chuộng hòa bình. Con người Việt Nam mang bản chất *nhân ái, đôn hậu*. Chủ nghĩa nhân văn là một truyền thống quý giá bậc nhất. Chính vì yêu thương nên chúng ta biết căm ghét cái ác, lên án và chống lại các thế lực xâm lăng, dù hùng hậu, siêu cường. Yêu thương chính là động lực, là nguồn sức mạnh chính yếu để chiến đấu và chiến thắng.

Bình Ngô đại cáo vang vọng muôn đời:

Đem đại nghĩa để thắng hung tàn

Lấy chí nhân để thay cường bạo.

Nhân và *nghĩa* truyền thống là tư tưởng coi trọng con người, coi trọng nhân dân, hòa hiếu giữa các dân tộc, và cũng là lòng bao

dung, độ lượng với kẻ thù đã đầu hàng. Tư tưởng ấy được phát huy và biến hóa trong thời đại mới cách mạng: “*Tình thương lớn mạnh hơn lửa thép/ Trận địa đây xây giữa lòng người*” (*Việt Nam máu và hoa*).

Toàn thắng về ta - như bản “*Bình Mỹ đại cáo*” hiện đại, tạo dựng tượng đài *Thần chiến thắng* với những dáng vẻ, tư thế, thần thái thật oai hùng của *Anh giải phóng quân*:

*Thuở Anh đi, sắc nhọn ngọn tầm vông
Giản dị như chàng trai làng Gióng
Vũ khí, chính là Anh, lòng yêu thương mệnh mông
Vũ khí, chính là Anh, lửa căm hờn nóng bỏng!*

(...)

*Khí phách Anh là Trường Sơn thanh cao
Rất mãnh liệt và cũng rất dịu dàng,
tâm hồn Anh là muôn trùng sóng bể!*

Đó là hình tượng kết tinh sự gần bó hữu cơ chí anh hùng và đức nhân văn của con người chiến đấu.

Yêu thương, Tin tưởng và Hy vọng. Chủ nghĩa lạc quan không tách rời với tinh thần nhân văn và khí phách anh hùng.

Trong chiến trận, con người “*biết lẽ phải, biết yêu thương căm giận/ Biết đi tới và làm nên thắng trận... Ta quyết thắng. Giành mùa xuân đẹp nhất!*” (*Bài ca xuân 68*). Hòa bình lập lại, con người Việt Nam bước vào sự nghiệp mới: “*Xây dựng đời ta, phá vòng vây kẻ xấu/ Thêm một cuộc trường chinh, cho ánh sáng văn minh xóa bóng đêm lạc hậu*”. Ước vọng cháy bỏng của Tố Hữu với tương lai:

*Mở rộng con đường huyền thoại Hồ Chí Minh
Cho Tổ quốc mai sau lên tuyến đầu nhân loại.*

(*Cảm nghĩ đầu xuân 2002*)

Trên trời: “*Nhộn nhịp trời xanh những chuyến bay nhanh, khỏe*”. Dưới nước: “*Cầu đẹp thêm duyên dáng những dòng sông*”. Ngoài khơi: “*Ôi! Biển Đông chưa bao giờ đẹp thế/ Những giàn khoan khí đò khơi xa/ Nối đuôi nhau những con tàu bay phấp phới lá cờ ta/ Vượt sóng lớn, ra khắp đại dương hùng vĩ*”.

Đã xuất hiện thấp thoáng bóng dáng sáng đẹp những con người thời hòa bình xây dựng đổi mới và bước đầu hội nhập thế giới.

Có những con người rất đẹp giữa đời thường trong ánh sáng lãng mạn mà hào hùng mới: “*Hàng tơ trong suốt trắng tinh/ Rung rinh tia sáng, lung linh vòm trời*” (*Tầm tư Bảo Lộc*). Lại có những con người với giấc mơ huyền thoại mới: “*Ba mươi năm lê căm quân/ Mười năm qua lại dầm thân Tháp Mười/ Đào kênh, xây ruộng, luyện người...*” (*Đồng Tháp Mười*). Trong hoàn cảnh đất nước còn biết bao thử thách gian truân để vượt qua ải đói nghèo, nhà thơ đã phát hiện con người “*như ngọn lửa*” bùng cháy “*sinh lực tuổi thanh xuân*” trên những công trình thủy điện. Đó là hình mẫu “*những con người thật mới*”:

*Hai bàn tay anh, hai bàn tay sắt
Đang dựng xây vững chắc cho đời
Và dựng xây cả những con người!*

(*Những bàn tay xây dựng*)

Còn biết bao đức tính tốt đẹp của người Việt Nam được khắc họa trong thơ: cần cù, nhẫn nại, giản dị, khiêm tốn, hồn nhiên, thanh khiết... Ta chỉ biết rằng, suốt một đời của mình, Tố Hữu đã thành công đặc sắc trong việc xây dựng một nhân cách Việt Nam cao đẹp tuyệt vời. Đó là chưa kể, trong đó có *Con Người Việt Nam nhất* như nhân vật huyền thoại của dân tộc và cũng là của nhân loại - *Hồ Chí Minh đẹp nhất tên Người*. Tuy nhiên, đây lại là một chủ đề lớn của một công trình khác.

II. CON NGƯỜI NHƯ GIÁ TRỊ THIÊN LIỆNG NHẤT

“Khi dân tộc nhịp bước cùng thời đại” là hoàn cảnh lịch sử mới. *“Việt Nam ơi! Người là ai? Mà trở thành nhân loại”* là quan hệ thế giới mới. Sự mở rộng chủ đề thơ thực chất là nâng cao tầm vóc, vị thế con người mới. Phẩm giá con người dân tộc được so đo, đối sánh với giá trị người giữa nhân gian toàn cầu, trong thời đại.

Tố Hữu không chỉ thể hiện con người mà còn bàn luận về con người. Nói cách khác, nhà thơ quan tâm đến vấn đề con người: bản chất tâm hồn và sức mạnh tinh thần, bước đường trưởng thành của nhân cách... Thế giới tâm hồn của con người, xưa nay vẫn là một bí ẩn chưa được khai thác hết. Văn học nghệ thuật nói chung là sự nỗ lực không ngừng để tìm tòi và phát hiện con người dưới những ánh sáng mới của lịch sử.

Con người mới cách mạng Việt Nam đã được tôn vinh là con người *lương tri nhân loại, con người lương tâm thời đại*: *“Ta hóa vàng nhân phẩm, lương tâm” (Việt Nam máu và hoa)*.

Chế Lan Viên đã phát hiện ra một tình thế mới trong thơ, cũng là thể hiện một tâm trạng mới của nhà thơ Tố Hữu: *“Chưa bao giờ trạng thái hỏi xuất hiện trong thơ nhiều đến thế... Hỏi để mà trả lời. Hỏi để mà khẳng định... Nhờ sự cọ xát mà câu hỏi và lời đáp ấy đã bật ra nhiều ánh sáng”*:

... Và ở đâu? Trên Trái đất này

Người vẫn ngọt ngào qua muôn nỗi đắng cay.

(Chào xuân 67)

... Vì sao ngày một thanh tân

Vì sao người lại mến thân hơn nhiều?

(Tiếng hát sang xuân)

Tự hỏi và tự giải đáp. Có khi là người hỏi và mình trả lời. *Tâm sự* có ghi để từ *Trả lời một bạn văn nước ngoài. Tiếng chổi tre* là nói

với nhau, nhưng chủ yếu là muốn nói với những ai đó ở tận những nẻo trời xa đâu đó. Cũng như *Nhật ký đường về, Đường vào* là một đối thoại kín đáo, tế nhị mà ráo riết, đáo để như kiểu nói “lạt mềm buộc chặt” khôn ngoan của con người Việt Nam:

... *Bạn đường, ai tình ai say?*

Có đi tiền tuyến thì bay với mình

... *Xóm làng đang dậy gà khuya*

Đường xa gánh nặng ai chia với mình?

Đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại quốc tế và kêu gọi đoàn kết thế giới đây!

Thường những vấn đề chính trị, thời sự lớn lao được đề xuất một cách tâm tình bằng giọng trữ tình tha thiết. Khác hẳn nét phong cách chính luận, triết luận của Chế Lan Viên, Tố Hữu làm triết lý nhưng không lập luận suy tư hàn lâm, đó là triết lý của trái tim - hồn hậu mà sâu đậm.

Ta có thể thâu tóm những vấn đề con người trong thời đại mà Tố Hữu đặt ra trong thơ như sau:

- Con người dân tộc và thời đại trong truyền thống và cách mạng.

- Con người trong các mối quan hệ xã hội và lịch sử.

- Con người “trên đời” - con người nhân tình thế thái.

Vào tuổi “cuối thu”, trong tâm thế bình thản và tâm trạng suy nghiệm, Tố Hữu như dồn nén, lắng đọng nhiều điều về con người hơn. Đó cũng là lẽ tự nhiên của một người giàu trải nghiệm.

Thực ra, Tố Hữu làm triết lý từ rất sớm. *Ba tiếng (Từ ấy)* được tờ báo nước ngoài in lại như một bài thơ có chiều sâu triết học. Tuy nhiên, phải vào tuổi “bất hoặc” rồi “tri thiên mệnh” trở đi, nhà thơ mới đạt đến những độ chín muồi về suy tư. Đây cũng là lúc nhà thơ có những tư tưởng tiếp sức cho tâm hồn: *“Đã nghe gió*

ngày mai thổi lại/ Đã nghe hồn thời đại bay cao” (*Ba mươi năm đời ta có Đảng*).

Bao giờ con người Việt Nam cũng được đặt trong khung cảnh, hoàn cảnh, không gian - thời gian xác định, là con người cụ thể trong lịch sử:

Khi dân tộc nhịp bước cùng thời đại.

Ở tầng nghĩa thứ nhất, đó là con người hiện đại, con người nhập cuộc trong dòng chảy của lịch sử dân tộc và thời đại. Một bà mẹ chờ đò trên sông có một tuyên ngôn lý tưởng vô cùng bình dị: “*Mẹ rằng: Cầu nước mình chờ chi ai?*”. Câu thơ sau đây cũng thể hiện sự giác ngộ sâu sắc: “*Ta hiểu vì sao ta chiến đấu/ Ta hiểu vì ai ta hiến máu*”. Ta và ai là ở tầm dân tộc và thế giới. Cao đẹp thay sứ mệnh của con người Việt Nam - vì hạnh phúc của tương lai nhân loại:

Nếu được làm hạt giống để mùa sau

Nếu lịch sử chọn ta làm điểm tựa.

(*Chào xuân 67*)

Chúng ta quyết chịu “*vạn ngày lửa đạn*” cho “*nhân loại ngẩng cao đầu*” những “*nghìn năm*” với ngọn cờ độc lập, tự do.

Dân tộc theo nghĩa hiện đại còn có nghĩa là truyền thống và cách mạng. Trong sứ mệnh thời đại, còn ẩn sâu đạo lý dân tộc. “*Bốn biển anh em hòa hợp lại*” cũng là quan niệm truyền thống mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng tuyên bố: “*Vì trong bốn biển đều là anh em*”.

Con người trong thơ Tố Hữu ngày càng cao đẹp với tầm vóc thời đại. Ở *Từ ấy*, nổi bật là *con người dân thân*. Thời *Việt Bắc*, nhà thơ giới thiệu hình ảnh của *con người giải phóng*. Từ *Gió lộng*, là hình mẫu hoàn toàn mới: *con người tập thể, con người tự do*. Trong cuộc *Ra trận* hào hùng, dân tộc được tượng trưng cho *con người xả thân* vì nghĩa lớn với hình ảnh đậm chất huyền thoại:

... Trong đêm tối, tìm ta làm ngọn lửa.

... Ta sẵn sàng xé trái tim ta

Cho Tổ quốc và cho tất cả.

Tố Hữu là người có suy nghĩ sâu sắc về con người trong các mối quan hệ xã hội. *Tiếng ru* là bài thơ đậm đà triết lý và đạo lý.

Sự nghiệp cá nhân sẽ tạo dựng sự nghiệp tập thể, chẳng khác nào “*thân lúa chín*” tạo nên “*mùa vàng*”. Hiểu rộng ra, đó là quan hệ giữa con người với nhân gian. Con người sẽ phát sáng như tinh tú hay tàn lụi như đốm lửa đều ở sự nghiệp, công trình của cá nhân với xã hội, với cuộc đời.

Con người các thế hệ là sự tiếp nối các dòng đời trong thời gian lịch sử.

Đạo lý ở đây thật sâu đậm - niềm tin yêu thấm thiết mang tính truyền thống: “*Tre già yêu lấy măng non/ Chắt chiu như mẹ yêu con tháng ngày*”.

Con người (1993) có khuynh hướng triết luận lọt vào vườn thơ trữ tình như một bông hoa lạ với sắc hương đầy triết lý.

Về tuổi tác, Tố Hữu đã bước vào tuổi “xưa nay hiếm”, thừa sức để bàn triết lý. Nhưng điều quan trọng là tình thế đã và đang diễn ra bao đổi thay, xáo trộn ở tầm vĩ mô: “*Vết thương đau, đau cả thế gian này*” (*Người đứng đó, Lenin*), “*Đào điền thiên hạ đổi màu, tên*” (*Thăm Bác, chiều đông*). Mượn tâm thế của Bác, Tố Hữu nói lên trải nghiệm bản thân: “*hàng nghe đủ chuyện trên đời/ Dở hay, khôn dại, khốc hay cười*”. Giờ đây, Tố Hữu nêu lên triết luận của mình về *Con người*. Ở bài thơ, ít ra có mấy luận điểm quan trọng nổi bật thấu tóm được quan niệm con người qua sáng tác từ xưa, đến nay được nhấn mạnh:

1. *Con người tạo nên chính mình*. Con người là sản phẩm của tự nhiên, cũng là của chính mình.

2. *Con người là chủ thể của lịch sử.* Con người là động lực của phát triển, là chủ thể của sáng tạo văn hóa, văn minh.

3. *Con người là giá trị cao nhất.* Con người là mục tiêu đầu tiên và cuối cùng.

4. *Con người sống giữa nhân gian.* Con người mang thể thái, nhân tình.

Tố Hữu đã hơn một lần ra tuyên ngôn về *chủ nghĩa nhân văn và chủ nghĩa lạc quan cách mạng*. Nhà thơ có một lời tuyên chiến ngầm không kém phần quyết liệt - thiện chống ác, tiến bộ chống tha hóa:

Đời Người không thể lại là kiếp con.

Và một lời kêu gọi mạnh mẽ cho một *nhân sinh quan* có sắc thái mới: sống đổi mới, sống sáng tạo, sống khám phá (chống “sống mòn” tức sống thụ động, chai lì). Ý tưởng được gửi gắm như tâm huyết cuối đời của Tố Hữu: “*Tự tay ta khai thác thiên nhiên, khám phá cả chính mình*” (*Cảm nghĩ đầu xuân 2002*).

Trước hết và sau cùng chính là ta phải khám phá chính mình để tạo ra *giá trị bản thân*, một *nội lực* như ẩn tàng tiềm năng “nguyên tử” tinh thần.

Con người như một đúc kết hệ thống luận đề về *Giá trị Người, Chất lượng Người* cần phải có trong “*Trăm năm*”, “*Đời người*”. Đó là chiều sâu triết lý thơ của Tố Hữu về con người nói chung mà nổi bật là *con người dân tộc trong thời đại*. Qua thử thách đấu tranh “*Vì thiêng liêng giá trị Con Người*” khốc liệt “*Chúng muốn đốt ta thành tro bụi/ Ta hóa vàng nhân phẩm, lương tâm*”, Việt Nam ngời sáng “*trở thành nhân loại*”.

Theo nhà thơ, người ta không ai là thần thánh. “*Trời không có thiên thần/ Đất không có thánh nhân*”. Ta không thể ảo tưởng về

mình, ta “*không tự giấu mình*” nhất là trong thời hội nhập toàn cầu, cạnh tranh hòa bình về văn minh, văn hóa.

Đấu tranh để hoàn thiện nhân cách tốt đẹp là một việc cần làm suốt đời. Tuy nhiên, ta cần phải biết tự hào chính đáng với danh hiệu vinh quang - *Con Người Việt Nam*.

Con người Việt Nam đấu tranh dựng nước và giữ nước hôm qua, hôm nay và ngày mai luôn đồng nghĩa với *con người lương tri nhân loại, con người lương tâm thời đại* cũng là *con người đạo lý dân tộc* - dân tộc truyền thống nghìn năm văn hiến và dân tộc văn hóa văn minh hiện đại. Con người đã được ký gửi niềm tin và hy vọng nhân loại đã, đang phát sáng, cần tiếp tục tỏa sáng trong tương lai.

Tố Hữu - ca sĩ sử thi hào hùng của thời đại mới cách mạng - khi ra đi còn gửi lại bao thông điệp thiết tha tâm huyết nhất và những kỳ vọng vô cùng mãnh liệt về Đất nước, Con người Việt Nam. Nhà thơ lớn tưởng như nghe tiếng của Bác Hồ - “*Người trông người vĩ đại*” nhắc nhở gìn giữ và phát huy “*phẩm chất vàng*” nhân cách Việt Nam:

Chờ ngủ say trên vòng hoa chiến thắng

Hãy liêm chính, giữ lòng trong sáng

(...)

Chân lý không ở hư vị, hư vinh

Giá trị mới trong mỗi con người mới.

(*Chào thế kỷ 21!*)

MÙA XUÂN NGẮM TƯỢNG ĐÀI CHIẾN SĨ^(*)

Chiến dịch Điện Biên Phủ mở màn mùa xuân 1954 đem đến chiến công “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”. Đại thắng Mùa xuân lịch sử 1975 đưa đất nước vào Đại đoàn viên.

Mùa xuân “mơ nở trắng rừng” hay “lộng lẫy mai vàng” đều gợi nhớ chiến sĩ anh hùng như một tâm thức đạo lý cao đẹp Việt Nam.

Nhà thơ lớn Tố Hữu là người viết sớm nhất về quân đội: người chiến sĩ của lực lượng vũ trang nhân dân, xuất hiện từ *Giết giặc* viết về kháng chiến Nam Bộ:

*Giết giết quân xâm lược
Mau xung phong! Xung phong!*
(...)
Tiến lên. Quân giải phóng.
(13/10/1945)

Ba mươi năm sau kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cho đến “*Toàn thắng về ta*”, “Anh bộ đội Cụ Hồ” bao giờ cũng nổi bật như hình ảnh con người đẹp nhất và đáng yêu nhất, đặc biệt là trong thơ Tố Hữu.

(*) Tạp chí Văn nghệ quân đội, số 792, 3/2014.

Tố Hữu cũng là nhà thơ có cả một quá trình dài gần như suốt đời, từ sau tháng 8/1945 thể hiện hình ảnh người lính cách mạng cũng như bước đường chiến đấu và chiến thắng trong sự nghiệp của toàn dân.

Cá nước xứng đáng là bức chân dung rất chân thật về “Anh chiến sĩ hiền lành/ Tì tay trên mũi súng” như thói quen của người nông dân luôn cày cuốc. Lúc này anh có tên gọi là Vệ quốc quân trong quan hệ ruột thịt với nhân dân như cá với nước. Người nông dân mặc áo lính ấy mộc mạc chân thành, mới ra khỏi lũy tre làng nên không khỏi chạnh lòng “*Chắc có lúc lòng anh/ Nhớ nhà anh nhớ lắm*”. Tuy nhiên với nhà thơ và với mọi người, anh là “*Người bạn đường anh dũng*”. Đó là đàn em của lớp chiến sĩ Giải phóng quân từ thời hoạt động bí mật ở chiến khu như anh con trai *Bà mẹ Việt Bắc*: “*Nó đi câu nước/ Làm lính Cụ Hồ*”.

Tập thơ *Việt Bắc* như tạo ra bức tranh liên hoàn về bộ đội. Đó là những con người cầm súng ở nhiều dáng vẻ, nhiều tư thế trong những khung cảnh khác nhau.

Đó là những phút tạm dừng chân nghỉ ngơi ở lưng đèo (*Cá nước*), hoặc về thăm nhà “*Ở chơi ít bữa*” như anh con trai bà mẹ xung phong “*Vào Nam đánh giặc*” trong *Bà mẹ Việt Bắc*, hay có những giờ phút tưởng nhớ mẹ già trong tĩnh lặng nơi trú quân “*Chiều nay có đứa con xa nhớ thăm...*”. *Bầm ối* là bài thơ nói về tình mẹ con của chiến sĩ thật cảm động, thấm thía. Thương, lo cho mẹ, an ủi và tự hào về mẹ: “*Con đi trăm núi ngàn khe/ Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm/ Con đi đánh giặc mười năm/ Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi*”.

Những khúc “đạo nhạc” tâm tình, sâu lắng ấy đã làm nền cho những đoạn trầm hùng nổi lên ở loạt bài thơ sau:

*Tay dao tay súng, gạo đầy bao
Chân cứng đạp rừng gai đá sỏi*

*Đêm mưa rình giặc, tai thao thức
Mùa lại mùa qua, rét nhức xương.*

(Lên Tây Bắc)

*Ta đi lên đèo
Ta leo lên dốc
Vai ơi khó nhọc
Khó nhọc cũng trèo.*

(Vai)

*Ơi các anh xung kích nằm đó âm thầm
Hãy sẵn sàng tay mác nhảy lên dâm.*

(...)

Anh đại bác, găm lên trong tiếng hát.

(Bắn)

Hào sảng nhất là **Hoan hô chiến sĩ Điện Biên**. Đây là trận quyết chiến quyết lược: “Chiến sĩ anh hùng/ Đấu nung lửa sắt/ Năm mươi sáu ngày đêm, khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt/ Máu trộn bùn non...”. Và chiến công kỳ diệu được ghi trên bước đường **Ta đi tới**:

Lừng lẫy Điện Biên, chấn động địa cầu.

Trong khúc hát tâm tình **Việt Bắc** còn vang vọng những âm hưởng hùng tráng: “*Quân ta điệp điệp trùng trùng...*”.

Sự thể hiện người chiến sĩ trong thơ Tố Hữu có những nét đặc sắc. Trước hết, đó là những phác họa rất chân thực và sắc sảo. Đó cũng là khuynh hướng của một số nhà thơ như Hồng Nguyên (*Nhớ*), Chính Hữu (*Đồng chí*), Nông Quốc Chấn (*Bộ đội Ông Cụ*)... khi lột tả chân dung người nông dân mặc áo lính một thời. Tuy nhiên, Tố Hữu hơn những nhà thơ khác, là người trong cuộc, người bạn tâm tình chí cốt của chiến sĩ. Là người ghi tên đầu tiên vào lá đơn đầu quân của tập thể văn nghệ sĩ, Tố Hữu đã bám

sát các đơn vị trong nhiều trận đánh. Chính vì vậy, nhà thơ phát hiện - gần như là người đầu tiên - đời sống tinh cảm của người lính. Và đây chính là một nét độc đáo: tìm ra cái gốc yêu thương của sức mạnh tinh thần chiến đấu. Ta thấy, có vẻ như cái *trữ tình* đi trước cái *sử thi*. Nhưng xét kỹ lại thì đó chính là sự hài hòa, tinh tế của tâm hồn chiến sĩ. Nhà thơ Hữu Thỉnh - lính tăng thời chống Mỹ - đã chia sẻ với Tố Hữu một cách thấm thía và sâu sắc khi nêu hình ảnh anh bộ đội trong **Lên Tây Bắc** bằng việc dẫn ra đoạn thơ: “*Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều...*” trên đỉnh dốc, với bình luận “*Đúng là rất đẹp. Nói theo ngôn ngữ bây giờ là rất hoành tráng. Nhưng bài thơ chỉ thực sự có chiều sâu là nhờ ở những câu sau đây:*

Anh về cội lại vang lừng

Chim reo quanh mái, gà mừng dưới sân

Anh về sáo lại ai ân

Đêm trăng hò hẹn trong ngân tiếng ca.

Với Tố Hữu, cách mạng và nhân văn luôn luôn thống nhất⁽¹⁾.

Từ những bài thơ về bộ đội thời kháng chiến chống Pháp đã bộc lộ một tài hoa thơ: nét hùng tráng đan xen cái thiết tha, cái dịu dặt bên cái hiên hòa, như “*máu và hoa*” ngay trong cảnh chiến trường ác liệt:

Đêm lịch sử Điện Biên sáng rực

Trên đất nước như huân chương trên ngực.

(...)

Mường Thanh, Hồng Cúm, Him Lam

Hoa nở lại trắng, vườn cam lại vàng.

(Hoan hô chiến sĩ Điện Biên)

1. Hữu Thỉnh, *Thơ Tố Hữu, sinh mệnh của cách mạng, sinh mệnh của con người*, tạp chí Hồn Việt 69 - 5/2013.

Cũng như cái biệt tài của Tố Hữu là biểu hiện nhuần nhị *cái riêng - chung* mà ở đây là cá nhân và đồng đội, đồng chí. Đó là quan hệ người cán bộ - anh Vệ quốc quân - như hai người bạn hòa đồng “*Hai đứa cười ha ha*”, “*Mang nặng tình cá nước*”. Rồi đứa con và người mẹ chiến sĩ trong tình cảm thiêng liêng gắn bó: “*Yêu lắm yêu nước cả đôi mẹ hiền*”. Chiến sĩ và tướng lĩnh được miêu tả trong sự tôn vinh cao cả:

Hoan hô chiến sĩ Điện Biên
Hoan hô đồng chí Võ Nguyên Giáp
Sét đánh ngày đêm xuống đầu giặc Pháp.

Nhất là chiến sĩ và lãnh tụ tối cao:

Bác đang cúi xuống bàn đồ
Chắc là nghe tiếng quân hò quân reo...
Từ khi vượt núi qua đèo
Tà đi, Bác vẫn nhìn theo từng ngày.

(Hoan hô chiến sĩ Điện Biên)

Đó là sự cộng hưởng tâm hồn tự nhiên, hết sức cao quý.

Mặc dù là tiếng ca tiêu biểu nổi trội nhưng lúc ấy, thơ Tố Hữu chưa phải là tất cả. Thấp thoáng dật dề là “*tiếng sáo ái ân*” và lời “*đêm trăng hò hẹn*”. Tình yêu của người chiến sĩ được khắc họa mạnh mẽ, hoàn chỉnh hơn sau này với *Nhớ* của Nguyễn Đình Thi, *Núi đôi* của Vũ Cao... Tình yêu mang vẻ đẹp lý tưởng và có nét bi tráng thời chiến (cũng như *Quê hương* sau này của Viễn Phương).

Thời chống Mỹ, thơ ca nói chung và thơ Tố Hữu nói riêng mang một diện mạo mới. Hình ảnh người chiến sĩ cũng khoác trên mình bộ “quân phục” mới, kể cả “ngụy trang” mới, xuất hiện ở cả hai miền, hai chiến trường.

Lớp nhà thơ trẻ, trong đó có không ít người trực tiếp cầm súng tự thể hiện mình, đem lại những bức chân dung tự họa chân thực

hiếm có, góp vào bảo tàng “thơ ca” quân đội. Các thế hệ nhà thơ dàn hàng lên tuyến đầu, “*Vóc nhà thơ đứng ngang tầm chiến lũy*” (Chế Lan Viên).

Trong dàn đồng ca, đại hợp xướng khổng lồ “*Bài ca chiến sĩ*”, nhà thơ Tố Hữu vẫn giữ vai trò người lĩnh xướng.

Lịch sử đã sang trang. *Tiếng hát sang xuân* (1965) đã xuất hiện một hình tượng mới:

Hỡi người Anh, Giải phóng quân
Hai mươi năm chẳng dừng chân trên đường
Vẫn đôi dép lười chiến trường
Vẫn vành mũ lá coi thường hiểm nguy.
(Tiếng hát sang xuân)

Cùng người chiến sĩ, cả nước hành quân. *Đường vào* đã phát lộ. “*Đường ra tiền tuyến... Quân đi rụng lá nguy trang/ Xôn xao như sóng trường giang trùng trùng*”. Từ đây, sự phát triển của hình tượng con người chiến đấu cũng là sự phát triển lớn mạnh của lực lượng vũ trang nhân dân và cách mạng, tập trung ở nơi tiền tuyến lớn - Miền Nam.

Liên tục, đó là những bước chân, những cuộc lên đường, những cuộc tiến công. Và, hiển nhiên là những chiến công.

Những cuộc chuyển quân lớn đã bắt đầu: “*Đoàn xe kia chạy dẫu nhanh thế/ Lá nguy trang reo, cuốn bụi hồng*”. Tố Hữu đã nhìn ra một khí thế mới từ *Xuân sớm* (1966). Mỹ gây chiến tranh phá hoại. Công trường lớn miền Bắc cũng trở thành chiến trường. Mùa xuân chứng kiến cuộc diễu binh hùng vĩ: “*Ba mươi một triệu nhân dân/ Tất cả hành quân/ Tất cả thành chiến sĩ*” (*Chào xuân 67*).

Tố Hữu đã rất thành công khi dựng *tượng đài chiến sĩ - mùa xuân*. Bởi đó là mùa tiến công và cũng là mùa chiến thắng. Chiến sĩ gắn liền với mùa xuân cũng bởi định nghĩa thơ như chân lý trong thời đại: “*Xuân Việt Nam/ Xuân của lòng dũng cảm*”.

Ai đến kia rộn rã cùng xuân?
Hoan hô anh Giải phóng quân
Kính chào Anh, con người đẹp nhất!

(Bài ca xuân 68)

Chính người dũng sĩ “Với sức mạnh thánh thần” đã tạo ra mùa xuân chiến thắng “Hành quân xa - mở lối xuân sang/ Hỡi mùa xuân lộng lẫy mai vàng/ Hỡi sớm nở, trang hoàng dài dẫu/ Đỏ thắm máu hy sinh và những chiến công đẹp nhất”. Đó là bài ca *Xuân 69*, hàm chứa lời chúc của Bác Hồ trước lúc Người đi xa.

Nhà thơ liệt sĩ Lê Anh Xuân, từ dáng đứng hy sinh của một chiến sĩ trên sân bay đã hình tượng hóa một anh hùng thành *Dáng đứng Việt Nam* và sự cất cánh “*Tổ quốc bay lên bát ngát mùa xuân*”. Với cuộc Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân năm 1968, Tố Hữu đã góp phần dựng nên một tượng đài nguy nga về *Anh Giải phóng quân* sừng sững trong thời đại! “*Chàng trai chân đất*” trở thành thần tượng kỳ vĩ:

Như Thạch Sanh của thế kỷ hai mươi.

(Bài ca xuân 68)

Cả nước hành quân ra tuyến lửa.

(Bài ca xuân 71)

Cho đến đại thắng mùa Xuân năm 1975, *Toàn thắng về ta* dựng hình tượng toàn vẹn con người với sức mạnh trần thế mà thần thánh với những vần thơ hào sảng bậc nhất:

Không, không phải thiên thần
Bước chân dài bảy dặm
Vẫn là Anh, anh Giải phóng quân
Vẫn đôi dép cao su, đánh giặc suốt ba mươi năm,
lội khắp sông sâu rừng thẳm
Thuở Anh đi, sắc nhọn ngọn tầm vông
Giản dị như chàng trai làng Gióng.

Sức mạnh thần kỳ của Anh là nội lực tinh thần, ý chí “*Lòng yêu thương mệnh mệnh*” và “*lửa căm thù nóng bỏng*”. Thêm vào đó là sự hỗ trợ, bồi đắp sức mạnh dân tộc và thời đại “*dòng sữa tự hào*” và “*ánh sao trí tuệ*”. Với vũ khí kỳ diệu ấy:

Anh đánh như sét nổ, trời rung

Anh chuyển như lũ dòn, bão cuốn.

Niềm vui vỡ òa chan hòa trong ánh sáng “*Ôi buổi trưa nay tuyệt trần nắng đẹp/ Bác Hồ ơi! Toàn thắng về ta*”. Chế Lan Viên góp thêm tiếng thơ “song ca”: *Ngày vĩ đại* cùng với *Toàn thắng về ta* sang sảng như bản “*Bình Mỹ đại cáo*” thời hiện đại!

Từ sau năm 1975, Tố Hữu như lắng lại trong những suy nghiệm trầm tư về chiến tranh trong khuynh hướng thể sự (thể sự - sử thi).

Giờ đây, ông viết về những hồi ức chiến trận và tưởng niệm về người chiến sĩ anh hùng một thời trong cảnh đời hiện tại: “*Chắc tay cày và tay súng trong tay/ Thép xây dựng cũng là gươm giữ nước*” (*Một nhánh xuân* - 1980).

Về lại *Tĩnh Gia* (1986), hồi ức vẫn như cháy đỏ tâm hồn:

Qua đây lại nhớ năm nào

Xé trời lửa đạn, bom đào đất rung

Đường ra mặt trận, miền Trung

Quân dân ta vẫn trùng trùng tiến lên...

Cũng vang vọng âm thanh, bóng dáng lịch sử “*Có gì như nắng thu sang/ Long lanh Như Áng, rừng vang tiếng cồng*”. Nhà thơ nhớ quê hương Lê Lợi, cũng nhớ tới các nữ anh hùng thời xưa “*Ước gì Bà Triệu ngày nay lại về...*”.

Trong cảm hứng lịch sử ấy, ta thấy nổi lên lòng tri ân các liệt sĩ với niềm thành kính thiêng liêng: *Nghĩa trang Trường Sơn, Đường Chín* - Đồng Hà, 3, 4/2000.

Tổ Hữu giờ đây như chiêm nghiệm lại chiến tranh và suy ngẫm về chiến thắng. Trước đây là triết lý hỗn nhiên “máu nở thành hoa” nay tìm ra chiều sâu nhân bản, tính nhân dân của sự nghiệp chiến đấu - chiến tranh nhân dân. *Trước tượng Trần Hưng Đạo* gọi cho ta một hình tượng đẹp: sự gắn bó của chiến công anh hùng và trí tuệ nhân dân. Nói cách khác *Trận địa lòng dân* là bộ phóng cho tất cả các chiến công kỳ vĩ nhất:

Cả nước một Diên Hồng

Người khen mỗi chiến công.

Vị anh hùng vĩ đại đã tìm thấy sức mạnh “Cùng dân chia gian lao”, “Giặc tan cùng dân làm bạn”.

Lịch sử gọi cho ta danh hiệu Quân đội nhân dân Việt Nam và những lời tôn vinh của Vị Đại tướng công Hồ Chí Minh: “*Quân đội ta có sức mạnh vô địch vì nó là một quân đội nhân dân do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh đạo và giáo dục*”¹. Người chiến sĩ là con đẻ của nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu: “*Vì nước quên thân, vì dân quên mình*”. Đó là tất cả tâm niệm một đời chiến đấu để dựng nước và giữ nước.

Tổ Hữu là nghệ sĩ rất tài hoa khi thể hiện người chiến sĩ. Đó là người họa sĩ với những khắc họa đơn sơ mà lột tả được thần thái. Đó là nhà nhiếp ảnh chọn được những kiểu dáng với đầy đủ ánh sáng phù hợp nhất “*Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều/ Bóng dài lên đỉnh dốc cheo leo*”... Ông cũng là nhà quay phim tài giỏi, chớp đúng những khung cảnh, tình thế điển hình nhất: *Voi, Hoan hô chiến sĩ Điện Biên...*

Tuy nhiên, ta cần nhấn mạnh điều này. Tổ Hữu là nhà thơ - điêu khắc đã dựng được tượng đài, hơn thế, đó là những nhóm tượng đài kỳ vĩ về người chiến sĩ, đặc biệt là *Anh Giải phóng quân - Mùa xuân*. Hình tượng thẩm mỹ tươi đẹp, vừa có nét giản dị, mộc mạc

1. Hồ Chí Minh, *Lời phát biểu trong buổi chiêu đãi mừng quân đội ta tròn 20 tuổi* in trong *Vĩ độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970.

lại vừa có nét hào hoa, tinh tế, vừa thực vừa ảo, vừa trần thế vừa thần thánh, vừa cụ thể vừa trừu tượng mang hồn lịch sử sâu thẳm trong không gian - thời gian!

Anh Giải phóng quân đại diện cho quân đội anh hùng. Có lúc thì Anh lại đại diện cho cả miền Nam, cho nhân dân miền Nam. “*Bước dài như gió, lay thành, chuyển non*” là bước phát triển vũ bão của cách mạng miền Nam. Cao hơn cả, Anh là biểu tượng của dân tộc trong thời đại, là chân lý cách mạng thế giới, là chiến thắng của chính nghĩa trước phi nghĩa:

Cả năm châu, Chân lý đang nhìn theo

Bóng Anh đi... và vành mũ tai bèo

Của Anh đó!

(Bài ca xuân 68)

“*Quân đội ta là quân đội anh hùng của một dân tộc anh hùng*” - như lời ca ngợi của Bác Hồ¹. Ta cũng có thể nói đó là đội quân hiện thực - thần thoại của Vị Đại tướng huyền thoại Võ Nguyên Giáp và của Thiên tài quân sự - Cha đẻ lực lượng vũ trang - lãnh tụ huyền thoại Hồ Chí Minh.

Chiến sĩ ta thời chiến dũng mãnh phi thường, thời bình vẫn kiên cường, dũng cảm. Vững tay súng để giữ vững biển trời Tổ quốc, bảo vệ từng tấc đất, tấc cỏ. Vì một lẽ giản dị, thiêng liêng như tâm niệm “Anh lính Cụ Hồ”: “*Nếu quên khẩu súng thanh gươm ta chẳng hiểu Người/ Tình yêu lớn hóa thành bão táp*” (Chế Lan Viên). Bởi “*Vũ khí, chính là Anh*”, trong Anh: Chí anh hùng và lòng nhân ái “*rất mãnh liệt và cũng rất dịu dàng*”.

Cũng bởi Anh là *sức sống - sức xuân - sức mạnh chiến thắng*.

Tổ Hữu như thay mặt người chiến sĩ đã tuyên ngôn nhiều chân lý. Chúng ta có lực lượng vũ trang khổng lồ. Khi đất nước có biến:

1. Hồ Chí Minh, *Lời phát biểu trong buổi chiêu đãi mừng quân đội ta tròn 20 tuổi* in trong *Vĩ độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970.

"Lớp cha trước, lớp con sau/ Đã thành đồng chí chung câu quân hành", và hơn thế "Tất cả hành quân, tất cả thành chiến sĩ", còn hơn thế nữa "Bốn mươi thế kỷ cùng ra trận". Chúng ta có kho vũ khí mạnh mẽ, vô tận: "Hiện đại, thô sơ/ Cửa ngày xưa và của bây giờ/ Với cách mạng đều là vũ khí/ Tên lửa, tên tre,...".

Quân đội ta đang tiến mạnh trên con đường hiện đại hóa. Tuy nhiên, không phân lực siêu thanh nào có thể nhanh nhạy cực kỳ bằng ý thức cảnh giác Việt Nam, không tàu ngầm thoát ẩn, thoát hiện nào độ nổi mưu trí linh hoạt thần tốc Việt Nam.

"Chàng dũng sĩ" vốn "không tự ngắm mình" nhưng đầy tự tin và tự hào. Anh đã và còn trở thành một đối tượng để chiêm ngưỡng mãi như một trong những người đáng yêu nhất, một thần tượng có sức hấp dẫn tuyệt vời vào hàng đáng mến phục nhất.

Tố Hữu là nhà thơ đã thể hiện sớm nhất, đúng nhất và hay nhất hình tượng *Người chiến sĩ*, đặc biệt là tượng đài *Chiến sĩ - Mùa xuân*. Một đời nhà thơ đã gắn bó mật thiết, yêu mến, thiết tha người đồng chí, đồng đội anh hùng. "*Anh bộ đội Cụ Hồ*" các thế hệ mãi mãi biết ơn, trân trọng và khâm phục tài năng cao vời và tình cảm tốt đẹp hết mức của nhà thơ lớn - người bạn lớn của chiến sĩ cũng đã có thời mặc áo lính và xông pha chiến trận và đã chắc tay bút như vũ khí linh diệu một đời.

BÀ MẸ VIỆT NAM NHỮNG VIÊN NGỌC NGỜI SÁNG TRONG ĐỜI, TRONG THƠ^(*)

Tố Hữu là người duy nhất đã kỳ công một đời và đã tuyệt vời thành công trong việc xây dựng hệ thống tượng đài *Bà Mẹ Việt Nam* lung lừng trên thi đàn hiện đại.

Đó là những bà mẹ anh hùng đã được tạc vào sông núi, biển trời, những bà mẹ mang tầm vóc cao cả như hóa thân vào Quê hương, Đất nước. Và ngược lại, Tổ quốc lại được hình tượng hóa diệu kỳ như *Người mẹ* ruột thịt thân thiết trong muôn đời lịch sử.

I. MỘT ĐỜI KỶ CÔNG XÂY DỰNG HÌNH TƯỢNG BÀ MẸ

Tố Hữu là người mang nỗi bất hạnh từ thuở ấu thơ. Mới học xong tiểu học, cậu bé Nguyễn Kim Thành đã mồ côi mẹ. Nỗi đau ấy tạo nên một tình cảm như linh cảm thấm sâu một đời thi sĩ. Hai mươi năm sau kể từ ngày mẹ mất, lửa chiến tranh tạm tắt ở miền Bắc lại bùng lên ở *Quê mẹ* để ngọn lửa lòng vẫn "*cháy không nguôi*". Mười chín năm qua sau trốn tù, vượt ngục, nhà thơ tâm sự: "*Tôi lại về quê mẹ nuôi xưa/ Một buổi trưa, nắng dài bãi cát*" trong một nỗi nhớ mênh mang, xôn xao sóng gió với một niềm thương yêu cảm phục vô hạn.

(*) clbnguoivietnam.com, 3/2014 và Tập san *Người yêu sách*, số 28, 4/2014.

Quê mẹ, Mẹ Tom là hai nén tâm nhang thơ hình như muện màng nhưng tâm huyết nhất như lời tri ân vô cùng sâu sắc tình nghĩa với *bà mẹ đẻ* và *bà mẹ nuôi cách mạng*.

Nói “hình như” là xét về mặt văn bản thơ. Thực tế ra là nhà thơ trẻ đã đến với các bà mẹ bằng tâm tình mẫu tử từ rất sớm và tấm lòng biết ơn cách mạng cũng được bày tỏ sớm nhất. *Từ ấy* đã có nhiều minh chứng, ngay từ những bài thơ đầu tay, về tình mẹ con nhất là tình những đứa con với mẹ (*Chú bé hát rong, Vú em*).

Đặc biệt nổi lên là hình ảnh những phụ nữ, bà mẹ yêu nước, dũng cảm. Hàng loạt bài thơ chống chiến tranh ủng hộ Trung Quốc kháng Nhật xuất hiện. Quân phiệt Nhật gây ra những vụ thảm sát Đông Kinh, Nam Kinh. Bài thơ *Đông Kinh nhuộm máu* (5/1938) có lời ghi *Tặng những người dân bà Nhật chết trên đường sát Đông Kinh*. Tiếp đó, *Tình thương với chiến tranh* mang đề từ *Gửi những bà mẹ và những người vợ Nhật, Đức, Ý*. Đặc biệt là hình ảnh bà mẹ của tướng Mã Chiếm Sơn (*Ly rượu thơ*).

Ngày 23/11/1940, cuộc Nam Kỳ khởi nghĩa bị chìm trong máu. Đầu năm 1941, Tố Hữu viết bài *Bà má Hậu Giang* dựng hình tượng Bà mẹ anh hùng Việt Nam đầu tiên.

Xét trên hành trình sáng tác, thơ Tố Hữu khắc họa ba thế hệ Bà mẹ Việt Nam - những người mẹ luống tuổi.

Trước hết là thế hệ *Bà mẹ cách mạng: Bà má Hậu Giang* và sau này là *Mẹ Tom*.

Tiếp đó là thế hệ *Bà mẹ kháng chiến* thời chống Pháp: *Bà mẹ Việt Bắc, Bà bủ, Bầm ơi* và sau đó là các *Bà mẹ kháng chiến* thời chống Mỹ mà nổi bật là *Mẹ Suốt* (1965) được sáng tác khi nhà thơ đi hòa tuyến Khu IV và *Mẹ Diệm* (2000) được làm để kể chuyện về bà mẹ và cờ và lá cờ huyền thoại khi Tố Hữu trở lại thăm Vĩnh Linh.

Kỳ công cũng là kỳ lực sáng tác của Tố Hữu là từ bài thơ *Bà má Hậu Giang* viết đầu năm 1941 đến *Mẹ Diệm* vào 1/5/2000 là ngót

60 năm! Cho đến trước khi ra đi (12/2002), bà mẹ vẫn là hình ảnh linh thiêng trong sâu thẳm hồn thơ một đời. Cần kể thêm một biệt lệ: hình ảnh “*bà quán giả*” - bà mẹ ân nhân lịch sử - qua câu chuyện *Hưng Đạo Vương và bà hàng nước* (1999) có tính chất huyền thoại về “Vua Bà” bên Đức Thánh Trần.

Có sự sắp xếp tự nhiên do hoàn cảnh sáng tác: đó là sự hiện diện bà mẹ ở cả ba miền đất nước. Bà má Hậu Giang đại biểu cho miền Nam đi trước về sau. Nhóm các bà mẹ ở quê hương Việt Bắc, và sau này ở nơi tuyến lửa ác liệt miền Trung một thời đều là những mẫu con người ngoài đời trở thành hình tượng nghệ thuật.

Có những bà mẹ vô danh và những người có tên tuổi được vinh danh. Có những trường hợp hy sinh trong trận chiến, ngã xuống như một người anh hùng. Bà má Hậu Giang yên nghỉ trong rừng U Minh, Mẹ Tom nằm lại vĩnh viễn trong bãi cát vàng ven biển Hậu Lộc. Còn Mẹ Diệm cũng đời đời nằm nơi vùng cồn bên bờ Hiền Lương.

Chỉ có Mẹ Suốt được dựng tượng bên công viên bờ Nhật Lệ, Đồng Hới. Rồi đây, có thể các nhà kiến trúc sẽ dựng tượng đài *Mẹ Việt Nam* như Đất nước ở cả ba miền. Rất có thể được ngự cao ngay trên quê hương đồng ruộng hoặc bờ bãi sông biển như cuộc sống cần lao, bình dị trong đời và trong thơ. Chỉ cần những nét đặc tả: mái tóc mẹ “*Gió lay như sóng biển tung trắng bờ*” hoặc hình dáng: “*Bóng Mẹ ngồi trông vọng nước non*”...

Đó là hình tượng bà mẹ vừa bình dị, thân thiết như đồng bãi ruộng vườn, vừa khoáng đạt cao cả biển trời, non nước.

Tuy nhiên, tượng đài *Bà Mẹ Việt Nam* bằng ngôn từ thơ Tố Hữu đã ngự trị trong tâm hồn con người từ lâu.

II. CỐT CÁCH, BẢN LĨNH BÀ MẸ VIỆT NAM

Cũng là bà mẹ nhưng chỉ qua tên gọi ở nhan đề là ta nhận ra ngay con người của vùng, miền: bà má miền Nam, bà bầm, bà bủ

ở Trung du, Việt Bắc và các bà mẹ miền Trung dân dã: Mẹ Tơm, Mẹ Suốt, Mẹ Diễm. Cũng qua ngôn ngữ nhất là thổ ngữ miêu tả, kể chuyện, giao tiếp lời xưng hô, tên đất, tên miền... ta thấy rõ được đôi nét quen thuộc của cảnh và người địa phương: *má già, túp lều tranh, U Minh, rừng đước, rừng tràm... mé, ông ké, phen nan, pí lè... bà bủ, ổ chuối lữa rơm, cơm củ, cơm gié..., măng, thuyền câu Diêm Phố, rừng sa mộc, khóm dứa, đôi cát trắng, bãi cồn... đi khơi, đi lộng, bến sông Nhật Lệ, ông, tui, mụ... Sông Bến Hải, Cầu Hiền Lương...*

Tuy nhiên, điều quan trọng là qua thơ thấy được *người* với những nét tâm lý, tính cách mang bản sắc độc đáo của các bà mẹ quê hương.

Các nhân vật được thể hiện hầu hết là nguyên mẫu ngoài đời. Bà bầm, bà bủ là một. Chính là bà Gái đã cứu mang Tổ Hữu cả những ngày ốm đau sau khi dự trận Phố Ràng về. Bà sống đơn côi, có anh con trai đi bộ đội ở Tây Bắc, tối tối nhớ con thầm khóc một mình. Mẹ Tơm ở làng Hanh Cù sát ngay bờ biển, giữa vùng đồi cát hoang vắng. Nhà mẹ thành cơ quan Tỉnh ủy và cũng là tòa soạn báo *Đuổi giặc nước*. Ông bà và hai con trai được giác ngộ, tích cực tham gia công tác và đã cứu mang cán bộ bí mật trong những tháng năm cực kỳ gian khổ.

Nhiều lần Tổ Hữu vào vùng hòa tuyến ác liệt “cán xoong” Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Vĩnh Linh những năm từ 1965 đến 1968. Nhà thơ đã trực tiếp gặp Mẹ Suốt - một bà mẹ chèo đò rất dũng cảm hàng ngày đưa bộ đội qua sông Nhật Lệ dưới mưa bom bão đạn. Vào Vĩnh Linh, nhà thơ đã chứng kiến cảnh làng hầm dưới lòng đất sâu. Cách đầu cầu mấy trăm mét, có bà Mẹ Diễm ở lì dưới hầm để thường trực và cờ bị rách vì bom đạn địch. Mẹ có câu nói nổi tiếng “*Rách da rách thịt thì nhức thiệt, nhưng rách cờ của Nước mà chịu được à?*”. Câu chuyện này nhà thơ đem kể lại với Bác Hồ, thấy Bác rơm rớm nước mắt. Tất cả, Tổ Hữu đã nhớ lại với ký ức tươi nguyên⁽¹⁾.

1. Tổ Hữu, *Nhớ lại một thời* - Hồi ký, Nxb. Văn hóa Thông tin, in lần thứ 2, Hà Nội, 2002, tr. 295.

Toàn là người thật, việc thật qua giao tiếp cùng sinh sống trong thời gian ngắn, thậm chí rất ngắn và có khi trong hoàn cảnh bí mật luôn nơm nớp lo sợ địch rình rập như ở nhà Mẹ Tơm. Vậy mà, với một tình cảm đặc biệt - tình cảm mẹ con - và sự trải nghiệm cuộc đời, nhất là với quần chúng cách mạng, nhà thơ đã thấu hiểu tâm tư, tình cảm, nỗi lòng thâm kín và cốt cách tâm hồn cao cả của các bà mẹ. Thấy đều là những con người nghèo khổ, cần cù, lam lũ, một nắng hai sương, chịu thương, chịu khó, tần tảo sớm hôm nuôi chồng con và cứu mang cán bộ. Hoàn cảnh riêng có khác nhau, phần nhiều đơn chiếc, góa bụa nhưng tất cả đều là những bà mẹ hiền thực, nhân đức, tình nghĩa và đặc biệt rất giác ngộ cách mạng. Đó là những con người của một thời lịch sử - của quá trình cách mạng và kháng chiến.

Là những người *yêu nước* và *quả cảm*, các bà mẹ mỗi người mỗi biểu hiện ý thức và hành động theo những dạng khác nhau. Bí mật nuôi dưỡng du kích nghĩa quân: “*Giáo gươm sáng đất, tầm vòng nhọn trời*” (Bà má Hậu Giang), tham gia hội *Mẹ chiến sĩ* săn sóc bộ đội với tấm lòng: “*Bầm yêu con yêu luôn đồng chí/ Bầm quý con, bầm quý anh em (Bầm ơi)*”. Hoạt động bí mật chăm nuôi cán bộ, gia đình vừa là “*Tổ ấm chim về*” vừa là nơi chờ che yêu thương nhất: “*Buồng Mẹ - buồng tim - giấu chúng con*” (Mẹ Tơm). Thời chống Mỹ, các bà mẹ “*Chẳng bằng con gái, con trai*” nhưng đóng góp qua những hoạt động dũng cảm trong bom đạn, chờ đón đưa quân, và cờ dưới hầm sâu (Mẹ Suốt, Mẹ Diễm).

Phụ nữ Việt Nam được trao tặng tám chữ vàng *Anh hùng - Bất khuất - Trung hậu - Đảm đang*. Với các bà mẹ Việt Nam nên chăng thêm bốn chữ vàng: *Nhẫn nại - Hy Sinh*. Đó là vẻ đẹp nổi bật thời chiến trong đau thương anh dũng. *Chào xuân 67* ví Tổ quốc như bà mẹ: “*Nhẫn nại nuôi con, suốt đời im lặng/ Biết hy sinh nên chẳng nhiều lời*” là nhấn mạnh thêm nét đặc tính ấy.

Các bà mẹ Việt Nam đã là hiện thân của *chủ nghĩa anh hùng cách mạng quần chúng* cũng là tượng trưng cho nét đẹp đẽ cao cả của *chủ nghĩa nhân văn truyền thống - hiện đại*.

Tình yêu của các mẹ đã là một *tình yêu lớn* tạo ra tình cảm hai chiều như sự giao hòa những tâm hồn nhân văn cách mạng. Yêu con và yêu nước: “*Má có chết, một mình má chết/ Cho các con trừ hết quân Tây*” (*Bà má Hậu Giang*). Đáp lại là tấm lòng chiến sĩ: “*Yêu bầm yêu nước, cả đôi mẹ hiền*” (*Bầm ơi*). Các bà mẹ quả cảm đã sinh hạ những thế hệ anh hùng. Tình mẹ con qua “*những câu thơ chảy nước mắt*” là “*tình mẹ con muôn đời*” (Xuân Diệu).

III. NGHỆ THUẬT KỲ TÀI XÂY DỰNG HÌNH TƯỢNG BÀ MẸ

Bà mẹ Việt Nam anh hùng đã là một hình tượng cao đẹp trong thơ Tố Hữu cũng là của thơ ca hiện đại Việt Nam.

Trước hết, cần nêu rõ một niềm riêng trở thành một linh cảm của nhà thơ, đó là *tình mẹ con* thiết tha, xa xót, đau đáu một đời người. Mồ côi từ nhỏ nhưng kỷ niệm với quê và mẹ vẫn cháy đỏ tâm hồn cùng lý tưởng: “*Đỏ ngập dòng sông rộn tiếng ca*” (*Quê mẹ*). Xa mẹ, không được hương khói nơi mẹ yên nghỉ luôn là nỗi ân hận lớn. Theo lời kể của bà Thanh, người bạn đời của Tố Hữu thì mộ Mẹ ở một gò nhỏ trong làng, mãi sau này mới được cất lên núi cao, cạnh Nghĩa trang Thành phố: “*Trăm lay mẹ nắm mồ lạnh vắng/ Xin rước Người lên nghỉ chốn Thiên Thai*” (*Anh cùng em*). “*Từ đó, lần nào về Huế, Anh cũng ra mộ hàng giờ và nói chuyện với Mẹ như khi cụ còn sống: “Mẹ ơi, thằng út về thăm Mẹ đây”. Anh cứ bồn thần ôn lại những kỷ niệm xưa và lắng nghe con chim cu cuồn gáy*”⁽¹⁾. Về thăm tháng 3/2000: “*Vắng nghe tiếng mẹ ru hồi/ Ấm hơi mẹ ấm như thời còn thơ*” (*Nghe cu cuồn gáy*).

1. Vũ Thị Thanh, *Ký ức người ở lại* - Hồi ký, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2012, tr. 272.

Có thể coi đây là một nhân tố tình cảm đặc biệt của hồn thơ để khi nhập vào những cảnh, những người cụ thể sẽ tạo nên một linh cảm mới. Nhận xét này là hết sức chính xác như một sự thật diệu kỳ: “*Vì thế, sau này khi Anh viết về các mẹ “Bà má Hậu Giang”, “Bà bủ”, “Bà bầm”, “Mẹ Suốt”, “Mẹ Diễm”, cả mẹ tôi (bà đã sống cùng gia đình chúng tôi gần 40 năm), Anh đã có những lời yêu thương tha thiết như nói với Mẹ Anh vậy*”⁽¹⁾. Nói cách khác, Mẹ như đã hóa thân trong các bà mẹ và tình yêu mẹ, đúng hơn là tình mẹ con cao quý muôn đời, được thăng hoa trong tình cảm trữ tình.

Một biệt tài của Tố Hữu là sự thể hiện nét *bình thường* mà *phi thường* của các bà mẹ. Hành động có vẻ đời thường mà sâu xa ý nghĩa, đầy ân tình và nghĩa khí can trường. Cũng là chuyện bếp núc - *nấu cơm*, cũng là chuyện đường kim, mũi chỉ - *vá cờ*... nhưng trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể: “*đã hóa thành lịch sử*” trở thành “*những chuyện tày trời*”. Chờ đồ thay con gái, con trai, thêm một tay súng bằng một mái chèo. Chợ xa, bên mớ rau xanh, thêm bó truyền đơn. Việc thật bình thường mà mạo hiểm, mà phải chấp nhận có khi đổi bằng mạng sống.

Nhờ thủ pháp *huyền thoại hóa* mà một vật tầm thường bỗng nhiên phép màu có sức mạnh lớn lao kỳ lạ:

*Một tay, lái chiếc đồ ngang
Bến sông Nhật Lệ, quân sang đêm ngày.*

(*Mẹ Suốt*)

“*Một tay*” mà chuyển tải được lớp lớp đoàn quân, mà vận động được trăm vạn bước đi. Mái chèo con đò của mẹ khác nào “*mái chèo*” chiếc xuống con của anh giải phóng quân, làm “*sóng nước dậy sóng cồn đại dương*”. Bàn chân anh: “*Bước dài như gió lay thành chuyển non*”, còn mái tóc mẹ: “*Gió lay như sóng biển tung trắng bờ*”. Đó là những *con người - thần thánh*!

1. Vũ Thị Thanh, *Ký ức người ở lại* - Hồi ký, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2012, tr. 271.

Ở đất nước của Thánh Gióng thời chiến thì với “một dây ná, một cây chông” cũng tiến công địch là chuyện bình thường. Thậm chí: “Đến ông đại cũng luyện thành chiến sĩ/ Và hoa trái cũng biến thành vũ khí” (*Emily, con...*).

Một mình má, một nỗi to
Cơm vừa chín tới, vùi tro, má cười...

(Bà má Hậu Giang)

Đó là nỗi cơm Thạch Sanh hàng ngày nở ra theo nụ cười sung sướng bà má nuôi bao nghĩa quân “các con” khắp “trăm vùng”.

Cơm ân tình cũng là cơm nghĩa khí: “Hồi người mẹ khổ đã dành cơm/ Cho con, cho Đảng ngày xưa ấy/ Không sợ tù gông, chấp súng gươm” (*Mẹ Tơm*). Cơm gạo nuôi quân, nuôi cán bộ tức là nuôi dưỡng những đứa con - sức lực của cách mạng. Nhưng rồi cơm gạo tinh thần còn quý hơn. Tình yêu của mẹ là vũ khí thần kỳ trao cho những đứa con: “Bầm yêu con, yêu luôn đồng chí/ Bầm quý con, bầm quý anh em” để các con biết “Yêu bầm yêu nước, cả đời mẹ hiền” và hứa với mẹ: “Con còn phải đi/ Giữ gìn độc lập!”. Ước vọng của mẹ là của toàn dân tộc: “Tôi mong có ngày/ Nó về, thẳng trận”.

Hình tượng hóa bằng ẩn dụ nghệ thuật đem lại những cảm nghĩ sâu xa và hứng thú bất ngờ:

... Buồng Mẹ - buồng tim - giấu chúng con
... Sống trong cát, chết vùi trong cát
Những trái tim như ngọc sáng ngời.

(Mẹ Tơm)

So sánh tu từ đặc sắc - nỗi gian lao, vất vả người lính thật bé mọn: “Chưa bằng muôn nỗi tai tê lòng bầm... Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi” (*Bầm ơi*).

Tâm hồn Tố Hữu cực kỳ nhạy cảm. Ấy là do sức liên tưởng rất mạnh.

Về thăm Huế, đi với bạn đời không quên nhớ mẹ và hứa hẹn: “Con còn đi tiếp bước đường dài/ Dù tuổi đã bảy hai, đầu bạc” (*Anh cù em*). Ngày đi chiến trường, nghe “Con chim cu gáy dõng dạc, rộn nao...” (1973). Nay, chim lại nhắc nhớ mẹ: “Nghe cu cu dõng dạc trên đồi Thiên Thai” (2000). Nhà thơ hóa thân vào bà mẹ rồi lại nhập thân vào đứa con chiến sĩ để nhớ nhau, thương nhau, lo cho nhau và lại an ủi nhau. Bà bù “khấn thắm” nào biết nơi xa đứa con cũng “nhớ thắm”. Một buổi chiều, chiến sĩ “nhớ thắm” tưởng tượng mẹ quê nhà “nghe thắm” tiếng con... Như thế có “thần giao cách cảm” vậy! Mẹ lo: “Nó đi đánh giặc đêm hôm sương gi?”, con khoe bao bà cụ từ tâm: “Cho củi con sưởi, cho nhà con ngơi”. Mẹ dặn: “Đừng nghĩ lo gì/ Ở nhà có mẹ...”, chiến sĩ nhắn nhủ: “Nhớ thương con bầm yên tâm nhé... Nhớ con, bầm nhé đừng buồn”. Phải là một nhà thơ đầy nhân ái mới thấu hiểu lòng người tinh tế đến vậy! Lại thấy Tố Hữu hơn người vì có trái tim thắm đẫm tình mẫu tử.

Là nhà thơ có tài kể chuyện, thông qua tình cảnh bình thường hàng ngày làm nên câu chuyện tâm tình dân dã cảm động chân thật của bà mẹ nông thôn và người con nông dân mặc áo lính. Thực ra, Tố Hữu đã lấy lòng mình - tấm lòng con để an ủi mẹ. Có “chuyện lạ có thật” này. Nhà thơ nghe tiếng khóc của người mẹ nhớ thương con, không sao cầm lòng được đã viết *Bầm ơi* trong đêm. Sớm hôm sau, tác giả nói thác đi là của anh con trai gửi về: “Bà mẹ nghe đến đâu thì chảy nước mắt đến đấy. Cho đến câu “Nhớ con, bầm nhé đừng buồn/ Giặc tan con lại sớm hôm cùng bầm” bà cụ mếu máo và nói: “Đấy các bác xem thằng con tôi nó thương mẹ thế đấy. Mà tôi thì cứ nhớ đến đứt ruột ra. Nhưng nó đi đánh giặc thì phải thôi: con trai ai cũng đi cả, nó ở nhà sao được?”. Đây là những dòng hồi ức của nhà thơ⁽¹⁾.

Thời chiến có chân lý hỗn nhiên qua tâm tư quần chúng như vậy: đánh giặc là một lẽ tự nhiên. Hơn thế, đánh bất cứ kẻ xâm

1. Tố Hữu, *Nhớ lại một thời* - Hồi ký, Nxb. Văn hóa Thông tin (in lần thứ 2), Hà Nội, 2002, tr. 176.

lược nào: “*Tây kia mình đã thắng, Mỹ này ta chẳng thua!*”. Ấy là câu nói của Mẹ Suốt vào năm nước sôi lửa bỏng: Mỹ đổ hàng chục vạn quân viễn chinh và chư hầu cùng vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại vào miền Nam và chính thức gây chiến tranh phá hoại lần thứ nhất (7/2/1965).

Anh hùng mà không biết là anh hùng. Chuyện sớm trưa, mưa nắng đưa đò rút lại là “*câu chuyện ân tình*”. Nhẹ nhàng, thấm thía mà xúc động lòng người, mà khuynh đảo trời đất: “*Nắng trưa cồn cát Quảng Bình cũng say...*”. Người “say”, thiên nhiên “say”... Cũng như đối cát, bãi bồi ven biển Hậu Lộc xưa gợi nhớ ơn sâu nghĩa nặng của bà mẹ nuôi quả cảm, để nhà thơ suy nghĩ sâu xa về triết lý nhân sinh cách mạng. Mẹ Tơm - người mẹ anh hùng đã hòa đồng vào biển trời cát trắng vĩnh cửu để lại một tài sản vô giá cho muôn sau: “*trái tim như ngọc sáng ngời*”.

Tổ Hữu có khả năng đặc biệt trong việc dựng cảnh, vẽ người như với con mắt, bàn tay nhà điêu khắc, họa sĩ tài hoa. Hết sức chân thực mà cũng vô cùng lãng mạn. Những bà mẹ hiền lành, chất phác, giản dị bỗng như được chiếu rọi một thứ ánh sáng vừa chân thực vừa huyền ảo để hiện ra như một con người tỏa sáng hào quang.

Các bà mẹ Việt Bắc được khắc họa trong khung cảnh gia đình bình dị thường là trong cảnh trầm tư chiều, tối, về khuya. Trong cảnh ấy nổi bật là những *tâm hồn ánh sáng*: sáng láng tình yêu thương và chói lói niềm tin tưởng: “*Nó về, thắng trận*”, *Người mẹ vá cờ* trong Bảo tàng Vĩnh Linh đã thể hiện tựa như tinh thần bức - họa - thơ Tổ Hữu. Mẹ Diễm trong “*hầm sâu*” với “*ngọn đèn leo lét đêm sâu*” nhưng bừng sáng trong ánh cờ sao như sóng cuộn rục rờ, đỉnh nhọn nơi tay tỏa xuống khắp nền nhà. Tuy nhiên trong thơ còn một không gian mệnh mông chói lọi: trời “*xanh*”, “*cây cầu trắng đôi bờ Hiền Lương*” và “*cờ đỏ, nắng trưa...*” (Mẹ Diễm).

Con người khoáng đạt tắm sông biển, đất trời là ý tưởng nhất quán khi nhà thơ tạc những chân dung bà mẹ anh hùng trong chiến đấu. Đó cũng chính là nét phong cách nghệ thuật nổi bật *sử thi - trữ tình* Tổ Hữu.

Bà má Nam Bộ tồn tại như một bức tượng đài bất tử “*Nước non muôn quý ngàn yêu/ Còn in bóng má sớm chiều Hậu Giang*”. Cũng vậy, bóng dáng *Mẹ Tơm* vùng biển trở nên kỳ vĩ trong hành động vì nước quên mình:

... Bóng Mẹ ngồi canh lẫn bóng cồn
... Bãi cát vàng thau in bóng Mẹ
... Bóng Mẹ ngồi trông, vọng nước non!

Nhưng có lẽ hào sảng nhất, oai hùng nhất là tư thế của con người đang hành động vì đại nghĩa. Trên cái phông nền phóng khoáng của “*biển rộng trời cao*” của “*bến sông Nhật Lệ*” là dáng đứng hiên ngang *Mẹ Suốt*:

Ngẩng đầu, mái tóc mẹ rung
Gió lay như sóng biển tung trắng bờ...

Một hiện thực chân thật hòa lẫn sự tưởng tượng kỳ thú! Con người như được tạc vào sông biển bỗng hóa thân vào đất nước: mớ tóc trắng hay lượn sóng bạc, mái đầu cao hay mây bông trời xanh... Ấy là bút pháp thần diệu của một nhà thơ đã biến một con người bình dị thành anh hùng cách mạng quần chúng và hơn thế, còn mang bóng dáng người anh hùng thời đại - thời đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Hình tượng thẩm mỹ trong thơ Tổ Hữu thường mang *tính đa nghĩa*. Nói cách khác, được biến hóa ý nghĩa trong những ngụ ý tượng trưng. *Hình tượng Bà mẹ* là như vậy.

Quê hương thường gắn với mẹ vì đó là nơi chôn nhau cắt rốn. Quê mẹ của Tổ Hữu mang hàm nghĩa *Mẹ - Quê hương*. Có một sáng tạo mang ý nghĩa rất mới cách mạng: *Đàng là Mẹ hiền*, tức là

gắn bó mẹ với một tổ chức chính trị “*Mẹ không còn nữa, con còn Đảng/ Dẫu đất khi con chưa biết gì*”. Được kết nạp Đảng coi như được sinh thành lần thứ hai trong đời là như vậy.

Mẹ - Tổ quốc là một hình tượng không riêng của Tố Hữu nhưng vô cùng thấm thía máu thịt với nhà thơ. Từ rất sớm, trong tù ngục, nhà thơ đã tung ra những lời kêu gọi thống thiết, khích lệ lòng yêu nước của thế hệ trẻ. Trong *Dậy lên thanh niên* làm vào tháng 5/1940 (*Từ ấy*) có những hình ảnh hết sức xúc động: “*Đã từng thấy mẹ lặn trong máu/ Lệ đã chua cay ngấm nụ cười/ Mẹ đã vì con khổ nạn đời/ Hận thù đế quốc quyết không nguôi/ Còn chi đâu nữa nuôi con lớn/ Vú Mẹ giờ đây cạn sữa rồi*”. Thời chống Mỹ, *Chào xuân 67* có một sáng tạo đột xuất nhưng thực ra vẫn nằm trong tư tưởng nghệ thuật quán xuyên. Nhà thơ phát hiện vẻ đẹp thời đại của Dân tộc gắn với đức hy sinh tuyệt vời của bà mẹ Việt Nam. *Mẹ - Tổ quốc* mang “*gánh nặng*” nghĩa vụ quốc tế vì nhân phẩm cao cả, vì lương tri con người chân chính: “*Ta hiểu vì sao ta chiến đấu/ Ta hiểu vì ai ta hiến máu*”.

Mẹ - Tổ quốc vì vậy cũng là *Mẹ - Dân tộc - Dân tộc Thời đại*: “*Khi dân tộc nhịp bước cùng thời đại*” và đồng nghĩa *Nhân loại*: “*Sống cho ta, sống cả cho người/ Là trái tim, cũng là lẽ phải/ Việt Nam ơi/ Người là ai? Mà trở thành nhân loại*” (*Vội Đảng, Mùa Xuân*).

Mẹ - Tiên Phật là sáng tạo độc đáo đầu tiên vào cuối đời thơ Tố Hữu.

Bà quán giả bán nước bến sông xưa mách bảo binh thư là ân nhân của Hưng Đạo Vương trong chiến công Bạch Đằng giang. Giai thoại như thần thoại ấy chính là sự tôn vinh “*trí tuệ nhân dân*” tuyệt vời: “*Ôi, Người là ai, bà mẹ quê ta hay Tiên Phật hỡi Bà!*” (*Hưng Đạo Vương và bà hàng nước* - 26/8/1999). Bà là điểm sáng trong hình tượng *Nhân dân* theo tư tưởng “*thần dân*” cách mạng của Tố Hữu: “*Trời không có thiên thần/ Đất không có thánh nhân/ Chỉ có nhân dân - thần thánh*” (*Trước Kremlin*).

Hiểu rộng ra, bà mẹ còn là “*trí tuệ lịch sử*” hay *Mẹ - Lịch sử*.

Con người vào thơ, thành thơ. Và rồi thật kỳ lạ, họ lại bước vào đời nhà thơ. Duyên may duy nhất với Tố Hữu là sau này ông còn được nhiều lần gặp anh con trai bà Bầm đã là sĩ quan cao cấp quân đội. Nhà thơ biểu bà tắm lụa được Bác Hồ tặng khi có con gái đầu lòng. Bà đã may áo và đã đi gặp tổ tiên với chiếc áo lụa đó. Tố Hữu cũng đã nhiều lần gửi số tiền nhuận bút lớn có đến trăm triệu để xây dựng một trạm xá ở xã Đa Lộc (quê Mẹ Tơm) cũng như cho học sinh nghèo vượt khó và làm quỹ học bổng thường niên cho sinh viên, học sinh nơi quê mẹ (Huế)... coi như nghĩa cử nhỏ bé. Khi Tố Hữu *Tạm biệt* cuộc đời, trong số người đồng đạo các quê hương đến tiễn biệt có đoàn con cháu Mẹ Tơm về chịu tang.

Nàng Kiều của Nguyễn Du đã tạ ơn bà vải Giác Duyên từng cứu mang “*Nghìn vàng gọi chút lễ thường/ Mà lòng phiếu mẫu mấy vàng cho cân*”. Phiếu mẫu là bà già giặt vải nghèo khổ từng cứu giúp Hàn Tín thuở hàn vi. Sau này trở thành một trong Tam kiệt đời Hán Sở, công danh hiển đạt, ông đã đem ngàn lạng vàng tạ ơn bà lão.

Tố Hữu gọi là có chút công quả tri ân các bà mẹ cách mạng. Đó là *Tấm lòng vàng* đền đáp những *Trái tim ngọc*.

Các bà mẹ là những hình tượng đặc sắc trong hệ thống hình tượng *Con người Việt Nam* của thơ Tố Hữu.

Nhà thơ có công lớn góp phần vào *Bảo tàng Bà Mẹ Việt Nam* trong *Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam* của lịch sử thơ ca hiện đại. Hãy tri ân Tố Hữu như *tấm lòng vàng* của nhà thơ đền đáp các Mẹ.

NGƯỜI PHỤ NỮ THỜI ĐẠI MỚI TRONG THƠ TỔ HỮU(*)

Một thời đại mới qua hình tượng một con người - Người phụ nữ Việt Nam trong thơ Tố Hữu hôm nay vừa mang bóng dáng Bà Trưng, Bà Triệu, vừa có hình ảnh, cốt cách của Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Thị Định.

Thế giới phụ nữ trong thơ Tố Hữu thật đông đảo, nếu không muốn nói là đông đảo nhất.

Thế giới ấy có đủ mọi thành phần, tầng lớp, đủ mọi vùng miền, xứ sở, gồm con người nhiều thế hệ. Tuy nhiên, tất cả chung đúc lại một gương mặt, một tâm hồn, một dáng vẻ mang tính *tiêu biểu nhất cho một thời đại mới* - thời đại cách mạng, chiến đấu và xây dựng.

Rất sớm, xuất phát từ dòng thơ cách mạng - *Từ ấy*, đã khắc họa những bóng dáng phụ nữ mang thân phận khổ đau, vươn lên trong đấu tranh chống cường quyền, áp chế, bạo lực.

Tổ lòng cảm thương với người mẹ trẻ nghèo hèn phải bán dòng sữa nuôi con chủ trong cảnh *"thảm sầu"* (*Vú em* - 5/1938), sẽ chia đau đớn, tủi nhục với "cô gái bán hoa" còn vô định trong *"dòng dâm ô"* (*Tiếng hát sông Hương* - 8/1938), đồng thời, nhà thơ trẻ cũng

(*) clbnguoioyeusach.com, 5/2015 và Tập san *Người yêu sách*, 5/2015.

mở lòng ra muôn dặm để gửi *Tình thương với chiến tranh* bằng lời đề từ - *Gửi tặng những bà mẹ và những người vợ Nhật, Đức, Ý, Và, trong bài Đông Kinh nhuộm máu*, Tố Hữu ghi *Tặng những người đàn bà Nhật chết trên đường sắt Đông Kinh*. Ngoài ra, còn có bài *Ly rượu thọ*. Tất cả những bài trên đều được làm trong năm 1938, nghĩa là từ cuộc chiến tranh Trung - Nhật (1937) đến trước Thế chiến II (1/1939).

Tình thương lớn đã gắn với sự tôn vinh những tấm lòng lớn: *"Hỡi những bà mẹ hiền... Hỡi những bà yêu nước"*.

Hy vọng gắn với những số phận khổ đau. *Tiếng hát sông Hương* thực chất là tiếng hát thê thiết được thổi vào đó ước vọng hoàn lương. Đến *Tiếng hát trên đê*, đã xuất hiện bóng dáng con người căm thù, quật khởi với những tiếng thét phản nộ. Bà mẹ anh hùng sau Nam Kỳ khởi nghĩa lồng lộng giữa *"Nước non muôn quý ngàn yêu"* (*Bà má Hậu Giang*).

Đúng như một nhận xét đã chung đúc: trong xã hội cũ, người phụ nữ là người khổ nhất trong những người khổ cực. Như một lẽ tự nhiên, những bà mẹ già chịu nhiều oan khổ, đắng cay một thời đã chất chứa sự tủi hờn, căm giận để làm bùng lên ngọn lửa anh hùng cho thế hệ phụ nữ cách mạng.

Đó cũng là thân phận, cốt cách, tư thế của những bà mẹ Việt Nam suốt đời vất vả, cực nhọc, lo toan, nhẫn nại, có lòng nhân hậu vô hạn và cũng quả cảm tuyệt vời trong hàng chục năm kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ: những *Bà mẹ Việt Bắc*, *Bà bủ*, những *Mẹ Suốt*, *Mẹ Diễm*,...

Những bà mẹ Việt Nam thực sự là những "viên ngọc ngời sáng" cả trong đời và trong thơ.

Tiếp nối truyền thống một cách vẻ vang là thế hệ phụ nữ xứng đáng với tám chữ vàng: *Anh hùng - Bất khuất - Trung hậu - Đảm đang*.

Mở đầu cho thời kỳ chống Pháp là *tiếng hát chiến đấu*.

Đó là tiếng cuộc chiến khu rộn rã, vang động phá đường: “*Hì hà hi học/ Lọc cục lao cào/ Anh cuộc em cuộc/ Đá lờ đất nhào!*”. Đó là tiếng nói đồng đặc, tự hào của người phụ nữ mới đang mà can trường, xuất hiện trong tư thế của một con người biết để sự nghiệp chung lên trên lợi ích riêng tư:

*Em là con gái Bắc Giang
Rét thì mặc rét, nước làng em lo.*

Người phụ nữ trẻ ấy, mặc dù việc nhà còn bẽ bộn, nhưng vẫn quyết chí hành động: “*Nhà em con bế, con bồng/ Em cũng theo chống đi phá đường quan*” với lời dạn dỏ không giấu được tự hào pha lẫn xót xa: “*Con ơi, con ngủ cho ngoan/ Sang canh trăng lặn, buổi tan mẹ về*” (*Phá đường*). Tiếng lòng hòa với tiếng đời có phần ngiệt ngã trong cảnh tự nguyện phá hoại cản giặc đã trở thành tiếng hát tâm hồn cao thượng, lạc quan: “*Từ trong đó nát hôm nay/ Ngày mai đã đến từng giây, từng giờ...*” (*Giữa thành phố trụi*).

Phá đường như một sự khai phá một đường thơ mới đầy sức mạnh thời đại của con người Việt Nam mới và riêng về người phụ nữ - như đại diện cho một nửa thế giới. Đó là những con người mang nhân cách mới với giá trị nhân phẩm mới.

Phụ nữ trở thành một đề tài vừa mang tính thời sự, vừa chứa nhận vấn đề lâu dài trong đời sống dân tộc. Nhà thơ tỏ lòng rất mực yêu mến với những con người đã một lòng vì dân, vì nước, sẵn sàng hiến dâng tuổi thanh xuân cho cách mạng.

Đã có hình tượng độc đáo bất hủ: “*Mẹ đào hầm từ lúc tóc còn xanh/ Nay mẹ đã phơi phơi đầu bạc*” (Dương Hương Ly). Một nhận xét thấu đáo xuyên suốt đời thơ Tố Hữu: “*Hình tượng người mẹ, người chị với bà má Hậu Giang, mẹ Suốt, chị Trần Thị Lý đã đến và kết tinh giá trị trong thơ*”. Đó là lời giới thiệu *Đường thơ Tố Hữu* của Hà Minh Đức (*Thơ Tố Hữu toàn tập*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008).

Đất nước một thời “*Nửa công trường, nửa chiến trường xông xao*”. Nhưng rồi, ở ngay mỗi miền, vùng giải phóng hay xã hội xã hội chủ nghĩa đều vừa sản xuất vừa chiến đấu.

Anh hùng, bất khuất là đặc điểm nổi bật chói ngời của thế hệ “những bông hoa thép” Trần Thị Lý (*Người con gái Việt Nam*), những o du kích (*Tấm ảnh, Tâm sự*). Qua đó, ta thấy được khí thế quyết chiến, quyết thắng, là tư thế đứng trên đầu thù, cũng là sự hài hòa giữa con người với đất nước và dân tộc.

Họ là những anh hùng nơi chiến trận, cũng như trong đời thường. Họ *dám* đang một cách anh hùng ở hậu phương: sản xuất, trong tư thế anh hùng. Và hơn thế, lao động như một nghệ thuật: “*Ngón tay các chị cày nhanh như đàn*”. Thực và mơ ở bức tranh tuyệt đẹp trong mùa *Xuân sớm* những năm đánh Mỹ:

*Ôi những nàng xuân rất dịu dàng
Hát câu quan họ chuyển dò ngang
Nhẹ nhàng tay cấy bên sông ấy,
Súng khoác trên lưng, chẳng ngỡ ngang.*

Cô gái đã được tạc thành bức tượng đài *Nàng Xuân* bất hủ bằng những vần điệu thi ca. Ngoài ra, còn một nhóm khác là *Thiếu Nữ - Mùa Xuân - Hy Vọng*: “*Người con gái đi nhanh trên đê nhỏ/ Bước chân sáo, tóc lồng giữa gió*” và “*... người con gái bước/ Hai cánh tay đưa trước, đánh đường xa*” (*Giữa ngày xuân*).

Tố Hữu đã dựng được những hình ảnh giàu ngụ ý về người phụ nữ, những con người chuyên chờ nhiều ý tưởng, đạo lý. Đó là một thành công đặc sắc của nhà thơ.

Tiếng chổi tre được hiểu là sự tôn vinh người nữ lao động bình thường, lặng lẽ, âm thầm. Ngoài ra, còn có một cảm nhận khác là hình ảnh của lớp người đi trước dựng xây sự nghiệp “quét rác” để dọn “đường hoa” cho hôm nay. Triết lý sâu xa qua thơ ở đây chính là thông điệp phải “quét rác” và “trồng hoa” cho đời. Bởi, bên hình

ảnh chị lao công quét rác còn có bóng dáng chị “gánh hàng hoa”
“sớm mai ra” cho “Thơm ngát/ Đường ta”.

Thời đổi mới và hội nhập đã thấp thoáng bóng dáng những người phụ nữ trẻ hăng hái trong công cuộc chung tay xây dựng xã hội mới: *Chị bí thư nhà máy, Người mẹ nuôi...* Cái đẹp nổi lên chưa hẳn là lối mòn trong sản xuất, mà chính là ở “tấm lòng”: “Sợ ngang và sợ dọc/ Dệt sao nên chữ “đồng”!”, cũng như *thiện tâm* của người mẹ nuôi - như tình yêu thương ruột thịt mẹ đẻ. Quả vậy, thông qua hình tượng người phụ nữ, nhất là giới trẻ ngày nay, nhà thơ muốn tập trung tôn vinh một phẩm chất cao đẹp, đặc sắc nhất, tượng trưng nhất: *tình yêu thương*.

Tiếng ru thân thương đậm thấm mẹ con muôn đời chính là tiếng nói *nhân hậu* truyền thống. Qua đó là những ước vọng tha thiết nhất. Luân lý cũng là đạo lý cách mạng. Con yêu mẹ, yêu cả bạn bè, đồng chí, anh em. Yêu mình và biết yêu người - người xưa và cả người hôm nay. Hơn thế nữa, tình yêu thế hệ còn vươn tới tương lai. Rất riêng và rất chung là ước ao “*Tre già yêu lấy măng non*”:

*Mai sau con lớn hơn thầy
Các con ôm cả hai tay đất tròn.*

Tiếng hát ru trở thành tiếng nói yêu thương mệnh mang mọi phương trời, tấm lòng mở rộng ra vô hạn.

* * *

Một thời đại mới qua hình tượng một con người - Người phụ nữ Việt Nam trong thơ Tố Hữu hôm nay vừa mang bóng dáng Bà Trưng, Bà Triệu, vừa có hình ảnh, cốt cách của Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Thị Định.

Với khí thế truyền thống và cách mạng, đi vào hội nhập, đang có một thế hệ sung sức *trống hoa, gánh hoa* và chung tay mở *đường hoa* tới tương lai như năm nào *Tiếng hát sang xuân*:

*Ngẩn ngơ nghe tiếng ai chào
Chị hàng hoa rẽ lối vào Đồng Xuân.*

Nhà thơ ước vọng qua *Chợ Đồng Xuân*:

Đồng Xuân ơi, đến chưa thời Đồng Xuân?

Chợ Đồng Xuân Hà Nội, Chợ Đồng Xuân Thế Giới.

Thời Đồng Xuân Việt Nam và *Thời Đồng Xuân* Địa Cầu. Thời ấy còn biết bao xa vời... nhưng ta có quyền hy vọng, tin tưởng ánh sáng mới vì nhà thơ như vẫn đang cùng chúng ta hồi hả thúc giục:

Hỡi em gái, hãy hát mùa xuân tôi!

(Giữa ngày xuân)

ĐỌC LẠI KÍNH GỬI CỤ NGUYỄN DU THẨM THÁI SỰ GIAO CẢM TỔ HỮU - TỔ NHƯ^(*)

Kính gửi Cụ Nguyễn Du là bài thơ như bức *tâm thư* của Tổ Hữu gửi Nguyễn Du, nhưng bài thơ này được viết sau những 200 năm (1965), còn *tâm thư* văn chương *Truyện Kiều* thì hậu thế - hậu sinh Tổ Hữu đã nhận được từ lâu.

Vậy, nỗi niềm hôm nay chính là sự cảm nhận nỗi niềm xưa, tâm tư xưa gửi lại. Hai hồn thơ giao lưu, giao hòa, giao cảm để tâm sự, tâm tình qua bức *tâm thư* bằng thơ.

Toàn bộ bức thư - thơ là niềm *giao cảm lớn*. Tuy nhiên, có nhiều sắc thái, cung bậc *tình cảm* - có sẻ chia, thương mến, cảm thông, có an ủi, ủy lạo... lại có cả tri ân, chia vui...

Trước hết là *chia sẻ* sâu xa một mối tâm sự lớn - tâm sự *ngổn ngang, ngổn ngơ* của Kiều, cũng là tâm sự phức tạp của Nguyễn Du với thời thế, thời cuộc xưa. "*Ngổn ngang bên nghĩa bên tình*" cũng như "*Ngổn ngơ trông ngọn cờ đào*" đầu chỉ của Kiều, mà đây chính là tâm trạng của thi hào được thể hiện qua nhân vật, qua một lăng kính quả không đơn giản!

(*) khoavanhoc_ngonngu.edu.vn, 8/2015.

Nguyễn Du vốn có ý tưởng phò Lê chống Tây Sơn. Mười năm gió bụi ở quê là bể bộn bề khoản, bức xúc không có gì phấn phát (*Thanh hiên thi tập*). Nhưng rồi, ứng xử với chính sách chiêu hiền đãi sĩ, Nguyễn Du ra làm quan dưới triều Nguyễn (1802 - 1820).

Cuộc đời chấp chính của ông lại mang tâm trạng bất đắc chí. Tiếp xúc với quần chúng lao khổ, Nguyễn Du nhận thấy rõ cái xấu, cái ác, cái thối tha của giai cấp thống trị, mặc dù ông từng ở trong triều chính. Tuy nhiên, thế cùng, lực tận, nhà thơ rơi vào bế tắc:

*Nỗi niềm xưa nghĩ mà thương
Đầu lia ngổ ý, còn vương tơ lòng.*

Nỗi đau của Kiều chính là nỗi đau của Nguyễn Du.

Nguyễn Du gửi lại hậu thế một tiếng thở dài, một tiếng than: "*Bất tri tam bách dư niên hậu/ Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?*" (*Ba trăm năm lẻ nữa ta đâu biết/ Thiên hạ ai người khóc Tố Như?*).

Nguyễn Du xưa muốn chờ một tiếng khóc. Nay nhà thơ lớn Tố Hữu, cảm nhận rõ "*lệ chảy quanh thân Kiều*" đã nhỏ lệ trên trang thơ của tác giả *Truyện Kiều*. Bài thơ như một niềm *thương cảm lớn* xót xa gửi tới người xưa.

Đời Nguyễn Du đã từng có những tiếng khóc lớn, cảm thương các kiếp người, các phận người oan khổ, đủ "*thập loại chúng sinh*". Đó chỉ là loại chúng sinh tiêu biểu cho sự sẻ chia của nhà thơ qua *Văn chiêu hồn*. Nguyễn Du thương Kiều, ngoài ra còn thương bao kiếp người khổ đau nhân gian. Đó là tấm lòng quý giá biết bao của thi hào - nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn của dân tộc và nhân loại.

Đến lượt Tố Hữu, nhà thơ mang chủ nghĩa nhân văn cao cả của thời đại mới, cũng là một nhà thơ cách mạng lớn, sẻ chia tiếng khóc tâm linh sâu thẳm với mọi thời gian.

Khắc nào hai tiếng khóc lớn, vang vọng, hòa vào nhau!

Tuy nhiên, cái đọng lại sau nước mắt là tình đời. Sự cảm thông sâu sắc biết bao:

Tấm lòng thơ vẫn tình đời thiết tha.

Đó là tình đời của nhân gian, của nhân tình thế thái. Đặc biệt, tình đời với thân phận người phụ nữ “biết là mấy thân”:

Đau đớn thay phận đàn bà.

Phụ nữ trong chế độ cũ là người đau khổ nhất, vì họ phải chịu bao áp lực, đặc biệt là lễ giáo phong kiến lạc hậu - *tam tòng, tứ đức*.

Tứ đức là công, dung, ngôn, hạnh có những giá trị hạt nhân bất biến. Tuy nhiên *tam tòng* lại là một luật lệ trói buộc hà khắc vô lý, bất công của quan niệm trọng nam khinh nữ. Những người tài hoa phận mỏng thật oan nghiệt. Trời “ghen”, nhưng đó lại chính là sự ganh ghét, đố kỵ dẫn đến vùi dập nhau của con người. Kiếp phong trần là do phường *gian ác*, *hôi tanh* đầy đọa, gây nên sóng gió bão tố đầy thời.

Ngẫm xưa lại nghĩ nay. Trong một đất nước dân chủ, tung bay ngọn cờ nhân quyền, nhân phẩm mà vẫn còn nửa nước chịu cảnh gian khổ. Miền Bắc giải phóng miền Nam còn đang chịu chia cắt. Niềm vui chưa trọn, nỗi đau chưa vơi, vì vẫn còn tồn tại bọn mặt người dạ thú: “*Cũng loài báo hổ ruồi xanh/ Cũng phường gian ác hôi tanh hại người*”.

Tiếng thơ xưa vẫn mãi vang vọng như chuyển tải nỗi đau nhân tình thế thái xưa - nay:

Tiếng thơ ai động đất trời

Nghe như non nước vọng lời ngàn thu.

Và, như một sự *cảm thông thấm thía*, vô hạn xuyên thấu lòng người:

Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du.

Tiếng thơ đã trở thành “*tiếng thương*” như tiếng lòng mẹ.

Xen trong *tiếng thương* còn có lời vui: “*Đời vui nay đã nửa phần vui đây*”. Tuy cái vui ấy còn ngậm ngùi, xót xa, nhưng vẫn là vui. Nhà thơ thay mặt con người hôm nay để chia vui với khát vọng của thi nhân cổ điển - “*người xưa của ta nay*”:

Khúc vui xin lại so đây cùng Người!

Niềm vui cũng rộn rã như dòng nước chảy xiết bên đống, và vang động âm hưởng xưa - nay: “*Bỗng nghe trống giục ba hồi gọi quân*”. Vui mà phấn khích như được thúc giục lên đường.

Một sự liên tưởng xưa - nay kỳ lạ mà rất hiện thực. Ba quân xưa hay những binh đoàn hùng mạnh đang ào ạt: “*Xé dọc Trường Sơn đi cứu nước*” hôm nay?

Kính gửi cụ Nguyễn Du (1/11/1965) nằm trong mạch thơ làm khi đi thị sát hòa tuyến những ngày đầu đánh Mỹ của miền Bắc. Đây cũng là bài thơ nằm trong cụm “*hoa lửa*” dịp tháng 10, tháng 11 trên *Đường vào: Chiếc áo xanh* (20/10/1965), *Những ngọn đèn* (22/10/1965), *Bài ca lái xe đêm* (31/10/1965), và sau đó là *Mẹ Suốt* (4/11/1965). Những bài này được làm trong không khí hào hùng, rục rịch trong những ngày miền Bắc ra sức chi viện, cung cấp cho công cuộc giải phóng miền Nam.

Mỹ đem hàng chục vạn quân và lính chư hầu vào chiến trường miền Nam với chiến lược “chiến tranh cục bộ” và chính thức gây ra cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất (từ ngày 7/2/1965).

Những năm 1965 - 1968, Tố Hữu qua lại nhiều lần miền “cán xoang” Liên khu IV - các vùng ác liệt Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Vĩnh Linh với tư cách nhà thơ, đồng thời là phái viên của Bộ Chính trị. Bản thân ông còn làm nhiệm vụ Trưởng ban thống nhất, từng mang nỗi niềm lớn với miền Nam - tiền tuyến lớn, thâm nhập tuyến lửa với tư thế của người *Ra trận*. Có dịp qua

Nghi Xuân, ông thấp hương cho Nguyễn Du, cũng là chia sẻ buồn, vui với người xưa. Tuy nhiên, điều quan trọng là nhà thơ tiếp nhận được tình đời qua tấm lòng của thi hào. Qua đó, Tố Hữu như được tiếp thêm sức mạnh tinh thần, sức mạnh của văn hóa truyền thống.

Nhà thơ Huy Cận tượng hình cha ông: *"Lưng đeo gươm, tay mềm mại bút hoa"*. Xưa thế, nay cũng vậy. Anh hùng mà nhân hậu là con người Việt Nam mang hồn dân tộc. Chế Lan Viên bổ sung cho Tố Hữu về hình tượng bà mẹ anh hùng mà nhân ái và rất văn hóa: *"Đêm thắng giặc Bảo Ninh, mẹ Suốt ngâm Kiều... Câu thơ Nguyễn cũng góp phần đánh Mỹ" (Gửi Kiều cho em năm đánh Mỹ)*.

Kỷ niệm 200 năm ngày sinh Nguyễn Du - danh nhân văn hóa, có nhà thơ lớn, cũng là nhà văn hóa hiện đại đã giao cảm tâm tình một cách độc đáo với thi hào. Như mất quý, pháo sáng đốt trên nhà cụ Nguyễn chỉ là cuộc đời tìm vô ích của tội ác. Ở đó, chỉ sáng lên cái nhân tính vĩ đại của người xưa và cả con người bình dị ngày nay đang lắng nghe câu Kiều đồng vọng nghìn xưa, mà thấm nhuần nhân nghĩa và trở thành anh hùng.

Cảm tác *Kính gửi cụ Nguyễn Du* là bài thơ lớn, vì mang tâm tư lớn - là tâm tư của nhà thơ lớn đối với thi hào.

Đó là sự kết hòa xưa - nay, lấy xưa hiểu nay, trọng xưa vì nay, và hơn thế, còn là sự kết nối quá khứ với hiện tại, hướng tới tương lai.

Tố Hữu đã có dịp nhớ tới Nguyễn Du từ *Bài ca mùa xuân 1961* với lòng thương cảm sâu sắc người xưa khi thốt lên *"Tố Như ơi, lệ chảy quanh thân Kiều!"*. Trong niềm vui *Một khúc ca xuân* (1977), có câu cảm động: *"Thương Nguyễn Du xưa môi mắt buồn trông"*. Đó là nhớ thi hào qua con mắt tù túng, quẩn quanh của Kiều đã từng *"Buồn trông cửa bể..."*.

Cuộc đời mới tặng Người ống vịn hoa để nhìn ra sóng bạc, sóng vàng trùng trùng lấp lánh: *"Và biển gọi... Đã bao giờ biển"*

gọi?". Với kính viễn vọng hiện đại, thi hào có thể phóng tầm mắt tới tận xa khơi: *"Ta sẽ ra giữa đại dương, đường đường bờ cõi..."*

Trong cuộc *Du xuân* bên Hồ Tây ngày *Đổi mới*, Tố Hữu vẫn chưa quên nhớ Nguyễn Du và cha ông xưa với những câu thơ - lời than ngậm ngùi về thân phận đàn bà cũng là tiếng kêu nhân tính thể thái về kiếp người... Nhưng, nhà thơ lại phấn khích biết bao qua hình ảnh: *"Trưng Vương đầu voi lăm liệt"* với trận Nghi Tàm dò huyết quân thù và nữ sĩ Xuân Hương như *"tri kỷ"* từng vẫy vùng, muốn đổi phận làm trai *"Cười đùa cay chua buồn nỗi đau con gái"*.

Đó vẫn là niềm tin lớn vào ngày mai - thế kỷ mới với vẻ đẹp vô cùng.

Tố Hữu đã nói hộ tất cả chúng ta ngày nay tấm lòng cảm thương, yêu mến, quý trọng nhà thơ cổ điển lớn nhất trong lịch sử văn học. Tiếng nói yêu thương thiết tha như kết tinh thi thư văn hiến còn vọng mãi nghìn năm trong lòng con người dân tộc.

Thực ra, mối đồng cảm của Tố Hữu đã có từ rất lâu. Trong thời thuộc địa, xã hội cũ nước ta đã từng diễn ra cảnh tượng hoành hành của lũ *"báo hổ, ruồi xanh"* và không thiếu những *"phường gian ác hôi tanh hại người"* như xã hội thời Nguyễn Du. Đặc biệt, gái điếm, nhà chứa là một tệ nạn được phơi bày ngang nhiên do sự xô đẩy của những thế lực, áp lực bạc ác của xã hội. Những cô gái *"bán hoa"*, xét cho cùng, là những nạn nhân đau khổ, sa lầy ngập ngụa, gần như không có lối thoát. Giữa màn đêm đen kịt của kiếp sống ấy, bỗng nhiên lóe lên một tia chớp báo hiệu cơn giông bão của sự đổi đời, thay phận.

Tiếng hát sông Hương của Tố Hữu xuất hiện như một sự kiện kỳ lạ. Nó đối thoại với *Lời kỹ nữ* (Xuân Diệu) như một tiếng nói phản biện, đối chọi gay gắt. Những cô gái buông tiếng hát buồn

thâm của cuộc đời mịt mờ bờ bến: “Em đi với chiếc thuyền không/
Khi mò vô bến rồi dòng dâm ô/ Trời ơi em biết khi mò/ Thân em
hết nhục, giày vò năm canh”. Cô gái được ví với hình ảnh chiếc
thuyền - lầu xanh di động, bồng bênh, vô định trên dòng sông như
dòng đời trôi nổi, đen bạc. Và cô gần như tuyệt vọng về nhân cách,
phẩm giá trong hoài nghi tốt độ: “Thuyền em rách nát có lành được
không?”. Nhà thơ đã quả quyết phủ định không và trả lời có.

Đó là sự chiêu tuyết với tinh thần nhân văn mới. Hơn nữa, nhà
thơ còn phác họa một viễn cảnh tươi đẹp về sự hoàn lương cho cô
gái. Quả nhiên, cách mạng tới đổi đời cho số phận dân tộc, trong
đó có những mảnh đời bất hạnh của những cô gái ấy.

Ước vọng của Tố Hữu dựa vào chủ nghĩa nhân đạo mới cách
mạng. Xã hội mới là xã hội của những người lao động chân chính.

Nhưng rồi, cảnh ấy lại được tái diễn trong xã hội miền Nam
một thời. Lại có hiện tượng bức bách “Thị phải bán mình trăm cô
Kiều, nghìn vạn cô Vân” (Thơ bổ sung, Chế Lan Viên). Và xã hội
hiện nay, trong cơ chế thị trường, rất nhiều thứ vẫn có thể là hàng
hóa, kể cả thân phận phụ nữ. Đó là mặt trái tiêu cực khó tránh
khỏi. Nhưng dù sao, hiện tượng xấu xa ấy vẫn phải trá hình, ngụy
trang và xảy ra một cách lén lút, giấu giếm. Cái “ngày mai” mơ
ước của Tố Hữu năm nào quả là còn quá xa xôi. Nhà thơ đã có lúc
tưởng tượng với cái hồn lãng mạn thành thực cao đẹp, nhưng còn
có nét như ảo tưởng. Những điều tốt đẹp sẽ xảy ra, nhưng phải có
thời gian rất dài. Nhà thơ từng tâm sự: “Trước đây, tôi tưởng mọi
sự việc có thể đánh giá xong trong một thập kỷ, nhưng nay thấy rằng
có sự việc phải hàng thế kỷ”¹⁾. Chắc hẳn trong đó có cả sự việc còn
tồn tại là gái “bán hoa”.

Tuy nhiên, có điều là chia sẻ, cảm thông với nỗi buồn đau quá
khứ, Tố Hữu - người tri âm, tri kỷ với đại thi hào - đã tiếp sức cho

1. Hà Minh Đức, *Tố Hữu, cách mạng và thơ*, Nxb. Văn học, 2008, tr. 675.

ước mơ xưa. Đó là qua việc tham gia tích cực vào viết những trang
“đời vui”, tạo những “khúc vui” cho cuộc đời mới.

Năm nào, cuộc chia vui còn xen lẫn ngậm ngùi. Ấy là cảnh “nửa
phần vui đây”. Sau năm 1975, Tổ quốc thống nhất, đất nước đại
đoàn viên. Đã kết thúc vĩnh viễn cái thảm kịch lớn của chiến lược
“Việt Nam hóa chiến tranh”, để thực hiện mơ ước nhân đạo Chế
Lan Viên “Cho thật những chàng Kim không còn đốt cháy những cô
Kiều” (Suy nghĩ 1966). *Vui thế hôm nay* là niềm vui trọn vẹn của
Đại thắng mùa Xuân - Đại thắng mở đầu cho những bản hùng ca
mới của Nhân dân, trong đó, có những khúc tráng ca cho người
phụ nữ xã hội mới.

Thời *Từ ấy*, Tố Hữu góp phần tô đậm những thân phận phụ
nữ nô lệ nghèo khó, lao khổ, cơ cực. Tuy nhiên, cuối tập thơ, đã
có hình ảnh người phụ nữ quật khởi vùng lên qua *Tiếng hát trên
đê*. Thơ sau này của Tố Hữu đã có nhiều hình ảnh đẹp của những
con người mới, trong đó có người phụ nữ, đại diện cho “một nửa
thế giới mới”.

Một trong những người viết nhiều nhất, hay nhất về phụ nữ
chính là Tố Hữu. Có những bức chân dung truyền thần, những
tượng đài bất hủ qua thơ, từ người phụ nữ trẻ (*Phá đường, Người
con gái Việt Nam, Tắm ảnh...*) đến các bà mẹ già (*Bà mẹ Việt Bắc,
Bà bủ, Mẹ Suốt, Mẹ Diệm...*). Đó là hình ảnh người phụ nữ thời
đại với vinh danh tám chữ vàng: *Anh hùng, Bất khuất, Trung hậu,
Đàm đang*.

Có một khung cảnh thẩm mỹ tự nhiên kỳ thú tuyệt đẹp trong
thơ Tố Hữu là hình ảnh kết hòa *phụ nữ - sông bãi, bến bờ*. Đó là
hình tượng hòa hợp yêu thương - quả, cảm, hiến hòa - dữ dội,
nhân hậu - anh hùng. Một “*nàng xuân rất dịu dàng*” hồn nhiên
“*Hát câu quan họ chuyển dò ngang... bên sông ấy*” vẫn đang hoàng
“*súng khoác trên lưng*” trong mùa *Xuân sớm* những ngày cả nước
Ra trận. Trần Thị Lý từ nguồn yêu thương “*Sông Thu Bốn giọng*

hát dò dừa” như “*tiếng mẹ ngày xưa*” đã trở thành *Người con gái Việt Nam* anh hùng. Cho đến *Mẹ Suốt*: “*Một tay lái chiếc dò ngang*” nơi bến sông là người mẹ “*cực thân*” từ tấm bé đã quã cảm vươn lên từ cuộc đời khốn khó. Chế Lan Viên tô đậm thêm đức nhân hậu từ “*cái thuở khổ nghèo*” ấy. Nghe “*Nhà ai đó lấy Kiều... nước mắt dần theo*” (*Gửi Kiều cho em năm đánh Mỹ*). Trong *Một khúc ca xuân*, Tố Hữu lại khắc họa bà mẹ “*ngực huân chương*” đã ngã xuống “*bên bờ sông khói lửa* - dòng sông Nhật Lệ - dòng sông anh hùng.

Vậy là, Tố Hữu đã viết *trang mới* cho số phận lịch sử của người phụ nữ, như tiếp tay, tiếp sức cho ước vọng của thi hào - nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn Nguyễn Du. Không chỉ là tri âm, tri kỷ, giao cảm tâm tình, mà thực sự, tạo nên bằng thơ “*khúc vui*” chung dân tộc và riêng, thể hiện sâu sắc ý thức, tình cảm, quan niệm mới về người phụ nữ trong thời đại mới. Đặc biệt, trang thơ đã mang cảm quan lịch sử cách mạng - cảm quan thẩm đượm bản sắc nhân văn, đạo lý truyền thống và đạo đức mới.

Đọc lại *Kính gửi cụ Nguyễn Du* và những cảm nghĩ về Nguyễn Du của Tố Hữu, thêm một lần nữa ta lại cảm thông, kính trọng, tôn vinh thi hào: “*Càng nghĩ càng thấy là Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du vượt thời đại*”¹⁾.

Đồng thời, ta cũng thấy thêm tầm vóc nhà thơ lớn Tố Hữu - nhà văn hóa, nhà tư tưởng đã biết tựa vào cha ông để phát huy đạo lý truyền thống cùng lý tưởng cách mạng, lý tưởng *Chân - Thiện - Mỹ* trong đời và trong thơ.

1. Tố Hữu, *Toàn tập* (tập II: Văn xuôi), Nxb. Văn học, 2009, tr. 675.

Phần 3

TỐ HỮU

NGƯỜI THƠ

